Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 3 [Tika-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN “BA” (Tika-Nipāta)

ii • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN “MỘT” cho đến QUYỂN “MƯỜI MỘT”, trong đó “Một”... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN “Năm Mươi Kinh” (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN “Năm Mươi Kinh Thêm” ở cuối. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì

iv • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hiệu đính cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....iii [Năm Mươi Kinh Đầu] ..... 1 NHÓM 1. NGƯỜI NGU..... 1 1 (1) Hiểm Họa 1

2 (2) Những Đặc Điểm..... 2

3 (3) Sự Suy Nghĩ 2

4 (4) Tội..... 3

5 (5) Một Cách Không Kỹ Càng 3

6 (6) Bất Thiện 4

7 (7) Tội Lỗi 4

8 (8) Gây Khổ Sở 5

9 (9) Bị Hư Tổn 5

10 (10) Những Vết Nhơ 6

NHÓM 2. NGƯỜI ĐÓNG XE ..... 6 11 (1) Nổi Tiếng 6

12 (2) Được Ghi Nhớ 7

13 (3) Một Tỳ Kheo 7

14 (4) Sự Quay Chuyển Bánh Xe 10

15 (5) Vua Pacetana 12

16 (6) Không Thể Sai Lầm 14

17 (7) Làm Khổ Mình 15

18 (8) Thiên Thần 16

19 (9) Chủ Tiệm (1) 16

20 (10) Chủ Tiệm (2) 17

NHÓM 3. NGƯỜI ..... 19 21 (1) Saviṭṭha 19

22 (2) Những Loại Người Bệnh 21

23 (3) Những Sự Tạo Tác Cố Ý 22

24 (4) Hữu Ích..... 23

25 (5) Như Kim Cương 24

26 (6) Giao Lưu 25

27 (7) Với Sự Ghê Tởm 26

28 (8) Lời Nói Như Phân 28

29 (9) Đui Mù 29

30 (10) Bị Lộn Đầu 30

NHÓM 4. THIÊN SỨ ..... 33 31 (1) Như Trời Brahmā 33

32 (2) Với Ānanda 34

33 (3) Với Xá-lợi-phất 35

34 (4) Những Nguyên Nhân 37

35 (5) Với Hattaka..... 39

36 (6) Ba Thiên Sứ 41

37 (7) Tứ Đại Thiên Vương (1) 46

38 (8) Tứ Đại Thiên Vương (2) 47

39 (9) Được Nuôi Dưỡng Tinh Tế 48

40 (10) Những Trách Vụ 51

NHÓM 5. NHÓM NHỎ ..... 54 41 (1) Có Mặt 54

42 (2) Ba Trường Hợp 54

43 (3) Ba Lợi Thế 55

44 (4) Sự Trôi Chảy 55

45 (5) Người Có Trí … 55

46 (6) Đức Hạnh 56

47 (7) Có Điều Kiện 56

48 (8) Núi Non … 57

49 (9) Sự Nhiệt Thành 58

50 (10) Siêu Trộm 58

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] ..... 61 NHÓM 1. NHỮNG BÀ-LA-MÔN ..... 61 51 (1) Hai Bà-la-môn (1) 61

52 (2) Hai Bà-la-môn (2) 62

53 (3) Một Bà-La-Môn Nọ..... 63

54 (4) Một Du Sĩ 64

55 (5) Niết-Bàn 65

56 (6) Dân Số Giảm 67

57 (7) Du Sĩ Vaccha 68

58 (8) Bà-la-môn Tikaṇṇa 70

59 (9) Bà-la-môn Jāṇussoṇī 75

60 (10) Bà-la-môn Saṅgārava 77

NHÓM 2. NHÓM LỚN 82

viii • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

61 (1) Chủ Thuyết Của Các Giáo Phái 82

62 (2) Những Hiểm Họa 88

63 (3) Làng Venāgapura..... 90

64 (4) Du Sĩ Sarabha 95

65 (5) Những Người Ở Kesaputta (Kesaputtiya) 98

66 (6) Sāḷha 105

67 (7) Những Cơ Sở Để Nói Chuyện 109

68 (8) Những Giáo Phái Khác 113

69 (9) Những Gốc Rễ 115

70 (10) Bố-Tát 119

NHÓM 3. ĀNANDA ..... 130 71 (1) Channa 130

72 (2) Ājīvaka 132

73 (3) Người Họ Thích-Ca 134

74 (4) Ni-Kiền-Tử 136

75 (5) Nên Được Khuyến Khích..... 138

76 (6) Sự Hiện Hữu 139

77 (7) Ý Chí và Khát Vọng..... 140

78 (8) Sự Thiết Lập 142

79 (9) Những Mùi Hương 142

80 (10) Đệ Tử Abhibhū 143

NHÓM 4. TU SĨ (SA-MÔN) ..... 145 81 (1) Những Tu Sĩ 146

82 (2) Con Lừa 146

83 (3) Ruộng Đồng..... 147

84 (4) Người Vajji 147

85 (5) Một Học Nhân 148

86 (6) Tiến Trình Tu Tập (1) 149

87 (7) Tiến Trình Tu Tập (2) 150

88 (8) Tiến Trình Tu Tập (3) 152

89 (9) Những Phần Tu Tập (1) 154

90 (10) Những Phần Tu Tập (2) 155

91 (11) Ở Paṅkadhā 156

NHÓM 5. HỘT MUỐI ..... 159 92 (1) Cấp Thiết 159

93 (2) Sự Tách Ly 160

94 (3) Mùa Thu 162

95 (4) Hội Chúng 163

96 (5) Thuần Chủng (1)..... 164

97 (6) Thuần Chủng (2)..... 165

98 (7) Thuần Chủng (3)..... 166

99 (8) Vải Làm Từ Vỏ Cây 166

100 (9) Hột Muối 168

101 (10) Người Đãi Vàng 172

102 (11) Thợ Nấu Vàng 176

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba] ..... 179 NHÓM 1. SỰ GIÁC NGỘ ..... 179 103 (1) Trước Kia 179

x • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

104 (2) Sự Thỏa Thích (1) 180

105 (3) Sự Thỏa Thích (2) 180

106 (4) Những Tu Sĩ 181

107 (5) La Khóc 182

108 (6) Không Thỏa Mãn Hết 182

109 (7) Mái Nhà Nóc Nhọn (1) 182

110 (8) Mái Nhà Nóc Nhọn (2) 184

111 (9) Những Nguyên Nhân (1) 184

112 (10) Những Nguyên Nhân (2) 185

NHÓM 2. RỚT VÀO CẢNH GIỚI ĐÀY ĐỌA ..... 187 113 (1) Rớt Vào Cảnh Giới Đày Đọa 187

114 (2) Hiếm Thay 188

115 (3) Không Thể Đo Lường 188

116 (4) Bất Chuyển Đổi 189

117 (5) Những Thất Bại và Thành Tựu 190

118 (6) Súc Sắc..... 192

119 (7) Hành Động … 194

120 (8) Sự Trong Sạch (1) 195

121 (9) Sự Trong Sạch (2) 195

122 (10) Sự Hiền Trí 196

NHÓM 3. BHARAṆḌU ..... 198 123 (1) Kusinārā 198

124 (2) Tranh Cãi..... 199

125 (3) Đền Gotamaka 200

126 (4) Bharaṇḍu 201

127 (5) Hatthaka 202

128 (6) Sự Làm Ô Nhiễm 204

129 (7) A-nậu-lâu-đà (1)..... 205

130 (8) A-nậu-lâu-đà (2)..... 206

131 (9) Bị Che Đậy 207

132 (10) Đường Kẽ Khắc Lên Đá 208

NHÓM 4. MỘT CHIẾN BINH ..... 209 133 (1) Một Chiến Binh 209

134 (2) Hội Chúng 210

135 (3) Bạn 210

136 (4) Khởi Sinh 211

137 (5) Mền Làm Bằng Tóc 211

138 (6) Sự Thành Tựu 212

139 (7) Sự Tăng Trưởng 213

140 (8) Những Con Ngựa (1) 213

141 (9) Những Con Ngựa (2) 215

142 (10) Ngựa (3) 216

143 (11) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (1) 217

144 (12) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (2) 217

145 (13) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (3) 218

NHÓM 5. PHÚC LÀNH..... 218 146 (1) Bất Thiện 218

147 (2) Đáng Chê Trách 219

148 (3) Đáng Chê Trách 219

149 (4) Không Trong Sạch 219

150 (5) Bị Hư Tổn (1) 219

151 (6) Bị Hư Tổn (2) 220

152 (7) Bị Hư Tổn (3) 220

153 (8) Bị Hư Tổn (4) 220

154 (9) Kính Lễ 220

155 (10) Buổi Sáng Tốt Lành 220

NHÓM 6. NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP ..... 221 156 (1) [Sự Thiết Lập Chánh Niệm] 221

157 (2) 162 (7) [Bốn Chuyên-Cần Tu Đúng Đắn ...] 223

NHÓM 7. NHÓM "NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 225 163 (1) 182 (20) 225

NHÓM 8. NHÓM "THAM" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 227 183 (1) 227

184 (2) 352 (170) 227

BẢNG VIẾT TẮT ..... 229 CHÚ THÍCH 235

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mươi Kinh Đầu]

NHÓM 1. NGƯỜI NGU

1 (1) Hiểm Họa Tôi nghe như vầy. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, mọi hiểm-họa phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Mọi tai-họa phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Mọi vận-rủi (bất hạnh, nạn) phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Giống như một ngọn lửa phát cháy trong một cái nhà làm bằng lau sậy và cỏ khô nó sẽ đốt rụi nhà, cho dù nhà đó có mái cao, có được trát vữa bên trong và bên ngoài. Cũng giống như vậy, mọi hiểm-họa phát sinh ... tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người trí. Như vậy, (1) người ngu đưa đến hiểm-họa, người trí không đưa đến hiểm-nguy; (2) người ngu đưa đến tai- họa, người trí không đưa đến

tai-họa; (3) người ngu đưa đến vận-rủi, người trí không đưa đến vận-rủi. Không có hiểm-họa từ người trí; không có tai-họa từ người trí; không có vận-rủi từ người trí.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ tránh có ba phẩm chất mà nếu có chúng một người được biết là người ngu, và chúng ta đảm nhận và tu tập ba phẩm chất mà nếu có

chúng một người được biết là người trí.’ Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.”

2 (2) Những Đặc Điểm “Này các Tỳ kheo, người ngu được đặc trưng (có đặc tính) bởi những nghiệp của mình; người trí được đặc trưng bởi những nghiệp của mình. Trí-tuệ chiếu sáng trong sự thể hiện của điều đó.339 “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động [hành vi thân] sai trái, lời-nói [hành vi miệng] sai trái, và tâm-ý [hành vi tâm] sai trái. Người có ba phẩm chất này nên đuo-ợc gọi là người ngu. Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành-động tốt thiện, lời-nói tốt thiện, và tâm-ý tốt thiện. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ tránh có ba phẩm chất mà nếu có chúng một người được coi là người ngu, và đảm nhận và tu tập ba phẩm chất mà nếu có chúng một người được coi là người trí. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.”

3 (3) Sự Suy Nghĩ “Này các Tỳ kheo, người ngu có ba đặc tính này của người ngu, ba dấu hiệu của người ngu, ba sự thể hiện của người ngu.340 Ba đó là gì? Ở đây, người ngu nghĩ (một cách) xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác. Nếu người ngu không nghĩ xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác, thì làm sao bậc trí hiền biết về anh ta như: ‘Người này là người ngu, là người xấu’? Nhưng do người ngu nghĩ xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác, nên bậc trí hiền mới biết về anh ta như: ‘Người này là người ngu, là người xấu’. Đây là ba đặc tính của người ngu, ba dấu hiệu của người ngu, ba sự thể hiện của người ngu.

•3

“Này các Tỳ kheo, người trí có ba đặc tính này của người trí, ba dấu hiệu của người trí, ba sự thể hiện của người trí. Ba đó là gì? Ở đây, người trí nghĩ (một cách) tốt thiện, nói tốt thiện, và làm tốt thiện. Nếu người trí không nghĩ tốt thiện, nói tốt thiện, và làm tốt thiện, thì làm sao bậc trí hiền biết về anh ta như: “Người này là người trí, là người thiện”? Nhưng do người trí nghĩ tốt thiện, nói tốt thiện, và làm tốt thiện, nên bậc trí hiền mới biết về anh ta như: “Người này là người trí, là người thiện như vậy. Đây là ba đặc tính của người trí, ba dấu hiệu của người trí, những sự thể hiện của người trí. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân … [giống đoạn cuối kinh 3:02 kế trên] …”341

4 (4) Tội “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? (1) Người đó không nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội. (2) Khi nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, người đó không tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp. (3) Khi

người khác thú tội với người đó, người đó không chấp nhận đúng theo Giáo Pháp. Người có phẩm chất này nên được coi là người ngu.

“Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? (1) Người đó nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội. (2) Khi nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, người đó tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp. (3) Khi người khác thú tội với người đó, người đó chấp nhận đúng theo Giáo Pháp. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân …”

5 (5) Một Cách Không Kỹ Càng “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? (1) Người đặt câu hỏi một cách không kỹ càng (không hợp lý,

phi như lý). (2) Người đó trả lời câu hỏi một cách không kỹ càng. (3) Khi người khác trả lời câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý), người đó lại dùng những câu chữ tròn đầy và lý sự mạch lạc để phản bác với điều đó. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu.

“Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? (1) Người đặt câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý). (2) Người đó trả lời câu hỏi một cách kỹ càng. (3) Khi người khác trả lời câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý), người đó đồng tình chứ không dùng những câu chữ tròn đầy và lý sự mạch lạc để phản bác. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân …”

6 (6) Bất Thiện “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động [hành vi thân] bất thiện, lời-nói [hành vi miệng] bất thiện, và tâm-ý [hành vi tâm] bất thiện. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu. “Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành- động thiện lành, lời-nói thiện lành, và tâm-ý thiện lành. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân …”

7 (7) Tội Lỗi “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động tội lỗi [đáng chê trách], lời-nói tội lỗi, tâm-ý tội lỗi. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu. “Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành- động không tội lỗi [không bị chê trách], lời-nói không tội lỗi, và tâm-ý

không tội lỗi. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân …”

8 (8) Gây Khổ Sở “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành-động gây khổ sở [đáng chê trách], lời-nói gây khổ sở, tâm-ý gây khổ sở. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người ngu. “Người có ba phẩm chất nên được coi là người trí. Ba đó là gì? Hành- động không làm khổ sở [không bị chê trách],

lời-nói không làm khổ sở, và tâm-ý không làm khổ sở. Người có ba phẩm chất này nên được coi là người trí. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân …”

9 (9) Bị Hư Tổn “Này các Tỳ kheo, người ngu, dở, xấu có ba phẩm chất làm bản thân mình bị hư hỏng và tổn thương; người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều thất-phước. Ba đó là gì? Hành- động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái. Có ba phẩm chất này, người ngu, dở, xấu làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại; người đó là người đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều thất- phước. “Này các Tỳ kheo, người trí, giỏi, tốt có ba phẩm chất giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn thương; người đó là đáng khen và không bị chê trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều phước-đức. Ba đó là gì? Hành-động thiện lành, lời-nói thiện lành, và tâm-ý thiện hành. Có được ba phẩm chất này, người trí, giỏi, tốt giữ mình không bị hư hỏng và tổn thương; người đó là đáng khen và không bị chê trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều phước-đức.”

10 (10) Những Vết Nhơ “Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất và chưa loại bỏ ba vết nhơ, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? (1) Người bất-lương (thất đức) và chưa loại bỏ vết nhơ bất-lương. (2) Người ghen-tỵ và chưa dẹp bỏ vết nhơ ghen-tỵ đó. (3) Người ti-tiện và chưa loại bỏ vết nhơ ti-tiện đó. Có ba phẩm chất này và chưa loại bỏ ba vết nhơ này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất và đã loại bỏ ba vết nhơ, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? (1) Người đức-hạnh (có giới-hạnh) và đã loại bỏ ba vết nhơ bất-lương. (2) Người không ghen-tỵ và đã loại bỏ vết nhơ ghen-tỵ. (3) Người không ti-tiện và đã loại bỏ vết nhơ ti-tiện. Có ba phẩm chất này và đã loại bỏ ba vết nhơ này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 2. NGƯỜI ĐÓNG XE

11 (1) Nổi Tiếng “Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự lụn bại, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì? Người đó xúi giục họ làm những hành-động [hành vi thân] bất thuận, lời-nói [hành vi miệng] bất thuận, và tâm-ý [hành vi tâm] bất thuận.342 Có ba phẩm chất này, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự lụn bại, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. “Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang

làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì? Người đó khuyến khích họ làm những hành-động thuận hòa, lời-nói thuận hòa, và tâm ý thuận hòa. Có ba phẩm chất này, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của

nhiều người, của những thiên thần và loài người.”

12 (2) Được Ghi Nhớ “Này các Tỳ kheo, có ba [nơi] mà một vị vua giai cấp chiến-sĩ (khattiya) được phong vương [được xức dầu lên đầu] ghi nhớ suốt đời. Ba đó là gì? (1) Thứ nhất là nơi sinh của ông. (2) Thứ hai là nơi ông được phong vương là một vị vua giai cấp chiến-sĩ. (3) Và thứ ba là nơi, sau khi thắng trận, ông làm lễ ăn mừng ngay trên chiến trận và xác lập mình là vị vua chiến thắng. Đây là ba [nơi] mà một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương thường ghi nhớ suốt đời. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo có ba [nơi] một Tỳ kheo ghi nhớ suốt đời. Ba đó là gì? (1) Thứ nhất là nơi người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. (2) Thứ hai là nơi người đó đã hiểu-được (bốn diệu đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. (3) Và thứ ba là nơi, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó đã an trú trong đó.343 Đây là ba [nơi] một Tỳ kheo ghi nhớ suốt đời.”

13 (3) Một Tỳ Kheo (I) “Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian.

Ba đó là gì? Người không có hy vọng, người đầy hy vọng, và người đã vượt qua hy vọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người không có hy vọng? Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp tệ—là một gia đình giai cấp hạ-tiện (caṇḍāla, chiên-đà-la, nô lệ), hay làm nghề tre nứa, hay nghề săn bắn, hay nghề đóng xe bò, hay nghề lượm rác—một gia đình nghèo đói thiếu ăn thiếu uống, sống sót khó khăn, ở đó hiếm hoi kiếm được thức ăn và quần áo; và người đó là xấu xí, khó nhìn, và dị tướng, bệnh tật như đui mù, cùi tay, què quặt, hay bại liệt; người đó không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, nước hoa và phấn sáp, giường chiếu, chỗ ở, đèn đóm.344 Người đó nghe nói: ‘Những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) đã phong vương [xức dầu lên đầu] cho một người giai cấp chiến-sĩ.’ Người đó chẳng thể nào nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến-sĩ cũng phong vương cho ta.’ Đây được gọi là người không có hy vọng.

(2) “Và cái gì là người đầy hy vọng? Ở đây, người con cả (thái tử) của một vị vua gia cấp chiến-sĩ đã được phong vương, là người sẽ đến lúc được phong vương nhưng chưa được phong vương cho đến khi đã đạt tới sự vững chãi.345 Người đó nghe nói: ‘Những người giai cấp chiến-sĩ đã phong vương cho một người giai cấp chiến-sĩ.’ Người đó nghĩ rằng: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến-sĩ cũng phong vương cho ta?’ Đây được gọi là người đầy hy vọng.

(3) “Và cái gì là người đã vượt qua hy vọng? Ở đây, một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương nghe nói: ‘Một người giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương bởi những người giai cấp chiến-sĩ.’ Ông ta không còn nghĩ: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến sĩ cũng sẽ phong vương cho ta?’ Vì sao không? Bởi vì cái hy vọng được phong vương trước kia của ông đã biến mất sau khi ông đã được phong vương (đã đang làm

vua thì đâu còn kỳ vọng sẽ được phong vua). Đây được gọi là người đã vượt qua hy vọng.

•9

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.

(II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong số những Tỳ kheo. Ba đó là gì? Người không có hy vọng, người có đầy hy vọng, và người đã vượt qua hy vọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người không có hy vọng? Ở đây, có người là thất đức (bất lương), có tính cách xấu ác, có hành-vi không trong sạch và đáng ngờ, có hành động lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không sống độc thân mà tự xưng là độc thân, bên trong thối nát, suy đồi, trụy lạc. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập nó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó chẳng thể nào nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong nó, ta sẽ an trú trong đó.’ Đây được gọi là người không có hy vọng. (người tu vô vọng)

(2) “Và cái gì là người đầy hy vọng? Ở đây, một Tỳ kheo là đức hạnh (có giới-hạnh), có tính cách thiện. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó nghĩ rằng: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong nó, ta sẽ an trú trong đó.’ Đây được gọi là người đầy hy vọng. (người tu triển vọng) (3) “Và cái gì là người đã vượt qua hy vọng? Ở đây, một Tỳ kheo là A-la-hán, đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực

tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó không còn nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong nó, ta sẽ an trú trong đó.’ Vì sao không còn? Bởi vì hy vọng trước kia về sự giải-thoát đã biến mất sau khi người đó đã được giải-thoát. Đây được gọi là người đã vượt qua hy vọng. (người tu thành) “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong số những Tỳ kheo.”

14 (4) Sự Quay Chuyển Bánh Xe (I) “Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, cũng không quay chuyển bánh xe nếu không có vị vua trên ông ta.” Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, ai là vị vua ở trên vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp đó?” “Đó chính là Giáo Pháp, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.346 “Ở đây, này Tỳ kheo, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những người trong hoàng cung của ông. Lại nữa, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những chư thần giai cấp chiến-sĩ, quân đội, những bà-la- môn và những gia chủ, những người ở thành thị và thôn quê, những tu sĩ

• 11

và bà-la-môn, những súc vật và chim muông. Sau khi đã cung cấp sự bảo- vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho tất cả những chúng sinh như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe đó, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, chỉ quay chuyển bánh xe nhờ vào duy nhất Giáo Pháp,347 đó là bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ người thù nghịch nào.348

(II) (1) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu- chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những hành-động [hành vi thân], tuyên thu- yết rằng: ‘Hành-động như vậy nên được tu dưỡng; hành-động như kia không nên tu dưỡng.’

(2) “Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những lời-nói [hành vi miệng], tuyên thuyết rằng: ‘Lời-nói như vậy nên tu dưỡng; lời-nói như kia không nên được tu dưỡng.’

(3) “Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là biểu-ngữ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những tâm-ý [hành vi tâm], tuyên thuyết rằng: ‘Tâm-ý như vậy nên được tu dưỡng; tâm-ý như kia không nên được tu dưỡng.’ “Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những hành-động, lời-nói, và tâm-ý như vậy, Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp nhờ vào duy nhất Giáo Pháp, đó là bánh xe không thể nào có thể bị quay ngược bởi bất kỳ sa-môn, bà-la-môn, thiên thần,Ma Vương, hay Trời Brahmā, hay bất

cứ ai trong thế gian.”

12 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

15 (5) Vua Pacetana Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana; (Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ thế). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, một kiếp thuở xưa có một vị vua tên là Pacet- ana. Vua Pacetana nói với một người đóng xe ngựa: ‘Này chú đóng xe 349

ngựa, sáu tháng nữa sẽ có một trận chiến. Chú có thể làm cho ta một cặp bánh xe mới được không?’ ‘Dạ được, thưa đức vua’, người đóng xe trả lời. Rồi đến khi còn sáu ngày đến hạn sáu tháng, người đóng xe mới làm xong một bánh xe. Vua Pacetana mới hỏi người đóng xe: ‘Còn sáu ngày nữa là tới ngày chiến trận. Chú có thể làm xong hai bánh xe được không?’ Người đóng xe trả lời: ‘Thưa đức vua, trong một thời gian sáu tháng thiếu sáu ngày tiện dân mới làm xong một bánh xe.’ ‘Nhưng này chú đóng xe, ta đang hỏi vậy trong sáu ngày nữa chú có làm xong được cả hai bánh xe hay không?’ ‘Dạ tiện dân làm được, thưa đức vua’, người đóng xe trả lời. Rồi, trong sáu ngày tiếp theo người đóng xe đã làm xong hai bánh xe. Ông ta mang cặp bánh xe mới đến chỗ Vua Pacetana và nói: ‘Thưa đức vua, đây là cặp bánh xe tiện dân mới làm xong cho đức vua.’ ‘Này chú đóng xe ngựa, cái gì là sự khác nhau giữa bánh xe làm xong trong sáu tháng thiếu sáu ngày và bánh xe được làm xong trong sáu ngày? Ta nhìn không thấy sự khác nhau nào giữa chúng.’ ‘Thưa đức vua, có sự khác nhau đó ạ. Xin đức vua hãy nhìn kỹ sự khác nhau đó.’ “Rồi người đóng xe lăn cái bánh xe được làm trong sáu ngày. Nó lăn đến hết động lực (trớn, lực đẩy ban đầu) của nó,350 rồi chao đảo và ngã nằm xuống đất. Nhưng cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày thì lăn hết động lực của nó rồi đứng yên, cứ như nó được gắn chắc vào một trục bánh xe vậy.351 “Tại sao vậy, này chú đóng xe, tại sao có sự khác nhau như vậy?’

• 13

“Thưa đức vua, cái bánh xe được làm trong sáu ngày có vành bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm; các căm bánh xe bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm; đùm bánh xe bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm. Vì lý do đó, nó chạy hết động lực là chao đảo (mất thăng bằng) và ngã nằm xuống đất. Nhưng cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày có vành xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm; các căm bánh xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm; đùm bánh xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm. Vì lý do đó, nó chạy hết động lực rồi đứng yên, cứ như nó được gắn chắc vào một trục bánh xe vậy.’ “Này các Tỳ kheo, có thể các thầy nghĩ người đóng xe ngựa lúc đó là một ai khác. Nhưng đừng nghĩ vậy, người đóng xe lúc đó chính là ta. Trong kiếp đó, ta rất thiện khéo về sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của gỗ mộc. Nhưng thời kiếp này ta là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, ta (1) rất thiện khéo về sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của thân; (2) rất thiện khéo về sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của miệng; và (3) rất thiện khéo về

sự cong vẹo, tật lỗi, và những khuyết điểm của tâm.

“Những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào chưa loại bỏ sự cong vẹo (bất chính), những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân, của miệng, và của tâm (hành-động, lời-nói, và tâm-ý) là coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới luật này, giống như cái bánh xe được làm trong sáu ngày [bị ngã rớt xuống đất].

“Những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào đã loại bỏ sự cong vẹo (bất chính), những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân, của miệng, và của tâm là coi như đã đứng vững trong Giáo Pháp và giới luật này, giống như cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày [đứng vững cứ như được gắn chắc vào trục bánh xe vậy]. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo (bất chính), những tật lỗi, và những

khuyết điểm của thân (hành-động); chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của miệng (lời-nói); chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của tâm (tâm-ý).’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

16 (6) Không Thể Sai Lầm “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này là một Tỳ kheo đang tu tập theo con đường (đường lối, cách thức) không bị sai lầm (không sai lạc, chắc chắn đúng, không sai trật, không lộn đường) và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.352 Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, tiết độ trong ăn uống, và sống hết mình vì sự tỉnh-thức.353

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng, hình tướng, nét chung, nét chính) và những đặc-điểm (nét riêng, đường nét, chi tiết) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh … Khi ngửi thấy một mùi-hương … Khi nếm thấy một mùi-vị … Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tâm. (2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một Tỳ kheo sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để

say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và

(vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm- giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.'"

(3) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người sống hết mình (tận tụy) vì sự tỉnh-thức? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người sống hết mình vì sự tỉnh-thức. "Một Tỳ kheo có được ba phẩm chất này là đang tu tập con đường không bị sai lầm và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô- nhiễm."

17 (7) Làm Khổ Mình ... "Này các Tỳ kheo, ba phẩm chất này dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người? Ba đó là gì? Hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái. Ba phẩm chất này dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người. "Này các Tỳ kheo, ba phẩm chất này không dẫn tới sự khổ sở cho

mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người? Ba đó là gì? Hành-động tốt thiện, lời-nói tốt thiện, và tâm-ý tốt thiện. Ba phẩm chất này không dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người."

18 (8) Thiên Thần "Này các Tỳ kheo, nếu những tu sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: 'Này các bạn, có phải các bạn sống đời sống tâm linh (đi tu) theo/dưới sa- môn Cồ-đàm là vì mục đích được tái sinh trong cõi những thiên thần (tiên giới) phải không?'—thì các thầy có cảm thấy chán chê, nhục nhã, hay ghê tởm với điều (đạo tu tiên) đó hay không?" "Dạ có, thưa Thế Tôn." "Như vậy, này các Tỳ kheo, khi các thầy thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm với tuổi thọ ở cõi trời, vẻ đẹp cõi trời, sự hạnh phúc cõi trời, sự huy hoàng cõi trời, và uy quyền cõi trời—thì các thầy càng nên cảm thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm với những hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái (ở cõi này)."

19 (9) Chủ Tiệm (1) (1) "Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố thì một người chủ tiệm không thể kiếm được của cải chưa có được hay gia tăng của cải đã có được. Ba đó là gì? Ở đây, một người chủ tiệm không chuyên chú hết mình vào công-việc trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có ba yếu tố này thì người chủ tiệm không thể kiếm được của cải chưa kiếm được hay gia tăng của cải đã kiếm được. "Cũng giống như vậy, có ba yếu tố thì một Tỳ kheo không thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được hay

gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không chuyên chú hết mình vào vào đối-tượng thiền định trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay

• 17

trong buổi chiều. Có ba yếu tố này thì Tỳ kheo đó không thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được hay gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được. (2) “Này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố thì một người chủ tiệm có thể kiếm được của cải chưa có được và gia tăng của cải đã có được. Ba đó là gì? Ở đây, một người chủ tiệm chuyên chú hết mình vào công-việc trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có được ba yếu tố này thì người chủ tiệm có thể kiếm được của cải chưa kiếm được và gia tăng của cải đã kiếm được. “Cũng giống như vậy, có được ba yếu tố thì một Tỳ kheo có thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được và gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo chuyên chú hết mình vào đối-tượng thiền định trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có được ba yếu tố này thì Tỳ kheo đó có thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được và gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được.”

20 (10) Chủ Tiệm (2) (I) “Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố thì một chủ tiệm sẽ mau chóng kiếm được của cải lớn và dồi dào. Ba đó là gì? Ở đây, một chủ tiệm có mắt tinh tường, có trách nhiệm, và có những người giúp đỡ làm ăn (ân nhân).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người chủ tiệm là có mắt tinh tường? Ở đây, một người chủ tiệm biết rõ từng mặt hàng: ‘Mặt hàng này được mua giá đó và được bán giá đó, nó cần bao nhiêu tiền để mua và bán lại được bao nhiêu lời.’ Theo cách như vậy là người chủ tiệm có mắt tinh tường.

(2) “Và theo cách nào một người chủ tiệm là có trách nhiệm? Ở đây, một người chủ tiệm đảm đang giỏi việc mua và bán các mặt hàng. Theo cách như vậy là người chủ tiệm có trách nhiệm.

(3) “Và theo cách nào một người chủ tiệm là có những người giúp đỡ làm ăn? Ở đây, những gia chủ giàu, rất giàu có, nhiều của cải và con trai của họ biết người chủ tiệm đó như vầy: ‘Người chủ tiệm tốt này có mắt tinh tường và có trách nhiệm; người này có thể nuôi nấng vợ con và dần dần trả lại tiền cho chúng ta.’ Theo cách như vậy là người chủ tiệm có những người giúp đỡ làm ăn. “Có được ba yếu tố này thì người chủ tiệm đó mau chóng kiếm được của cải lớn và dồi dào. (II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố thì một Tỳ kheo sẽ mau chóng đạt tới những trạng thái thiện rộng lớn và dồi dào. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có mắt tinh tường, có trách nhiệm, và có những người giúp đỡ tu học (ân sư, ân huynh).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là có mắt tinh tường? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ … ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Theo cách như

vậy là một Tỳ kheo có mắt tinh tường.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có trách nhiệm? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và đạt tới những phẩm chất thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự nỗ-lực, không lơ lãng khỏi bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có trách nhiệm.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có những người giúp đỡ tu học? Ở đây, một Tỳ kheo thường đến gặp những Tỳ kheo học hiểu nhiều, là những người thừa kế di sản, những người thiện giỏi về Giáo Pháp, những người thiện giỏi về giới luật, những người thiện giỏi về những chủ- đề đại cương (toát yếu, mātikā)354 để tìm hiểu học hỏi: ‘Thưa Thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị ấy sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn mập mờ, và xua tan sự nghi ngờ của người đó về nhiều vấn đề còn làm nghi ngờ.

• 19

Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đó có những người giúp đỡ tu học. “Có được ba yếu tố này thì Tỳ kheo đó sẽ mau chóng đạt tới những trạng thái thiện rộng lớn và dồi dào.”

NHÓM 3. NGƯỜI

21 (1) Saviṭṭha Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Ngài Saviṭṭha và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) đến gặp Ngài Xá-lợi- phất và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Saviṭṭha:

(1) “Này đạo hữu Saviṭṭha, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người thân-chứng, người đã đạt được cách-nhìn (chứng đắc chánh kiến; người kiến đắc), và người được giải-thoát nhờ niềm-tin.355 Đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trong ba loại người này, theo tôi người được giải-thoát nhờ niềm-tin là xuất sắc và siêu phàm nhất.356 Vì lý do gì? Vì căn niềm-tin (tín) của người này là chủ lực (ưu, nổi trội, trọng hơn).”

(2) Tiếp theo thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la, đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trong ba loại người này, theo tôi người thân-chứng là xuất sắc và siêu phàm nhất. Vì lý do gì? Vì căn thiền-định của người này là chủ lực.”

(3) Tiếp theo thầy Đại Câu-hi-la nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại

người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?” “Này đạo hữu Câu-hi-la, trong ba loại người này, theo tôi người đã đạt được cách-nhìn là xuất sắc và siêu phàm nhất.

Vì lý do gì? Vì căn trí- tuệ của người này là chủ lực.” Rồi thầy Xá-lợi-phất mới nói với hai thầy kia: “Này các đạo hữu, mỗi người chúng ta đều giải thích theo ý của mình. Vậy chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và kể lại vấn đề này. Khi đức Thế Tôn giải thích vấn đề này, chúng ta sẽ ghi nhớ trong tâm.” “Được, đạo hữu”, hai thầy kia đáp lại. Rồi ba thầy đó đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Thầy Xá-lợi-phất đã kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo của ba thầy. [Đức Thế Tôn nói rằng:] “Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này là: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’ (1) “Vì có thể rằng ‘người được giải-thoát nhờ niềm-tin’ đang tu tập để chứng A-la-hán, trong khi ‘người thân-chứng’ và ‘người đã đạt được cách-nhìn’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(2) “Có thể ‘người thân-chứng’ đang tu tập để chứng A-la-hán, trong khi ‘người được giải-thoát nhờ niềm-tin’ và ‘người đã đạt được cách-nhìn’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(3) “Có thể ‘người đã đạt được cách-nhìn’ đang tu tập để chứng A-la- hán, trong khi ‘người thân-chứng’ và ‘người được giải-thoát nhờ niềm- 357

tin’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’”

• 21

22 (2) Những Loại Người Bệnh “Này các Tỳ kheo, có ba loại người bệnh được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Ở đây là, (1) người bệnh sẽ không khỏi bệnh cho dù người đó có được sự ăn uống đúng, có thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi, hay không. (2) Người bệnh sẽ khỏi bệnh cho dù người đó có được sự ăn uống đúng, có thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi, hay không. (3) Người bệnh sẽ khỏi bệnh chỉ khi người đó có sự ăn uống đúng, nếu không thì không khỏi; chỉ khi có thuốc men đúng, nếu không thì không khỏi; và chỉ khi có người chăm sóc giỏi, nếu không thì không khỏi.

“Vì để chăm sóc riêng cho loại người bệnh (thứ ba) chỉ khỏi bệnh chỉ khi có sự ăn uống đúng, có thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi— nên những thức ăn thức uống, và thuốc men, và người chăm sóc giỏi đã được chỉ định. Nhưng, do đã sẵn có sự chỉ định đó để chăm sóc cho loại người bệnh (thứ ba) này, nên những người bệnh loại khác cũng được chăm sóc luôn thể như vậy. Ba loại người bệnh này được thấy có trong thế gian. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba loại người này giống ba loại người bệnh đó được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Ở đây là, (1) người sẽ không bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân- chánh trong những phẩm chất thiện lành’,358 cho dù người đó có gặp Như Lai hay không, có nghe được Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai hay không. (2) Người sẽ bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’, cho dù người đó có gặp Như Lai hay không, có nghe được Giáo Pháp và giới luật được tuyên

thuyết bởi Như Lai hay không. (3) Người sẽ bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’ chỉ khi người đó gặp được Như Lai, nếu không thì không được; và chỉ khi người đó nghe được Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, nếu không thì không được.

“Vì để chăm sóc riêng cho loại người thứ (3) sẽ bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’ chỉ khi người đó gặp được Như Lai, và chỉ khi người đó nghe được Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai—cho nên những sự giảng dạy Giáo Pháp đã được chỉ định. Nhưng, do đã có sẵn những sự giảng dạy Giáo Pháp được chỉ định đó cho loại người này, nên những loại người khác cũng được giảng dạy Giáo Pháp đó luôn thể như vậy. Ba loại người này giống như ba loại người bệnh được thấy có trong thế gian.”

23 (3) Những Sự Tạo Tác Cố Ý “Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người tạo tác những hành-vi của thân (thân nghiệp) gây đau khổ, những hành-vi của lời-nói (khẩu nghiệp) gây đau khổ, và những hành-vi của tâm (tâm nghiệp) gây đau khổ.359 Hệ quả là, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới gây đau khổ. Khi người đó bị tái sinh trong một cảnh giới gây đau khổ, những tiếp-xúc gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi bị chạm xúc với những tiếp-xúc gây đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác đau khổ, chỉ toàn đau khổ, thí dụ như trường hợp những chúng sinh dưới địa ngục.

(2) “Có người tạo tác những hành-vi của thân không gây đau khổ, những hành-vi của lời-nói không gây đau khổ, và những hành-vi của tâm không gây đau khổ. Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không gây đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong một cảnh giới không gây đau khổ, những tiếp-xúc không gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi được chạm xúc với những tiếp-xúc không gây đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác không đau khổ, chỉ toàn vui sướng, thí dụ như trường hợp những thiên thần ở cõi trời hào quang chói lọi (cõi Biến tịnh thiên).360

(3) “Có người tạo tác cả những hành-vi của thân gây đau khổ và

không gây đau khổ, những hành-vi của lời-nói gây đau khổ và không gây đau khổ, và những hành-vi của tâm gây đau khổ và không gây đau khổ. Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới vừa có đau khổ và không có đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong một cảnh giới vừa có đau khổ và không có đau khổ, những tiếp-xúc gây đau khổ và những tiếp- xúc không gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi chạm xúc với những tiếp- xúc gây đau khổ và những tiếp-xúc không gây đau khổ, người đó cảm nhận cả những cảm-giác đau khổ và những cảm-giác không đau khổ, vừa có khổ và có sướng, thí dụ như trường hợp những chúng sinh là con người, một số loại thiên thần, và một số chúng sinh trong những cảnh giới thấp hơn.361 “Này các Tỳ kheo, đây là ba

loại người thấy có trong thế gian.”

24 (4) Hữu Ích “Này các Tỳ kheo, ba loại người này là hữu ích đối với người khác. Ba đó là gì?

(1) “Loại người mà nhờ có họ nên người khác đã quy y nương tựa theo Phật, Pháp, và Tăng. Loại người này thực sự là hữu ích đối với người khác.

(2) “Lại nữa, loại người mà nhờ có họ nên người khác hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Loại người này thực sự là hữu ích đối với người khác.362

(3) “Lại nữa, loại người mà nhờ có họ nên người khác, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó an trú trong đó. Loại người này thực sự là hữu ích đối với người khác. “Đây là ba loại người hữu ích đối với người khác.

24 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, không có loại người nào là hữu ích đối với người khác nhiều hơn ba loại người này. Ta cũng nói rằng, không dễ gì trả hết ơn nghĩa cho ba loại người này cho dù có kính lễ họ, đứng dậy nhường chỗ ngồi cho họ, xá lạy họ, cư xử phải phép với họ, và cúng dường họ với bằng y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men với chu cấp cho người (họ) bệnh.”

25 (5) Như Kim Cương “Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có tâm giống như vết thương hở, người có tâm như tia chớp, và người có tâm như kim cương.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có tâm như vết thương hở? Ở đây, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức. Ngay cả khi bị phê bình góp ý chút xíu người đó cũng mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. Giống như một vết thương đang bưng mủ, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì máu mủ càng bung ra nhiều hơn; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức … thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. Loại người này được cho là có tâm như một vết thương hở.

(2) “Và cái gì là người có tâm như tia chớp? Ở đây, có người hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn- gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Giống như, giữa trời đen đêm tối, một người có mắt sáng có thể nhìn thấy (nhanh) các thứ nhờ ánh sáng của một tia chớp; cũng giống như vậy, có người hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là … Đây là loại người có tâm như tia chớp.

(3) “Và cái gì là người có tâm như kim cương? Ở đây, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát

của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-

• 25

tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó an trú trong đó. Giống như kim cương có thể cắt đứt tất cả mọi thứ, dù là ngọc thạch hay đá cứng; cũng giống như vậy, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong nó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người có tâm như kim cương. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

26 (6) Giao Lưu “Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Người không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; (2) người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; và (3) người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần với sự tôn vinh và kính trọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là loại người không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người thấp hèn [so với mình] về giới-hạnh, thiền- định, và trí-tuệ (giới định tuệ). Người như vậy thì không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; nếu không phải vì cảm-thông và sự bi-mẫn đối với họ.

(2) “Và cái gì là loại người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người ngang bằng [so với mình] về giới-hạnh, thiền-định, và trí-tuệ. Người như vậy thì nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? [Vì biết nghĩ như vầy:] ‘Vì chúng ta là như nhau về mặt giới-hạnh … thiền-định … trí-tuệ, chúng ta sẽ đàm đạo về giới-hạnh … thiền-định … trí-tuệ, và sự đàm đạo đó sẽ dễ hợp với nhau, và chúng ta sẽ thấy dễ chịu.’ Do đó, người như vậy nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(3) “Và cái gì là loại người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần với sự tôn vinh và kính trọng? Ở đây, có người cao siêu [so với mình] về giới-hạnh, thiền-định, và trí-tuệ. Người như vậy thì nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? [Vì biết nghĩ như vầy:] ‘Theo cách như vậy ta sẽ thiện được

mớ (uẩn, đống) giới-hạnh … mớ thiền-định … mớ trí-tuệ mà ta chưa hoàn thiện, hoặc (tốt hơn nữa, nếu giao lưu …) sẽ trợ giúp về nhiều mặt cho mớ giới-hạnh … mớ thiền-định … mớ trí-tuệ mà ta đã hoàn thành.’363 Do vậy, người như vậy nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần với sự tôn vinh và kính trọng. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.” Giao lưu với người thấp hèn sẽ bị sa sút; Giao lưu với người ngang bằng không bị sa sút; Gặp gỡ người cao thượng sẽ tu tập nhanh chóng; Do vậy mình nên noi theo người cao siêu hơn mình.

27 (7) Với Sự Ghê Tởm … “Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Người nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; (2) người nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; và (3) người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là loại người nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người là thất- đức (bất lương), có tính cách xấu, có hành vi không trong sạch và đáng ngờ, có hành động lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa- môn, không sống độc thân mà tự xưng là độc thân, bên trong thối nát, suy đồi, trụy lạc. Người như vậy nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? Vì cho dù mình không làm theo loại người như vậy, nhưng (nếu giao lưu với họ) tin xấu về mình vẫn được đồn đại đó đây, như kiểu: ‘Ông đó có đám bạn bè xấu, đồng môn xấu, đồng đạo xấu.’ “Giống như một con rắn mới bò qua đống phân dơ ghê tởm, cho dù nó không ăn phân, nhưng người nó cũng bị dính dơ thúi; cũng giống như vậy, cho dù mình không làm theo loại người như vậy, nhưng tin xấu về

mình vẫn được đồn đại đó đây, kiểu như: ‘Ông đó có đám bạn bè xấu, đồng môn xấu, đồng đạo xấu.’ Do đó, loại người như vậy nên được nhìn với sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(2) “Và cái gì là loại người nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức. Ngay cả khi bị phê bình góp ý chút xíu người đó cũng mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. “Giống như một vết thương đang bưng mủ, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì máu mủ càng bung ra nhiều hơn; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức … thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. “Giống như khúc gỗ cây tinduka đang cháy, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì nó càng bung cháy kêu răng rắc; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức … thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. “Giống như một hầm phân dơ thúi, chỉ cần một cái que hay một miếng nhọn chọt vào chút xíu thì nó càng bung bốc mùi hôi thúi; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức … thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay đắng. “Người như vậy nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? [Vì biết nghĩ:] ‘Người như vậy có thể sỉ nhục ta, chửi bới ta, và làm hại ta.’ Do đó, loại người như vậy nên được nhìn với sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(3) “Và cái gì là loại người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người là đức-hạnh (có giới-hạnh) và thuộc tính-cách thiện. Người như vậy thì nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? Cho dù mình không làm noi theo người đó, thì tin tốt về mình vẫn được lưu truyền đây đó, kiểu như: ‘Ông đó có bạn bè tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt’. Do đó, loại người như vậy nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.” [Tiếp tục là phần thi kệ giống cuối kinh 3:26 kế trên.]

28 (8) Lời Nói Như Phân … “Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có lời-nói như phân, người có lời-nói như hoa, và người có lời-nói như mật.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có lời-nói như phân? Ở đây, có người khi được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội nghị, tới chỗ có mặt những người thân thuộc của mình, tới hội đoàn của mình, hoặc tới tòa án, và được hỏi như một nhân chứng như vầy: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’: rồi điều biết anh ta nói không biết, điều không biết anh ta nói biết; điều nhìn thấy anh ta nói không nhìn thấy, điều không nhìn thấy anh ta lại nói nhìn thấy.’ Như vậy anh ta đã cố tình nói dối vì bản thân mình, hay vì người khác, hay chỉ vì những lợi ích phàm tục nhỏ nhặt.364 Đây được gọi là người có lời nói như phân.

(2) “Và cái gì là người có lời-nói như hoa? Ở đây, có người khi được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội nghị, tới chỗ có mặt những người thân thuộc của mình, tới hội đoàn của mình, hoặc tới tòa án, và được hỏi như một nhân chứng như vầy: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’: rồi điều biết anh ta nói biết, điều không biết anh ta nói không biết; điều nhìn thấy anh ta nói nhìn thấy, điều không nhìn thấy anh ta nói không nhìn thấy.’ Như vậy anh ta không cố tình nói dối vì bản thân mình, hay vì người khác, hay vì những lợi ích phàm tục nhỏ nhặt. Đây được gọi là người có lời-nói như hoa.

(3) “Và cái gì là người có lời-nói như mật? Ở đây, có người, sau khi đã dẹp bỏ lời-nói gắt gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời-nói gắt gỏng nạt nộ. Người đó chỉ nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, như đi vào lòng, lịch sự, được nhiều người thích, được nhiều người đồng tình. Đây là người có lời nói như mật.

• 29

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.”

29 (9) Đui Mù … “Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người đui mù, người một mắt, và người hai mắt. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đui mù? Ở đây, có người thiếu loại con mắt để có thể kiếm được của cải (sự giàu có) chưa có được hay để gia tăng của cải đã có được, và người đó cũng thiếu luôn loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất bất thiện và phẩm chất thiện, những phẩm chất tội lỗi (đáng chê trách) và phẩm chất vô tội lỗi, những phẩm chất thấp kém (nhược) và cao siêu (ưu), những phẩm chất tối và sáng, với những phẩm chất đối ngược (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người đui mù.

(2) “Và cái gì là người một mắt? Ở đây, có người có được loại con mắt để có thể kiếm được của cải chưa có được và để gia tăng của cải đã có được, nhưng người đó còn thiếu loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất bất thiện và phẩm chất thiện, những phẩm chất tội lỗi và phẩm chất vô tội lỗi, những phẩm chất thấp kém và cao siêu, những phẩm chất tối và sáng, với những phẩm chất đối ngược (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người một mắt.

(3) “Và cái gì là người hai mắt? Ở đây, có người có được loại con mắt để có thể kiếm được của cải chưa có được và để gia tăng của cải đã có được, và người đó có luôn loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất bất thiện và phẩm chất thiện, những phẩm chất tội lỗi (đáng chê trách) và phẩm chất vô tội lỗi, những phẩm chất thấp kém và cao siêu, những phẩm chất tối và sáng, với những phẩm chất đối ngược (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người hai mắt. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.” Loại người đui mù không kiếm được của-cải,

Cũng không làm nghiệp công-đức;
Nghèo thiếu cả hai loại con mắt,
Giống như thảy con xúc xắc xui rủi vào cả hai phần đó.
Loại người một mắt giống như kẻ đạo đức giả,
Chỉ lo kiếm của cải: chân chánh có, bất chính có.
Bằng cách gian lận, bằng lời gian dối,
Mê đắm dục lạc, chỉ giỏi phần làm giàu.
Sau này xuống địa ngục, người một mắt bị đày đọa.
Loại người hai mắt được cho là tốt nhất.
Của cải của người đó365 kiếm được bằng tự thân nỗ lực,
Với mọi thứ có được một cách chân chính.
Người đó bố thí với những ý-hành tốt nhất.
Loại người này có tâm không phân-chia.
Sẽ đi [tái sinh] tới một cảnh giới siêu xuất,
Sau khi đã đến đó, người đó không còn sự buồn-sầu.
Nên tránh xa loại người đui và người một mắt,
Nhưng nên giao lưu gặp gỡ loại người có hai mắt,
Đó là loại người tốt nhất.

30 (10) Bị Lộn Đầu … “Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có trí-tuệ lộn đầu, người có trí-tuệ trên bắp vế, và người có trí-tuệ rộng lớn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có trí tuệ bị lộn đầu? Ở đây, có người thường đến chùa chiền [tịnh xá, tu viện] để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo. Những Tỳ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ cho thấy (chỉ ra) đời sống tâm linh (đời sống xuất gia) được toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó không chú-

tâm (không tác ý) vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn không chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. “Giống như, khi một cái bình đựng nước bị úp lộn đầu, nước có chảy vào trong bình thì cũng tuôn chảy hết ra và không giữ lại giọt nào. Cũng giống như vậy, có người

thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo. Đến sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn không chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ bị lộn đầu.

(2) "Và cái gì là người có trí tuệ trên bắp vế? Ở đây, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo. Những Tỳ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó có chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Nhưng sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó không còn chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. "Giống như, khi một người có nhiều thứ để trên bắp vế—như hột mè, gạo, bánh, và táo tàu—nếu người đó không để ý chú tâm khi đứng dậy, người đó sẽ làm rớt hết những thứ đó. Cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo … Nhưng sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó không còn chú tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ trên bắp vế.

(3) "Và cái gì là người có trí tuệ rộng lớn? Ở đây, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo. Những Tỳ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Và

sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. "Giống như, khi một cái bình đựng nước được đặt thẳng đứng, nước có chảy vào trong đó thì vẫn còn nguyên trong đó, và không bị chảy mất. Cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo … Và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn chú-tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ rộng lớn. "Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian." Người có trí-tuệ lộn đầu, Ngu ngốc và không nhận biết, Hay đến gặp các Tỳ kheo [để nghe họ chỉ dạy Giáo Pháp]. Nhưng người này không nắm bắt được gì, Từ cuộc pháp thoại: Từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối; Bởi người đó thiếu hẳn trí-khôn. Người có trí-tuệ trên bắp vế, Được cho là loại người tốt hơn. Cũng thường xuyên đến gặp các Tỳ kheo [để nghe họ chỉ dạy Giáo Pháp]. Trong khi ngồi nghe, người đó nắm bắt từng câu chữ, Từ cuộc pháp thoại: Từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối; Nhưng sau khi đứng dậy, người đó không còn hiểu gì, Quên hết những điều đã nghe học. Người có trí-tuệ rộng lớn Được cho là tốt nhất. Cũng thường xuyên đến gặp các Tỳ kheo [để nghe họ chỉ dạy Giáo Pháp].

Trong khi ngồi nghe, người đó nắm bắt từng câu chữ,
Từ cuộc pháp thoại:
Từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối.

Sau khi đứng đậy, vẫn còn như vậy.
Loại người này có những sự chú-tâm tốt nhất,
Tâm người đó không bị phân-chia;
Lưu giữ được hết [những điều đã nghe học].
Và thực hành đúng theo Giáo Pháp,
Người đó có thể làm nên sự diệt-khổ.
NHÓM 4. THIÊN SỨ

31 (1) Như Trời Brahmā "Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống có vị Trời [Brāhma, Phạm Thiên] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống có những vị thầy đầu tiên (bậc tổ sư) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống có những bậc đáng cúng dường khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. "Này các Tỳ kheo, 'vị Trời' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các vị tổ sư' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc đáng cúng dường' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian." Cha mẹ được gọi là "vị Trời", Cũng được gọi là "những bậc tổ sư". Họ đáng được tặng quà bởi con cháu, Vì họ có lòng bi-mẫn dành cho con cái. Do vậy người có trí nên biết kính trọng cha mẹ, Đối xử cha mẹ bằng sự tôn kính.

Một người nên phục vụ cha mẹ thức ăn, thức uống,
Quần áo và giường chiếu,
Xoa bóp và tắm rửa,
Và rửa chân cho cha mẹ.
Nhờ sự phục vụ đó
Cho cha mẹ của mình,
Bậc trí hiền khen ngợi người đó trong thế gian này,
Sau khi chết người đó hưởng phúc trong cõi trời.
32 (2) Với Ānanda Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, có thể hay không: một Tỳ kheo có thể đạt tới trạng thái định-tâm mà trong đó: (1) người đó không còn sự tạo nên cái 'ta' (ngã kiến), tạo nên cái 'của-ta' (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy miên ngã mạn) đối với cái thân-có-thức này; (2) người đó không có sự tạo nên cái 'ta', sự tạo nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự 'tự-ta' đối với tất cả những đối-tượng (hình tướng) bên ngoài; và (3) người đó có thể chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái 'ta', sự tạo nên cái 'của-ta', và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự 'tự-ta' đối với người đã chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát) đó?"366 "Người đó có thể, này Ānanda." "Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt tới trạng thái định-tâm như vậy?"

"Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo biết suy nghĩ như vầy: '(Trạng thái) này là bình an, này là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn mọi sự tạo- tác, sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh

y), sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Theo cách như vậy, này Ānanda, một Tỳ kheo có thể đạt tới

• 35

trạng thái định-tâm như vậy, trong đó người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với cái thân-có-thức này; trong đó người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả mọi đối-tượng bên ngoài; và người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó). Và khi đề cập về trạng thái này, ta đã nói trong phần “Những Câu Hỏi Của Puṇṇaka”, thuộc chương “Pārāyana” (Đáo Bỉ Ngạn) như sau:367 “Sau khi đã thấu hiểu những điều cao và điều thấp trong thế giới, Người đó bị tác động lo ngại bởi thứ gì trong thế gian. Bình an, không bị bốc khói, hết bị phiền rối, hết mong cầu, Ta nói rằng, người đó đã vượt qua sự sinh-già.”

33 (3) Với Xá-lợi-phất368 Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Xá-lợi-phất, ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp một cách ngắn gọn; ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết; ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp vừa ngắn gọn vừa chi tiết. Số người hiểu được là hiếm.” “Giờ là đúng lúc, thưa đức Thế Tôn. Giờ là đúng lúc, thưa bậc Phúc Lành. Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách ngắn gọn; Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết, Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách vừa ngắn gọn vừa chi tiết.” “Nếu vậy, này Xá-lợi-phất, các thầy nên tu tập bản thân như vầy:

(1) ‘Sẽ không có sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với cái thân-có-thức này; (2)

sẽ không có sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng bên ngoài; và (3) chúng ta sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của- ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó). Này Xá-lợi-phất, chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân. “Này Xá-lợi-phất, khi một Tỳ kheo không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với cái thân-có-thức này; khi người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng bên ngoài; và khi người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó), thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã cắt đứt dục-vọng (ái), đã lột bỏ gông-cùm (kiết sử), đã hoàn toàn phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn), đã

làm nên sự diệt-khổ. Và khi đề cập về trạng thái này, ta đã nói trong phân "Những Câu Hỏi Của Udaya", thuộc chương "Pārāyana" (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) như sau:369 "Sự dẹp bỏ hết cả hai: Những nhận-thức về nhục dục (tham), Và sự phiền-bực về nhục dục (ưu), Sự xua tan sự đờ-dẫn (hôn trầm), Sự xua đuổi sự hối-tiếc (hối quá);370 "Sự buông-xả và sự chánh-niệm được thanh lọc, Được dẫn trước bởi sự quán chiếu về Giáo Pháp: Ta nói, đây là sự giải thoát bằng trí-biết cuối cùng: Là sự phá vỡ sự vô-minh."371

• 37

34 (4) Những Nguyên Nhân (I) "Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp (kamma). Ba đó là gì? Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) "Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do tham tác tạo, do tham sinh ra, do tham gây ra, do tham làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá- thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chính muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trải quả của nó (nghiệp quả), trong kiếp này, hay trong kiếp tái- sinh [kế tiếp], hay trong thời (kiếp) kế tiếp nữa.372

(2) "Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do sân tác tạo, do sân sinh ra, do sân gây ra, do sân làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá-thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chính muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trải quả của nó, trong kiếp này, hay trong kiếp tái-sinh, hay trong thời kế tiếp nữa.

(3) "Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do si tác tạo, do si sinh ra, do si gây ra, do si làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá-thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chính muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trải quả của nó, trong kiếp này, hay trong kiếp tái-sinh, hay trong thời kế tiếp nữa. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng, rồi được gieo xuống miếng đất đã được vun xới kỹ càng trên cánh đồng tốt, và nhận được nước mưa đúng mức: theo cách như vậy những hạt giống đó sẽ mọc lên, lớn lên, và trưởng thành. Cũng giống như vậy, mọi nghiệp do tham … sân … si tác tạo, do tham … sân … si sinh ra, do tham … sân … si gây ra, do tham … sân … si làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở bất cứ nơi nào cá-thể đó được tái sinh. Ở đâu nghiệp chính muồi thì ở đó một người (chúng sinh) nếm trải quả của nó, trong kiếp này, hay

trong kiếp tái-sinh, hay trong thời kế tiếp nữa. "Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(II) "Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân (khác) cũng làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) "Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do vô-tham tác tạo, do vô-tham sinh ra, do vô-tham gây ra, do vô-tham làm khởi sinh, được loại bỏ khi tham đã biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.373

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do vô-sân tác tạo, do vô-sân sinh ra, do vô-sân gây ra, do vô-sân làm khởi sinh, được loại bỏ khi sân đã biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do vô-si tác tạo, do vô-si sinh ra, do vô-si gây ra, do vô-si làm khởi sinh, được loại bỏ khi si đã biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. “Này các Tỳ kheo, ví dụ có những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng. Rồi một người đem chúng đi đốt, đốt cháy thành tro, và quăng tro lên gió mạnh hoặc quăng rải chúng xuống sông chảy xiết. Theo cách như vậy thì những hạt giống đó sẽ bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Cũng giống như vậy, mọi nghiệp do vô-tham … vô-sân … vô-si tác tạo, do vô-tham … vô-sân … vô-si sinh ra, do vô-tham … vô-sân … vô-si gây ra, do vô-tham … vô-sân … vô-si làm khởi sinh, bị loại bỏ khi tham … sân … si biến mất; nó (nghiệp) bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.”

• 39

“Này các Tỳ kheo, đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”
Mọi nghiệp một người vô-minh [đã làm]
Được sinh ra từ tham, sân, si
Cho dù nó được tác tạo bởi người đó nhiều hay ít:
Nó sẽ được nếm trải ngay tại đây, (ngay tác nhân)
Không có hiện trường nào khác [cho nó]. 374
Do vậy người có trí thì nên biết dẹp bỏ,
[Mọi nghiệp] được sinh ra từ tham, sân, si.
Một Tỳ kheo, sau khi làm khởi sinh trí-biết,
(Về nghiệp nhân và nghiệp quả từ tham, sân, si)
Thì loại bỏ tất cả những nơi-đến (tái sinh) xấu dữ.375

35 (5) Với Hattaka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, trên một đường mòn do bò đi đang phủ đầy thảm lá khô trong rừng cây siṃsapā (cây gỗ hồng, cây hương đàn). Lúc đó có ông Hatthaka ở xứ Āḷavī,376 đang đi bộ dạo mát, nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở đó. Ông đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có ngon không?” “Có, này hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, những đêm đông như vầy rất lạnh. Một tiết dài tám ngày tuyết rơi.377 Chỗ này đất bị đạp nát bởi trâu bò qua lại, lớp lá khô không còn dày, lá trên cây thì thưa thớt, mấy áo cà-sa đâu che nổi cơn lạnh, và gió hiu hút thổi lạnh căm. Vậy mà đức Thế Tôn vẫn nói “Có, hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.’” “Vậy thì, này hoàng tử, ta sẽ hỏi ngài về vấn đề này. Ngài cứ trả lời

nếu thấy được. Này hoàng tử, ngài nghĩ sao? Ví dụ có một người gia chủ [hay con trai ông ta] đang có ngôi nhà mái nhọn, được trát vữa bên trong và bên ngoài, các cửa chốt cài chặt và các cửa sổ đóng chặt. Bên trong nhà có bộ trường kỷ trắng, phủ bằng tấm vải len, phủ bằng tấm vải thêu hoa, phủ bằng tấm da hươu, có mái vòm ở trên đầu, gối đỏ ở hai đầu. Đèn dầu thắp sáng và có bốn người vợ hầu hạ ông ta một cách vô cùng sung sướng. Ngài nghĩ sao, liệu ông ta có ngủ ngon hay không, ngài nghĩ sao về điều này?" "Ông ta sẽ ngủ ngon, thưa Thế Tôn. Ông là sẽ là một trong những người ngủ ngon trong thế gian." (1) "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ tham-dục, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Có thể bên trong ông gia chủ có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ tham-dục, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ tham-dục đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(2) "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ sân-giận, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Có thể bên trong ông gia chủ có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ sân-giận, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ sự sân-giận đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(3) "Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ đó có

những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ si-mê, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon, có phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Có thể bên trong ông gia chủ có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ si-mê, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai thì đã dẹp bỏ sự si-mê đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon. Người ngủ ngon, Là bà-la-môn đã chứng ngộ Niết-bàn; đã nguội tắt, Không còn chấp thủ, không còn ô nhiễm bởi dục lạc. Đã cắt bỏ mọi ràng buộc dính chấp, Sau khi đã loại bỏ sự khổ sở trong tâm, Người bình an ngủ ngon giấc, Vì đã đạt tới sự bình an của tâm.378

36 (6) Ba Thiên Sứ379 "Này các Tỳ kheo, có ba thiên sứ đưa tin này.380 Ba đó là gì? "Một người có những hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm (hành-động, lời-nói, và tâm-ý). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ở đó những cai ngục nắm hai tay người đó và lôi tới trước Diêm Vương (Vua Yama, Dạ-ma vương)381 [và tâu rằng]: 'Thưa đức vương, kẻ này không cư xử đúng đắn đối với cha mẹ, không cư xử đúng đắn đối với những tu-sĩ (sa-môn) và những bà-la-môn, không kính nể những

bậc trưởng lão (cha ông, chú bác) trong gia đình. Đức vương hãy giáng hình phạt thích đáng cho kẻ này!'

[1] "Rồi, này các Tỳ kheo, Diêm Vương hỏi, hỏi tội, và tra hỏi về vị thiên sứ đưa tin thứ-nhất: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-

nhất xuất hiện giữa loài người hay không?'—Và người đó trả lời: 'Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.' "Rồi Diêm Vương nói với người đó: 'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong đời một đàn ông hay một phụ nữ nào tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đớn, tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác, hay sao?'—Và người đó trả lời: 'Dạ có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.' "Rồi Diêm Vương nói với người đó: 'Này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: "Tôi cũng phải bị già đi, tôi không thoát khỏi điều đó. Vậy giờ nên làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm", hay sao?'—'Dạ không, thưa Diêm Vương, con đã không thể. Con đã lơ tâm về điều đó.' "Rồi Diêm Vương lại nói: 'Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Nghiệp xấu ác đó của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính người là người đã làm nghiệp xấu ác đó, và ngươi phải nếm trải quả của nó.' [2] "Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ-nhất, Diêm Vương tiếp tục hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó về vị thiên sứ thứ-hai: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-hai xuất hiện giữa loài người hay không?'—'Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.' "'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong đời một đàn ông hay một phụ nữ nào bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu gần chết, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẳm lên và đặt xuống giường, hay sao?'—'Dạ có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn

thấy điều đó.' "'Này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: "Tôi cũng phải bị bệnh, tôi không thoát khỏi điều đó. Vậy giờ nên làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm", hay sao?'—'Dạ không, thưa Diêm Vương, con đã không thể. Con đã lơ tâm về điều đó.' "Rồi Diêm Vương lại nói: 'Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Nghiệp xấu ác đó của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính người là người đã làm nghiệp xấu ác đó, và ngươi phải nếm trải quả của nó.'

[3] “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ-hai, Diêm Vương tiếp tục hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ-ba: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-ba xuất hiện giữa loài người hay không?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.’ “‘Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy trong đời một người phụ nữ hay đàn ông nào chết, mới chết một, chết hai ngày, hay chết ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sình thối, hay sao?’—‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’ “‘Rồi, này kẻ kia, không lẽ ngươi, một người thông minh và trưởng thành, không biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị chết, tôi không thoát khỏi điều đó. Vậy giờ nên làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm”, hay sao?’—‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con đã không thể. Con đã lơ tâm về điều đó.’ “Rồi Diêm Vương lại nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng thân, lời-nói, và tâm. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Nghiệp xấu ác đó

của ngươi không phải được làm bởi mẹ hay cha, hay anh, chị, em, hay bạn bè, đồng sự, hay người thân, họ hàng hoặc người thân, những tu sĩ, những bà-la-môn, hay những thiên thần. Chính người là người đã làm nghiệp xấu ác đó, và ngươi phải nếm trải quả của nó.’ “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi, hỏi tội, và tra hỏi người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ-ba, Diêm Vương đã im lặng. (i) Rồi những cai ngục đã tra tấn người đó bằng nhục hình ‘đóng đinh năm chỗ’ (dính vách). Họ xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn tay này và xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn tay kia; họ xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn chân này và xiên cây sắt cháy đỏ qua bàn chân kia; họ xiên cây sắt cháy đỏ qua giữa ngực người đó. Lúc đó người đó cảm nhận những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận,382 nhưng người đó vẫn không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa cạn hết. (ii) “Tiếp theo những cai ngục quăng người đó xuống và chặt đẽo người đó bằng rìu chặt (lớn). Lúc đó người đó cảm nhận những cảm- giác đau khổ, đau đớn, thấu tận, nhưng người đó vẫn không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa cạn hết. (iii) Tiếp theo những cai treo ngược người đó với đầu chúc xuống và chặt đẽo người đó bằng rìu đẽo (nhỏ) … (iv) Tiếp theo những cai ngục cột người đó vào xe ngựa và kéo lê người đó qua lại nền nhà đang cháy, cháy đỏ, cháy rực … (v) Tiếp theo những cai ngục bắt người đó leo lên và leo xuống đống than đang cháy, cháy đỏ, cháy rực … (vi) Tiếp theo những cai ngục dựng ngược người đó và những người đó xuống chúc đầu người đó xuống một vạc nấu chảy đồng đang cháy, cháy đỏ, cháy rực. Người đó bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó. Và khi người đó đang bị nấu trong chảo lửa cuộn xoáy đó, người đó nổi lên, chìm xuống, trôi ngang trôi dọc (như bánh đang bị chiên trong chảo dầu). Khi đó người đó cảm nhận những cảm giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Nhưng người đó không chết cho đến khi nào nghiệp xấu ác đó chưa cạn hết. (vii) “Tiếp theo, những cai ngục quăng người đó vào Đại Địa Ngục. Giờ nói về Đại Địa Ngục đó, này các Tỳ kheo:

Nó có bốn gốc và được xay bốn cửa Mỗi cửa mỗi bên, Được làm tường bằng sắt và bọc kín xung quanh Và được đóng kín bằng mái sắt. Sàn của nó được làm toàn bằng sắt Và được nun nấu cháy đỏ với lửa ngọn. Phạm vi là cả trăm do-tuần Bao phủ tất cả bên trong nó. “Này các Tỳ kheo, ngày xưa Diêm Vương đã từng nghĩ: ‘Những ai trong đời làm những việc xấu ác thì sẽ bị trừng phạt bằng những nhục hình khác nhau như vậy. Ôi, ước gì ta đạt được trạng thái làm người! Rồi có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian! Rồi ta đến kính lễ đức Thế Tôn đó. Rồi đức Thế Tôn đó chỉ dạy cho ta Giáo Pháp, và ta sẽ đi đến hiểu được Giáo Pháp của bậc ấy!” “Này các Tỳ kheo, không phải ta đang nói điều ta nghe được từ những tu sĩ khác hay bà-la-môn khác, mà ta đang nói về điều ta đã thực sự tự mình biết, thấy, và hiểu được.” Dù được cảnh báo bởi những thiên-sứ, Người đời vẫn lơ tâm làm ngơ suốt bao tháng năm dài, Nên đã bị trả giá ở cõi dưới đày đọa. Nhưng những người tốt ở đây, Sau khi được cảnh báo bởi những thiên-sứ, Họ không còn lơ tâm làm ngơ đối với Giáo Pháp thánh thiện; Họ đã nhìn thấy sự hiểm-họa của sự dính-chấp (thủ), Là nguồn gốc của sinh-tử. Sau khi được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ), Trong sự (trạng thái đã) tuyệt dứt sinh-tử: Những bậc hạnh-phúc đó đã đạt được sự an-toàn;383 Họ đã đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này. Sau khi đã vượt qua mọi sự sân-hận và sự hiểm-họa, Họ đã siêu thoát khỏi mọi sự khổ đau.”

37 (7) Tứ Đại Thiên Vương (1) “Này các Tỳ kheo, (1) vào ngày thứ tám của mỗi nửa-tháng, các vị thượng thư (bộ trưởng) và những thành viên (quan) triều chính của tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian này384 [với ý nghĩ]: “Chúng ta hy vọng có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ, cư xử đúng đắn với những tu sĩ và bà-la-môn, kính nể những bậc trưởng lão (cha ông, chú bác) trong gia đình, giữ giới những ngày bố-tát [uposatha], tăng thêm những ngày giữ giới, và làm những việc công đức.’385 (2) Vào ngày thứ mười bốn của kỳ nửa-tháng, những người con trai của tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian [với ý nghĩ]: “Chúng ta hy vọng có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ … và làm những việc công đức có nhiều.’ (3) Vào ngày thứ mười lăm của kỳ nửa-tháng, đích thân tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian [với ý nghĩ]: “Chúng ta hy vọng có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ … và làm những việc công đức có nhiều.’ “Này các Tỳ kheo, nếu chỉ có ít người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ … và làm những việc công đức, thì tứ đại thiên vương sẽ báo cho những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa; Ba Mươi Ba), khi họ đến gặp và ngồi xuống một bên trong sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) ở cõi trời Đao-lợi, như vầy: ‘Kính thưa các vị thiên thần, hiện có ít người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ … và làm những việc công đức.’ Rồi, vì do chuyện này, các thiên thần cõi trời Đao-lợi trở nên buồn bã, họ nói rằng: ‘Ôi, vậy là số chúng thiên thần sẽ suy giảm [tóp lại] và số chúng quỷ thần [asura, a-tu-la] sẽ tăng lên [phình ra]!’ “Nhưng nếu có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ … và làm những việc công đức, thì tứ đại thiên vương sẽ báo cho những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi, khi họ đến gặp và ngồi xuống một bên trong sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) ở cõi Đao-lợi, như vầy: ‘Thưa các vị thiên thần, hiện có nhiều người cư xử đúng đắn (hiếu thảo) với cha mẹ …

và làm những việc công đức.’ Rồi, vì chuyện này, các thiên thần trở nên vui mừng, họ nói rằng: ‘Ôi, vậy là số chúng thiên thần sẽ gia tăng [phình ra] và số chúng quỷ thần sẽ suy giảm [tóp lại]!’” “Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa, vua trời Đế-thích [Sakka], vua của những thiên thần, khi đang chỉ dẫn cho các thiên thần của cõi trời Đao-lợi, đã xướng lên bài kệ này:386 ‘Người nào muốn giống ta, Thì nên giữ giới bố-tát Đầy đủ tám chi giới như vậy, Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15, Và ngày thứ 8 của kỳ nửa-tháng, Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’387 “Nhưng, này các Tỳ kheo, bài kệ này được xướng tụng một cách không hay [tệ; không phù hợp] bởi vì Đế-thích, vua của những thiên thần, không được xướng tụng một cách hay khéo. Nó đã được tuyên tụng một cách không hay, không được tuyên tụng một cách hay khéo. Vì lý do gì? Vì Đế-thích, vua của những thiên thần, chưa phải đã hết tham, sân, si, ta nói vậy. Nhưng trong trường hợp một Tỳ kheo là A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những điều cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu cuối cùng, đã phá hủy sạch sẽ những gông-cùm (trói buộc) sự hiện-hữu, là người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—thì vị Tỳ kheo đó mới phù hợp để nói rằng: ‘Người nào muốn giống ta … Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’ “Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo đó hết sạch tham, sân, si.”

38 (8) Tứ Đại Thiên Vương (2) “Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa, khi vua trời Đế-thích

[Sakka], vua của các thiên thần, khi đang chỉ dẫn cho các thiên thần của cõi trời Đao-lợi, đã xướng lên bài kệ này:388 ‘Người nào muốn giống ta, Thì nên giữ giới bố-tát Đầy đủ tám chi giới như vậy, Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15, Và ngày thứ 8 của kỳ nửa-tháng, Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’ “Nhưng, này các Tỳ kheo, bài kệ này được xướng tụng một cách không hay [tệ; không phù hợp] bởi vì Đế-thích, vua của những thiên thần, không được xướng tụng một cách hay khéo. Nó đã được tuyên tụng một cách không hay, không được tuyên tụng một cách hay khéo. Vì lý do gì? Vì Đế-thích, vua của những thiên thần, chưa phải đã thoát khỏi sinh-già, chưa thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; vị ấy chưa thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. Nhưng trong trường hợp một Tỳ kheo là A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những điều cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu cuối cùng, đã phá hủy sạch sẽ những gông-cùm (trói buộc) sự hiện-hữu, là người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—thì vị Tỳ kheo đó mới phù hợp để nói rằng: ‘Người nào muốn giống ta … Và trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt.’

“Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo (A-la-hán) đó là đã thoát khỏi sự sinh- già, đã thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.”

39 (9) Được Nuôi Dưỡng Tinh Tế (I) “Này các Tỳ kheo, ta được nuôi dưỡng một cách tinh tế, được nuôi dưỡng một cách tinh tế nhất, được nuôi dưỡng một cách cực kỳ tinh

tế. Trong nơi ở của cha ta, những hồ sen được làm chỉ để cho ta thưởng

• 49

ngoạn: một hồ có hoa sen xanh dương nở, một hồ hoa sen đỏ, và hồ thứ ba là hoa sen trắng.389 Ta chỉ dùng loại gỗ hương đàn từ xứ Kāsi và khăn đóng, áo choàng, áo trên, quần dưới đều được làm từ lụa Kāsi.390 Ban ngày và ban đêm đều có mái che màu trắng để che nóng, che lạnh, ngăn bụi đất, cỏ rác và hơi sương phủ xuống đầu ta. “Ta có ba cung điện: cung điện cho mùa đông, cung điện cho mùa hè, và cung điện cho mùa mưa.391 Ta ở bốn tháng mùa mưa trong cung điện mùa mưa, có những nhạc công đờn ca, không ai là đàn ông,392 và ta không bước ra khỏi cửa. Trong khi ở những nhà người khác, những người nô tỳ, người hầu, người làm chỉ được cho ăn cơm nát với cháo chua; ở nơi của cha ta thì họ được cho ăn thịt, cơm gạo nương, cơm trắng.

(1) “Sống giữa sự nguy nga tráng lệ và đời sống tinh tế như vậy, ý nghĩ này đã xảy đến với ta: ‘Một người phàm phu không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị già, đâu thoát khỏi tuổi già, lại luôn thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác già, mà quên nhìn tình cảnh mình (rồi cũng sẽ bị vậy).393 Giờ ta cũng phải bị già và đâu thoát khỏi tuổi già. Với tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác già, thì điều đó là không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét (quán chiếu) như vậy, ta đã hoàn toàn dẹp bỏ sự say sưa (sự ảo tưởng, phù phiếm) của mình về tuổi trẻ (là bền lâu).

(2) “[Lại nữa, ý này đã xảy đến với ta:] ‘Một người phàm phu không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị bệnh, đâu thoát khỏi bệnh đau, lại luôn thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác bệnh đau, mà quên nhìn tình cảnh mình (rồi cũng sẽ bị vậy). Giờ ta cũng bị bệnh và đâu thoát khỏi bệnh đau. Trong tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác bệnh đau, thì điều đó không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét như vậy, ta đã hoàn toàn dẹp bỏ sự say sưa của mình về sức khỏe (là bền lâu).

(3) “[Lại nữa, ý này đã xảy đến với ta:] ‘Một người phàm phu không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị chết, đâu thoát khỏi sự chết, lại

50 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

luôn thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác chết, mà quên nhìn tình cảnh mình (rồi cũng sẽ bị vậy). Giờ ta cũng bị chết và đâu thoát khỏi sự chết. Trong tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác chết, thì điều đó không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét như vậy, ta đã hoàn toàn dẹp bỏ sự say sưa của mình về cuộc đời (là bền lâu). (II) “Này các Tỳ kheo, có ba loại sự say sưa này.394 Ba đó là gì? (i) Sự say sưa (ảo tưởng, phù phiếm, ỷ lại) với tuổi-trẻ, (ii) sự say sưa với sức-khỏe, và (iii) sự say sưa với cuộc-đời. (1) Người phàm phu không được chỉ dạy cứ say sưa với tuổi-trẻ, cứ dính vào những hành-động, lời- nói, và tâm-ý [hành vi thân, miệng, và tâm]. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (2) Người phàm phu không được chỉ dạy say sưa về sức-khỏe, cứ dính vào

những hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (3) Người phàm phu không được chỉ dạy say sưa về cuộc-đời, cứ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. “Bởi do còn say sưa (ỷ lại) với tuổi-trẻ, một Tỳ kheo bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục; hoặc bởi do say sưa với sức-khỏe, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục; hoặc bởi do so say sưa với cuộc-đời, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. “Những người phàm đều phải bị bệnh, Bị già, bị chết, mà họ lại thấy ghê tởm [Với những người khác] khi họ hiện hữu Đúng theo bản chất tự nhiên của họ.395 “Nếu ta cảm thấy ghê tởm Với những chúng sinh có cùng bản chất như vậy,

• 51

Thì điều đó đâu đúng đắn đối với ta,
Bởi vì ta cũng có cùng bản chất như vậy.
“Trong khi ta đang an trú như vầy,
Sau khi đã biết được trạng thái không còn sự thu-nạp (sanh y),
Ta đã vượt qua tất cả mọi sự say sưa—
Sự say sưa với tuổi-trẻ, với sức-khỏe, và với cuộc-sống—
Sau khi ta đã nhìn thấy sự an-toàn trong sự từ-bỏ.396
“Sự nhiệt thành đã khởi sinh trong ta,
Khi ta đã rõ ràng nhìn thấy Niết-bàn.
Giờ thì ta không còn có thể
Say sưa thỏa thích trong những dục-lạc.
Nhờ vào đời sống tâm linh này,
Ta chẳng bao giờ quay lại (tái sinh).”397

40 (10) Những Trách Vụ “Này các Tỳ kheo, có ba trách vụ (trọng trách, chuyên môn … để tu hành) này. Ba đó là gì? Bản thân như trách vụ của một người tu, thế giới như trách vụ của một người tu, và Giáo Pháp như trách vụ của một người tu.398

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘bản thân như trách vụ của một người tu’? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo suy xét (quán chiếu) như vầy: [(i) ‘Ta xuất gia không phải để có được y phục cà sa, thức ăn cúng dường, hay chỗ ở, hay để trở thành này thành nọ,399 nhưng [với tâm tư là]: “Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, đau thương, ưu phiền, và tuyệt vọng. Ta đã chìm đắm trong khổ đau, bị đày đọa bởi khổ đau. Có lẽ có thể tìm thấy sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này.” (ii) Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, sẽ không đúng đắn nếu ta lại tìm kiếm những dục-lạc (khoái-lạc giác quan) giống như hay còn tệ hơn những dục-lạc mà ta đã từ bỏ để xuất gia.’] Rồi Tỳ kheo đó

quán chiếu như vầy: ‘Sự nỗ-lực (tinh tấn) sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xìu; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’ Sau khi đã coi ‘bản-thân như một trách vụ của mình’, Tỳ kheo đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện lành; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó duy trì bản thân trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là ‘bản thân như trách vụ của một người tu’. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘thế giới như trách vụ của một người tu’? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo suy xét như vầy: [(i) ‘Ta xuất gia không phải để có được y phục cà sa … nhưng [với tâm tư là]: ‘Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết … Có lẽ có thể tìm thấy sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này.’ (ii) Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, ta có thể còn nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, những ý nghĩ gây-hại. Nhưng cõi của thế giới thì bao la. Trong cái cõi bao la của thế giới, có những sa-môn và bà-la-môn có năng-lực tâm linh (thần thông) và mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), là những người có thể bằng tâm mình biết được tâm của người khác (tha tâm thông). Họ nhìn thấy những thứ ở cách xa nhưng họ không bị nhìn thấy cho dù họ ở gần bên; bằng tâm mình họ biết được tâm của người khác. Họ có thể biết ta như vầy: ‘Nhìn người họ tộc này: mặc dù đã xuất gia vì niềm-tin, nhưng ông ta bị hoen ố bởi trạng thái xấu ác bất thiện.’ Cũng có những thiên thần có những năng-lực tâm linh (thần thông) và mắt thiên thánh (thiên nhãn thông), họ cũng có thể bằng tâm mình biết tâm của người khác (tha tâm thông). Họ nhìn thấy những thứ ở cách xa nhưng họ không bị nhìn thấy cho dù họ ở gần bên; bằng tâm mình họ biết được tâm của người khác. Họ cũng có thể biết ta như vầy: ‘Nhìn người họ tộc này: mặc dù đã xuất gia vì niềm-tin, nhưng ông ta bị hoen ố bởi trạng thái xấu ác bất thiện.’] Rồi Tỳ kheo đó quán chiếu như vầy: ‘Sự nỗ-lực (tinh tấn) sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xìu; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’ Sau

khi đã coi ‘thế-giới như một trách vụ của mình’, Tỳ kheo đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện lành; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó duy trì bản thân trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là ‘bản thân như trách vụ của một người tu’. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘Giáo Pháp như trách vụ của một người tu’? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo suy xét như vầy: [(i) ‘Ta xuất gia không phải để có được áo cà sa … nhưng [với tâm tư là]: ‘Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết … Có lẽ có thể tìm thấy sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này.’ (ii) Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người hiền trí. Có những Tỳ kheo đồng đạo của ta là người biết và thấy. Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này, sẽ không đúng đắn nếu ta lười-biếng và lơ-tâm phóng dật.’] Rồi Tỳ kheo đó quán chiếu như vầy: ‘Sự nỗ-lực (tinh tấn) sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xìu; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’

Sau khi đã coi ‘Giáo Pháp như một trách vụ của mình’, Tỳ kheo đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện lành; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó duy trì bản thân trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là ‘Giáo Pháp như trách vụ của một người tu’. “Này các Tỳ kheo, đây là ba trách vụ của người tu.” Đối với người làm một điều xấu ác, Không có nơi nào được gọi là “được che giấu”. Này hỡi người, bản thân bên trong mình biết điều đó, Cho dù điều đó là thật hay giả.400 Thật vậy, thưa ông, ông là chứng nhân, Đã khinh thường ‘bản thân’ tốt thiện của mình; Ông để lộ cái ‘bản thân’ xấu ác,

Có bên trong ‘bản thân’ của mình.401
Những thiên thần và những Như Lai nhìn thấy những kẻ ngu
Hành động bất chính trong thế gian.
Bởi vậy một người nên hành vi một cách có chánh-niệm;
Lấy ‘bản-thân như trách vụ của mình’
Cảnh giác và thiền tập, lấy ‘thế-giới như trách vụ của mình’;
Và hành vi đúng theo Giáo Pháp.
Coi ‘Giáo Pháp như trách vụ của mình’,
Thực thụ tự thân nỗ lực, thì một sa-môn sẽ không bị sa sút.
Sau khi đã đánh bại Ma Vương,
Và đã chinh phục cái ‘người làm nên sự chấm-dứt’,
Người chuyên-cần tu (tinh cần) đã tuyệt dứt sự-sinh.
Bậc sa-môn hiền trí như vậy, bậc hiểu biết thế giới,
Không còn nhận mình là bất cứ gì nữa.’402
NHÓM 5. NHÓM NHỎ

41 (1) Có Mặt “Này các Tỳ kheo, khi ba thứ có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức. Ba đó là gì? (1) Khi niềm-tin có mặt, một người họ tộc được phú niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức. (2) Khi một vật-phẩm được cúng dường có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức. (3) Khi những người đáng được cúng dường có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công-đức.”

42 (2) Ba Trường Hợp “Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp một người có thể được hiểu là

có niềm-tin và sự tự-tin. Ba đó là gì? Khi một người mong muốn gặp những người đức-hạnh (có giới-hạnh); khi một người mong muốn nghe Giáo Pháp; và khi một người sống ở nhà với một cái tâm không dính nhiễm keo-kiệt, rộng lòng bố thí, giang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, tận tụy việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Trong ba trường hợp này, một người có thể được hiểu là có niềm-tin và sự tự-tin.” Người thích gặp những người đức hạnh, Người thích nghe Giáo Pháp tốt lành, Người đã loại bỏ sự

nhiễm tính keo-kiệt, Thì được gọi là người được phú cho niềm-tin.

43 (3) Ba Lợi Thế “Này các Tỳ kheo, khi một người nhìn thấy ba lợi thế (thuận lợi, có lợi) là đủ lý do để chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác. Ba đó là gì? (1) Người dạy Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp.403 (2) Người nghe Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (3) Cả người dạy và người nghe Giáo Pháp đều trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. Sau khi nhìn thấy ba lợi thế này là đủ lý do để chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác.”

44 (4) Sự Trôi Chảy “Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp cuộc đàm đạo (pháp thoại) sẽ trôi chảy. Ba đó là gì? (1) Khi người dạy Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (2) Khi người nghe Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (3) Khi cả người dạy Giáo Pháp và người nghe Giáo Pháp đều trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. Trong ba trường hợp này thì sự đàm đạo sẽ trôi chảy.”

45 (5) Người Có Trí …

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này được đề nghị (khuyên làm) bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. Ba đó là gì? (1) Sự cho-đi (bố thí) được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. (2) Sự xuất-gia được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. (3) Sự chăm-lo cha mẹ được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. Đây là ba điều được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện.” Những người tốt đề bạt sự bố-thí, Sự vô-hại, sự tự-chủ, và sự thuần-phục bản thân, Sự phụng-sự cho cha mẹ, Và cho những người-tu bình an của đời sống tâm linh.404 Những việc thiện lành này, Người có trí nên theo đuổi. Bậc thánh nhân đã có được cách-nhìn này, Sẽ đi tới cõi giới phúc lành.

46 (6) Đức Hạnh “Này các Tỳ kheo, khi những người xuất-gia đức hạnh [có giới-hạnh] sống nương nhờ một ngôi làng hay quận thị thì những người dân ở đó tạo được nhiều công-đức bằng ba cách. Ba đó là gì? Bằng hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Khi những người xuất-gia đức hạnh sống nương nhờ một ngôi làng hay quận thị thì những người dân ở đó tạo được nhiều công-đức bằng ba cách như vậy.”

47 (7) Có Điều Kiện “Này các Tỳ kheo, có ba đặc tính này định nghĩa trạng thái có điều-kiện (hữu vi).405 Ba đó là gì? (i) Sự khởi-sinh (sinh) được nhìn thấy, sự biến-mất (diệt) được nhìn thấy, và sự biến-đổi (vô thường) khi nó đang tồn tại được nhìn thấy. Đây là ba đặc tính định nghĩa trạng thái có điều-

kiện. “Này các Tỳ kheo, có ba đặc tính này định nghĩa trạng thái không còn điều-kiện (vô vi).406 Ba đó là gì? (i) Không có sự khởi-sinh (sinh) được nhìn thấy, (ii) không có sự biến-mất (diệt) được nhìn thấy, và (iii) không có sự biến-đổi (vô thường) khi nó đang tồn tại được nhìn thấy. Đây là ba đặc tính định nghĩa trạng thái không còn điều-kiện.”

48 (8) Núi Non … “Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya (Hy mã lạp sơn), vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá và tán lá; (2) chúng lớn lên về phần vỏ cây và chồi; và (3) chúng lớn lên về phần gỗ mềm và gỗ lõi. Dựa trên núi Himalaya, vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách như vậy. “Cũng giống như vậy, khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành (chín chắn) theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Họ trưởng thành về niềm-tin; (2) họ trưởng thành về giới-hạnh; và (3) họ trưởng thành về trí-tuệ. Khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành theo ba cách như vậy.” Giống như khi những cây lớn lên, Nhờ dựa vào núi đá, Trong bao la rừng hoang, Có thể trở thành những đại vương thụ của rừng. Cũng giống như vậy, khi một người đứng đầu gia đình, Có được niềm-tin và giới-hạnh, Thì vợ, con, thân quyến đều nhờ dựa theo ông để trưởng thành; Rồi bạn bè, họ hàng cũng dựa vào ông như vậy. Những người nhìn thấy giới-hạnh của ông,

Tâm rộng lòng bố-thí,
Và những việc thiện của ông,
Họ sẽ làm theo gương ông ấy.
Ở đây (đời này) sau khi họ đã sống theo đúng Giáo Pháp,
Theo con-đường (đạo) dẫn tới nơi-đến tốt lành,
Những người thích vui sướng [dục lạc],
Được hưởng lạc trong cõi tiên.
49 (9) Sự Nhiệt Thành “Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp này sự nhiệt-thành nên được thực hiện. Ba đó là gì? (1) Sự nhiệt-thành nên được thực hiện để không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh. (2) Sự nhiệt-thành nên được thực hiện để làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh. (3) Sự nhiệt-thành nên được thực hiện để chịu đựng được những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống. Trong ba trường hợp này sự nhiệt-thành nên được thực hiện. “Khi một Tỳ kheo thực hiện sự nhiệt-thành (1) để không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, (2) để làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh, và (3) để chịu đựng được những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống, thì người đó được gọi là người nhiệt-thành, cảnh-giác, và có chánh-niệm để làm nên sự hoàn toàn diệt-khổ.”

50 (10) Siêu Trộm (I) “Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường. Ba đó là gì? Ở đây, một siêu trộm (1) dựa vào địa hình không bằng phẳng, (2) dựa

vào sự rậm rạp, và (3) dựa vào những người quyền lực.

(1) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sông ngòi khó vượt qua và núi non hiểm trở. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng.

(2) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp (che khuất)? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp của ruộng mía, sự rậm rạp của cây lớn, của bụi rậm cây lùm,407 hay rừng lớn. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào sự rậm rạp che khuất.

(3) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một siêu trộm dựa vào vua chúa hay những quan chức. Hắn nghĩ: ‘Nếu có ai bắt được tội ta, vua chúa hay những quan chức đó sẽ bênh vực (bào chữa) cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt được tội hắn, vua chúa và những quan chức đó sẽ bênh vực cho hắn và bỏ qua. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào những người quyền lực. “Có ba yếu tố này, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường. (II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều thất- phước. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác (i) dựa trên căn cước không bằng phẳng, (ii) dựa vào sự rậm rạp, và (iii) dựa vào những người quyền lực.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa trên căn cước không bằng phẳng? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dính vào những hành-động sai trái, lời- nói sai trái, và tâm-ý sai trái [hành vi thân, miệng, và tâm]. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào căn cước không bằng phẳng.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa vào sự rậm rạp (sự che mờ)? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), dung

dưỡng cách-nhìn cực đoan. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào sự rậm rạp.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dựa vào vua chúa hay những quan chức. Người đó nghĩ: ‘Nếu có ai bắt tội ta, vua chúa hay những quan chức sẽ bênh vực cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt tội Tỳ kheo đó, vua chúa và những quan chức đó sẽ bào chữa cho người đó và bỏ qua. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực. “Có ba phẩm chất này, một Tỳ kheo xấu ác làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều thất-phước.”

• 61

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1. NHỮNG BÀ-LA-MÔN

51 (1) Hai Bà-la-môn (1) Lúc đó có hai bà-la-môn đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, ở tuổi xế chiều, đang đến giai đoạn cuối đời, đã 120 tuổi; hai ông đến gặp và

chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già … đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!” “Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già … đã 120 tuổi, nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Thực vậy, thế gian này bị dẫn dắt (cuốn đi) bởi sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian bị dẫn dắt bởi già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm (khi còn sống) sẽ cung cấp một nơi che chở, nơi nương nấu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phù hộ.” Cuộc sống bị cuốn đi, Cuộc đời là ngắn ngủi, Không có nơi che chở cho người đã già. Sau khi nhìn thấy rõ hiểm-họa trong cái chết, Một người nên biết làm những việc công-đức, Để mang lại hạnh phúc.408 Khi một người từ giã [cuộc đời này],

Sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm Và những việc làm công-đức khi còn sống, Mới là thứ dẫn dắt người đó đến an lạc.

52 (2) Hai Bà-la-môn (2) Lúc đó có hai bà-la-môn đã già … hai ông đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già … đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!” “Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già … đã 120 tuổi. Nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho chính mình. Thực vậy, thế gian này đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm (khi còn sống) sẽ cung cấp một nơi che chở, nơi nương nấu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phù hộ.” Khi nhà ai bị cháy, Nếu có thùng nước để thoát ra, Mới là thứ hữu ích cho người, Chứ không phải những của cải đang bị cháy ở trong nhà. Cũng vậy khi thế gian đang bốc cháy, Bằng sự già-chết. Nên biết thoát ra bằng sự bố-thí: Những thứ được cho-đi là sự khéo thoát ra.409 Khi một người từ giã [cuộc đời này]

Sự tự-chủ về thân, lời-nói, và tâm, Và những việc làm công-đức khi còn sống, Mới là thứ dẫn người đó đến niềm an lạc.

53 (3) Một Bà-La-Môn Nọ Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.’410 Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(2) “Người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân, với cái tâm bị ám muội bởi sân, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi sân được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(3) “Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và

người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.” ““Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

54 (4) Một Du Sĩ Lúc đó có một du sĩ bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.’ Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, (i) một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu tham được loại bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. (ii) Người bị kích thích bởi tham, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, thì người đó không còn dính vào những hành-vi sai trái bởi

thân, lời-nói, và tâm. (iii) Người bị kích thích bởi tham, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nhưng khi tham được dẹp bỏ, thì người đó hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(2) "(i) Một người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân … (3) "(i) Một người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. (ii) Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không dính vào những hành-vi sai trái bởi thân, lời-nói, và tâm. (iii) Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Nhưng khi si được loại bỏ, thì người đó hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí." "Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

55 (5) Niết-Bàn Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp đức Thế Tôn … và nói

với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: 'Niết-bàn là có thể nhìn thấy được. Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được'. Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí?"

(1) "Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi tham được loại bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.

(2) "Người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân … (3) "Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi si được dẹp bỏ, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Theo cách như vậy

Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.” “Này bà-la-môn, khi một người trải nghiệm sự diệt-sạch tham, sự diệt-sạch sân, sự diệt-sạch si [khôm còn tàn dư], thì cũng chính theo cách này Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.” “Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách …. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

• 67

56 (6) Dân Số Giảm Lúc đó có một bà-la-môn giàu có đến gặp … và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi nghe những bà-la-môn trưởng lão, họ là những người già cả, đã gánh nặng năm tháng, là bậc thầy của những vị thầy, đã nói rằng: ‘Trong thời quá khứ thế gian này đông nghẹt dân chúng, gần như không có khoảng trống giữa họ. Những làng mạc, những thành thị, và những kinh thành san sát nhau đến nỗi những con gà có thể bay qua bay lại giữa chúng (các nơi đó).’411 Thầy Cồ-đàm, tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ,412 và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất?”413

(1) “Này bà-la-môn, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc (tà pháp).414 Hệ quả là, họ cầm vũ khí và chém giết lẫn nhau. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(2) “Lại nữa, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, trời không mưa đủ. Hệ quả là, nạn đói xảy ra, lúa gạo khan hiếm; mùa màng bị tàn phá (bởi sâu bọ) và biến thành rơm rạ. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(3) “Lại nữa, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, những quỷ dạ-xoa (yakkha) chúa đã thả những ác quỷ dạ-xoa dã man ra đường.415 Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.”

“Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

57 (7) Du Sĩ Vaccha Lúc đó có du sĩ tên là Vacchagotta đến gặp … và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi nghe nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm nói như vầy: “Những thứ cúng

dường chỉ nên được bố thí cho ta, không cho những người khác; những thứ cúng dường chỉ nên được bố thí cho những đệ tử của ta, không cho những người khác. Chỉ những thứ được cúng dường cho ta mới mang lại phước quả, những thứ được cúng dường cho những người khác thì không; chỉ những thứ được cúng dường cho những đệ tử của ta mới mang lại phước quả, những thứ được cúng dường cho những người khác thì không.”’ Có phải những người nói như vậy là nói đúng lời Thầy Cồ-đàm đã nói và họ không diễn dịch sai bằng điều gì trái với sự thật (mà Thầy Cồ-đàm đã nói)? Có phải như vậy là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo ra cơ-sở hữu lý nào để bị người ta phê bình hay bác bỏ?416 Vì chúng tôi không muốn trình bày sai lời của Thầy Cồ-đàm.” “Này Vaccha, ai nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm nói rằng: “Đồ cúng dường nên được cúng cho ta … cho những đệ tử của ta thì mới có phước quả, cúng cho đệ tử của người khác thì không có”’ là họ không nói đúng những lời ta đã nói và họ đã diễn dịch sai bằng điều trái với sự thật (mà ta đã nói). Ai ngăn cản người khác bố thí cúng dường là người đó tạo ra sự cản trở và trở ngại đối với ba người. Ba đó là gì? Người đó tạo ra sự cản trở (1) đối với người bố thí đang tích tạo công đức, (2) đối với những người đang nhận đồ bố thí, và (3) đã tự làm bản thân mình bị hư hại và tổn thương. Người ngăn cản người khác bố thí cúng dường là người đó tạo ra sự cản trở và trở ngại đối với ba người đó.

• 69

“Nhưng, này Vaccha, ta nói rằng người ta còn tạo được công đức ngay cả khi đổ nước rửa chén vô đống rác hay hầm phân với ý nghĩ ‘Mong cho những chúng sinh (vi sinh vật) trong đó dùng thứ này để sống!’ Vậy thì sự bố thí cúng dường cho người thì [tích tạo công đức] nhiều tới mức nào! Tuy nhiên, ta nói rằng, thứ gì được bố thí cúng dường cho người đức-hạnh (có giới-hạnh) thì có nhiều phước quả hơn [thứ được cúng dường] cho những người thất-đức. Và [người đáng được cúng dường nhất là] người đã dẹp bỏ được năm yếu-tố và có được năm yếu-tố.

“Năm yếu tố nào người đó đã dẹp bỏ? Đó là (năm chướng-ngại) tham-dục, ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghingờ. Đây là năm yếu tố người đó đã dẹp bỏ. “Và năm yếu tố nào người đó có được? Đó là giới-hạnh, thiền-định, trí-tuệ, sự giải-thoát, và trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của một người đã tu tập xong [bậc vô học nhân]. Đây là năm yếu tố người đó có được. “Chính theo cách như vậy, ta nói rằng thứ gì được bố thí cúng dường cho ‘người đã dẹp bỏ năm yếu-tố và có được năm yếu-tố’ thì có rất nhiều phước quả.” Trong một đàn bò, Dù con đen, con trắng, con đỏ, hay con vàng hung, Màu đồng nhất hay có đốm, hay màu bồ câu— Có con bò đực được thuần hóa được sinh ra: Thì nó có thể chịu tảo nặng, Có sức mạnh, sức nhanh. Họ gông gánh nặng lên cổ nó; Họ không quan tâm nó màu gì. Trong nhân loại cũng vậy, Dù là sinh cảnh là gì: Trong số những người giai cấp chiến-sĩ, Bà-la-môn, nông-thương,

70 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

Người cấp hạ-tiện, bần-lao, hay bần-cùng đổ phân—
Có người được thuần hóa được sinh ra:

Người vững chắc về Giáo Pháp, giới-hạnh về hành-vi,
Chân thật trong lời nói, biết xấu-hổ về mặt đạo đức;
Người đó đã loại bỏ được sự sinh-già,
Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh,
Đã quăng bỏ gánh nặng, đã hết bị trói buộc,
Đã làm xong những gì cần phải làm,
Đã không còn ô-nhiễm;
Là người đã vượt trên mọi thứ [của thế gian],
Và đã chứng ngộ Niết-bàn, nhờ sự không còn dính-chấp:
Sự cúng dường thực sự là lớn lao,
Nếu được gieo trồng trong ruộng phước không tỳ vết đó.
Những người ngu không hiểu,
Ngu ngốc, thiểu học,
Không để tâm kính lễ tới những bậc thánh,417
Mà chỉ lo cúng dường những người ngoài đạo.
Nhưng những ai để tâm kính lễ những bậc thánh,
Và những người trí được tôn trọng là thánh hiền,418
Và những người có niềm-tin vào bậc Phúc Lành (Phật),
Thì được cắm rễ và được thiết lập hay khéo,
Sẽ đi lên cõi những thiên thần,
Hoặc được sinh ra ở đây trong những gia đình tốt.
Còn những bậc trí tu tiến những bước thành đạt,
Và chứng ngộ Niết-bàn.

58 (8) Bà-la-môn Tikaṇṇa Lúc đó có bà-la-môn tên là Tikaṇṇa đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Tikaṇṇa, trước mặt đức Thế Tôn, đã nói lời đề cao những bà-la-môn là những người đã thuần thục ba trí-biết (tam minh) (của Vệ-đà), như vầy: “Những bà-la-môn

• 71

như vậy là bậc thầy về ba trí-biết; như vậy là những bà-la-môn là những bậc thầy về ba trí-biết.” [Đức Thế Tôn đã nói:] “Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào những bà-la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết?” “Ở đây, Thầy Cồ-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha, thuộc huyết thống thanh khiết, không thể chê được và không bị vết nhơ về mặt sự sinh-ra, suốt bảy đời cha ông phụ hệ. Vị đó là một người tụng đọc và lưu truyền những kinh kệ, là bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà [Veda] với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của một bậc đại nhân (vĩ nhân). Chính theo cách như vậy những bà-la-môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết.” “Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba trí- biết mà

những bà-la-môn đã mô tả như vậy." "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật Thánh Nhân đó." "Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ được", bà-la-môn Tikaṇṇa đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: "Ở đây, này bà-la-môn: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng

nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.' (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).' (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' (1) "Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] nhớ lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh ; nhiều đại kiếp thế giới than-hoại, nhiều đại kiếp thế giới tiến-hóa, nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa; như vầy (trong một kiếp nào đó): ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; sau khi qua đời từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia ... rồi ở chỗ kia ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; sau khi qua đời từ chỗ kia, ta đã được tái sinh vào ở đây.' Như vậy đó, người đó đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình với những phương

diện và đặc điểm của chúng. "Đây là trí-biết đầu tiên được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập). (2) "Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh

lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] về sự chết-đi và tái-sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá đúng theo nghiệp của mình như vầy: 'Những chúng sinh này dính vào hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm; là người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân người đó tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia có hành-vi đúng đắn bằng thân, lời-nói và tâm; là những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết-đi và tái-sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá đúng theo nghiệp của mình như vậy. "Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập).

(3) "Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] về sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là sự khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là nguồn-gốc khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là sự chấm-dứt khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ'. Người đó hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là sự chấm- dứt những ô-nhiễm'. Người đó hiểu đúng như nó thực là : 'Đây là con- đường dẫn đến sự chấm-dứt những ô-nhiễm'. "Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải- thoát khỏi những ô-nhiễm của/do nhục-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát thì có sự-biết: 'Nó được giải-thoát'. Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' "Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập). "Người có giới-hạnh không có sự lung lay, Là người cảnh giác và thiền định, Tâm người đó đã được điều phục, Đạt nhất điểm, đạt chánh định; "Bậc trí hiền, người xua tan bóng tối, Người có

tam-minh, người chiến thắng thần chết; Người được gọi là 'người đã dẹp-bỏ tất cả', Là ân nhân của những thiên thần và loài người;

• 75

"Người có được ba trí-biết đó, Là người sống không còn ngu-mờ; Họ tôn thờ bậc ấy, chính là Đức Phật Cồ-đàm, Người đó mang thân này lần cuối. "Người biết rõ những cõi kiếp quá khứ của mình, Là người nhìn thấy tiên giới và đọa giới là gì, Là người đã đạt được sự tiêu diệt tái-sinh, Bậc thánh hiền đã hoàn thiện về trí-biết trực tiếp.419 "Nhờ có ba loại trí-biết này, Một người là 'một bà-la-môn có tam-minh'. Ta gọi đó là 'một bậc thầy về tam minh', Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc những thần chú. "Này bà-la-môn, chính theo cách này một người là bậc thầy về ba trí- biết theo nghi luật của Thánh Nhân." "Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba trí- biết theo nghi luật của Thánh Nhân. "Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời."

59 (9) Bà-la-môn Jāṇussoṇī Lúc đó có bà-la-môn tên là Jāṇussoṇī đến gặp … và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, ai có đồ cúng tế, đồ cúng giỗ, đồ dâng cúng, hay đồ bố thí thì hãy nên cúng dường cho những bà-la-môn là những bậc thầy về

ba trí-biết."420 [Đức Thế Tôn đã nói:] "Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào những bà-la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết?" "Ở đây, Thầy Cồ-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha … [y hệt đoạn này trong kinh 3:58 kế trên] … và về tướng số của một bậc đại nhân (vĩ nhân). Chính theo cách như vậy những bà-la- môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba trí-biết." "Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba trí- biết mà những bà-la-môn đã mô tả như vậy." "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật Thánh Nhân đó." "Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Được", bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: "Ở đây, này bà-la-môn: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) … [y hệt những đoạn mô tả này trong kinh 3:58 kế trên, gồm cả cho tới chỗ:]

"Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong tu tập). "Người hoàn thiện về đức-hạnh và sự giữ-giới, Là người kiên định và bình tĩnh, Người có tâm được điều phục, Đạt nhất điểm, đạt chánh định; "Người biết rõ những cõi kiếp quá khứ

của mình,

• 77

Là người nhìn thấy tiên giới và đọa giới là gì, Là người đã đạt được sự tiêu diệt tái-sinh, Bậc thánh hiền đã hoàn thiện về trí-biết trực tiếp. “Nhờ có ba loại trí-biết này, Một người là ‘một bà-la-môn có tam-minh’. Ta gọi đó là ‘một bậc thầy về tam minh’, Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc những thần chú. “Này bà-la-môn, chính theo cách này một người là bậc thầy về ba trí- biết theo nghi luật của Thánh Nhân.” “Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba trí-biết theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba trí-biết theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba trí- biết theo nghi luật của Thánh Nhân. “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

60 (10) Bà-la-môn Saṅgārava Lúc đó có bà-la-môn tên Saṅgārava đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn … Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Saṅgārava đã nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng tế và khuyến khích những người khác thực hiện cúng tế. Giờ thì cả hai người, người cúng tế và người khuyến khích người khác thực hiện cúng tế, đều làm việc công đức cho nhiều người, nhờ vào việc cúng tế. Nhưng một người rời bỏ gia đình và xuất gia để thuần phục chỉ bản thân mình, làm bình lặng chỉ bản thân mình, và để dẫn tới Niết-bàn chỉ cho bản thân mình. Trong trường hợp đó, người đó làm việc công đức chỉ cho bản thân mình, nhờ

78 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

vào việc xuất gia.” “Vậy thì, này bà-la-môn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Ông nghĩ sao, này bà-la-môn? Ở đây, một Như Lai khởi sinh trong thế giới, bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác, đã thành tựu về trí- biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Bậc ấy nói như vầy: ‘Này, đây là con đường, đây là đường đi. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh 421 và giờ công khai nó cho những người khác biết. Này bà-la-môn, ông cũng nên thực hành như vậy. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực tiếp, ông sẽ tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao tối tượng của đời sống tâm linh và an trú trong đó.’ Như vậy là vị thầy chỉ dạy Giáo Pháp này và người khác thực hành theo đó. Có nhiều trăm, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn người thực hành như vậy. Ông nghĩ sao? Như trong trường hợp này, cái việc xuất gia là một việc làm công đức cho một người hay cho nhiều người?” “Thầy Cồ-đàm, như trong trường hợp này, đây là một việc làm công đức cho nhiều người, việc công đức đó dựa vào sự xuất gia.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda (có mặt ngay đó) đã nói với bà-la-môn Saṅgārava: “Này bà-la-môn, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn (như giết động vật, nghi lễ cúng tế tốn công tốn của) mà lại có nhiều ích lợi và phước quả hơn?” Lúc đó bà-la-môn Saṅgārava nói với thầy Ānanda: “Tôi coi Thầy Cồ- đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi.”422 Lần thứ hai thầy Ānanda nói với ông bà-la-môn: “Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn

• 79

mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?” Nhưng lần thứ hai ông bà-la-môn vẫn trả lời: “Tôi coi Thầy Cồ-đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi.” Lần thứ ba thầy Ānanda lại hỏi ông bà-la-môn: “Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn hại hơn mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?” Nhưng lần thứ ba ông bà-la-môn vẫn cứ trả lời bằng câu như vậy. Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ trong đầu rằng: “Tới lần thứ ba thầy Ānanda đã hỏi như vậy mà ông bà-la-môn vẫn cứ ngập ngừng và không trả lời. Vậy để ta giải tỏa cho ông ta.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với bà-la-môn Saṅgārava: “Này bà-la-môn, trong buổi tọa đàm hôm này, những quan thần của nhà vua đã nói về điều gì khi họ tụ tập và ngồi với nhau trong triều?” “Thầy Cồ-đàm, buổi tọa đàm hôm này đã nói về chuyện này: ‘Trước đây số Tỳ kheo thì ít nhưng có nhiều người biểu diễn những sự kỳ diệu siêu nhân của thần thông. Thời bây giờ số Tỳ kheo thì nhiều nhưng có ít người biểu diễn những sự kỳ diệu siêu nhân của thần thông.’ Đây là chuyện đã khởi lên trong buổi tọa đàm của các quan thần trong triều hôm nay.” “Này bà-la-môn, có ba loại sự kỳ diệu. Ba đó là gì? Sự kỳ diệu của thần-thông, sự kỳ diệu của sự đọc-tâm, và sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo.423

(1) “Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của thần-thông? Ở đây, một Tỳ kheo vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau (thần thông biến hóa) như: ‘biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; bậc ấy hiện hình và biến hình; bậc ấy đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; bằng tay mình sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và uy lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời

80 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

Brahmā’. Đây được gọi là sự kỳ diệu của thần-thông.

(2) “Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của sự đọc-tâm (người khác)? (i) Có người, dựa vào một số dấu hiệu manh mối,424 có thể tuyên bố: ‘Ý nghĩ của ông là vầy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vầy, như vậy.’ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác. “Lại nữa, (ii) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu

manh mối, mà do người đó nghe được âm thanh của người, của những phi nhân, hay của những thiên thần [đang nói] và tuyên bố: 'Ý nghĩ của ông là vầy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vầy, như vậy.' Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác. "Lại nữa, (iii) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, mà do người đó nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ425 khi một người đang nghĩ (tầm) và soi xét (tứ) [về vấn đề nào đó], và tuyên bố: 'Ý nghĩ của ông là vầy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vầy, như vậy.' Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, chúng chính là vậy, không khác. "Lại nữa, (iv) có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu manh mối, cũng không phải do nghe được âm thanh của người của những phi nhân hay của những thiên thần [đang nói], cũng không phải do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tầm) và soi xét (tứ) [về một vấn đề nào đó], mà bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác đã chứng đắc trạng thái định-tâm không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) (hết tầm hết tứ), và người đó hiểu rằng: 'Những hành-vi của tâm của người này cũng được biểu lộ nên ngay khắc sau người đó sẽ nghĩ ý nghĩ này.'426 Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác. Đây được gọi là sự kỳ diệu của sự đọc-tâm.

(3) "Và, này bà-la-môn, cái gì là sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo? Ở đây,

• 81

có người chỉ dạy [những người khác] như vầy: 'Hãy nghĩ (suy xét, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách kia! Chú tâm (tác ý) vào điều này, đừng chú tâm vào điều kia! Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!' Đây được gọi là sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo.427 "Này bà-la-môn, đây là ba loại sự kỳ diệu. Trong ba sự kỳ diệu này, theo ông loại nào là siêu xuất và siêu phàm nhất?"

"Thưa Thầy Cồ-đàm, trong ba loại đó, (1) loại (đầu tiên) mà một người [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau như: 'biến một thân thành nhiều thân … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'], thì chỉ riêng người biểu diễn sự kỳ diệu này trải nghiệm nó và nó xảy ra chỉ đối với người đó. Theo tôi, đây chỉ giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

(2) "Lại nữa, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ hai) mà một người [đọc ra trạng thái tâm của người khác (i) dựa trên những dấu hiệu manh mối … (ii) do nghe được âm thanh của người … (iii) do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tầm) và soi xét (tứ) [một vấn đề nào đó] … (iv) bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác … Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng chính là vậy, không khác], thì chỉ riêng người biểu diễn sự kỳ diệu này trải nghiệm nó và nó xảy ra chỉ đối với người đó. Theo tôi, đây cũng chỉ giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

(3) "Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ ba) mà một người [chỉ dạy [những người khác] như vầy: 'Hãy nghĩ (suy xét, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách kia! Chú tâm (tác ý) vào điều này, đừng chú tâm vào điều kia! Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!'], thì theo tôi, đây là loại siêu xuất và siêu phàm nhất trong

ba loại sự kỳ diệu, (vì người sự kỳ diệu được trải nghiệm và xảy ra đối với nhiều người). “Thật kỳ diệu và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm, là cách lời tuyên thu- yết này đã được nói ra một cách hay khéo bởi Thầy Cồ-đàm! Chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là người có thể biểu diễn cả ba loại sự kỳ diệu này. Bởi

vì (1) Thầy Cồ-đàm có thể [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’], (2) Thầy Cồ-đàm có thể [bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác … rằng chúng chính là vậy, không khác], và (3) Thầy Cồ-đàm có thể [chỉ dạy [những người khác] như vầy: ‘Hãy nghĩ theo cách này … Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!’].” “Chắc chắn là vậy, này bà-la-môn, lời của ông như đang moi móc và chọc ghẹo.428 Tuy nhiên, ta sẽ trả lời lại cho ông. (1) Đúng là ta có thể [vận dụng nhiều loại thần-thông khác nhau … vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’]. (2) Đúng là ta có thể [bằng tâm mình bao trùm tâm của người khác … rằng chúng chính là vậy, không khác]. (3) Và đúng là ta có thể [chỉ dạy [những người khác] như vầy: ‘Hãy nghĩ theo cách này … Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái kia!’].” “Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, ngoài Thầy Cồ-đàm có Tỳ kheo nào khác có thể thực hiện ba loại sự kỳ diệu này không?” “Có, không chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm hay năm trăm Tỳ kheo, thậm chí nhiều Tỳ kheo hơn có thể thực hiện ba sự kỳ diệu này.” “Nhưng những Tỳ kheo đó hiện đang ở đâu?” “Ở ngay đây, này bà-la-môn, trong Tăng đoàn các Tỳ kheo này.” “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ- đàm … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

NHÓM 2. NHÓM LỚN

61 (1) Chủ Thuyết Của Các Giáo Phái (I) “Này các Tỳ kheo, có ba chủ thuyết của các giáo phái429 mà cho dù có được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận

bởi người có trí, thì chúng rốt cuộc cũng chỉ là sự không-làm-gì.430 Ba đó là gì? “Này các Tỳ kheo, có những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan điểm như vầy: [1] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả xảy ra đều do nghiệp đã làm trong quá khứ’. Những tu sĩ và bà-la-môn khác thì nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vầy: [2] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả xảy ra đều do sự tạo tác của Thượng Đế’. Những tu sĩ và bà-la-môn khác nữa thì nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vầy: [3] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả đều tự xảy ra chứ không do nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) nào cả’.431 (1) “Này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm [1]—‘Tất cả đều xảy ra do nghiệp trong quá khứ’—432 và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì những nghiệp trong quá khứ mà các vị có thể

sát-sinh, gian-cắp, dính vào tà-dâm tà dục, nói-dối nói sai, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; cứ thèm- khát, ác-ý, và nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’433 “Những ai cả tin vào nghiệp quá khứ là tác nhân đích thực thì họ không còn mong muốn hay nhiệt thành làm những điều nên làm và tránh những điều không nên làm, và họ cũng không nỗ lực để làm gì cả. Vì do họ không thấu hiểu đích thực điều gì nên làm và điều gì không nên làm, nên tâm họ vô định hướng (rối rắm), họ không biết phòng hộ bản thân, và thậm chí nếu gọi họ là ‘tu sĩ’ thì cũng không hợp lệ gì cả. Đây là sự bác bỏ hợp lý thứ nhất của ta đối với những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thu- yết và quan điểm như vậy.

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm [2]—‘Tất cả đều xảy ra do sự tạo tác của

Thượng Đế’—và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ đã xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì sự tạo tác của Thượng Đế mà các vị có thể sát-sinh … nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’ “Những ai cả tin vào Thượng đế là tác nhân đích thực thì họ không còn mong muốn hay nhiệt thành làm những điều nên làm và tránh những điều không nên làm, và họ cũng không nỗ lực để làm gì cả. Vì do họ không thấu hiểu đích thực điều gì nên làm và điều gì không nên làm, nên tâm họ vô định hướng (rối rắm), họ không biết phòng hộ bản thân, và thậm chí nếu gọi họ là ‘tu sĩ’ thì cũng không hợp lệ gì cả. Đây là sự bác bỏ hợp lý thứ hai của ta đối với những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy.

(3) “Rồi, này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm [3]—‘Tất cả đều tự xảy ra chứ không do nhân duyên nào cả’—và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ đã xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì không phải do nhân- duyên nào cả mà các vị có thể sát-sinh … nắm giữ quan-điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’ “Những ai cả tin vào nhân-duyên không phải là tác nhân đích thực nào cả thì họ không còn mong muốn hay nhiệt thành làm những điều nên làm và tránh những điều không nên làm, và họ cũng không nỗ lực để làm gì cả. Vì do họ không thấu hiểu đích thực điều gì nên làm và điều gì không nên làm, nên tâm họ vô hướng (rối rắm), họ không biết phòng hộ bản thân, và thậm chí nếu gọi họ là ‘tu sĩ’ thì cũng không hợp lệ gì cả. Đây là sự bác bỏ hợp lý thứ ba của ta đối với những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vậy. “Này các Tỳ kheo, đây là những chủ thuyết của các giáo phái mà cho dù có được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận bởi người có trí, thì cũng dẫn đến kết cuộc là sự không-làm-gì.

(II) “Nhưng, này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ, không bị ô nhiễm, không bị chê trách, và không bị bài trừ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.434 Và cái gì là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ, không bị ô nhiễm,

không bị chê trách, và không bị bài trừ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí? "'Này là sáu yếu-tố': này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. 'Này là sáu cơ-sở tiếp xúc' ... 'Này là mười tám sự soi-xét của tâm' ... 'Này là bốn diệu đế': này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy này là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. - "Khi ta nói điều này: 'Này là sáu yếu-tố' (sáu giới): này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí', vì lý do gì ta nói ra điều này? Có sáu yếu-tố: yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt, yếu-tố khí, yếu-tố không gian, và yếu-tố thức.435 Khi ta nói ra điều này: ''Này là sáu yếu-tố': ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí', thì chính do có sáu yếu tố đó nên ta đã nói điều đó. - "Khi ta nói điều này: 'Này là sáu cơ-sở tiếp xúc' (sáu giác quan): này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí', vì lý do gì ta nói ra điều này? Có sáu cơ-sở tiếp xúc: mắt là một cơ sở tiếp xúc, tai là một cơ sở tiếp xúc, mũi là một cơ sở tiếp xúc, lưỡi là một cơ sở tiếp xúc, thân là một cơ sở tiếp xúc, và tâm là một cơ sở tiếp xúc. Khi ta nói ra điều này: 'Này là sáu cơ-sở tiếp xúc': ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí', thì chính do có sáu cơ-sở tiếp xúc đó nên ta đã nói điều đó. - "Khi ta nói điều này: 'Này là mười tám sự soi-xét của tâm': này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí', vì lý do gì ta nói ra điều này?436 Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người xem xét một hình-sắc là cơ sở vui- thích; người xem xét một hình-sắc là cơ sở ghét-chê; người xem xét một hình-sắc là cơ sở xả-bỏ (không thích không chê). Khi nghe một âm-thanh

... khi ngửi một mùi-hương ... khi nếm một mùi-vị ... khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở vui-thích; người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở ghét-chê; người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở xả-bỏ. Khi ta nói ra điều này: 'Này là mười tám sự soi- xét của tâm': ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí.', thì chính do có mười tám sự soi-xét của tâm đó nên ta đã nói điều đó. - "Khi ta nói điều này: 'Này là bốn diệu đế': này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la- môn có trí', vì lý do gì ta nói ra điều này? Tùy thuộc vào sáu yếu-tố (giới) nên xuất hiện sự nhập-thai [sẽ thành phôi thai].437 Khi có sự nhập-thai, thì có phần danh-sắc; khi có phần danh-sắc là điều-kiện (duyên), thì có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); khi có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, thì có sự tiếp-xúc (xúc); khi có sự tiếp-xúc là điều-kiện, thì có cảm-giác (thọ). Bây giờ, vì do người (có) cảm nhận (cảm giác) nên ta nói: 'Đây là sự khổ', và 'Đây là nguồn-gốc khổ', và 'Đây là sự chấm-dứt khổ', và 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ'. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về sự khổ [khổ đế]? Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói tóm lại, năm-uẩn bị dính-chấp này chính là khổ. Đây được gọi là diệu đế về sự khổ. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về nguồn-gốc khổ [tập đế]? Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý (hành); do có

những sự tạo-tác cố-ý là điều-kiện, nên có thức (thức); do có thức là điều-kiện, nên có phần danh-sắc (tâm-thân); do có phần danh-sắc là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-

• 87

chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều- kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên có sự già và chết; rồi có sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này. Đây được gọi là diệu đế về nguồn-gốc khổ.438 “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về sự chấm-dứt khổ [diệt đế]? Với sự phai-biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt của vô-minh (vô minh diệt), thì không còn những sự tạo-tác cố-ý (hành diệt); khi những sự tạo-tác cố-ý chấm dứt, thì không còn thức (thức diệt); khi thức chấm dứt, thì không còn phần danh-sắc (danh-sắc diệt); khi phần danh-sắc chấm dứt, thì không còn sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi sáu cơ-sở cảm nhận chấm dứt, thì không còn sự tiếp-xúc (xúc diệt); khi sự tiếp-xúc chấm dứt, thì không còn cảm-giác (thọ diệt); khi cảm-giác chấm dứt, thì không còn dục-vọng (ái diệt); khi dục-vọng chấm dứt, thì không còn sự dính- chấp (thủ diệt); khi sự dính-chấp chấm dứt, thì không còn sự hiện-hữu (hữu diệt); khi sự hiện-hữu chấm dứt, thì không còn sự sinh-ra (sinh tận); khi sự sinh chấm dứt, thì đâu còn sự già và chết (lão tử diệt); cũng đâu còn sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não diệt). Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này. Đây được gọi là diệu đế về sự chấm-dứt khổ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ [đạo đế]? Đó chính là con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo), gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh- mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây được gọi là diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. “Khi ta nói ra điều này: ‘Này là bốn diệu đế’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ không bị bác bỏ, không bị ô nhiễm, không bị chê trách, và không bị bài trừ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí’, thì chính do có bốn diệu đế đó nên ta đã nói điều đó.”

88 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

62 (2) Những Hiểm Họa (I) “Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy nói về ba hiểm-họa này làm chia lìa mẹ và con.439 Ba đó là gì?

(1) “Một thời thuở xưa có một trận đại hỏa hoạn. Khi trận đại hỏa hoạn xảy ra, nó thiêu rụi những làng mạc, quận thị, và thành phố. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố đang bốc cháy, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới.

(2) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận mưa lớn. Khi trận mưa lớn xảy ra, nó biến thành một trận đại lụt. Khi trận đại lụt xảy ra, những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ hai làm chia lìa mẹ và con mà

người phàm phu không được chỉ dạy nói tới.

(3) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Khi trận bạo loạn xảy ra, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ ba làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới. “Đây là ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới. (II) “Này các Tỳ kheo, có ba hiểm họa mà mẹ và con đôi lúc tìm thấy nhau mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới là những hiểm họa làm chia lìa mẹ và con.440 Ba đó là gì?

(1) “Một thời thuở xưa có một trận đại hỏa hoạn. Khi trận đại hỏa hoạn xảy ra, nó thiêu rụi những làng mạc, quận thị, và thành phố. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố đang bốc cháy, đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất không làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới.

• 89

(2) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận mưa lớn. Khi trận mưa lớn xảy ra, nó biến thành một trận đại lụt. Khi trận đại lụt xảy ra, những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi, đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất không làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới.

(3) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Khi trận bạo loạn xảy ra, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn, đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất không làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới. “Đây là ba hiểm họa có những lúc không làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới. (III) “Này các Tỳ kheo, có ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con.441 Ba đó là gì? Hiểm họa già, hiểm họa bệnh, và hiểm họa chết.

(1) “Khi con già đi, mẹ không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi già, đừng để con tôi già đi!’ Và khi mẹ già đi, con không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi già, đừng để mẹ tôi già đi!’. (ai cũng bất lực trước sự già)

(2) “Khi con bệnh, mẹ không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi bệnh, đừng để con tôi bệnh!’ Và khi mẹ bệnh, con không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi bệnh, đừng để mẹ tôi bệnh!’. (ai cũng bất lực trước sự bệnh)

(3) “Khi con chết, mẹ không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi chết, đừng để con tôi chết!’ Và khi mẹ chết, con không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi chết, đừng để mẹ tôi chết!’. (ai cũng bất lực trước sự chết)

“Đây là ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con. (IV) “Này các Tỳ kheo, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới

90 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

sự loại bỏ và sự thoát khỏi (i) ba hiểm họa đôi lúc mẹ và con tìm thấy nhau và (ii) ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con. Và cái gì là con-đường và đường-đi đó? Đó chính là con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây chính là con-đường và đường-đi dẫn tới sự loại bỏ và thoát khỏi (i) ba hiểm họa đôi lúc mẹ và con tìm thấy nhau và (ii) ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con."

63 (3) Làng Venāgapura Trong một lần đức Thế Tôn đang du hành giữa những người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó vừa đến khu làng có tên làng Venāgapura của những bà-la-môn người Kosala. Những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura nghe tin rằng: "Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, mới đến làng Venāgapura. Giờ tin tốt về Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu- thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó." Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura đã đến gặp đức

• 91

Thế Tôn. Một số họ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Rồi bà-la-môn tên Vacchagotta ở làng Venāgapura nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, làm cách nào các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và màu da sáng trong như vậy. Giống như trái táo tàu màu vàng trong và sáng óng trong mùa thu. Giống như trái cọ dừa vừa được tách khỏi cùi có màu sáng trong, các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và có màu sáng trong. Giống như một đồ trang sức được làm bằng vàng tinh, được khéo chế tác bởi thợ vàng tài ba và được rèn kỹ trong lò luyện vàng, rồi được đặt trên miếng vải gấm thiêu, nó chiếu sáng, tỏa sáng, và phát sáng, các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và sáng trong. "Mọi thứ tiện-nghi xa xỉ và cao cấp—như ghế nệm, trường kỷ, khăn phủ viền long, khăn phủ nhiều màu sắc, khăn phủ màu trắng, khăn phủ bằng len có thêu văn hoa, mền bông, khăn phủ bằng len có thêu hình thú vật, khăn phủ bằng len có viền đôi, khăn phủ bằng len có viền đơn, mền bằng lụa, mền lụa được đính ngọc, mền có viền tơ lụa và được đính ngọc, tấm thảm sàn của vũ công, tấm thảm voi, tấm thảm ngựa, tấm thảm xe, tấm thảm bằng da sơn dương, tấm phủ

bằng da hưu kadali, [giường] có lộng che ở trên và có hai gối đỏ ở hai đầu—Thầy Cồ-đàm chắc chắn có được chúng dễ dàng, một cách không khó khăn và rắc rối gì.”442 “Này bà-la-môn, người xuất gia thì hiếm khi có được những thứ tiện- nghi xa xỉ và cao cấp đó, mà nếu họ có được thì họ cũng không được phép (nhận lấy hay hưởng dụng). “Nhưng, này bà-la-môn, có ba loại tiện-nghi [xa xỉ và cao cấp] nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. Ba đó là gì? Tiện-nghi thuộc cõi trời (dibba, tiên giới), tiện-nghi thuộc phạm thiên (brahma, phạm giới), và tiện-nghi thánh thiện (arya, thánh giới).443 Đây là ba loại tiện-nghi nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ,

một cách không khó khăn và rắc rối gì.”

(1) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi của cõi trời mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?” “Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Vị đó là buông-xả và có chánh- niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ “Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong một trạng thái như vậy, nếu ta đi tới đi lui (kinh hành), thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thuộc

cõi trời.444 Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thuộc cõi trời. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thuộc cõi trời. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thuộc cõi trời. Đây chính là tiện-nghi thuộc cõi trời mà nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (các tầng thiền định sắc giới tương ứng với cảnh tiên giới)

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thuộc cõi trời như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì? (2) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi thuộc phạm thiên mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì? “Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi, (i) ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [khuếch đại, phóng đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. (ii) Ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iv) với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

“Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thiên thánh. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thiên thánh. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thiên thánh. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thiên thánh. Đây chính là tiện-nghi thiên thánh mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (bốn tâm vô-lượng tương ứng với cảnh phạm giới)

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thiên thánh như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì? (3) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là tiện-nghi thánh thiện mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì? “Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khất thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi ta hiểu như vầy: ‘Ta đã dẹp bỏ tham, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã dẹp bỏ sân, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã dẹp bỏ si, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai.’445 “Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở

trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thánh thiện. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thánh thiện. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thánh thiện. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thánh thiện. Đây chính là tiện-nghi thánh thiện mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì.

• 95

(Diệt tham, sân, si là tương ứng với thánh giới, trạng thái của bậc thánh giải thoát)

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay tiện-nghi thánh thiện như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì? “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

64 (4) Du Sĩ Sarabha Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Bấy giờ, vào lúc đó có một du sĩ tên là Sarabha vừa mới rời bỏ Giáo Pháp và giới luật này.446 Ông ta đang nói với hội tăng chúng ở Rājagaha rằng: “Tôi đã học được Giáo Pháp của những tu sĩ (sa-môn) tu theo người con của dân tộc Thích-ca (tức Phật). Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời khỏi Giáo Pháp và giới luật đó.” Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo, mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Rājagaha để khất thực. Rồi họ nghe được du sĩ Sarabha nói như vậy với hội tăng chúng ở Rājagaha. Sau khi những Tỳ kheo đó đi khất thực trong thành Rājagaha, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ mới đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, du sĩ Sarabha, người đã rời khỏi Giáo Pháp và giới luật này, đã nói với hội tăng chúng ở Rājagaha rằng: ‘Tôi đã học được Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca. Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời khỏi Giáo Pháp và giới luật

96 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

đó.’ Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đi đến khu ở của những du sĩ chỗ bờ sông Sappinikā, và vì sự bi-mẫn, đến gặp du sĩ Sarabha.” Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến khu ở của những du sĩ chỗ bờ sông Sappinikā. Đức Thế Tôn đến gặp du sĩ Sarabha, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình, và nói với ông ta: “Này Sarabha, có đúng là anh đã nói: ‘Tôi đã học được Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca. Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời khỏi Giáo Pháp và giới luật đó’, phải không?” Khi câu hỏi được nói ra, du sĩ Sarabha chỉ im lặng. Lần thứ hai đức Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha: “Này Sarabha, hãy nói ta nghe, theo cách nào anh đã học được Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn

toàn, ta sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, ta sẽ chúc mừng anh." Nhưng lần thứ hai du sĩ Sarabha vẫn im lặng. Lần thứ ba đức Thế Tôn đã nói với du sĩ Sarabha:447 "Này Sarabha, hãy nói ta nghe, theo cách nào anh đã học được Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn toàn, ta sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, ta sẽ chúc mừng anh." Nhưng lần thứ ba du sĩ Sarabha vẫn im lặng.448 Rồi những du sĩ ở đó đã nói với du sĩ Sarabha: "Thầy Cồ-đàm đã mở lòng cho anh để anh có thể vấn hỏi Thầy ấy bất cứ điều gì, này bạn hữu Sarabha. Hãy nói đi, này bạn hữu Sarabha! Theo cách nào anh đã học được Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn toàn, Thầy Cồ-đàm sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, Thầy Cồ-đàm sẽ chúc mừng cho anh." Khi lời này được nói ra, du sĩ Sarabha chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì. Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu được du sĩ Sarabha chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì, mới

• 97

nói với những du sĩ ở đó:

(1) "Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: 'Mặc dù ông tuyên bố là người đã giác-ngộ hoàn toàn, những ông chưa hoàn toàn giác-ngộ về những điều này, hay điều nọ', thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó.449 Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lãng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.450

(2) "Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: 'Mặc dù ông tuyên bố là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, nhưng ông chưa tiêu diệt những ô-nhiễm này, hay ô-nhiễm nọ', thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó. Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lãng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.

(3) "Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: 'Giáo Pháp của ông không dẫn người tu tập nó tới sự hoàn toàn diệt-khổ, là mục tiêu mà vì nó ông chỉ dạy Giáo Pháp đó',451 thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó. Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a)

người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lãng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất,

chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây." Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã cất lên tiếng gầm sư tử ba lần như vậy trong khu ở của những du sĩ bên bờ sông Sappinikā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về.452 Rồi, ngay sau khi đức Thế Tôn đã đi, những du sĩ đó đã cho du sĩ Sarabha một trận đòn no bằng lời nói,453 [họ nói rằng:] "Giống như một con chó rừng già trong một khu rừng lớn mà có thể nghĩ rằng: 'Ta sẽ rống lên tiếng gầm sư tử', nhưng nó chỉ có thể tru tréo và kêu ăng ẳng như một con chó rừng mà thôi; cũng giống như vậy, này đạo hữu Sarabha, bạn đã tuyên bố dõng dạc khi không có mặt sa-môn Cồ-đàm rằng: 'Ta sẽ rống tiếng gầm sư tử', nhưng bạn chỉ có thể tru tréo và kêu ăng ẳng như một con chó rừng. Này đạo hữu Sarabha, giống như một con gà con mà có thể nghĩ rằng: 'Ta sẽ gáy như một con gà trống', nhưng nó chỉ có thể kêu chim chíp như một con gà con; cũng giống như vậy, này đạo hữu Sarabha, bạn tuyên bố dõng dạc khi không có mặt sa-môn Cồ-đàm rằng: 'Ta sẽ gáy như một con gà trống', nhưng bạn chỉ có thể kêu chim chíp như một con gà con.454 Này đạo hữu Sarabha, giống như một con bò mà có thể nghĩ nó có thể rống lên tiếng gầm vang (như sư tử) trong một chuồng bò trống; cũng giống như vậy, này đạo hữu Sarabha, khi không có mặt sa-môn Cồ- đàm thì bạn nghĩ bạn có thể rống lên tiếng gầm vang." [Theo cách như vậy] những du sĩ đó đã cho du sĩ Sarabha một trận đòn no bằng lời nói như vậy.

65 (5) Những Người Ở Kesaputta (Kesaputtiya)455 Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó đang đến một quận thị có tên là Kesaputta456 của những người Kālāma. Những người Kālāma ở Kesaputta nghe tin rằng: "Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, vừa mới đến Kesaputta. Giờ tin tốt về

Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vầy: 'Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí- biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đến gặp những vị A-la-hán đó." (giống lời đoạn hai kinh 3:63 ở trên) Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số thì

chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính lễ và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. (giống lời đoạn ba kinh 3:63 ở trên). Rồi những người Kālāma nói với đức Thế Tôn: “Thưa Ngài, có một số tu sĩ và bà-la-môn đến Kesaputta này. Họ giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Nhưng rồi có những tu sĩ và bà-la-môn khác đến Kesaputta, họ cũng giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phỉ báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Thưa ngài, chúng tôi thấy bối rối và hoài nghi không biết ai trong số những vị thiện tu sĩ đó là người nói đúng và ai là người nói sai.”

(I) “Này những người Kālāma, các người bị bối rối như vậy cũng phải, các người nghi ngờ như vậy cũng phải. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong các người về một vấn đề còn làm bối rối. Này những người Kālāma,

100 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

[đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu (như lời truyền miệng, chuyện kể, lời thuật lại, điều nghe đi nghe lại), (ii) do điều đó đã thành truyền thống (tập tục, tục lệ, truyền thống), (iii) do điều đó được ghi trong kinh sách (trong tập kinh, bộ kinh, sách kinh). (iv) do điều đó là tin đồn (hay thông tin, tin tức), (v) do sự lý giải theo lý lẽ, (vi) do sự suy luận từ sự phỏng đoán, (vii) do tự thấy điều đó là có lý, (viii) do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó; (ix) do bề ngoài tướng mạo của người nói là đáng tin (như diện mạo, tướng tá, uy nghi của người thầy hay người diễn thuyết), (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng’.]457 Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau’, thì các người nên dẹp bỏ chúng.”

(1) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?”458 “Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài.” “Này những người Kālāma, một người tham dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên người đó sát-sinh, gian- cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?” “Đúng vậy, thưa Ngài.”

(2) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?” “Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài.” “Này những người Kālāma, một người sân giận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà- dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người

• 101

khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài."

(3) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại sự nguy hại, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người si mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, nên người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Không thiện lành, thưa Ngài" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Đáng chê trách, thưa Ngài" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Bị quở trách bởi người trí hiền, thưa Ngài" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau hay không; các người thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau; chúng tôi thấy như vậy." "Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: 'Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: "Những điều này là không thiện lành; những điều này là đáng chê trách; những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau", thì các người nên dẹp bỏ chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy." (II) Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều

đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: 'Những điều này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc', thì các người nên sống theo chúng."

(1) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì người đó không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài."

(2) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, một người không sân-hận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, thì người đó không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm

vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài."

(3) "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Ngài."

• 103

"Này những người Kālāma, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, thì người đó không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Ngài." "Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Thiện lành, thưa Ngài" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Không đáng chê trách, thưa Ngài" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Được khen ngợi bởi người trí hiền, thưa Ngài" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; các người thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; chúng tôi thấy như vậy." "Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: 'Này những người Kālāma, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: "Những điều này thiện lành; những điều này là không đáng chê trách; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc", thì các người nên sống theo chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy." "Rồi, này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện đó, là người không còn thèm-muốn (hết tham), không còn ác-ý (hết sân), không còn ngu-mờ (hết si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) … với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … với một cái tâm thấm đẫm sự tùy- hỷ (tâm hỷ) … với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm

thấm đẫm sự từ … bi … hỷ … xả, rộng lớn, bao la [khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý.

(III) "Này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch (thanh tịnh) như vậy, đã đạt được những sự bảo-an như vầy ngay trong kiếp này.

(a) "Sự bảo-an đầu tiên mà người đó đạt được là điều này: 'Nếu có thế giới khác, và nếu nghiệp thiện và nghiệp ác có nghiệp quả hay quả báo, thì khả năng là, khi thân tan rã, sau khi chết, ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.'

(b) “Sự bảo-an thứ hai mà người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử không có thế giới khác, và nghiệp thiện hay nghiệp ác đều không có nghiệp quả hay quả báo gì, thì ngay ở đây, ngay trong kiếp này, ta vẫn giữ (duy trì) mình (sống) trong sự hạnh-phúc, không sự thù-ghét và sự ác-ý, không bị rắc-rối gì.’

(c) “Sự bảo-an thứ ba mà người đó đạt được là điều này: ‘Nếu điều xấu dữ xảy đến cho những người làm nghiệp xấu ác. Vậy khi ta không hề có ý định xấu ác nào đối với ai, thì đâu sự khổ đau nào làm khổ ta, vì ta đâu làm nghiệp gì xấu ác?’459

(d) “Sự bảo-an thứ tư mà người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.’460 “Này những người Kālāma, những ai có tâm theo cách như vầy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.”461 “Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không sự thù- ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.

• 105

“Sự bảo-an thứ nhất … thứ hai … thứ ba … thứ tư tư người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.’ “Thưa Thế Tôn, người đệ tử thánh thiện này có tâm theo cách như vậy, không sự thù-ghét, không sự ác-ý, không còn ô-nhiễm, và trong-sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này. “Thật hay khéo, Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn … Chúng con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ Kheo. Mong Thế Tôn ghi nhớ chúng con từ nay đã quy y nương tựa cho đến cuối đời.”

66 (6) Sāḷha Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (Migāramata), trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Sāḷha, cháu nội của Migāra, và Rohaṇa, cháu nội của Pekhuniya, đến gặp Ngài Nandaka, kính lễ thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Nandaka mới nói với Sāḷha: (I) “Này, Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu (như lời truyền miệng, chuyện kể, lời thuật lại, điều nghe đi nghe lại), (ii) do điều đó đã thành truyền thống (tập tục, tục lệ, truyền thống), (iii) do điều đó được ghi trong kinh sách (trong tập kinh, bộ kinh, sách kinh). (iv) do điều đó là tin đồn (hay thông tin, tin tức), (v) do sự lý giải theo lý lẽ, (vi) do sự suy luận từ sự phỏng đoán, (vii) do tự thấy điều đó là có lý, (viii) do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó; (ix) do bề ngoài tướng mạo của người nói là đáng tin (như diện mạo, tướng tá, uy nghi của người thầy hay người diễn thuyết), (x) hoặc do nghĩ rằng ‘Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng’.] Nhưng khi nào các con tự mình biết được: ‘Những điều này là không thiện lành; những điều này là tội lỗi [đáng chê trách]; những điều này là bị quở trách

bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau', thì các người nên dẹp bỏ chúng."

(1) "Này Sāḷha, con nghĩ sao, có sự tham hay không?" "Có, thưa thầy." "Ta nói, đó nghĩa là sự thèm-muốn. Một người tham, đầy thèm- muốn; sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa thầy."

(2) "Này Sāḷha, con nghĩ sao, có sự sân hay không?" "Có, thưa thầy." "Ta nói, đó nghĩa là sự ác-ý. Một người đầy thù-ghét, với một cái tâm ác-ý; sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa thầy."

(3) "Này Sāḷha, con nghĩ sao, có sự si hay không?" "Có, thưa thầy." "Ta nói, đó nghĩa là sự vô-minh. Một si-mê, chìm đắm trong sự vô- minh; sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, và nói-dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa thầy." "Này Sāḷha, con nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Không thiện lành, thưa thầy" – "Tội lỗi hay không tội lỗi?" – "Tội lỗi, thưa thầy" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Bị quở trách bởi người trí hiền, thưa thầy" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau hay không;

• 107

con thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau; con thấy như vậy." "Như vậy, này Sāḷha, khi ta nói: 'Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào con tự mình biết được: "Những điều này là không thiện lành; những điều này là tội lỗi; những điều này là bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau", thì con nên dẹp bỏ chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy." (II) Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu … (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng, này Sāḷha, khi nào con tự mình biết được: 'Những điều này thiện lành; những điều này là không tội lỗi [không bị chê trách]; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc', thì con nên sống theo chúng."

(1) "Này Sāḷha, con nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa thầy." "Này Sāḷha, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham; không sát-sinh, gian-cắp, tà- dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích

lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa thầy."

(2) "Này Sāḷha, con nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa thầy." "Này Sāḷha, một người không sân-hận, không bị chi phối bởi sân, với

một cái tâm không bị ám muội bởi sân; không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa thầy."

(3) "Này những người Kālāma, con nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay sự nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa thầy." "Này Sāḷha, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si; không sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm ngoại tình, hay nói-dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa thầy." "Này Sāḷha, con nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Thiện lành, thưa thầy" – "Tội lỗi hay không tội lỗi?" – "Không tội lỗi, thưa thầy" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi người trí hiền?" – "Được khen ngợi bởi người trí hiền, thưa thầy" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; con thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy." "Như vậy, này Sāḷha, khi ta nói: 'Này Sāḷha, [đừng vội tin theo điều gì (i) do điều đó được truyền miệng từ lâu ... (x) hoặc do nghĩ rằng 'Đó là sư thầy của chúng ta nên ổng nói là phải đúng'.] Nhưng khi nào con tự mình biết được: "Những điều này thiện lành; những điều này là không tội lỗi; những điều này là không bị quở trách bởi người trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc", thì con nên sống theo chúng', thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy." "Rồi, này Sāḷha, người đệ tử thánh thiện đó, là người không còn

thèm-muốn (hết tham), không còn ác-ý (hết sân), không còn ngu-mờ (hết si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ ... bi ... hỷ ... xả, rộng lớn, bao la [khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. "Rồi người đó hiểu như vầy: 'Có trạng thái này; có trạng thái thấp kém hơn; có trạng thái siêu xuất hơn; còn có một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính líu nhận-thức (tưởng; còn tưởng là chưa giải-thoát).'462 Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm của/do nhục-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm của/do sự

hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát thì có sự-biết: 'Nó được giải-thoát'. Người đó hiểu: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' "Người đó hiểu như vầy: 'Trước đây có tham; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có sân; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có si; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành.' "Như vậy đó, ngay trong kiếp này người đó sống không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và đang trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh."463

67 (7) Những Cơ Sở Để Nói Chuyện "Này các Tỳ kheo, có ba cơ sở để nói chuyện. Ba đó là gì? (1) Khi

nói về quá khứ, người ta nói: 'Như vầy đã xảy ra trong thời quá khứ.' (2) Khi nói về tương lai, người ta nói: 'Như vầy sẽ xảy ra trong thời tương lai.' (3) Khi nói về hiện tại, người ta nói: 'Như vầy xảy ra bây giờ, trong hiện tại.'

(A) "Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng (phù hợp) hay không có khả năng (không phù hợp) để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc và người đó không trả lời một cách dứt dạc; (b) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải (phân tích, phân biệt) và người đó trả lời mà không có sự phân giải; (c) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại và người đó không trả lời bằng câu hỏi lại; (d) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được bỏ qua và người đó không bỏ qua— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.464

"Nhưng, (a) khi một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc và người đó trả lời một cách dứt dạc; (b) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải và người đó trả lời sau khi có sự phân giải; (c) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại và người đó trả lời bằng câu hỏi lại; (d) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được bỏ qua và người đó bỏ qua— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(B) "Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không đứng vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác; (b) nếu người đó không đứng vững trong ý đồ của mình; (c) nếu người đó không đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết; (d) nếu người đó không đứng vững trong thủ tục— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.465

"Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó đứng

vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác; (b) nếu người đó đứng vững trong ý đồ của mình; (c) nếu người đó đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết; (d) nếu người đó đứng vững trong trình tự thảo luận— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(C) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó trả lời một cách tránh né, (b) chuyển chủ đề nói chuyện qua một chủ đề khác không liên quan, và (c) thể hiện sự bực tức, sự thù ghét, và cay đắng— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.

“Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không trả lời một cách tránh né, (b) không chuyển chủ đề nói chuyện qua một chủ đề khác không liên quan, và (c) không thể hiện sự bực tức, sự thù ghét, và cay đắng— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(D) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó cứ áp đảo lại [người hỏi], (b) hiếp đáp, (c) chế nhạo, và (d) bắt bẻ từng lỗi nhỏ466 [của người hỏi] (vạch lá tìm sâu)— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.

“Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không áp đảo lại [người hỏi], (b) không hiếp đáp, (c) không chế nhạo, và (d) không bắt bẻ từng lỗi nhỏ [của người hỏi]— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(E) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có điều-kiện trợ giúp (duyên) hay không có điều-kiện trợ giúp (cho cuộc thảo luận được thành công). (a) Một người không để tai lắng nghe là người không có điều-kiện trợ giúp. (b) Người có điều-kiện trợ giúp thì trực-tiếp

biết một điều, hoàn-toàn hiểu một điều, dẹp bỏ một điều, và chứng ngộ một điều. Sau khi trực-tiếp biết một điều, hoàn-toàn hiểu một điều, dẹp bỏ một điều, và chứng ngộ một điều, người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn.467 “Này các Tỳ kheo, đây là mục tiêu của sự nói chuyện, mục tiêu của sự thảo luận, mục tiêu của điều-kiện trợ giúp, mục tiêu để lắng nghe, đó là: sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-còn dính chấp.” Những ai nói với ý định tranh cãi, Chỉ theo ý kiến của họ, vênh mặt tự cao, Không thánh thiện, sau khi đã tàn sát những đức-hạnh,468 Tìm kiếm chỗ hở của nhau [để tấn công]. Họ thường thích thú khi người đối khẩu Nói dở và bị lỗi, [Họ vui mừng] với sự hoang mang và thất bại của người đó; Nhưng bậc thánh thì không tham gia sự nói chuyện như vậy. Nếu một người có trí muốn nói chuyện, Sau khi biết thời điểm là thích hợp, Và không có sự tranh cãi hay tự cao, Thì bậc thánh hiện sẽ nói ra lời nói Mà những bậc thánh thực hành theo, Nó kết nối với Giáo Pháp và ý nghĩa.469 Không xấc xược hay quá đáng,

Với một cái tâm không with a mind not elated,470 Người đó nói không có sự ghen tỵ, Sự trên cơ sở là sự-biết đúng đắn. Người đó nên đồng tình với điều được diễn đạt hay khéo Nhưng không tấn công điều được nói dở tệ. Người đó không nên tập thói vạch lá tìm sâu, Cũng không chấp giữ lỗi sai của người khác; Người đó không nên áp đảo hay đè bẹp người đối khẩu, Cũng không nói những lời láo khoét. Mà nói chân thực, sự thảo luận trong những điều thiện

• 113

Vì mục đích để có sự hiểu-biết và sự tự-tin. Theo cách như vậy người thánh thiện đàm đạo các vấn đề; Đây là sự nói chuyện của những người thánh thiện. Sau khi đã hiểu điều này, một người có trí Không nên vênh mặt tự cao mà chỉ nên đàm đạo các điều.

68 (8) Những Giáo Phái Khác “Này các Tỳ kheo, những du sĩ của những giáo phái khác (khác đạo, ngoại đạo) có thể hỏi các thầy: ‘Này các bạn, có ba điều này. Ba đó là gì? Tham, sân, và si. Đây là ba điều. Này các bạn, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, và sự phân biệt giữa chúng?’ Nếu các thầy được hỏi như vậy, các thầy sẽ trả lời ra sao?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói”. “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy câu hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như sau: ‘Này các bạn, tham là ít đáng chê trách (ít đáng tội, ít tội lỗi) hơn nhưng chậm phai biến; sân là rất đáng chê trách nhưng mau phai biến; si là rất đáng chê trách và chậm phai biến.’471

(1) “[Ví dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho tham chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: một đối-tượng hấp dẫn. Đối với một người chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý) tới một đối- tượng hấp dẫn, tham dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham dục đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho tham chưa khởi sinh khởi sinh và tham đã khởi sinh càng gia tăng và lớn

mạnh.’

(2) “[Ví dụ họ hỏi:] Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: một đối-tượng khó ưa. Đối với một người chú-tâm không kỹ càng tới một đối-tượng khó ưa, sân bực chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân bực đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.’

(3) “[Ví dụ họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho si chưa khởi sinh thì khởi sinh và si đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Lý do là: sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý). Đối với một người chú-tâm không kỹ

càng, si mê chưa khởi sinh thì khởi sinh và si mê đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho si chưa khởi sinh thì khởi sinh và si đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.'

(1) "[Ví dụ họ hỏi:] 'Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho tham chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?' Thì các thầy nên trả lời: 'Lý do là: một đối-tượng không dấp dẫn. Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới một đối-tượng không hấp dẫn, tham dục chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham dục đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho tham chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.'

(2) "[Ví dụ họ hỏi:] 'Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?' Thì các thầy nên trả lời: 'Lý do là: sự giải-thoát của tâm nhờ tâm-từ. Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới sự giải-thoát của tâm nhờ tâm-từ, thì sân bực (ác ý) chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân bực đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho sân chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.'

(3) "[Vi dụ họ hỏi:] 'Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho ngu

si chưa khởi sinh thì không khởi sinh và ngu si đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?' Thì các thầy nên trả lời: 'Đó là: sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng, thì si mê chưa khởi sinh thì không khởi sinh và si mê đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho si chưa khởi sinh thì không khởi sinh và si đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.'"

69 (9) Những Gốc Rễ (I) "Này các Tỳ kheo, có ba loại gốc rễ [căn] bất thiện. Ba đó là gì? Gốc rễ bất thiện: tham; gốc rễ bất thiện: sân; gốc rễ bất thiện: si.

(1) "Này các Tỳ kheo, mọi sự tham đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người tham làm bằng hành-động, lời-nói, và tâm-ý đều là bất thiện. Khi một người tham-dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối472—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] 'Ta có quyền, ta muốn quyền hành', thì đó cũng là bất thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ tham, do tham, khởi sinh từ tham, bị tác động (duyên) bởi tham.

(2) "Này các Tỳ kheo, mọi sự sân đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người sân làm bằng hành-động, lời-nói, và tâm-ý đều là bất thiện. Khi một người sân-hận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] 'Ta có quyền, ta muốn quyền hành', thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sân, do sân, khởi sinh từ sân, bị tác động (duyên) bởi sân.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi sự si đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người si làm bằng hành-động, lời-nói, và tâm-ý đều là bất thiện. Khi một người si-mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, gây ra

khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là bất thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ si, do si, khởi sinh từ si, bị tác động (duyên) bởi si. “Này các Tỳ kheo, người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc, người nói sai dối, người nói điều phi ích lợi, người nói điều phi Giáo Pháp, người nói điều phi giới luật. Và tại sao người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc … phi giới luật? Người này gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’. Như vậy, khi nói về điều đúng với sự thật, người đó khinh ghét [người chỉ trích mình]; người đó không thừa nhận [tội lỗi của mình]. Khi nói về điều trái với sự thật, người đó không cố gắng để hiểu điều (người khác) đã nói với mình: ‘Do vầy do vậy, điều này là không đúng; do vầy do vậy, điều này là trái với sự thật’. Bởi vậy, người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc, người nói sai dối, người nói điều phi ích lợi, người nói điều phi Giáo Pháp, người nói điều phi giới luật. “Người như vậy, bị chi phối bởi những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham … được sinh ra từ sân … được sinh ra từ si, với cái tâm bị ám muội bởi tham … sân … si, thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự sầu khổ, sự thống khổ, và cơn sốt (khổ não), và khi thân tan rã, sau khi chết, có thể bị tái sinh trong một nơi-đến xấu dữ. “Ví như một cây473 đang bị bao che và quấn nghẹt bởi ba loại dây leo māluvā (dây leo tên là ‘chân lạc đà’). Vậy coi như nó đã gặp khổ nạn, gặp tai họa, gặp khổ nạn và tai họa. Cũng giống như vậy, một người như vậy, bị chi phối bởi những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham … được sinh ra từ sân … được sinh ra từ si, với cái tâm bị ám muội bởi tham … sân … si, thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự sầu khổ, sự thống khổ, và cơn sốt (khổ não), và khi thân tan rã, sau khi chết, có thể bị tái sinh trong một nơi-đến xấu dữ. Đây là ba gốc rễ bất thiện.

(II) “Này các Tỳ kheo, có ba gốc rễ thiện. Ba đó là gì? Gốc rễ thiện: vô-tham; gốc rễ thiện: vô-sân; gốc rễ thiện: vô-si.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-tham đều là thiện. Mọi [nghiệp] một người vô-tham làm bằng hành-động, lời-nói, và tâm-ý đều là thiện. Khi một người vô-tham, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-tham, do sự vô-tham, khởi sinh từ sự vô-tham, bị tác động

(duyên) bởi sự vô-tham.

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-sân đều là thiện. Mọi [nghiệp] một người vô-sân làm bằng hành-động, lời-nói, và tâm-ý đều là thiện. Khi một người vô-sân, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-sân, do sự vô-sân, khởi sinh từ sự vô-sân, bị tác động (duyên) bởi sự vô-sân.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-si đều là thiện. Mọi [nghiệp] một người vô-si làm bằng hành-động, lời-nói, và tâm-ý đều là thiện. Khi một người vô-si, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối— bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi— [người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-si, do sự vô-si, khởi sinh từ sự vô-si, bị tác động (duyên) bởi sự vô-si. “Này các Tỳ kheo, người như vậy được gọi là người nói đúng lúc,

người nói đúng theo sự thật, người nói điều ích lợi, người nói điều hợp Giáo Pháp, người nói điều hợp giới luật. Và tại sao người như vậy được gọi là người nói đúng lúc … hợp giới-luật? Người này không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cớ giả dối—bằng cách giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’. Như vậy, khi nói về điều đúng với sự thật, người đó thừa nhận [tội lỗi của mình] và không khinh ghét [người chỉ trích mình]. Khi nói về điều trái với sự thật, người đó cố gắng để hiểu điều (người khác) đã nói với mình: ‘Do vầy do vậy, điều này là không đúng; do vầy do vậy, điều này là trái với sự thật’. Bởi vậy, người như vậy được gọi là người nói đúng lúc, người nói đúng theo sự thật, người nói điều ích lợi, người nói điều hợp Giáo Pháp, người nói điều hợp giới luật. “Người như vậy đã dẹp bỏ những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham … được sinh ra từ sân … được sinh ra từ si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự sầu khổ, sự thống khổ, hay cơn sốt, và ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn. “Ví như một cây đang bị bao che và quấn nghẹt bởi ba loại dây leo māluvā. Rồi một người đến mang theo cuốc xẻng và giỏ đựng. Người đó chặt bỏ tận gốc những dây leo đó, đào bứng và nhổ sạch gốc rễ, ngay cả những cọng rễ non và sợi rễ. Người đó chặt những dây leo thành khúc nhỏ, chặt thành mảnh nhỏ, và băm thành vụn nhỏ. Rồi người đó phơi khô đống vụn nhỏ dưới nắng và gió, rồi đốt cháy chúng, đốt hết thành tro, và quăng tro đi theo gió mạnh hoặc quăng xuống một dòng sông chảy xiết. Theo cách như vậy, ba loại dây leo māluvā đó đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một người như vậy đã dẹp bỏ những bản tính bất thiện xấu ác

được sinh ra từ tham … được sinh ra từ sân … được sinh ra từ si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như

• 119

gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự sầu khổ, sự thống khổ, hay cơn sốt, và ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn. Đây là ba gốc rễ thiện."

70 (10) Bố-Tát Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (Migāramata). Lúc đó, cô Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā), nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với cô: "Này Visākhā, sao cô đến vào giữa trưa như vầy?" "Thưa Thế Tôn, bữa nay con đang giữ giới bố-tát." "Này Visākhā, có ba loại bố-tát [sự trai giới]. Ba đó là gì? Bố-tát của người chăn bò, bố-tát của những người Ni-kiền-tử,474 và bố-tát của thánh nhân. (1) "Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của người chăn bò được tuân giữ? Này Visākhā, ví dụ như, vào buổi chiều người chăn bò trả đàn bò về cho chủ bò của họ. Người đó suy xét như vầy: 'Bữa này những con bò ăn cỏ ở mấy chỗ như vậy và uống nước ở mấy chỗ như vậy. Ngày mai những con bò sẽ ăn cỏ ở mấy chỗ như kia và uống nước ở mấy chỗ như kia.' Cũng giống như vậy, có người ở đây đang giữ giới bố-tát suy xét như vầy: 'Bữa nay tôi ăn mấy món ăn như vậy; bữa nay tôi đã ăn loại bữa ăn như vậy. Ngày mai tôi sẽ ăn mấy món ăn như kia; ngày mai tôi sẽ ăn loại bữa ăn như kia.' Như vậy người đó trải qua một ngày với sự tham-lam và thèm-muốn trong tâm. Theo cách như vậy là bố-tát của người chăn bò được tuân giữ. Bố-tát của người chăn bò, được tuân giữ theo cách như vậy, không mang lại kết quả và ích lợi gì, cũng không sáng sủa hay thấm tháp gì cho khác thường.

120 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

(2) "Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của những Ni-kiền-tử? Này Visākhā, có những tu sĩ được gọi là những Ni-kiền-tử. Họ chỉ dụ đệ tử của họ như vầy: 'Này bạn tốt, hãy đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần [yojana] về phía đông.475 Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía tây. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía bắc. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía nam.' Vậy đó, họ chỉ dụ đệ tử của họ hãy có lòng cảm-thông và bi-mẫn đối với những chúng sinh mấy chỗ đó thôi, chứ không đối với những chúng sinh khác. Nhằm ngày bố-tát, họ chỉ dụ đệ tử của họ như vầy: 'Này bạn tốt, sau khi đã cởi bỏ tất cả quần áo qua một bên, hãy tụng rằng: 'Ta không ở bất cứ đâu là của ai, cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta.'476 Tuy nhiên, rõ ràng cha mẹ người đệ tử đó biết: 'Đây là con của chúng tôi.' Và người đó cũng biết: 'Đây là cha mẹ của tôi'. Vợ con người đó biết: 'Ông là người (cha, chồng) nuôi nấng của chúng tôi'. Và người đó cũng biết: 'Đây là vợ và con của tôi'. Những người làm, người hầu, và người

giúp việc đều biết: ‘Đây là chủ của chúng tôi’. Và người đó cũng biết: ‘Đây là người làm, người hầu, và người giúp việc của tôi’. Như vậy đó, vào dịp đó lẽ ra họ nên được chỉ dụ bằng lẽ- thật, nhưng những người Ni-kiền-tử lại bị chỉ dụ bằng những lời-tụng sai trái. Rồi qua hết đêm đó, hôm sau họ lại đi chiếm dụng những thứ không được cho. Ta nói, đây là sự gian-cắp (lấy của không được cho, trộm, gian, lận, ăn chặn, tham nhũng, ăn hối lộ, manh mún …). Theo cách như vậy là bố-tát của những người Ni-kiền-tử được tuân giữ. Sự bố-tát của những người Ni-kiền-tử, được tuân giữ theo cách như vậy, không mang lại kết quả và ích lợi gì, cũng không sáng sủa hay thấm tháp gì cho khác thường.

(3) “Và, này Visākhā, theo cách nào là bố-tát của bậc thánh? (I) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng.477 Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: ‘[Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc

phúc lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách khi cái đầu dơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng. “Và, này Visākhā, theo cách nào thì cái đầu dơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng chất tẩy gội, đất sét, nước, và cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái đầu ơ dáy của một người được gội sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: ‘[Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán … một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của trời Brahmā, là người an trú cùng với trời Brahmā, và chính bằng sự suy xét về vị trời Brahmā nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ.478 Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(II) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: ‘[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách thân bị dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự

cố-gắng. “Và, này Visākhā, theo cách nào cái thân dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng bàn chải tắm, bột vôi, nước, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái thân dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vầy: ‘[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của Giáo Pháp, là người an trú cùng với Giáo Pháp, và chính bằng sự suy xét về Giáo Pháp nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(III) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng sự cố- gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: ‘[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; đó gồm, bốn cặp hạng người, tám loại người—Tăng Đoàn này của những đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được kính lễ, là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm ho- an-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng “Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng? Bằng nhiệt (nước) nóng, phân bò, nước, và sự cố-gắng

• 123

phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: ‘[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành … là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của Tăng Đoàn, là người an trú cùng với Tăng Đoàn, và chính bằng sự suy xét về Tăng Đoàn nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(IV) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình [là không bị sứt mẻ, hoàn thiện, không bị tỳ vết, không bị nhiễm dơ, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi bậc trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.] Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình như vậy, tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng. “Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng dầu, tro, khăn vải, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy tấm gương dơ dáy được chùi sạch bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới hạnh của mình [là không bị sứt mẻ, hoàn thiện, không bị tỳ vết, không bị nhiễm dơ, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi

bậc trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.] Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, tâm người đó trở nên bình- tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của giới-hạnh, là người an trú cùng với giới-hạnh, và chính bằng sự suy xét về giới-hạnh nên tâm của người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(V) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố- gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: ‘[Có những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33), những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần cõi trời Đâu- suất (Tusita), những thiên thần thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn nữa.479 Mình cũng có niềm-tin (tín) như những thiên thần đó đã có mà nhờ đó khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó; mình cũng có giới -hạnh (giới) … sự học-hiểu (học) … sự bố-thí (thí) … trí-tuệ (tuệ) như những thiên thần đó có mà nhờ đó khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện suy xét tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có trong những thiên thần, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách vàng dơ tạp được tinh lọc bằng sự cố-gắng. “Và, này Visākhā, theo cách nào vàng dơ tạp được tinh lọc bằng sự cố-gắng? Bằng cách dùng lò rèn, muối, phấn đỏ, ống thổi, và kiềm để kẹp, và sự cố-gắng phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy vàng tạp dơ được tinh

lọc bằng sự cố-gắng. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-

• 125

nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng. Và theo cách nào cái tâm bị ô- nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên thần như vầy: '[Có những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương ... khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó.]' Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có trong những thiên thần, tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người giữ giới bố-tát của những thiên-thần, là người an trú với những thiên-thần, và chính bằng sự suy xét về những thiên-thần nên tâm người đó trở nên bình-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh tẩy bằng sự cố-gắng.

(TÁM GIỚI BỐ-TÁT:) (I) (1) "Này Visākhā, người đệ tử thánh thiện này biết suy xét (quán chiếu) như vầy:480 '[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]' (không sát sinh)

(2) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian- cắp, chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian-cắp; tôi chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp (gian lận, lừa gạt, manh mún, nhận hối lộ, nhận tiền mới giúp, tham nhũng ...). Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] (không gian cắp)

126 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

(3) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ hành vi dâm-dục và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly, kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm (mọi dạng chánh dâm, tà dâm, hay thủ dâm, thị dâm, ý dâm ...). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ hành vi tính-dục, và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly (ở riêng), kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm ... Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] (không dâm dục)

(4) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói- dối, nói sai sự thật; họ nói sự thật, giữ đúng sự thật; họ là những người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói-dối, nói sai sự thật; tôi chỉ nói sự thật, giữ đúng sự thật; tôi làm người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Tôi sẽ bắt

chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (không nói dối, không nói sai sự thật)

(5) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (không rượu bia, thuốc lá, ma túy, chất gây hại gây nghiện ...)

(6) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán chỉ ăn một bữa một ngày,481 kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (chỉ ăn một bữa ăn một ngày, ăn trước giờ ngọ, không ăn phi thời)

(7) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán kiêng cữ sự ca, múa, đàn

trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (không và không coi ca, múa, nhạc, kịch; không trang điểm, hóa trang, ăn diện, làm đẹp)

(8) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ nằm ngồi trên giường ghế cao và sang; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ việc nằm trên giường cao và sang; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (không nằm ngồi trên giường ghế cao sang sung sướng) "Này Visākhā, theo cách như vậy là sự giữ giới bố-tát của bậc thánh nhân. Khi một người đã giữ giới bố-tát của bậc thánh theo cách như vậy, thì sẽ mang lại kết quả và ích lợi, xán lạn (sáng sủa, sáng láng) và thấm nhập một cách khác thường (đặc biệt, phi thường).

(II) "Nó (sự giữ giới bố-tát) mang lại kết quả và ích lợi tới mức nào? Nó xán lạn và thấm nhập một cách khác thường đến mức nào? Này Visākhā, ví dụ như có người có được sự thống trị và đế quyền của mình đối với 16 nước lớn có chứa nhiều thứ thuộc hàng bảy-báu,482 đó là [các nước của dân tộc] Aṅgan, Magadha (Ma-kiệt-đà), Kāsi, Kosala (Kiều- tất-la), Vajji (Bạt-kỳ), Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, và Kamboja:483 thì điều này cũng không bằng 1/16 sự trai giới bố-tát toàn-bộ trong (bằng, với) tám chi- phần này (tám phần trai giới từ (1)-(8) nói trên). Vì lý do gì? Vì vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời. (i) "Đối với những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên

vương:484 01 ngày đêm là tương đương với 50 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 500 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(ii) “Đối với những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 100 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 1.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iii) “Đối với những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 200 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 2.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi- phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iv) “Đối với những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 400 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 4.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số

những thiên thần cõi trời Đâu-suất. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(v) “Đối với những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 800 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 8.000 năm cõi trời như vậy. Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời. (vi) “Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 1.600 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 16.000 năm cõi trời như vậy.

Này Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời." Không sát-sinh; không gian-cắp; Không nói-dối; không rượu, bia, hút, chích; Kiêng cữ dâm-dục, cả chánh dâm, tà dâm; Không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Không trang điểm, đeo vòng hoa, sức nước hoa, phấn sáp; Ngủ trên giường thấp thường hay chiếu trải trên đất; Đây được người ta gọi là ngày bố-tát tám trai giới Được tuyên dạy bởi Đức Phật—bậc đã đạt tới sự diệt-khổ. Khi nào mặt trời và mặt trăng còn quay chuyển,

Là còn chiếu sáng, và đó thật là tuyệt đẹp khi nhìn,
Là những thứ xua tan bóng tối, vẫn tuần hoàn trong vũ trụ,
Chúng chiếu sáng bầu trời,485 soi sáng khắp mọi phương.
Mọi của cải trong cõi giới này—
Từ trân châu, ngọc quý, và ngọc lưu ly,486
Vàng sừng bò hay vàng núi,
Và vàng thiên nhiên được gọi là haṭaka—487
Tất cả những thứ đó cũng không bằng một phần mười sáu,
So với sự giữ giới bố-tát (bát quan trai giới).
Giống như gom hết ánh sáng những vì sao (đang thấy),
Cũng không bằng sự phát sáng của mặt trăng.488
Bởi vậy, những người nam hay nữ có giới-hạnh,
Do đã luôn tuân giữ đầy đủ tám giới của những ngày bố-tát,
Sẽ đi—một cách không còn gì đáng chê,
Và sau khi đã tu tạo những công đức tạo ra hạnh-phúc—
Sẽ đi lên một cõi trời (sau khi chết).

NHÓM 3. ĀNANDA

71 (1) Channa Lúc đó có du sĩ tên Channa đến gặp Ngài Ānanda và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

"Này bạn Ānanda, các ông có chỉ định (chủ trương) dẹp bỏ tham, sân, si, hay không?"489 "Chúng tôi có, này bạn." "Nhưng, sự nguy-hại các ông đã nhìn thấy là gì mà các ông đã chỉ định sự dẹp bỏ tham, sân, si?"

(1) "Này bạn, người ta bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Nhưng, khi tham được dẹp bỏ, thì người ta không cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. "Người bị kích

thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì dính vào những hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái. Nhưng, khi tham được dẹp bỏ, thì người ta không dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Người bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì không hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, hay sự tốt lành cho cả mình và người. Nhưng, khi tham bị dẹp bỏ, thì người ta hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, và sự tốt lành cho cả mình và người. Tham-dục dẫn tới sự mù-quáng, sự mất sự- thấy, và sự thiếu sự-biết; tham là trở ngại cho trí-tuệ, là đồng hành của khổ-sở, và không dẫn tới Niết-bàn.

(2) “Người đầy sân-hận, bị chi phối bởi sân, với cái tâm bị ám muội bởi sân …

(3) “Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Nhưng, khi si được dẹp bỏ, thì người ta không cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. “Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì dính vào những hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái. Nhưng, khi si được dẹp bỏ, thì người ta không dính những hành-động sai trái, lời-nói sai trái, và tâm-ý sai trái. Người bị si-mê, bị chi phối bởi si,

với cái tâm bị ám muội bởi si, thì không hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, hay sự tốt lành cho cả mình và người. Nhưng, khi si đượcdẹp bỏ, người ta hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, và sự tốt lành cho cả mình và người. Si-mê dẫn tới sự mù-quáng, sự mất sự-thấy, và sự thiếu sự-biết; tham là trở ngại cho trí-tuệ, là đồng hành của khổ-sở, và không dẫn tới Niết-bàn. “Sau khi đã nhìn thấy những nguy-hại trong tham, sân, si như vậy, chúng tôi đã chỉ định sự (tu tập để) dẹp bỏ tham, sân, si.”

“Nhưng này bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si?” “Này bạn, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si.” “Nhưng, cái gì là con-đường đó, cái gì là đường-đi đó dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si?”

“Đơn giản đó là con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo), đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh- mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Đây là con-đường, là đường-đi dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si.” “Con-đường này thật hay, này bạn; đường-đi này thật hay để dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si. Này bạn Ānanda, nhiêu đó cũng đã đủ để (người tu) chuyên cần (tu tập).”

72 (2) Ājīvaka Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó có một gia chủ, là một đệ tử theo phái những Ājīvaka,490 đã đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy, và ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

• 133

“Thầy Ānanda, (1) Giáo Pháp của ai được giảng bày một cách hay khéo? (2) Ai trong thế gian đang tu tập phương cách tốt lành? (3) Ai trong thế gian là những bậc phúc-lành?”491 “Này gia chủ, vậy tôi sẽ hỏi chú về vấn đề này. Chú cứ trả lời nếu thấy được.

(1) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo? Theo chú thấy sao?”

“Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Theo tôi thì thấy như vậy.”

(2) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đang tu tập để dẹp- bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách (đường lối, phương pháp) tốt lành? Theo chú thấy sao?” “Những ai đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành. Theo tôi thì thấy như vậy.”

(3) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành (thiện thệ)? Theo chú thấy sao?” “Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành. Theo tôi thì thấy như vậy.” “Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố: ‘Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo.’ Chú đã tuyên bố: ‘Những ai đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian.’ Và chú đã tuyên bố: ‘Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh

trong tương lai, là những bậc phúc-lành trong thế gian.’” “Thưa thầy, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời; ở đây không có sự ca tụng Giáo Pháp của mình hay sự chê bai Giáo Pháp của người khác, mà chỉ có sự chỉ dạy Giáo Pháp theo đúng ý nghĩa [trong phạm vi (chức năng)] của nó. Chỉ tuyên bố ý nghĩa, chứ không đưa bản ngã (của người giảng dạy) vào trong đó.492 “Thưa thầy Ānanda, các thầy đã chỉ dạy Giáo Pháp để dẹp-bỏ tham, sân, si, nên Giáo Pháp của thầy là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Các thầy đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian. Các thầy đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, như vậy các thầy là những bậc phúc-lành trong thế gian. “Thật hay khéo, thưa thầy! Thật tuyệt vời, thưa thầy! Thánh tăng Ānanda đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau, cứ như thầy ấy đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn chúi đầu, khai mở những điều bị che dấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng những thấy mọi thứ. Thầy Ānanda, giờ con xin quy y nương tựa theo Đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong

thánh tăng Ānanda ghi nhận con là một đệ tử tại gia từ hôm nay đã quy y nương tựa đến cuối đời."

73 (3) Người Họ Thích-Ca Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-ca (Sakya), ở Ka- pilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, đã từ lâu, con hiểu Giáo Pháp được đức Thế Tôn chỉ

dạy như vầy: 'Sự-biết chỉ xảy đến đối với người đạt-định, không xảy đến đối với người thiếu sự định-tâm.' Thưa Thế Tôn, có phải sự định-tâm có trước sự-biết, hay sự-biết có trước sự định-tâm?" Rồi ý này xảy đến với Ngài: "Đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh, nhưng ông Mahānāma họ Thích-ca hỏi một câu hỏi rất sâu xa như vậy. Vậy ta nên dắt ông Mahānāma họ Thích-ca này ra chỗ khác và chỉ dạy Giáo Pháp cho ông ta." Rồi thầy Ānanda đã nắm tay ông Mahānāma họ Thích-ca ra chỗ khác, và nói với ông ta: "Đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân (còn tu) và giới-hạnh của bậc vô học nhân (tu xong), về sự định-tâm của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân.

(1) "Và, này chú Mahānāma, cái gì là giới-hạnh của người học nhân? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Đây được gọi là giới-hạnh của một người học nhân.

(2) "Và cái gì là sự định-tâm của một người học nhân?493 Ở đây: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … [tiếp tục 04 tầng thiền định như kinh 3:58 ở trên] … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự định-tâm của người học nhân.

(3) "Và cái gì là trí-tuệ của người học nhân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (bốn diệu đế) đúng như nó thực là: 'Đây là sự khổ', và 'Đây là nguồn-gốc khổ', và 'Đây là sự chấm-dứt khổ', và 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Đây được gọi là trí-tuệ của người học nhân. "Đến khi người đệ tử thánh thiện này đã hoàn thiện như vậy về giới- hạnh, về sự định-tâm, và về trí-tuệ (giới, định, tuệ), với sự đã tiêu diệt ô-

nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.494 "Này chú Mahānāma, chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân và giới-hạnh của bậc vô học nhân, về sự định-tâm của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân."

74 (4) Ni-Kiền-Tử Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong hội trường có mái nhọn trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm). Lúc đó có ông Abhaya và ông Paṇḍitakumāra người Licchavi đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy và ngồi xuống một bên.495 Rồi ông Abhaya người Licchavi đã nói với thầy Ānanda: “Thưa thầy, (giáo chủ) Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố mình biết-hết và thấy-hết và có sự-biết và sự-thấy bao trùm hết (sự toàn tri toàn kiến), [ông ta nói]: ‘Khi tôi đang đi, đang đứng, đang ngủ, và đang thức, đối với tôi sự-biết và sự-thấy là thường trực và liên tục có mặt đối với tôi.’496 Ông ta chủ trương sự chấm dứt nghiệp cũ bằng cách hành xác và sự phá bỏ cây cầu bằng cách không tạo thêm nghiệp mới nào nữa.497 Như vậy là, nhờ chấm dứt nghiệp, nên khổ chấm dứt. Nhờ chấm dứt khổ, nên cảm-giác chấm dứt. Nhờ chấm dứt cảm-giác nên tất cả mọi sự khổ đau đều được phai-mòn (phai biến). Đây là cách vượt qua sự khổ bằng sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn có thể trực tiếp nhìn thấy được ngay trong kiếp này.498 Đức Thế Tôn nói sao về điều này?” “Này Abhaya, ba loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn này đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và thấy, để (vì sự) thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương-pháp (đạo pháp), để chứng ngộ Niết-bàn. Ba đó là gì?

• 137

(1) “Ở đây, này Abhaya, một Tỳ kheo là có giới-hạnh … [tiếp tục như đoạn (1) trong kinh 3:73 ở trên] … Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần.499 Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(2) “Này Abhaya, sau khi một Tỳ kheo đã hoàn thiện như vậy về giới- hạnh, người đó: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … [tiếp tục 04 tầng thiền định như kinh 3:58 ở trên] … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(3) “Này Abhaya, sau khi Tỳ kheo đó đã hoàn thiện như vậy về giới- hạnh và sự định-tâm, rồi: ‘Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.500 “Này Abhaya, đây là ba loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và

thấy, để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương-pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn."

Sau khi điều này được nói ra, ông Paṇḍitakumāra người Liccvachi đã nói với ông Abhaya người Liccvachi rằng: "Này ông bạn Abhaya, ông không biết cảm ơn501 thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy hay sao?" "Này ông bạn, làm sao tôi có thể không cảm ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy? Nếu ai không biết ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo như vậy của thầy ấy, đầu người ấy chắc sẽ bể ra!"

75 (5) Nên Được Khuyến Khích Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: "Này Ānanda, những ai mà thầy có lòng bi-mẫn với họ và những ai nghĩ thầy cần nên được chú ý (lắng nghe, quan tâm), dù đó là bạn bè hay đồng nghiệp, người thân hay họ hàng, thì họ nên được thầy khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong ba điều. Ba đó là gì?

(1) "Họ nên được khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển502 về Đức Phật như vầy: '[Đức Thế Tôn là một bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác, bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]'

(2) "Họ nên được khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển về Giáo Pháp như vầy: '[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]'

(3) "Họ nên được khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển về Tăng Đoàn như vầy: '[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh

trực, đang tu tập cách thức chân thực; đó gồm, bốn cặp hạng người, tám loại người—Tăng Đoàn này của những đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được kính lễ, là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]'

"Này Ānanda, có thể có sự biến-đổi trong bốn yếu-tố lớn (tứ đại)— yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, và yếu tố—nhưng không thể có sự biến-đổi nào bên trong một người đệ tử thánh thiện đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật. Trong ngữ cảnh này, sự biến-đổi muốn nói tới ở đây là: người đệ tử thánh thiện này, người đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật, còn có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cảnh giới súc sinh, hay trong cõi hồn ma ngạ quỷ. Điều đó là không thể có. "Này Ānanda, có thể có sự biến-đổi trong bốn yếu-tố lớn—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố

nhiệt, và yếu tố—nhưng không thể có sự biến-đổi nào bên trong một người đệ tử thánh thiện đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn. Trong ngữ cảnh này, sự biến-đổi muốn nói tới ở đây là: người đệ tử thánh thiện này, người đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp … vào Tăng Đoàn, còn có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cảnh giới súc sinh, hay trong cõi hồn ma ngạ quỷ. Điều đó là không thể có. “Này Ānanda, những ai mà thầy có lòng bi-mẫn với họ và những ai nghĩ thầy cần nên được chú ý, dù đó là bạn bè hay đồng nghiệp, người thân hay họ hàng, thì họ nên được thầy khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong ba điều đó.”

76 (6) Sự Hiện Hữu Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hiện-hữu?”503

(1) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi dục giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi dục giới hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô- minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho thức được thiết lập trong một cõi thấp kém (nhược). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.504

(2) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi sắc giới hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô- minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho thức được thiết lập trong một cõi trung bình (trung). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(3) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi vô sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi vô sắc giới hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô- minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho thức được thiết lập trong một cõi tốt hơn (ưu). Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai. “Này Ānanda, theo cách như vậy là có sự hiện-hữu.”

77 (7) Ý Chí và Khát Vọng Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn …

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’. Thư Thế Tôn, theo cách nào là có sự hiện-hữu?”

(1) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi dục giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi dục giới hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô- minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho sự cố-ý (tư) và khát-vọng (nguyện)505 được thiết lập trong cõi thấp xấu. Theo cách như

vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(2) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi sắc giới hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô- minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho sự cố-ý và khát-vọng được thiết lập trong cõi ở giữa. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(3) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi vô sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi vô sắc giới hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô- minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho sự cố-ý và khát-vọng được thiết lập trong cõi cao thượng. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai. “Này Ānanda, theo cách như vậy là có sự hiện-hữu.”

78 (8) Sự Thiết Lập Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Ānanda, có phải tất cả giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bần], và đời-sống tâm linh [tu hành, phạm hạnh] sẽ kết quả tốt khi chúng được thiết lập thành cốt-lõi?”506 “Không phải hoàn toàn là vậy, thưa Thế Tôn.” “Vậy thì, này Ānanda, hãy phân giải ra coi.” “Thưa Thế Tôn, ví dụ có người tu dưỡng giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bần], và đời-sống tâm linh, thiết lập chúng thành cốt-lõi. Nếu những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện suy giảm, thì sự tu dưỡng giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bần], và đời-sống tâm linh, thiết lập chúng thành cốt-lõi, là không kết quả. Nhưng, nếu những phẩm chất bất thiện suy giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì sự tu dưỡng giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bần], và đời-sống tâm linh, thiết lập chúng thành cốt-lõi, là có kết quả.” Đây là điều thầy Ānanda đã nói. Vị Thầy đã đồng ý. Rồi thầy Ānan- da, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý’ nên đã kính lễ đức Thế Tôn, đi nhiễu quanh giữ đức Thế Tôn hướng bên phải của mình, và đi ra. Rồi không lâu sau khi thầy đi, Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, thầy Ānanda (còn) là một học nhân, nhưng không dễ gì tìm được người ngang bằng với thầy ấy về trí-tuệ.”

79 (9) Những Mùi Hương Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, có ba mùi hương này bay theo gió, không bay ngược gió. Ba đó là gì? Mùi hương của rễ cây, mùi hương của lõi cây, và mùi hương của hoa. Ba mùi hương này bay theo gió, không bay ngược gió. Có

mùi hương nào bay theo gió, bay ngược gió, và vừa bay theo gió vừa bay ngược gió?” “Có, này Ānanda, một loại mùi hương bay theo gió, bay ngược gió, và vừa bay theo gió vừa bay ngược gió.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, đó là mùi hương nào?” “Ở đây, này Ānanda, trong làng nào hay quận thị nào có một người đàn ông hay phụ nữ đã quy y

theo Phật, Pháp, Tăng; người đó có giới- hạnh và có tính cách thiện, kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói- dối nói láo, và uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật; và người đó sống ở nhà với một cái tâm không dính tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, hai tay mở rộng, vui thích sự từ-bỏ, tận tâm làm việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ—trong trường hợp đó, những những tu sĩ và bà-la-môn ở khắp nơi đều nói lời khen ngợi, họ nói rằng: 'Trong làng đó hay trong quận thị đó có người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng … vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.' "Những thiên thần và những loài phi nhân507 đều nói lời khen ngợi, họ nói rằng: 'Trong làng đó hay trong quận thị đó có người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng … vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.' "Này Ānanda, đây là mùi hương bay theo gió, bay ngược gió, vừa bay theo gió vừa bay ngược gió." Hương thơm của bông hoa, của cây tagara,508 Hay của hoa lài đều không bay ngược gió. Nhưng tiếng thơm của người thiện thì bay ngược gió: Tiếng thơm của người thiện lan tỏa khắp mọi phương.509

80 (10) Đệ Tử Abhibhū Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: "Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe điều này, trước

mặt đức Thế Tôn con đã học điều này: 'Abhibhū, một đệ tử của Đức Phật Sikhī, khi đang ở trong cõi trời Brahmā (phạm thiên), đã truyền giọng nói của mình qua toàn hệ mười ngàn thế giới.'510 Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có thể truyền giọng nói đi bao xa?" "Này Ānanda, vị ấy là một đệ tử; còn những Như Lai là không thể đo lường."511

Lần thứ hai … Lần thứ ba (thầy Ānanda vẫn lặp lại từ đầu câu hỏi trên) … (Đức Phật mới nói:) "Này Ānanda, thầy có nghe nói về hệ mười ngàn thế giới nhỏ chưa?" "Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn. Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành. Xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng. Sau khi nghe được lời dạy từ đức Thế Tôn, những Tỳ kheo sẽ ghi nhớ trong tâm." "Được rồi, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) "Hệ một ngàn thế giới là trong đó mặt trời và mặt trăng tuần hoàn và chiếu sáng mọi phương bằng ánh sáng của chúng thì được gọi là hệ một ngàn thế giới nhỏ (hệ tiểu thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp một.512 Trong hệ một ngàn thế giới nhỏ đó, có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi vua Tu-di (Sineru), một ngàn châu Jambudīpa (Diêm- phù-nề châu), một ngàn châu Aparagoyāna (Tây Ngưu Hóa châu), một ngàn châu Uttarakuru (Bắc Cu Vô châu), một ngàn châu Pubbavideha (Đông Thắng Thần châu),513 và một ngàn lần bốn đại dương; một ngàn lần tứ đại (thiên) vương, một ngàn cõi trời [của các thiên thần được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, một ngàn cõi trời Tāvatiṃsa (Đao-lợi), một ngàn cõi trời Yāma (Dạ-ma), một ngàn cõi trời Tusita (Đâu-suất), một ngàn cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên), một ngàn cõi trời của những thiên thần kiểm soát những thành quả của những thiên thần sáng tạo (Tha hóa tự tại thiên), một ngàn cõi trời brahmā (Phạm thiên).

(2) “Một hệ thế giới lớn gấp một ngàn lần hệ một ngàn thế giới nhỏ

• 145

thì được gọi là hệ một ngàn thế giới trung (hệ trung thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp hai; (= gồm một triệu thế giới nhỏ).514

(3) Một hệ thế giới lớn gấp một ngàn lần hệ một ngàn thế giới trung thì được gọi là hệ một ngàn thế giới lớn (hệ đại thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp ba; (= gồm một triệu thế giới trung). Này Ānanda, Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó?” “Ở đây, này Ānanda, Như Lai dùng sự phát quang của mình phủ chiếu hết hệ một ngàn thế giới lớn đó. Khi những chúng sinh ở đó nhận thấy ánh sáng đó, Như Lai sẽ phát ra giọng nói của mình và làm cho họ nghe được âm thanh giọng nói đó. Này Ānanda, chính theo cách như vậy Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó.”515 Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: “Đó là thiện phúc của con! Con đúng thật may phúc rằng Vị Thầy của con thật uy lực và uy dũng như vậy.” Sau khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, điều gì đối với thầy khiến thầy nói Vị Thầy của mình là thật uy lực và uy dũng?”516 Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với thầy Udāyī: “Đừng nói vậy, Udāyī! Đừng nói vậy, Udāyī!517 Này Udāyī, nếu thầy Ānanda có chết khi chưa sạch hết tham-dục, thì nhờ có niềm-tin của mình, thầy ấy sẽ bảy lần làm vua của những thiên thần trên cõi trời và bảy lần làm đại vương trong cõi Diêm-phù-nề [Jambudīpa] này. Tuy nhiên, thầy Ānanda sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng ngay trong kiếp này.”

NHÓM 4.

146 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

TU SĨ (SA-MÔN)

81 (1) Những Tu Sĩ “Này các Tỳ kheo, có ba trách phận của tu sĩ (sa-môn) nên được thực hành bởi tu sĩ. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh bậc cao, (2) nhận lãnh sự tu tập thiền-định bậc cao, và (3) nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ bậc cao. Đây là ba trách phận của tu sĩ nên được thực hành bởi tu sĩ. [giới, định, tuệ] “Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập thiền-định bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

82 (2) Con Lừa 518 “Này các Tỳ kheo, giả sử có một con lừa đang theo sau một đàn bò, [nó nghĩ]: ‘Ta cũng là bò mà, ta cũng là bò mà’.519 (1) Nhưng tướng mạo nó không giống bò, (2) tiếng kêu của nó không giống tiếng kêu của bò, và (3) dấu chân của nó không giống dấu chân của bò. Nhưng nó cứ đi theo sau đàn bò, [và nghĩ rằng]: “Ta cũng là bò mà, ta cũng là bò mà.’ “Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nọ đi theo sau

Tăng Đoàn, [nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là Tỳ kheo mà, ta cũng là Tỳ kheo mà.’

(1) Nhưng mong-muốn của người đó về việc nhận lãnh sự tu tập giới- hạnh bậc cao thì không giống những Tỳ kheo khác; (2) mong-muốn của người đó về việc nhận lãnh sự tu tập thiền-định bậc cao thì không giống những Tỳ kheo khác; (3) mong-muốn của người đó về việc nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ bậc cao thì không giống những Tỳ kheo khác. Nhưng người đó cứ đi theo sau Tăng Đoàn, [và nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là Tỳ kheo mà, ta cũng là Tỳ kheo mà.’

• 147

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập thiền-định bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

83 (3) Ruộng Đồng “Này các Tỳ kheo, đối với một nông dân có ba trách nhiệm căn bản này. Ba đó là gì? (1) Ở đây, trước tiên người nông dân cày bừa kỹ lưỡng ruộng đồng. (2) Kế tiếp, người đó gieo giống đúng lúc. (3) Và sau đó, người đó dẫn nước và thoát nước khi cần thiết. Đây là ba tách nhiệm căn bản của một nông dân. “Cũng giống như vậy, có ba trách-phận căn bản của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh bậc cao, (2) nhận lãnh sự tu tập thiền-định bậc cao, và (3) nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ bậc cao. Đây là ba trách-phận căn bản của một Tỳ kheo. “Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh bậc cao … sự tu tập thiền-định bậc cao … sự tu tập trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

84 (4) Người Vajji Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có một Tỳ kheo người Vajji (Bạt-kỳ) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành (điều luật, điều giới luật) cần phải đọc tụng. Con không thể tu tập cho xuể trong những giới luật đó.”

148 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

“Này Tỳ kheo, liệu thầy có thể tu ba phần tu tập, đó là: (1) sự tu tập giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu tập thiền-định bậc cao, và (3) sự tu tập trí-tuệ bậc cao, hay không?” “Dạ, con có thể, thưa Thế Tôn.” “Nếu vậy, này Tỳ kheo, hãy tu ba phần tu tập đó: tu tập giới-hạnh bậc cao, tu tập thiền-định bậc cao, và tu tập trí-tuệ bậc cao. Khi thầy tu tập trong ba sự tu tập đó, thầy sẽ dẹp bỏ tham, sân, si. Với sự dẹp bỏ tham, sân, si, thầy sẽ không làm điều gì bất thiện hoặc dính theo điều gì xấu ác.” Rồi, không lâu sau lần đó, vị Tỳ kheo đó đã tu tập được phần giới- hạnh bậc cao, thiền-định bậc cao, và trí-tuệ bậc cao. Khi thầy ấy đã tu tập trong ba phần tu tập đó, thầy ấy đã dẹp bỏ tham, sân, si. Với sự dẹp bỏ tham, sân, si, thầy ấy đã không còn làm điều gì bất thiện hoặc dính theo điều gì xấu ác.”

85 (5) Một Học Nhân Lúc đó có một Tỳ kheo đã đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘Một học nhân, một học nhân’. Theo cách nào là một học nhân?”

“Này Tỳ kheo, người đó tu học (tu tập) nên được gọi là một học nhân. Và người đó tu học về cái gì? Người đó tu học phần giới-hạnh bậc cao; người đó tu học phần thiền-định bậc cao; người đó tu học phần trí-tuệ bậc cao. Này Tỳ kheo, người đó tu học nên được gọi là một học nhân.” Khi người học nhân tu tập, Theo con đường chánh trực, Trí-biết về sự diệt-nhiễm (lậu tận minh) khởi sinh trước, Lập tức theo sau là trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán).520 Vậy đó, khi những gông-cùm hiện hữu bị tiêu diệt, Đối với người được giải thoát bằng trí-biết trực tiếp (tự trí),

• 149

Thì có trí-biết khởi sinh rằng: “Sự giải-thoát của ta là không còn lay chuyển.”521

86 (6) Tiến Trình Tu Tập (1) “Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành (điều luật, điều giới luật) cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới luật này. Tất cả những giới luật này được bao gồm trong ba phần tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu tập thiền-định bậc cao, và (3) sự tu tập trí-tuệ bậc cao. Đây là ba phần tu tập mà tất cả những giới luật đó đều được bao gồm trong đó. 1- “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân.522 Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó.523 Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) với đời sống tâm linh,524 thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó là một bậc thánh Nhập- lưu, không còn bị tái sinh vào cảnh giới thấp xấu, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của vị ấy. (bậc Nhập-lưu) 2- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu

tiên) và cộng với sự giảm-thiểu tham, sân, si, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (bậc Nhất-lai) 3- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ

và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), vị ấy là bậc tự động tái sinh (vào một cõi tịnh cư thiên), rồi sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian. (bậc Bất-lai) 4- "Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng của đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong những điều giới luật đó. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. (bậc A-la-hán) "Vậy đó, này các Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự toàn thiện. Ta nói, những giới luật tu hành này là không hề vô ích [cằn cỗi]."

87 (7) Tiến Trình Tu Tập (2)

• 151

"Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới luật này. Tất cả những giới luật này được bao gồm trong ba phần tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu tập thiền-định bậc cao, và (3) sự tu tập trí-tuệ bậc cao. Đây là ba phần tu tập mà tất cả những giới luật đều được bao gồm trong đó. 1- "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. (i) (a) Với sự phá sạch ba gông- cùm (đầu tiên), người đó thành 'người chứng-ngộ (Niết-bàn) trong tối đa bảy kiếp', (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt làm những thiên thần và làm người trong tối đa bảy kiếp, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ.525 (b) Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành 'người chứng-ngộ (tái sinh) từ gia đình này sang gia đình khác', (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt làm người từ hai đến ba kiếp trong những gia đình tốt, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (c) Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành 'người chứng-ngộ một-hạt-giống', (tức là) sau khi chỉ tái sinh một nữa làm người, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (ii) Với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), và cộng với sự giảm-thiểu tham, sân, si, người đó thành bậc Nhất-lai, sau khi quay trở lại thế gian chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. 2- "Một Tỳ kheo khác hoàn thành về

giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù

hợp cho) đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều giới luật đó. Với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), người đó thành người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên) … thành người chứng ngộ Niết-bàn với sự cố-gắng (thêm) … thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) … thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay sau khi tái sinh … thành người chứng ngộ Niết-bàn trong nữa-đầu kiếp sau.526 3- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều giới luật đó. Với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Vậy đó, này các Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự toàn thiện. Ta nói, những giới luật tu hành này là không hề vô ích [cằn cỗi].”

88 (8) Tiến Trình Tu Tập (3) “Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới luật tu hành cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới luật này. Tất cả những giới luật này được bao gồm trong ba phần tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu tập thiền-định bậc cao, và (3) sự tu tập trí-tuệ bậc cao. Đây

là ba phần tu tập mà tất cả những giới luật đều được bao gồm trong đó. 1- “Ở đây, một Tỳ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền- định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới luật là nền tảng cho đời sống tâm linh, là tương thích với (phù hợp cho) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều giới luật đó. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

2- “Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó (tức thánh quả A-la-hán),527 thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), người đó thành một người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau. Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó thành một người chứng-ngộ Niết-bàn ngay sau khi tái sinh … thành người chứng-ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) … thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) … thành người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 5 cõi tịnh cư thiên dành cho những bậc thánh Bất-lai)

3- (a) “Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), cộng với sự giảm-thiểu tham, sân, si, người đó thành bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (b) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ một-hạt-giống’, (tức là) sau khi chỉ tái sinh một lần nữa làm người, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (c) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá

sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ (tái sinh) từ gia đình này sang gia đình khác’, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt từ hai hay ba lần nữa trong các gia đình tốt, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. (d) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành ‘người chứng-ngộ trong tối đa bảy kiếp’, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt làm những thiên thần và làm người trong tối đa bảy kiếp, vị ấy sẽ làm nên sự diệt-khổ. “Vậy đó, này các Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự hoàn thiện. Ta nói, những giới luật tu hành này là không hề vô ích [cằn cỗi].”

89 (9) Những Phần Tu Tập (1) “Này các Tỳ kheo, có ba sự tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập về giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu tập về thiền-định bậc cao, và (3) sự tu tập về trí-tuệ bậc cao. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập về giới-hạnh bậc cao? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Đây được gọi là sự tu tập giới-hạnh bậc cao.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập về thiền-định (tu tập tâm) bậc cao? Ở đây: (i) Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự tu tập thiền-định bậc cao. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập về trí-tuệ bậc cao? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là sự

chấm-dứt khổ' … 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Đây được gọi là sự tu tập về trí-tuệ bậc cao. "Này các Tỳ kheo, đây là ba phần tu tập."

90 (10) Những Phần Tu Tập (2) "Này các Tỳ kheo, có ba sự tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập về giới-hạnh bậc cao, (2) sự tu tập về thiền-định bậc cao, và (3) sự tu tập về trí-tuệ bậc cao. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập về giới-hạnh bậc cao? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Đây được gọi là sự tu tập về giới-hạnh bậc cao.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập về thiền-định (tu tập tâm) bậc cao? Ở đây: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự tu tập về thiền-định bậc cao. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập về trí-tuệ bậc cao? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. "Này các Tỳ kheo, đây là ba phần tu tập." Năng lượng, mạnh mẽ, và kiên định, Thiền tập, có chánh-niệm, các căn được phòng hộ, Người nên tu tập giới-hạnh bậc cao, Thiền-định (tâm) bậc cao, và trí-tuệ bậc cao.

Trước sao, sau vậy; sau sao, trước vậy;
Dưới sao, trên vậy; trên sao, dưới vậy;
Ngày sao, đêm vậy; đêm sao, ngày vậy,
Sau khi đã vượt trên tất cả mọi phương,
Với sự định-tâm vô lượng.528
Họ gọi người đó là bậc học-nhân đang trên đường đạo,
Người có đức hạnh được thanh lọc.
Họ gọi vị đó là bậc giác-ngộ trong thế gian,
Một bậc trí hiền đã hoàn thành sự tu-tập.529
Đối với người được giải-thoát bằng sự tiêu diệt dục-vọng,
Chính bằng sự chấm-dứt của thức,
Nên sự giải-thoát của tâm
Là giống như sự tắt đi của một ngọn đèn.530

91 (11) Ở Paṅkadhā Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành ở xứ những dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó đang đến thị trấn Paṅkadhā của những người Kosala. Rồi đức Thế Tôn trú lại gần Paṅkadhā. Bấy giờ, vào lúc đó có Tỳ kheo tên Kassapagotta, là dân cư ở Paṅkadhā. Ở đó đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo

Pháp liên quan đến những giới luật tu hành. Rồi, trong lúc đức Thế Tôn đang chỉ dạy … bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, Tỳ kheo Kassapagotta trở nên bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: “Vị sa-môn này (tức Phật) quá nghiêm khắc”.531 Rồi, sau khi trú ở Pańkadhā ít lâu theo như mình muốn, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến Rājagaha (Vương Xá). Sau thời gian đi du hành, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Rājagaha. Ở đó, tại Rājagaha, đức Thế Tôn trú

• 157

trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Còn đối với Tỳ kheo Kassapagotta, không lâu sau khi đức Thế Tôn rời khỏi thị trấn đó, cảm thấy đầy lo-lắng và hối-tiếc, [nghĩ rằng]: “Đúng là vô phúc và mất mát cho ta, trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà ta lại bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Giờ ta phải đi gặp đức Thế Tôn để thú tội với bậc ấy.” Rồi Tỳ kheo Kassapagotta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, lên đường đi Rājagaha. Cuối cùng thầy ấy cũng đến Rājagaha và đi đến Đỉnh Núi Kền Kền. Thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, trong lần vừa rồi khi đức Thế Tôn đang ở thị trấn Pańkadhā của những người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành. Trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy … mà con lại trở nên bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Rồi, sau khi trú ở Pańkadhā ít lâu theo ý mình, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến Rājagaha. Không lâu sau khi đức Thế Tôn rời khỏi thị trấn đó, con đầy lo-lắng và hối-tiếc, [nghĩ rằng]: ‘Đúng là vô phúc và mất mát cho ta khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy … bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà con lại bất nhẫn và cay đắng, [cho rằng]: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Cho nên giờ con phải đến gặp Thế Tôn để thú tội với Thế Tôn.’ “Thưa Thế Tôn, con đã phạm một tội trong đó, khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà con lại bất nhẫn và cay đắng một cách thật ngu xuẩn, ngu đần, và không thiện khéo, với ý nghĩ rằng: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Thưa Thế Tôn, con xin đức Thế Tôn hãy chấp nhận sự phạm tội của con đã được nhìn thấy là một tội, để con biết kiềm-chế trong tương lai.” “Chắc chắn rồi, này Kassapa, thầy đã phạm vào một tội trong đó, khi

ta đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới luật tu hành, mà thầy lại bất nhẫn và cay đắng một cách thật ngu xuẩn, ngu đần, và không thiện khéo, với ý nghĩ rằng: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Nhưng do thầy đã nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, và thực thi tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, nên chúng ta chấp nhận lời thú tội đó. Bởi điều đó cho thấy có sự tăng trưởng trong giới luật của Thánh Nhân, rằng một người (phạm tội) nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, thực thi tu sửa nó theo

đúng Giáo Pháp, và đảm nhận sự kiềm-chế trong tương lai.

(A) (1) "Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thâm niên (tuổi hạ nhiều, trưởng lão)532 không muốn tu tập và không nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó không khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó không nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta không nói lời đề cao loại Tỳ kheo thâm niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy đó, và những người kết giao với thầy đó sẽ làm theo gương thầy đó. Nếu họ theo gương thầy đó, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. Do vậy ta không nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó.

(2) "Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ trung) ... (3) "Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thiếu niên (tuổi hạ ít) không muốn tu tập và không nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó không khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó không nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta không nói lời đề cao loại Tỳ kheo thiếu niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó thì họ sẽ thân giao với thầy đó, và những người thân giao với thầy đó sẽ làm theo gương thầy đó. Nếu họ theo gương thầy đó, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. Do vậy ta không nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó.

• 159

(B) (1) "Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thâm niên mong muốn tu tập và nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta sẽ nói lời đề cao loại Tỳ kheo thâm niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy ấy, và những người kết giao với thầy ấy sẽ làm theo gương thầy ấy. Nếu họ theo gương thầy ấy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích- lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Do vậy ta mới nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thâm niên đó.

(2) "Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo trung niên ... (3) "Này Kassapa, nếu một Tỳ kheo thiếu niên muốn tu tập và nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó khuyến khích việc huấn luyện những Tỳ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật và đúng lúc đối với những Tỳ kheo mong muốn tu tập, thì ta sẽ nói lời đề cao loại Tỳ kheo thiếu niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy ấy, và những người thân giao với thầy ấy sẽ làm theo gương thầy ấy. Nếu họ theo gương thầy ấy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Do vậy ta mới nói lời khen ngợi loại Tỳ kheo thiếu niên đó."

NHÓM 5. HỘT MUỐI 533

92 (1) Cấp Thiết "Này các Tỳ kheo, có ba công việc cấp thiết của một nông dân.534 Ba đó là gì? (1) Trước nhất, người nông dân phải nhanh chóng cày kỹ và bừa kỹ ruộng đất.

(2) Tiếp theo, người đó nhanh chóng gieo hạt giống. (3) Và tiếp theo, người đó nhanh chóng tưới nước và xả nước cho ruộng đất. Đây là ba công việc cấp thiết của một người nông dân.

“Người nông dân này không có thần lực hay thần thông nào để dùng nó mà ra lệnh: ‘Này cây cối của ta, bữa nay phải mọc lên! Ngày mai lớn lên! Ngày mốt đơm bông kết quả!’ Thay vì vậy, nhờ có sự biến chuyển của mùa vụ nên mới có các thời cây mọc, thời cây lớn lên, và thời cây đơm hoa kết quả. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba công việc cấp thiết của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu tập về giới-hạnh bậc cao, (2) nhận lãnh sự tu tập về thiền-định bậc cao, và (3) nhận lãnh sự tu tập về trí-tuệ bậc cao. Đây là ba công việc cấp thiết của một Tỳ kheo. “Tỳ kheo này không có thần lực hay thần thông nào để dùng nó mà ra lệnh: ‘Này tâm của ta, bữa nay phải được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp; hay ngày mai phải được giải-thoát … hay ngày mốt phải được giải-thoát!’ Thay vì vậy, nhờ Tỳ kheo này tu tập phần giới- hạnh bậc cao, phần thiền-định bậc cao, và phần trí-tuệ bậc cao, nên mới có khả năng đến lúc nào đó tâm người đó sẽ được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp. “Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập về giới-hạnh bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập về thiền-định bậc cao; chúng ta sẽ có mong-muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập về trí-tuệ bậc cao.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

93 (2) Sự Tách Ly “Này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác (khác đạo, ngoại đạo) quy định ba loại sự tách-ly. Ba đó là gì? Sự tách ly đối với y-phục, sự tách ly đối thức-ăn khất thực, và sự tách ly đối với chỗ-ở tiện nghi.535 “Này các Tỳ kheo, những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với y-phục là như vầy: họ mặc y-phục làm từ sợi cây gai, y-phục làm từ vải pha sợi gai, y-phục làm từ giẻ rách; y-phục làm từ vỏ cây, từ da dê núi, từ

những miếng da dê núi; y-phục làm từ cỏ kusa, làm từ vải làm từ vỏ cây, hay vải làm từ bột gỗ mọt cưa; một tấm mền làm từ lông thú hay len lông thú, một tấm phủ làm từ lông cánh chim cú. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với y-phục là như vậy. “Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với thức-ăn là như vầy: họ ăn rau xanh, hạt kê, gạo nương, vỏ khoai, rong rêu, cám gạo, cặn gạo, bột mè, cỏ lá, hoặc phân bò. Họ sống nhờ ăn rễ cây rừng và trái cây; họ sống nhờ ăn trái cây rụng. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với thức-ăn là như vậy. “Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với chỗ-ở tiện nghi là như vầy: họ sống trong rừng, dưới gốc cây, ở nghĩa địa, ở những chỗ-ở trong rừng sâu hay rừng rẫy; ở ngoài trời, ở đống rơm, ở trong kho chứa rơm rạ. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với chỗ-ở tiện nghi là như vậy. “Đây là ba loại sự tách-ly mà những tu sĩ giáo phái khác quy định. “Còn theo Giáo Pháp và giới luật này, này các Tỳ kheo, có ba loại sự tách-ly mà một Tỳ

kheo phải có được. Ba đó là gì?

“Ở đây, (1) một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó đã dẹp bỏ sự thất- đức (trái giới hạnh, bất chính) và giữ mình tách ly khỏi sự thất-đức đó. (2) Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); người đó đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và giữ mình tách ly khỏi những tà-kiến đó.536 (3) Người đó là người đã tiêu diệt ô-nhiễm; người đó đã dẹp bỏ mọi ô- nhiễm và giữ mình tách ly khỏi những ô-nhiễm đó. “Khi một Tỳ kheo có giới-hạnh, là người đã dẹp bỏ sự thất-đức và giữ mình tách ly khỏi sự thất-đức; khi người đó là người có chánh-kiến, là người đã dẹp bỏ tà-kiến, và giữ mình tách ly khỏi những tà-kiến; khi người đó đã tiêu diệt ô-nhiễm, là người đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm, và giữ mình tách ly khỏi những ô-nhiễm, thì vị ấy được gọi là người đã chứng đắc điều tốt-nhất, đã chứng đắc điều cốt-lõi, là người thanh-khiết, được thiết lập trong điều cốt-lõi.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nông dân khi ruộng lúa nương của ông ta đã chín vàng. Người nông dân đó phải nhanh chóng gặt chúng. Rồi nhanh chóng gom bó chúng lại. Rồi nhanh chóng chở về sân đập lúa. Rồi nhanh chóng chất chúng lên, đập chúng, loại bỏ thân rơm, loại bỏ rạ nát, và quạt sảy cho ra lúa sạch. Rồi nhanh chóng đưa lúa sạch qua chỗ khác, giã chúng, và loại bỏ vỏ trấu. Theo cách như vậy, người nông dân có được những hạt gạo là thứ tốt-nhất, đã đạt được thứ cốt-lõi, là thanh-túy, được thiết lập trong thứ cốt-lõi. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có giới- hạnh … là người có chánh-kiến … là người đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm, và giữ mình tách ly khỏi những ô-nhiễm, thì vị ấy được gọi là người đã chứng đắc điều tốt-nhất, đã chứng đắc điều cốt-lõi, là người thanh-khiết, được thiết lập trong điều cốt-lõi.”

94 (3) Mùa Thu 537 “Này các Tỳ kheo, cũng giống như, vào mùa thu, khi trời trong và không mây, mặt trời mọc lên sẽ xua tan màn đêm tối khỏi không gian khi nó phát sáng và chiếu sáng. Cũng giống như vậy, khi con mắt Giáo Pháp (pháp nhãn) không còn dính bụi, không còn dính nhiễm, khởi sinh bên trong người đệ tử thánh thiện, rồi cùng với sự khởi sinh sự-thấy (tầm nhìn), thì người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ được ba gông-cùm (đầu tiên): (1) quan-điểm có cái ‘ta’ (thân kiến), (2) sự nghi-ngờ, và (3) sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới- cấm thủ).538 “Tiếp theo đó, người đó từ bỏ hai trạng thái tham và sân; rồi: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Này các Tỳ kheo, nếu người đệ tử thánh thiện này có qua đời trong lúc đó, thì

cũng không còn gông-cùm nào trói buộc vị ấy quay lại thế gian này nữa.”539

95 (4) Hội Chúng “Này các Tỳ kheo, có ba loại hội (tăng) chúng.540 Ba đó là gì? Hội chúng những người ưu việt, hội chúng bị chia rẽ, và hội chúng hòa hợp.

(1) “Và cái gì là hội chúng những người ưu việt? Ở đây, trong loại hội chúng này, những Tỳ kheo trưởng lão không sống xa hoa và lơi lỏng, nhưng dẹp bỏ sự tụt lùi, và dẫn đầu về sự sống tách-ly lánh trần; họ phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. [Những người] thế hệ kế tiếp noi gương làm theo họ. Họ cũng không sống xa hoa và lơi lỏng, nhưng dẹp bỏ sự tụt lùi, và cũng dẫn đầu về sự sống tách-ly lánh trần; họ cũng phát khởi sự nỗ-lực để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Đây được gọi là hội chúng những ưu việt.

(2) “Và cái gì là hội chúng bị chia rẽ? Hội chúng trong đó các Tỳ kheo hay tranh luận và cãi vả và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ: đó được gọi là hội chúng bị chia rẽ.

(3) “Và cái gì là hội chúng hòa hợp? Hội chúng trong đó các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ: đó được gọi là hội chúng hòa hợp. “Khi những Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, thì trong thời đó họ tích tạo nhiều công- đức. Trong thời đó, những Tỳ kheo an trú trong một cõi trời, đó là, sự giải-thoát của tâm nhờ sự tùy-hỷ. Khi một người hoan hỷ, thì sự khoan

khoái khởi sinh. Với một người có tâm khoan khoái, thân trở nên tĩnh lặng. Người có thân tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh phúc. Với người cảm thấy hạnh phúc, tâm trở nên đạt định. “Giống như, khi trời mưa và nước mưa xuống trên đỉnh núi, nước chảy xuống theo dốc núi và đổ đầy những khe núi, khe suối, khe lạch; sau khi tích đầy nó chảy ra những ao hồ; rồi tích đầy nó chảy ra những hồ lớn; rồi tích đầy nó chảy ra những con suối; rồi tích đầy nó chảy ra những con sông; và rồi tích đầy nó chảy ra biển cả. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, thì trong thời đó họ tích tạo nhiều công-đức. Trong thời đó, những Tỳ kheo an trú trong một cõi trời, đó là, sự giải-thoát của tâm nhờ sự tùy-hỷ. Khi một người hoan hỷ, thì sự khoan khoái khởi sinh. Với một người có tâm khoan khoái, thân trở nên tĩnh lặng. Người có thân tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh phúc. Với người cảm thấy hạnh phúc, tâm trở nên đạt định “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại hội chúng.”

96 (5) Thuần Chủng (1) “Này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố thì một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của vua, là một thứ của vua, và được cho là một yếu tố của vương quyền. Ba đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua có được vẻ-đẹp, sức-mạnh, và tốc-độ. Có được ba yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của vua … là một yếu tố của vương quyền. “Cũng giống như vậy, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng

gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp, sức-mạnh, và tốc-độ.

• 165

(1) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp.

(2) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được sức-mạnh? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và để đạt được những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ là khỏi bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được sức-mạnh.

(3) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ' ... 'Đây là sự chấm-dứt khổ' ... 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc-độ. "Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

97 (6) Thuần Chủng (2) [Giống kinh 3:96 kế trên, chỉ khác yếu tố thứ (3) như sau:]

(3) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, với sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo thành bậc tự động tái sinh (trong một cõi tịnh cư thiên; thành bậc Bất-lai), và sẽ chứng ngộ Niết-bàn luôn ở đó chứ không còn quay lại thế gian. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc-độ. "Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

98 (7) Thuần Chủng (3) [Giống kinh 3:96 kế trên, chỉ khác yếu tố thứ (3) như sau:]

(3) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc-độ. "Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

99 (8) Vải Làm Từ Vỏ Cây (I) "Này các Tỳ kheo, khi còn mới, tấm vải làm từ vỏ cây541 là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Khi (còn) được mặc,542 tấm vải làm từ vỏ cây là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Khi đã cũ, tấm vải làm từ vỏ cây là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Họ chỉ dùng vải cũ làm từ vỏ cây để lau chùi

xoong nồi hoặc quăng nó ra đống rác.

(1) (i)543 “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo thiếu niên là thất-đức (thiếu giới-hạnh), có tính-cách xấu. Ta nói rằng, đây được coi là sự thô ráp của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là thô ráp, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(ii) “Đối với những ai giao lưu với người đó, nương dựa vào người đó, phục vụ người đó, và theo gương người đó, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. Ta nói rằng, đây được coi là sự khó chịu (cái hại, cái khổ) khi tiếp xúc của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là khó chịu khi tiếp xúc, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(iii) “Khi người đó nhận y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, thì sự [nhận lấy] này không mang lại phước quả

• 167

hay lợi ích lớn lao nào cho những người cúng dường [những thứ đó]. Ta nói rằng, đây được coi là sự ít giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là ít giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(2) “Nếu một Tỳ kheo trung-niên là thất-đức … (3) “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên là thất-đức, thuộc tính-cách xấu, ta nói rằng, đây được coi là sự thô ráp của người đó … sự khó chịu (cái hại, cái khổ) khi tiếp xúc của người đó … sự ít giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là ít giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy. “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên như loại đó phát biểu giữa Tăng đoàn, các Tỳ kheo sẽ nói với người đó: ‘Này người ngu si, kém cõi, điều gì cho thầy cái quyền phát biểu? Thầy nghĩ mình cũng được phép phát biểu hay sao?’ Rồi người đó bất mãn, nổi giận và nói ra những lời mà dựa theo đó Tăng Đoàn có thể trục xuất người đó, giống như quăng bỏ một tấm vải làm từ vỏ cây ra ngoài đống rác vậy.544

(II) “Này các Tỳ kheo, khi còn mới, tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Khi được mặc, tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Khi đã cũ, tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Họ còn dùng vải cũ làm từ lụa Kāsi để bao quấn những châu báu hoặc cất giữ nó trong hộp có hương thơm.

(1) (i) “Cũng giống như vậy, nếu một Tỳ kheo thiếu niên là có giới- hạnh, thuộc tính-cách thiện, ta nói, đây được coi như vẻ đẹp của người đó. Giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(ii) “Đối với những ai giao lưu với người đó, nương dụa vào người đó, phục vụ người đó, và theo gương người đó, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Ta nói rằng, đây được coi là sự dễ chịu (cái lợi, cái lạc) khi tiếp xúc của người đó. Giống như tấm vải làm lụa Kāsi là dễ chịu khi tiếp xúc, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(iii) “Khi người đó nhận y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, thì sự [nhận lấy] này sẽ mang lại phước quả hay lợi ích lớn lao cho những người cúng dường [những thứ đó]. Ta nói rằng, đây được coi là sự có giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi là có giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(2) “Nếu một Tỳ kheo trung-niên là có giới-hạnh … (3) “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên là có giới-hạnh, thuộc tính-cách thiện, ta nói, đây được coi là vẻ đẹp của người đó … là sự dễ chịu (cái lợi, cái lạc) khi tiếp xúc của người đó … là sự có giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi là có giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy. “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên như loại đó phát biểu giữa Tăng đoàn, các Tỳ kheo sẽ nói với nhau: ‘Này các quý thầy hãy giữ im lặng. Vị Tỳ kheo trưởng lão đang nói về Giáo Pháp và giới luật.’ Những lời nói của vị ấy nên được bảo lưu, giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi nên được cất giữ trong hộp có hương thơm vậy.545 “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi, không giống vải làm từ vỏ cây.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

100 (9) Hột Muối “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: ‘Một người nếm trải nghiệp một cách chính xác theo cách người đó đã tạo nó’—trong trường hợp như vậy thì không thể có sự sống đời sống tâm linh và không thấy có cơ hội nào để làm được sự diệt-khổ hoàn toàn.546 Nhưng nếu họ nói như vầy: ‘Khi một người ta tạo nghiệp nó sẽ được nếm trải theo một cách nào đó (sướng hay khổ), thì người đó nếm trải quả của nó một cách chĩnh xác theo cách như vậy (sướng hay khổ)’—trong trường hợp như vậy thì có thể có sự sống đời sống tâm linh và thấy có cơ hội để làm được sự hoàn toàn

• 169

diệt-khổ.547

(I) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người đã tạo những nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; có người khác cũng tạo những nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó (quả báo) được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều. (i) “Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ nó dẫn người đó tới địa ngục’? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và thuộc tính-cách ti tiện,548 và người đó sống trong sự khổ đau.549 Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục. (ii) “Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều’? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và thuộc tính-cách cao cả, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng).550 Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy, nó sẽ được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.551

(1) “Ví dụ một người bỏ một hột muối vô một chén nhỏ đựng nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Hột muối đó làm lượng nước nhỏ trong cái chén552 bị mặn và khó uống, phải không?” “Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì nước trong chén là hạn hẹp, nên hột muối làm nó mặn và khó uống.” “Nhưng ví dụ một người bỏ hột muối

xuống sông Hằng. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Hột muối đó làm cho nước sông Hằng mặn và khó uống, hay không?" "Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì sông Hằng chứa nước lượng nước rất lớn, nên hột muối không làm nó mặn và khó uống." "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người ở đây đã tạo nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; trong khi có người

khác tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều. "Loại người nào 'tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục'? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và thuộc tính-cách ti tiện, và người đó sống trong sự khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục. "Loại người nào 'tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều'? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và thuộc tính-cách cao cả, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng). Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy, nó sẽ được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

(2) "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền [đồng kahāpaṇa], một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền; trong khi đó có người khác không bị bắt tù vì [ăn cắp] số tiền y hệt vậy. 553 "Loại người nào bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền? Ở đây, có người nghèo khó, nghèo mọi thứ của cải. Người như vậy bị bắt tù vì nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền. "Loại người nào không bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền? Ở đây, có người giàu có, giàu có mọi thứ của cải. Người như vậy không bị bắt tù vì nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người ở đây đã tạo nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; trong khi có người khác tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều. "Loại người nào 'tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục'? Ở

đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và thuộc tính-cách ti tiện, và người đó sống trong sự khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục. "Loại người nào 'tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều'? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và thuộc tính-cách cao cả, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng). Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy, nó sẽ được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

(3) “Này các Tỳ kheo, như trường hợp một người buôn cừu [hay người hàng thịt là người có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội một người ăn cắp cừu của ông ta, nhưng không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội một người khác cũng ăn cắp cừu của ông ta. “Loại người nào554 mà người buôn cừu ‘có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội vì ăn cắp cừu của ông ta’? Người nghèo khó, nghèo mọi thứ của cải. Người buôn cừu hay người bán thịt có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội người (nghèo) như vậy vì ăn cắp cừu của ông ta. “Loại người nào mà người buôn cừu ‘không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội vì ăn cắp cừu của ông ta’? Người giàu có, giàu có mọi thứ của cải. Người buôn cừu hay người bán thịt không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội người (giàu) như vậy vì ăn cắp cừu của ông ta; ông ta chỉ có thể năn nỉ người đó: ‘Thưa ngài, làm ơn trả lại cừu hay trả tiền cừu cho tôi.’ “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người ở đây đã tạo nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; trong khi có người khác tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều. “Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục’? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí-tuệ

(tuệ); người đó là hạn hẹp và thuộc tính-cách ti tiện, và người đó sống trong sự khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục. “Loại người nào ‘tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều’? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và thuộc tính-cách cao cả, và người đó an trú không hạn lượng (vô hạn lượng). Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy, nó sẽ được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn thấy chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều. “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: ‘Một người nếm trải nghiệp một cách chính xác theo cách người đó đã tạo nó’—trong trường hợp như vậy thì không thể có sự sống đời sống tâm linh và không thấy có cơ hội nào để làm được sự diệt-khổ hoàn toàn. Nhưng nếu họ nói như vầy: ‘Khi một người ta tạo nghiệp nó sẽ được nếm trải theo một cách nào đó (sướng hay khổ), thì người đó nếm trải quả của nó một cách chĩnh xác theo cách như vậy (sướng hay khổ)’—trong trường hợp như vậy thì có thể có sự sống đời sống tâm linh và thấy có cơ hội để làm được sự hoàn toàn diệt- khổ.

101 (10) Người Đãi Vàng (i) “Này các Tỳ kheo, có những thứ thô lớn trong vàng thô, như: đất, đá mạt, đá sỏi. Giờ người đãi vàng [hay người học việc của ông ta] trước tiên đổ vàng thô vào máng, và rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô lớn, còn lại những thứ thô vừa trong vàng thô, như: đá mạt mịn và cát thô. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô vừa, còn lại những thứ thô nhỏ, như: cát mịn và bụi đen. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô nhỏ, giờ còn lại những hột vàng thô. (ii) “Giờ người thợ nấu vàng [hay người học việc của ông ta] đổ

những hạt vàng thô vào trong nồi nấu, và thổi lửa, và nấu chảy nó ra, và tinh cất nó. Nhưng sau khi đã nấu tan chảy như vậy, vàng vẫn chưa được lắn tụ và tạp chất vẫn chưa hoàn toàn được loại bỏ.555 Vàng vẫn chưa được dễ uốn nắn (tinh dẻo), dễ sử dụng, và phát sáng (ánh kim); giờ vàng vẫn còn giòn (dễ gảy, chưa tinh dẻo) và chưa đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. (iii) "Nhưng người thợ nấu vàng tiếp tục thổi lửa, nấu chảy ra, và tinh cất nó, đến một lúc vàng sẽ lắn tụ và tạp chất hoàn toàn được loại bỏ. Lúc này vàng đã được dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và ánh kim, đã dẻo dai và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người ta muốn dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý họ—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miệng bằng vàng—thì họ đều có thể làm được.

(iv) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, (1) khi một Tỳ kheo hết mình tu tập phần tâm bậc cao [thiền-định], lúc đó vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô lớn, như: hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô lớn đó. (2) Sau khi làm được vậy, vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô vừa, như: những ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô vừa đó. (3) Sau khi làm được như vậy, vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô nhỏ, như: những ý nghĩ về người thân quyến thuộc,556 những ý nghĩ về xứ sở đất nước, và những ý nghĩ về danh tiếng của mình.557 Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô nhỏ đó. (4) Sau khi đã làm được vậy, vẫn còn những ý nghĩ liên quan Giáo Pháp.558 Sự định-tâm đó là không bình-an và siêu-phàm, không được đạt bằng/tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn (những ô-nhiễm),559 không đạt tới sự hợp-nhất, chỉ do được chế ngự và duy trì bằng cách trấn áp [những ô-nhiễm] mà có.560 (vi) "Nhưng, này các Tỳ kheo, (5) rồi sẽ đến một lúc khi tâm của người tu từ trong nội tại được vững chắc, bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt

định. Giờ sự định-tâm đó là bình-an và siêu-phàm, đạt được bằng/tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn (những ô-nhiễm), và đạt tới sự hợp-nhất; chứ không phải chỉ do được chế ngự và duy trì bằng cách trấn áp mạnh [những ô-nhiễm] mà có.561 Lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy, thì người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.562

(1) "Nếu người đó ước:563 'Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (biến hóa thông): biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; tay sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā', thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(2) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(3) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông). Tôi hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng, cao vời] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là

• 175

không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát’,564 thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(4) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là: người đó nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh ; nhiều đại kiếp thế giới than-hoại, nhiều đại kiếp thế giới tiến-hóa, nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa; như vầy (trong một kiếp nào đó): ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; sau khi qua đời từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia … rồi ở chỗ kia ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; sau khi qua đời từ chỗ kia, ta đã được tái sinh vào ở đây.’ Như vậy đó, người đó đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.’—Cầu cho tôi có thể nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(5) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi: với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá đúng theo nghiệp của mình như vầy: ‘Những chúng sinh này dính vào hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm; là người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân người đó tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh

giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia có hành-vi đúng

đắn bằng thân, lời-nói và tâm; là những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.'— Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, cầu cho tôi có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy', thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp."

(6) "Nếu người đó ước: 'Cầu cho tôi, sau khi tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tôi sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, tôi sẽ an trú trong đó', thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp."

102 (11) Thợ Nấu Vàng 565 "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là hết mình vì (để tu được) phần tâm bậc cao (= thiền định), thì nhiều lúc nên có sự chú-tâm tới ba dấu-hiệu (tướng).566 (1) Lúc này lúc khác có sự chú-tâm (tác ý) tới dấu hiệu của sự định-tâm, (2) lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố- gắng, và (3) lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả. (1) - "Nếu một Tỳ kheo hết mình vì (để tu được) phần tâm bậc cao mà chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng lười-biếng. Nếu người đó chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng bất-an. Nếu người đó chỉ chú- tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả thì có thể tâm người đó sẽ không đạt- định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng, khi một Tỳ kheo hết mình vì phần tâm bậc cao lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu

hiệu của sự định-tâm, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả, thì tâm người đó sẽ thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, được mềm dẻo (nhu nguyến) và đạt định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu diệt ô- nhiễm. "Này các Tỳ kheo, ví dụ một thợ nấu vàng [hay người học việc của ông ta] chuẩn bị lò lửa, đun nóng nồi nấu vàng, lấy kiềm gấp những cục vàng thô bỏ vô nồi nấu. Rồi, lúc này lúc khác ông ta thổi lửa nó, lúc này lúc khác ông ta phun nước lên nó, và lúc này lúc khác ông ta canh nhìn nó. Nếu người thợ nấu vàng chỉ lo thổi (khè) lửa của lò nấu thì có thể vàng bị nấu quá lửa (như cháy khô). Nếu ông ta chỉ lo phun nước lên nó thì có thể vàng bị nguội (như không tan chảy được để tinh cất). Nếu ông ta chỉ lo canh nhìn nó thì có thể sẽ không đạt tới độ tinh cất đúng đắn (như do không lo khâu lửa, khâu nước). Nhưng nếu người thợ nấu vàng lúc này lúc khác thổi lửa lò nấu, lúc này lúc khác phun nước lên nó, lúc này lúc khác canh nhìn nó,

thì vàng sẽ thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, sẽ thành mềm dẻo và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người thợ nấu vàng dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý ông—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miệng bằng vàng—thì ông đều có thể làm được. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hết mình vì phần tâm bậc cao, người đó lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới ba dấu-hiệu. Người đó lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm, lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố- gắng, và lúc này lúc khác nên có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả. (2) - “Nếu một Tỳ kheo hết mình vì (để tu được) phần tâm bậc cao mà chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng lười-biếng. Nếu người đó chỉ chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố- gắng thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng bất-an. Nếu người đó chỉ chú- tâm tới dấu-hiệu của sự buông-xả thì có thể tâm người đó sẽ không đạt- định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng, khi một Tỳ

kheo hết mình vì phần tâm bậc cao lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự định-tâm, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự cố-gắng, lúc này lúc khác có sự chú-tâm tới dấu hiệu của sự buông-xả, thì tâm người đó sẽ thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, được mềm dẻo dai và đạt định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm. Rồi, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy, thì người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó. (3) - “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau … [tiếp tục y hệt 06 đoạn “ước” về 06 loại trí- biết trực tiếp như kinh 3:101 kế trên cho tới cuối kinh] … thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.”

• 179

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1. SỰ GIÁC NGỘ

103 (1) Trước Kia “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: (1) ‘Cái gì là sự thỏa- thích trong thế gian? (2) Cái gì là sự nguy-hại trong thế gian? (3) Cái gì là sự thoát-khỏi thế gian?’567 “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng và vui khởi sinh tùy thuộc vào thế giới: đây là sự thỏa-thích trong thế gian. Mà thế giới là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là sự nguy-hại trong thế gian. Và sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thế giới: đây là sự thoát-khỏi thế giới.’ “Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế

gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā ... và loài người. "Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.'"

104 (2) Sự Thỏa Thích (1) 568 (1) Này các Tỳ kheo, ta quyết tâm tìm ra sự thỏa-thích trong thế gian. Mọi sự thỏa-thích có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ sự thỏa-thích trong thế gian với xa tới mức nào.

(2) "Ta quyết tâm tìm ra sự nguy-hại trong thế gian. Mọi sự nguy-hại có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí-tuệ sự nguy-hại trong thế gian với xa tới mức nào.

(3) "Ta quyết tâm tìm ra sự thoát-khỏi thế gian. Mọi sự thoát-khỏi thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí tuệ sự thoát-khỏi thế gian với xa tới mức nào. "Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā ... và loài người. "Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.'"

105 (3) Sự Thỏa Thích (2) "Này các Tỳ kheo, (1) nếu không có sự thỏa-thích trong thế gian thì chúng sinh đâu say mê với nó; nhưng bởi vì có sự thỏa-thích trong thế

gian nên chúng sinh mới say mê với nó. (2) Nếu không có sự nguy-hại trong thế gian thì chúng sinh đâu chán ngán (hết say mê, tỉnh ngộ) với nó; nhưng bởi vì có sự nguy-hại trong thế gian nên chúng sinh chán ngán với nó. (3) Nếu không có sự thoát-khỏi thế gian thì chúng sinh đâu (có thể) thoát khỏi thế gian; nhưng bởi vì có sự thoát-khỏi thế gian nên chúng sinh mới (có thể) giải thoát khỏi thế gian. "Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi chúng sinh chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại là sự nguy-hại, sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì họ vẫn chưa thoát-khỏi thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người; họ chưa được thoát-ly khỏi nó, chưa được giải-thoát khỏi nó, và cũng chưa được an-trú với một cái tâm không còn những rào- cản (của vòng luân-hồi). Nhưng khi chúng sinh đã trực-tiếp biết sự thỏa- thích trong thế gian là sự thỏa-thích, sự nguy-hại

là sự nguy-hại, sự thoát- khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là, thì họ đã thoát-khỏi thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā … và loài người; họ đã được thoát-ly khỏi nó, đã được giải-thoát khỏi nó, và cũng đã an-trú với một cái tâm không còn những rào-cản."

106 (4) Những Tu Sĩ569 "Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được (1) sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa-thích, (2) sự nguy-hại là sự nguy- hại, và (3) sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi đúng như chúng thực là: những người này ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị này, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, cho nên ngay trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh).

"Nhưng những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được (1) sự thỏa-thích

trong thế gian là sự thỏa-thích, (2) sự nguy-hại là sự nguy-hại, và (3) sự thoát-khỏi thế gian là sự thoát-khỏi, đúng như chúng thực là: những người này ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la- môn, và những vị này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, cho nên ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ [sa-môn] hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn."

107 (5) La Khóc "Này các Tỳ kheo, (1) trong giới luật của Thánh Nhân, ca hát là la khóc. (2) Trong giới luật của Thánh Nhân, nhảy múa là điên khùng. (3) Trong giới luật của Thánh Nhân, cười quá lố, cười lòi răng, là trò con nít. Do vậy, này các Tỳ kheo, đối với sự ca hát và nhảy múa [hãy phá bỏ chúng như] sự phá bỏ cây cầu. Khi nào các thầy thấy vui mừng với Giáo Pháp, chỉ cần mỉm cười nhẹ nhàng."570

108 (6) Không Thỏa Mãn Hết "Này các Tỳ kheo có, có ba sự hưởng thụ không bao giờ thỏa mãn hết (đã thèm, hết thèm). Ba đó là gì? (1) Sự ngủ. (2) Sự uống rượu nặng, rượu nhẹ (hay dùng những chất gây nghiện). (3) Quan hệ tính dục. Có ba sự hưởng thụ không bao giờ thỏa mãn hết."

109 (7) Mái Nhà Nóc Nhọn (1) Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông rằng: (1) "Này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp) đều không được phòng hộ. "Với những người có những việc-làm [sự làm, sự hành động] của

thân, của miệng, của tâm không được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm bị ô nhiễm.571 Với những người có những việc- làm của thân, của miệng, của tâm bị ô nhiễm thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại [thối nát, đổi bại]. Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại thì sẽ không có cái chết tốt lành.572 "Ví dụ một mái nhà có mái nhọn được che lợp một cách tồi tệ: thì đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không được bảo vệ; đỉnh mái

nhà, những thanh xà, và tường vách bị nhiễm dơ (bị dột nước); đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách bị mục nát. “Cũng giống như vậy, này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm đều không được phòng hộ … Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm bị lụn bại thì sẽ không có cái chết tốt lành. (2) “Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp) đều không được phòng hộ. “Với những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm được phòng hộ thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm không bị ô nhiễm. Với những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị ô nhiễm thì những nghiệp của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại [không thối nát, không suy đồi]. Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại thì sẽ có cái chết tốt lành. “Ví dụ một mái nhà có mái nhọn được che lợp một cách hay khéo: thì đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách được bảo vệ; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị nhiễm dơ (không bị dột nước); đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị mục nát. “Cũng giống như vậy, này gia chủ, khi tâm được phòng hộ thì những hành-động của thân, của miệng, và của tâm đều được phòng hộ … Những người có những việc-làm của thân, của miệng, của tâm không bị lụn bại

thì sẽ có cái chết tốt lành.”

110 (8) Mái Nhà Nóc Nhọn (2) [Giống hệt kinh kế trên, chỉ khác là những tính từ “không được phòng hộ”, “bị ô nhiễm”, “lụn bại” được thay bởi 01 tính từ là “hư hỏng” [hư bại, thất bại, không được].]

111 (9) Những Nguyên Nhân (1) (I) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi tham, được sinh ra từ tham, được gây ra bởi tham, khởi sinh từ tham, đều là bất thiện và đáng chê trách và kết quả thành sự khổ đau. Nghiệp đó dẫn tới sự khởi sinh nghiệp, không dẫn tới sự chấm dứt nghiệp.573

(2) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi sân … (3) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi si, được sinh ra từ si, được gây ra bởi si, khởi sinh từ si, đều là bất thiện và đáng chê trách và kết quả thành sự khổ đau. Nghiệp đó dẫn tới sự khởi sinh nghiệp, không dẫn tới sự chấm dứt nghiệp. “Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.574 (II) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân [khác] này làm khởi sinh nghiệp.575 Ba đó là gì? Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-tham, được sinh ra từ vô-tham, được gây ra bởi vô-tham, khởi sinh từ vô-tham, đều là thiện lành và không

bị chê trách và kết quả thành sự hạnh-phúc. Nghiệp đó dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, không dẫn tới sự khởi sinh nghiệp.

(2) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-sân … (3) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-si, được sinh ra từ vô-si, được gây ra bởi vô-si, khởi sinh từ vô-si, đều là thiện lành và không bị chê trách và kết quả thành sự hạnh-phúc. Nghiệp đó dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, không dẫn tới sự khởi sinh nghiệp. “Đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

112 (10) Những Nguyên Nhân (2) (I) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ (những thứ đó) vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. (2) Tham- muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. (3) Tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. (đây là chỉ những thứ kích thích tham-dục trong quá khứ, trong tương lai và trong hiện tại).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục- dục? Một người cứ suy nghĩ về và bằng tâm xem xét những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. Khi người đó làm vậy thì tham-muốn khởi sinh. Khi tham-muốn phát sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê thuộc/của tâm là cái ta gọi là gông-cùm. Chính theo cách như vậy tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục- dục? Một người cứ suy nghĩ về và bằng tâm xem xét những thứ trong

tương lai vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. Khi người đó làm vậy thì tham-muốn khởi sinh. Khi tham-muốn phát sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê của tâm là cái ta gọi là gông-cùm. Chính theo cách như vậy tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục- dục? Một người cứ suy nghĩ về và bằng tâm xem xét những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. Khi người đó làm vậy thì tham-muốn khởi sinh. Khi tham-muốn phát sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê thuộc/của tâm là cái ta gọi là gông-cùm. Chính theo cách như vậy tham-muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. “Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.576 (II) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Tham-muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. (2) Tham- muốn không khởi sinh liên

quan tới những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. (3) Tham-muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục- dục.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham-muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục? Một người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó.577 Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã chọc thủng (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy.578 Chính theo cách như vậy là tham- muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục.

• 187

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham-muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục? Một người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó. Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã chọc thủng (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Chính theo cách như vậy là tham-muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham-muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục? Một người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó. Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã chọc thủng (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Chính theo cách như vậy là tham-muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham-muốn và nhục-dục. “Đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

NHÓM 2. RỚT VÀO CẢNH GIỚI ĐÀY ĐỌA

113 (1) Rớt Vào Cảnh Giới Đày Đọa “Này các Tỳ kheo, có ba loại người, nếu họ không dẹp bỏ điều này [tội lỗi của họ], sẽ bị rớt vào [hướng tới] cảnh giới đày đọa, bị rớt vào địa ngục. Ba đó là gì? (1) Người không sống độc-thân nhưng tuyên bố mình sống độc-thân; (2) người vu khống người khác thực sự sống độc-thân là không sống độc-thân; (3) người nắm giữ một giáo-lý và cách-nhìn như vầy: ‘Dục-lạc chẳng gì là tội lỗi’, và người đó sa ngã trong sự thụ hưởng

dục-lạc.579 Đây là ba loại người, nếu họ không dẹp bỏ điều này [tội lỗi của họ], sẽ bị rớt vào [hướng tới] cảnh giới đày đọa, bị rớt vào địa ngục.”

114 (2) Hiếm Thay “Này các Tỳ kheo, sự xuất hiện (hiện thị, có mặt) của ba người này là hiếm thay trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Hiếm thay trong thế gian có sự xuất hiện của

Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (2) Hiếm thay trong thế gian có người chỉ dạy Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai. (3) Hiếm thay trong thế gian có người biết ơn và nhớ hơn. Sự xuất hiện của ba người này là hiếm thay trong thế gian."

115 (3) Không Thể Đo Lường "Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người dễ được đo lường, người khó đo lường, và người không thể đo lường.

(1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người dễ được đo lường? Ở đây, có người là bất an, bộp chộp, bản thân vô tích sự, nói nhiều, nói búa xua này nọ; tâm trí rối loạn, không có sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt- định, với một cái tâm mời-rối (thất niệm), với các căn lơi lỏng (không được kiềm chế, không được phòng hộ). Đây được gọi là người dễ được đo lường.

(2) "Và cái gì là người khó đo lường? Ở đây, có người không bất an, không bộp chộp, bản thân không vô tích sự; người đó không nói nhiều, không nói búa xua này nọ; người đó có sự chánh-niệm được thiết lập và thường rõ-biết, có đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, với các căn được kiềm chế. Đây được gọi là người khó đo lường.

(3) "Và cái gì là người không thể đo lường? Ở đây, có người là bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm. Đây được gọi là người không thể đo lường.

• 189

"Đây là ba loại người thấy có trong thế gian."

116 (4) Bất Chuyển Đổi "Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) "Ở đây, này các Tỳ kheo: 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va- chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', có người chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Người đó thích thú cảnh giới đó, ham-muốn cảnh giới đó, và tìm thấy sự thỏa-thích trong đó. Nếu người đó vững-chắc trong nó, tập-trung (chú định) vào nó, thường an-trú trong nó, và đã không mất (không rớt khỏi) nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc không vô biên xứ. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc không vô biên xứ là 20.000 đại kiếp. Người phàm phu đó sẽ ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết toàn bộ tuổi thọ của những thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hay cảnh giới ngạ quỷ thống khổ.580 Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết toàn bộ tuổi thọ của những thiên thần ở đó, họ sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) ngay trong cảnh giới hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.581

(2) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', có người chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].'

Người đó thích thú cảnh giới đó, ham- muốn cảnh giới đó, và tìm thấy sự thỏa-thích trong đó. Nếu người đó vững-chắc trong nó, tập-trung (chú định) vào nó, thường an-trú trong nó, và đã không mất (không rớt khỏi) nó khi chết, thì người đó được tái sinh

trong số những thiên thần thuộc thức vô biên xứ. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc thức vô biên xứ là 40.000 đại kiếp. Người phàm phu đó sẽ ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết toàn bộ tuổi thọ của những thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hay cảnh giới ngạ quỷ thống khổ. Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết toàn bộ tuổi thọ của những thiên thần ở đó, họ sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) ngay trong cảnh giới hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

(3) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', có người chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' Người đó thích thú cảnh giới đó, ham-muốn cảnh giới đó, và tìm thấy sự thỏa-thích trong đó. Nếu người đó vững-chắc trong nó, tập-trung (chú định) vào nó, thường an-trú trong nó, và đã không mất (không rớt khỏi) nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc vô sở hữu xứ. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc cảnh xứ trống không là 60.000 đại kiếp. Người phàm phu đó sẽ ở cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hoặc xuống cảnh giới hồn ma ngạ quỷ bị đày đọa. Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ ở đó, họ sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ngay trong cảnh giới hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện và người phàm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không. "Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian."

117 (5) Những Thất Bại và Thành Tựu

• 191

(I) "Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về giới-hạnh, sự thất bại về tâm, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) "Và cái gì là sự thất bại về giới-hạnh? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt- gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự thất bại về giới-hạnh.

(2) "Và cái gì là sự thất bại về tâm? Ở đây, có người đầy sự thèm- muốn và có một cái tâm ác-ý. Đây được gọi là sự thất bại về tâm. (3) "Và cái gì là sự thất bại về cách-nhìn? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có tầm-nhìn sai trái như vầy: (đối với họ) ['Không thứ gì (cần, nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng

hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Đây được gọi là sự thất bại về cách-nhìn. (không có được chánh-kiến). "Do có sự thất bại về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Do có sự thất bại về tâm … Do có sự thất bại về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. "Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại. (II) "Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về tâm, và sự thành tựu về cách-nhìn. (1) "Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, có người không

sát-sinh, không gian-cắp, không tà-dâm tà dục, không nói-dối nói láo, không nói lời gây chia-rẽ, không nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và không nói lời tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự thành tựu về giới-hạnh. (2) "Và cái gì là sự thành tựu về tâm? Ở đây, có người không sự thèm-muốn và có một cái tâm không ác-ý. Đây được gọi là sự thành tựu về tâm. (3) "Và cái gì là sự thành tựu về cách-nhìn? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có tầm-nhìn chánh đúng, như vầy: (đối với họ) ['Có thứ (cần, nên) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Đây được gọi là sự thành tựu về cách-nhìn, (có chánh kiến). "Do có sự thành tựu về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm … Do có sự thành tựu về cách- nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. "Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu."

118 (6) Súc Sắc (I) "Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về giới-hạnh, sự thất bại về tâm, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) "Và cái gì là sự thất bại về giới-hạnh? Ở đây, có người sát-sinh … (2) … (3) … [giống đoạn (1), (2), (3) trước trong kinh 3:117 kế trên]

• 193

"Do có sự thất bại về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí

trong địa ngục. Do có sự thất bại về tâm … Do có sự thất bại về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Giống như hột súc sắc (nặng),582 khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống. Cũng giống như vậy, do có sự thất bại về giới- hạnh … sự thất bại về tâm … sự thất bại về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó (chắc chắn) bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. “Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại. (II) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về tâm, và sự thành tựu về cách-nhìn. (1) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, có người không sát-sinh … (2) … (3) … [giống đoạn (1), (2), (3) sau trong kinh 3:117 kế trên]

“Do có sự thành tựu về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm … Do có sự thành tựu về cách- nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

“Giống như hột súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống. Cũng giống như vậy, do có sự thành tựu về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó (chắc chắn) được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm … Do có sự thành tựu về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. “Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

119 (7) Hành Động … (I) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về hành-động, sự thất bại về sự mưu-sinh, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thất bại về hành-động (nghiệp)? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự thất bại về hành-động. (không có chánh nghiệp)

(2) “Và cái gì là sự thất bại về sự mưu-sinh (mạng)? Ở đây, có người có sự mưu sinh sai trái và nuôi sống bản thân bằng loại sự mưu sinh sai trái đó. Đây được gọi là sự thất bại về sự mưu sinh. (không có chánh mạng)

(3) “Và cái gì là sự thất bại về cách-nhìn (kiến)? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến) và có tầm-nhìn không chánh đúng, như vầy: (đối với họ) [‘Không thứ gì (cần, nên) được cho đi … [giống như đoạn (3) thứ nhất trong kinh 3:117 ở trên] …’] Đây được gọi là sự thất bại về cách-nhìn. (không có chánh kiến) “Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại. (II) “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về hành-động, sự thành tựu về sự mưu-sinh, và sự thành tựu về cách- nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thành tựu về hành-động (nghiệp)? Ở đây, có người không sát-sinh, không gian-cắp, không tà-dâm tà dục, không nói- dối nói láo, không nói lời gây chia-rẽ, không nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và không nói lời tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự

thành tựu về giới- hạnh. (có chánh nghiệp)

(2) “Và cái gì là sự thành tựu về sự mưu-sinh (mạng)? Ở đây, có người có sự công việc mưu sinh chân chính và nuôi sống bản thân bằng loại sự mưu sinh chân chính đó. Đây được gọi là sự thành tựu về sự mưu sinh. (có chánh mạng)

• 195

(3) “Và cái gì là sự thành tựu về cách-nhìn (kiến)? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn và có tầm-nhìn chánh đúng, như vầy: (đối với họ): [‘Có thứ (cần, nên) được cho đi … [giống đoạn (3) thứ hai trong kinh 3:117 ở trên] …’] Đây được gọi là sự thành tựu về cách-nhìn. (có chánh kiến)

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

120 (8) Sự Trong Sạch (1) “Này các Tỳ kheo, có ba sự trong-sạch (thanh tịnh) này. Ba đó là gì? Sự trong sạch về thân (thân tịnh), sự trong sạch về lời-nói (khẩu tịnh), sự trong sạch về tâm (tâm tịnh).

(1) “Và cái gì là sự trong sạch về thân (hành động)? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, và tà-dâm tà dục. Đây được gọi là sự trong sạch về thân.

(2) “Và cái gì là sự trong sạch về lời-nói? Ở đây, có người kiêng cữ nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự trong sạch về lời-nói.

(3) “Và cái gì là sự trong sạch về tâm? Ở đây, có người không có sự thèm-muốn, không sự ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là sự trong sạch về tâm. “Này các Tỳ kheo, đây là ba sự trong sạch.”

121 (9) Sự Trong Sạch (2) “Này các Tỳ kheo, có ba sự trong-sạch (thanh tịnh) này. Ba đó là gì? Sự trong sạch về thân (thân tịnh), sự trong sạch về lời-nói (khẩu tịnh), sự trong sạch về tâm (tâm tịnh). (1) “Và cái gì là sự trong sạch về thân (hành động)? … [như kinh kế trên]

196 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

(2) “Và cái gì là sự trong sạch về lời-nói? … [như kinh kế trên] (3) “Và cái gì là sự trong sạch của tâm?583 Ở đây, Ở đây, (i) khi đang có tham-dục trong (tâm) mình, một Tỳ kheo hiểu ‘Có tham-dục trong ta’; hoặc khi không có tham-dục trong mình, người đó hiểu ‘Không có tham- dục trong ta’; và người đó cũng hiểu cách tham-dục chưa khởi sinh (đang) khởi sinh, và cách tham-dục đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách tham-dục đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.’ “(ii) Khi có sự ác-ý trong mình … (iii) Khi có sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) trong mình … (iv) Khi có sự bất-an và hối-tiếc (trạo hối) trong mình … (v) Khi có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu ‘Có sự nghi-ngờ trong ta’; hoặc khi không có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu ‘Không có sự nghi-ngờ trong ta’; và người đó cũng hiểu cách sự nghi-ngờ chưa khởi sinh khởi sinh, và cách sự nghi-ngờ đã khởi sinh bị từ bỏ, và cách sự nghi-ngờ đã bị từ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai. Đây được gọi là sự trong sạch của tâm. “Này các Tỳ kheo,

đây là ba sự trong sạch.” Trong sạch về thân, trong sạch về lời-nói, Trong sạch về tâm, không còn ô-nhiễm: Được gọi là người thanh-khiết, Đã thành tựu về sự thanh-lọc, Là “người đã tẩy sạch sự xấu ác”.

122 (10) Sự Hiền Trí “Này các Tỳ kheo, có ba loại sự khôn-ngoan này. Ba đó là gì? Sự hiền trí về thân, sự hiền trí về lời-nói, và sự hiền trí về tâm.

(1) “Và cái gì là sự hiền trí về thân (hành động)? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, và tà-dâm tà dục. Đây được gọi là sự hiền trí về thân.

(2) “Và cái gì là sự hiền trí về lời-nói? Ở đây, có người kiêng cữ nói-

dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là sự hiền trí về lời-nói.

(3) “Và cái gì là sự hiền trí về tâm? Ở đây, một Tỳ kheo, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là sự hiền trí về tâm. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại sự hiền trí.” Một bậc hiền trí về thân, một bậc hiền trí về lời-nói, Một bậc hiền trí về tâm, không còn ô-nhiễm: Được gọi là người hiền trí, Đã thành tựu về sự hiền trí, Là “người đã dẹp bỏ tất cả”.

NHÓM 3. BHARAṆḌU 584

123 (1) Kusinārā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā (Câu-thi-na), trong khu rừng rậm Baliharaṇa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo … (I) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nhờ dựa vào một xóm làng hay thị xã. Một gia chủ [hay con trai của ông ta] đến gặp Tỳ kheo đó và thỉnh mời thầy ấy đến dùng cơm trưa ngày mai. Nếu muốn, Tỳ kheo đó chấp chận lời mời. Rồi đêm qua đi, vào buổi sáng Tỳ kheo đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của gia chủ đó. Thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và gia chủ đó tự tay phục vụ và làm vui lòng thầy ấy bằng nhiều món ngon khác nhau. (1) Ý này xảy đến với thầy ấy: ‘Thiệt là tốt, vị gia chủ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau!’ (2) Ý này xảy đến với thầy ấy: ‘Mong sao sau này vị gia chủ này cũng sẽ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau y như vậy!’ (3) Thầy ấy dùng thức ăn khi tâm bị dính theo thức ăn, mê thích nó, bị cuốn hút trong nó một cách mù quáng; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và không hiểu được sự thoát-khỏi khỏi nó. Thầy đó nghĩ những ý nghĩ tham-dục liên quan đến nó; thầy đó nghĩ những ý nghĩ ác-ý; thầy đó nghĩ những ý nghĩ gây-hại. Ta nói rằng, những thức ăn cúng dường cho một Tỳ kheo như vậy là không có phước quả lớn lao. Vì lý do gì? Vì Tỳ kheo đó là không chuyên chú (lơ tâm, phóng dật). (II) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nhờ dựa vào một xóm làng hay thị xã. Một gia chủ [hay con trai của ông ta] đến gặp Tỳ kheo đó và thỉnh mời thầy ấy đến dùng cơm trưa ngày mai. Nếu muốn, Tỳ kheo đó chấp chận lời mời. Rồi đêm

qua đi, vào buổi sáng Tỳ kheo đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của gia chủ hay con trai của ông ta. Thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và gia chủ đó tự tay phục vụ và làm vui lòng thầy ấy bằng nhiều món ngon khác nhau. (1) Ý này không xảy đến với thầy ấy: 'Thiệt là tốt, vị gia chủ tự tay phục

• 199

vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau!' (2) Ý này không xảy đến với thầy ấy: 'Mong sao sau này vị gia chủ này cũng sẽ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau y như vậy!' (3) Thầy ấy dùng thức ăn mà tâm không bị dính theo thức ăn, không mê thích nó, không bị cuốn hút trong nó một cách mù quáng; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Thầy đó nghĩ những ý nghĩ từ-bỏ (xuất ly) liên quan đến nó; người đó nghĩ những ý nghĩ thiện-ý; thầy đó nghĩ những ý nghĩ vô-hại. Ta nói rằng, những thức ăn cúng dường cho một Tỳ kheo như vậy là có phước quả lớn lao. Vì lý do gì? Vì Tỳ kheo đó là có chuyên chú (chú ý, không phóng dật)."

124 (2) Tranh Cãi (I) "Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã, và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, ta thấy khó chịu đến mức không muốn nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó, lấy chi còn muốn đi đến đó. Ta kết luận về họ: 'Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.'

"Cái gì là ba điều họ đã dẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ (xuất ly, buông bỏ), những ý nghĩ thiện-ý, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã dẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ tham- dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, ta kết luận về họ: 'Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều khác.' (II) "Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, ta thấy dễ chịu như muốn đi đến đó, chứ không chỉ thích nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó. Ta kết luận về họ: 'Chắc chắn, những vị ấy đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng

200 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

ba điều.' "Cái gì là ba điều họ đã dẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã dẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện- ý, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, ta kết luận về họ: 'Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.'"

125 (3) Đền Gotamaka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong Ngôi Đền Gotamaka.585 Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo …

“Này các Tỳ kheo, (1) ta chỉ dạy Giáo Pháp là thông qua trí-biết trực tiếp (nhờ tự trí), không phải không thông qua trí-biết trực tiếp (không phải nhờ tha trí). (2) Ta chỉ dạy Giáo Pháp là với/có cơ-sở, không phải không có cơ-sở. (3) Ta chỉ dạy Giáo Pháp là mang tính giải độc (như tham, sân, si).586 Do ta chỉ dạy Giáo Pháp thông qua trí-biết trực tiếp, không phải không thông qua trí-biết trực tiếp; do ta chỉ dạy Giáo Pháp là có cơ-sở, không phải không có cơ-sở; do ta chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc, không phải không mang tín giải độc, cho nên sự khởi xướng của ta nên được thực thi, sự chỉ dạy của ta nên được thực thi. Bấy nhiêu cũng đủ cho các thầy hân hoan, đủ cho các thầy vui mừng, đủ cho các thầy hoan hỷ rằng: ‘Đức Thế Tôn đã giác-ngộ toàn thiện! Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo! Tăng Đoàn đang tu tập đạo tốt lành!’” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo vui mừng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi lời này đã được nói ra, hệ một ngàn thế giới rung chuyển.

• 201

126 (4) Bharaṇḍu Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tất-la), lúc đó đang đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Ông Mahānāma (Đại Danh) là người họ tộc Thích-ca (Sakya) đã nghe nói: “Đức Thế Tôn mới đến Kapilavatthu.” Lúc đó ông Mahānāma họ Thích- ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này Mahānāma, chú hãy đi tìm một chỗ nghỉ thích hợp ở Kapilavat- thu để chúng ta có thể ở qua đêm ở đó.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi vô thành Ka- pilavatthu, tìm khắp trong thành nhưng không thấy chỗ nào thích hợp để đức Thế Tôn ở qua đêm. Vì vậy ông quay trở lại và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, khắp trong thành Kapilavatthu không có chỗ nào thích hợp để Thế Tôn nghỉ qua đêm. Nhưng có ông Bharaṇḍu người Kālāma, trước đây từng là người cùng tu [đồng phạm hạnh, cùng là tu sĩ tâm linh]587 với Thế Tôn, [ông ấy đang ở đây]. Thế Tôn có thể nghỉ qua đêm ở nơi ẩn cư của ông ấy.”

“Được Mahānāma, hãy đi trải tấm lót cho ta (nằm).” “Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi đến chỗ ẩn cư của Bharaṇḍu, chuẩn bị tấm lót nằm, đặt sẵn nước rửa chân, rồi quay lại chỗ đức Thế Tôn, và thưa: “Thưa Thế Tôn, con đã trải bị tấm lót nằm, và chuẩn bị nước rửa chân. Giờ Thế Tôn có thể tùy tiện đến đó.” Rồi đức Thế Tôn đã đi đến chỗ ẩn cư của Bharaṇḍu, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và rửa chân. Rồi ý này đã xảy đến với ông Mahānāma: “Lúc này không thích hợp ở lại đây với đức Thế Tôn, vì Thế Tôn đã mệt. Để ngày mai mình ghé thăm Thế Tôn.” Rồi ông kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và ra về. Rồi, sau khi đêm đã qua, sáng hôm sau ông Mahānāma đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi

xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông: “Này Mahānāma, có ba loại thầy được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này Mahānāma, có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục- lạc [khoái-lạc giác quan], nhưng không dạy về thân-sắc hay cảm-giác. (2) Có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu

về dục-lạc và thân-sắc, nhưng không dạy về cảm-giác. (3) Có thầy thì dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc, thân-sắc, và cảm-giác. Đây là ba loại thầy được thấy có trong thế gian. Vậy mục tiêu của ba lọai thầy này là giống nhau hay khác nhau?" Khi điều này được nói ra, Bharaṇḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma." Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma". Lần thứ hai … Lần thứ ba, Bharaṇḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma.". Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: "Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma". Rồi ý này đã xảy đến với Bharaṇḍu: "Sa-môn Cồ-đàm đã nói ngược với ta ba lần như vậy trước mặt người có nhiều ảnh hưởng như ông Mahānāma họ Thích-ca. Vậy tốt hơn ta nên rời khỏi Kapilavatthu". Sau đó ông Kālāma đã đi khỏi Kapilavatthu. Sau khi đi khỏi Kapilavatthu, ông đã đi luôn và không bao giờ quay lại đó.

127 (5) Hatthaka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, vị thiên thần trẻ tên Hatthaka,588 chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đã gặp, [tâm nghĩ:] "Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn", nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không trụ yên một chỗ. Giống như bơ hay dầu, khi đổ ra cát, sẽ chìm xuống, rã xuống, và không

trụ yên một chỗ. Cũng giống như vậy, thiên thần trẻ Hatthaka, [tâm thì nghĩ:] "Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn", nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không thể trụ yên một chỗ. Lúc đó đức Thế Tôn nói với Hatthaka: "Này Hatthaka, hãy tạo thân thô tế." "Dạ, thưa Thế Tôn", Hatthaka đáp lại. Rồi vị ấy tạo một thân thô tế (như người thường), rồi kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị ấy: "Này Hatthaka, những giáo lý tiên có thể nhớ lại trong quá khứ, khi tiên còn là người, bây giờ chúng có quay lại với tiên hay không?"589 "Thưa Thế Tôn, những giáo lý con có thể nhớ lại trong quá khứ, khi con còn là người, bây giờ chúng có quay lại với con; và những giáo lý con không thể nhớ lại trong quá khứ, khi con còn là người, bây giờ chúng (cũng) có quay lại với con.590 Giống như bây giờ đức Thế Tôn được bao quanh bởi các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam và nữ, bởi các vua chúa và quan thần, những đạo sư các giáo phái khác và những đệ tử của họ, con giờ cũng được bao vây bởi những thiên thần trẻ khác. Những thiên thần trẻ đến gặp con thậm từ xa, [họ nghĩ rằng]: 'Chúng ta sẽ nghe Giáo Pháp từ thiên thần trẻ Hatthaka.' "Thưa Thế Tôn, con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều. Ba đó là gì? (1) Về việc gặp gỡ đức Thế Tôn chưa đủ nhiều; (2) về việc nghe Giáo Pháp tốt lành chưa đủ nhiều; (3) về việc phục vụ Tăng Đoàn chưa đủ nhiều. Con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều này. "Con chưa làm đủ về ba điều: Gặp gỡ đức Thế Tôn, Nghe Giáo Pháp thiện lành, Và phục vụ Tăng Đoàn. "Tu tập phần giới-hạnh bậc cao, Con hoan hỷ trong việc nghe Giáo Pháp.

Hatthaka đã đi tới [tái sinh trong] cõi trời Aviha,591 Sau khi chưa làm đủ ba điều đó.”

128 (6) Sự Làm Ô Nhiễm Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu vườn nai ở Isipatana; (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Bārāṇasī để khất thực. Trong khi đang đi khất thực gần nơi có cây vả người ta cột trâu bò để bán,592 đức Thế Tôn đã nhìn thấy một Tỳ kheo bất mãn, [đang tìm kiếm] sự thỏa-thích ở bên ngoài,593 tâm rối mờ, không có sự rõ-biết (không tỉnh giác), không đạt định, với một cái tâm lăng xăn, với các căn lơi lỏng (không kiềm chế, không phòng hộ). Sau khi nhìn thấy Tỳ kheo đó, đức Thế Tôn nói với thầy ấy: “Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo! Đừng làm ô-nhiễm bản thân mình.594 Này Tỳ kheo, điều không tránh khỏi là ruồi nhặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã tự làm mình ô-nhiễm và dính đầy mùi hôi-thối.”595

Rồi, sau khi được đức Thế Tôn khởi xướng (giáo giới) như vậy, Tỳ kheo đó đã có được một cảm-nhận về sự cấp-bách.596 Sau khi đức Thế Tôn đã đi khất thực trong thành Bārāṇasī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, sáng nay ta đã mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Bārāṇasī để khất thực. Trong khi đang đi khất thực gần nơi có cây vả người ta cột trâu bò để bán, ta đã nhìn thấy một Tỳ kheo bất mãn, [đang tìm kiếm] sự thỏa-thích ở bên ngoài, tâm rối mờ, không có sự rõ-biết, không đạt định, với một cái tâm lăng xăn, với các căn lơi lỏng. Sau khi nhìn thấy Tỳ kheo đó, ta đã nói với thầy ấy: ‘Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo! Đừng làm ô-nhiễm bản thân mình. Này Tỳ kheo, điều không tránh khỏi là ruồi nhặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã tự làm ô-nhiễm mình và

dính nhiễm đầy mùi hôi-thối.’ Rồi, sau khi được khởi xướng như vậy, Tỳ kheo đó đã có được một cảm-nhận về sự cấp-bách.” Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo ở đó đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ‘sự làm ô-nhiễm’ nghĩa là gì? ‘Mùi hôi thối’ nghĩa là gì? Và ‘ruồi nhặng’ nghĩa là gì?”

(1) “Này Tỳ kheo, sự thèm-muốn (tham) được biểu nghĩa là ‘sự làm ô-nhiễm’. (2) Sự ác-ý (sân) là ‘mùi hôi thối’. (3) Những ý-nghĩ bất thiện xấu ác là ‘ruồi nhặng’. Điều không tránh khỏi là ruồi nhặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã tự làm ô-nhiễm mình và bị dính-nhiễm bởi mùi hôi thối.”

Ruồi nhặng–những ý-nghĩ dựa trên tham-dục–
Sẽ bu bám theo những người:
Không kiềm chế các căn cảm-nhận,
Không phòng hộ mắt và tai.
Một Tỳ kheo bị làm ô-nhiễm,
Bị dính nhiễm mùi hôi-thối,
Thì ở xa Niết-bàn,
Và chỉ gặt hái sự phiền khổ.
Dù ở trong làng hay trong rừng,

Kẻ ngu, người vô trí
Vốn đã không đạt được sự bình an cho mình,
Cứ đi quanh quẩn với ruồi nhặng bám theo.597
Nhưng những người thành tựu về giới-hạnh,
Những người vui thích trí-tuệ và sự bình-an,
Người bình an đó sống một cách hạnh phúc,
Sau khi đã diệt hết ruồi nhặng.598

129 (7) A-nậu-lâu-đà (1) Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đến gặp đức Thế Tôn,

kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Giờ, thưa Thế Tôn, với mắt thiên thánh (thiên nhãn), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, sau khi chết, hầu hết họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi- đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Một người phụ nữ có những phẩm chất nào mà do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục?" "Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có ba phẩm chất này thì do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ba đó là gì?

"Này A-nậu-lâu-đà, ở đây, (1) buổi sáng một phụ nữ sống ở nhà với một cái tâm dính nhiễm tính keo-kiệt. (2) Buổi trưa cô ta sống ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi tính ghen-tỵ. (3) Và buổi tối cô ta sống ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi nhục-dục. Khi một phụ nữ có ba phẩm chất này thì do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục."

130 (8) A-nậu-lâu-đà (2) Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

"Này đạo hữu Xá-lợi-phất, ở đây, với mắt thiên thánh (thiên nhãn), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi đã quan sát khắp hệ một ngàn thế giới. Sự nỗ-lực (tinh tấn) được phát khởi trong tôi; không xìu giảm; sự chánh-niệm của tôi được thiết lập, không lờ mờ (rõ rệt, minh mẫn); thân của tôi tĩnh lặng, không quấy động; tâm của tôi đạt định và nhất điểm. Nhưng tâm của tôi vẫn chưa được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự

không còn dính-chấp."

[Thầy Xá-lợi-phất nói:] (1) "Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, khi thầy nghĩ: 'Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi đã quan sát khắp hệ một ngàn thế giới': đây là sự tự-ta (ngã mạn) của thầy.

(2) “Và khi thầy nghĩ: ‘Sự nỗ-lực được phát khởi trong tôi, không xìu giảm; sự chánh-niệm của tôi được thiết lập, không lờ mờ; thân của tôi tĩnh lặng, không quấy động; tâm của tôi đạt định và nhất điểm’: đây là sự bất- an (trạo cử) của thầy.

(3) “Và khi thầy nghĩ: ‘Nhưng tâm của tôi vẫn chưa được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’: đây là sự hối-tiếc (hối quá) của thầy.

“Sẽ tốt lành nếu thầy dẹp bỏ ba tâm tính này và ngừng chú-tâm (tác ý) tới chúng. Thay vì vậy, hãy hướng tâm tới yếu tố bất-tử.” Một thời sau đó, thầy A-nậu-lâu-đà đã dẹp bỏ những tâm tính đó và ngừng chú-tâm đến chúng. Thay vì vậy, thầy ấy hướng tâm mình tới yếu tố bất-tử. Sau đó, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, không bao lâu sau, thầy A-nậu-lâu-đà, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ chung-cuộc vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Và Ngài A-nậu-lâu-đà đã trở thành một trong những A-la-hán.

131 (9) Bị Che Đậy “Này các Tỳ kheo, có ba thứ phát triển (phát huy) khi được che đậy, không công khai. Ba đó là gì? (1) Phụ nữ phát triển (lớn lên tốt đẹp) khi

được che đậy, không công khai.599 (2) Những bài tụng (bùa chú) của những bà-la-môn phát triển (truyền bá) khi được che đậy, không công khai. (3) Và những cách-nhìn sai lạc (tà kiến) phát triển khi được che đậy, không công khai. Đây là ba thứ phát triển khi được che đậy, không công khai. “Này các Tỳ kheo, có ba thứ chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. Ba đó là gì? (1) Mặt trăng chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. (2) Mặt trời chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. (3) Giáo Pháp và giới luật được đức Thế Tôn tuyên thuyết chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. Đây là ba thứ chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy.”

132 (10) Đường Kẽ Khắc Lên Đá “Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người giống như đường kẻ khắc lên đá; người giống như đường kẻ khắc lên đất; và người giống như đường kẻ khắc lên nước. (1) “Và cái gì là người giống như đường kẻ khắc lên đá? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đá không dễ gì được xóa đi nhanh bởi gió và nước, nó sẽ còn đó trong một thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ và sự sân giận đó kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đá. (2) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đất dễ được xóa đi nhanh bởi gió và nước, và sẽ không còn đó trong thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận đó không kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất.

(3) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước? Ở đây, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt gỏng, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng với họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Giống như đường kẻ được khắc lên nước sẽ biến mất nhanh và không hề kéo dài trong bao lâu; cũng giống như vậy, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt gỏng, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Đây là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

NHÓM 4. MỘT CHIẾN BINH 133 (1) Một Chiến Binh “Này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố này, một chiến binh xứng đáng là của vua, là một thứ (công cụ) của vua, và được cho là một yếu tố của vương quyền. Ba đó là gì? Ở đây, một chiến binh là người giỏi bắn xa, là người bắn chính xác, và là người bắn phá được vật thể lớn. Có được ba yếu tố này, một chiến binh xứng đáng là của vua, là một thứ của vua, và được cho là một yếu tố của vương quyền. Cũng giống như vậy, có được ba yếu tố này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công- đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). (1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người giỏi bắn xa? Ở đây, mọi thể-sắc (sắc)—dù thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, ưu hay nhược, xa hay gần—bằng trí-tuệ chánh đúng, một Tỳ kheo nhìn thấy mọi thể-sắc đúng như chúng thực là: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Mọi cảm-giác (thọ) … mọi nhận-thức (tưởng) … mọi sự tạo-tác

cố-ý (hành) … mọi thức (thức)—dù thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, ưu hay nhược, xa hay gần—bằng trí-tuệ chánh đúng, một Tỳ kheo nhìn thấy mọi cảm-giác … thức đúng như chúng thực là: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Theo cách này một Tỳ kheo là người giỏi bắn xa. (2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn chính xác? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là một người bắn chính xác. (3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn phá được vật thể lớn? Ở đây, một Tỳ kheo phá vỡ đống vô-minh lớn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người bắn phá vật thể lớn. “Có được ba yếu tố này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

134 (2) Hội Chúng “Này các Tỳ kheo, có ba loại hội (tăng) chúng này. Ba đó là gì? (1) Hội chúng được huấn luyện bằng cách nói khoa trương vô ích; (2) hội chúng được huấn luyện bằng cách đặt câu hỏi vấn đáp; và (3) hội chúng được huấn luyện theo những

giới hạn. Có ba loại hội chúng này.”600

135 (3) Bạn “Này các Tỳ kheo, một người nên giao lưu với bạn có được ba yếu tố này. Ba đó là gì? (1) Đó là, một người cho đi thứ khó cho. (2) Người đó làm điều khó làm. (3) Người đó nhẫn nhịn chịu đựng điều khó chịu đựng. Một người nên giao lưu với bạn có được ba yếu tố (đức tính) này.”

• 211

136 (4) Khởi Sinh (1) “Này các Tỳ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy-luật đó, tính ổn-định (như như, chắc chắn) đó của Giáo Pháp, đường-lối cố định đó của Giáo Pháp,601 (đó là): ‘Mọi thứ có điều-kiện (hữu vi) đều là vô thường.’ Một bậc Như Lai đã tỉnh thức (giác ngộ) và thấu suốt (đột phá) tới điều này, và rồi bậc ấy đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó như vầy: ‘Mọi thứ có điều-kiện đều là vô thường.’602

(2) “Này các Tỳ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy luật đó, tính ổn định (như như, chắc chắn) đó của Giáo Pháp, đường đi cố định đó của Giáo Pháp, (đó là): ‘Mọi thứ có điều kiện (hữu vi) đều là khổ’. Một Như Lai giác ngộ tới điều này và thấu suốt tới điều này, và sau đó bậc ấy giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó như vầy: ‘Mọi thứ có điều kiện đều là khổ’.

(3) “Này các Tỳ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy luật đó, tính ổn định (như như, chắc chắn) đó của Giáo Pháp, đường đi cố định đó của Giáo Pháp, (đó là): ‘Mọi thứ có điều kiện (hữu vi) đều là vô ngã’. Một Như Lai giác ngộ tới điều này và thấu suốt tới điều này, và sau đó bậc ấy giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó như vầy: ‘Mọi thứ có điều kiện đều là vô ngã’.”

137 (5) Mền Làm Bằng Tóc “Này các Tỳ kheo, mền làm bằng tóc được cho là loại vải dệt tồi tệ nhất.603 Nó lạnh trong cái lạnh, nóng trong cái nóng, xấu xí, hôi hám và khó chịu khi chạm vào. Cũng giống như vậy, giáo lý của Makkhali được cho là tồi tệ nhất trong tất cả các học thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn

khác nhau. Này các Tỳ kheo, mền làm bằng tóc được cho là loại vải dệt tồi tệ nhất.604 Người nông cạn như Makkhali chỉ dạy giáo thuyết và quan điểm như vầy: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ-lực.’

(1) “Này các Tỳ kheo, những đức Thế Tôn, những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong quá khứ đã chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp (hành-động), chủ thuyết về hành-vi (sự làm, việc làm, sự hành động), chủ thuyết về sự nỗ-lực (tinh tấn). Nhưng người nông cạn Makkhali lại nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ- lực.’

(2) “Những đức Thế Tôn, những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong tương lai cũng sẽ chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp, chủ thuyết về hành- vi, chủ thuyết về sự nỗ-lực. Nhưng người nông cạn Makkhali lại nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ- lực.’

(3) “Trong hiện tại, ta là A-la-hán, bậc Toàn Giác, và ta chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp, chủ thuyết về hành-vi, chủ thuyết về sự nỗ-lực. Nhưng người nông cạn Makkhali lại nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Phi nghiệp, phi hành-vi, phi nỗ-lực.’ “Giống như một cái bẫy được gài đặt ở cửa sông sẽ mang lại sự nguy hại, sự khổ đau, tai nạn và thảm họa cho nhiều loài cá; cũng giống như vậy, người nông cạn Makkhali, là ‘một cái bẫy’ đúng như nó thực là, đã khởi sinh trong thế gian này vì sự nguy hại, sự khổ đau, tai nạn và thảm họa của nhiều chúng sinh.”

138 (6) Sự Thành Tựu “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về niềm-tin (tín), sự thành tựu về giới-hạnh (giới), và sự thành tựu về trí- tuệ (tuệ). Có ba sự thành tựu này.”

• 213

139 (7) Sự Tăng Trưởng 605 “Này các Tỳ kheo, có ba sự tăng trưởng này. Ba đó là gì? Sự tăng trưởng về niềm-tin (tín), sự tăng trưởng về giới-hạnh (giới), và sự tăng trưởng về trí-tuệ (tuệ). Có ba sự tăng trưởng này.”

140 (8) Những Con Ngựa (1) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy ba loại ngựa non hoang dã (chưa thuần hóa) và ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang dã. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa non hoang dã?

(1) Ở đây, một loại ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và (hình thể) không được cân đối. (2) Một loại ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối. (3) Và một loại ngựa non hoang dã có được tốc độ, vẻ dẹp, và được cân đối. Đây là ba loại ngựa non hoang dã. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang dã? (1) Ở đây, một loại người giống ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối. (2) Một loại người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối. (3) Và một loại người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

(1) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Nhưng khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới luật, người đó cứ

lưỡng lự, không trả lời. Đây là sự không có vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó không có được (không được cúng dường) y-phục, thức- ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu

cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối.

(2) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới luật, người đó trả lời, chứ không lưỡng lự. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Nhưng người đó không có được (không được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối.

(3) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang dã có tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới luật, người đó trả lời, chứ không lưỡng lự. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được (được cúng dường) y- phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang dã.”

• 215

141 (9) Những Con Ngựa (2) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ba loại ngựa tốt và ba loại người giống ba loại ngựa tốt.606 Hãy lắng nghe …

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa tốt? (1) Ở đây, loại ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối. (2) Loại ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối. (3) Loại ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối. Đây là ba loại ngựa tốt. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống ba loại ngựa tốt? (1) Ở đây, loại người giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối. (2) Loại người giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối. (3) Loại người giống như loại ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

(1) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không có sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu diệt sạch sẽ năm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này nữa (bậc Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Nhưng khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới luật, người đó ngập ngừng, không trả lời. Đây là sự không có vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó không có được (không được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một

người giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối.

(2) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu diệt sạch sẽ năm gông-cùm thấp hơn, một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này nữa (bậc Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay

giới luật, người đó trả lời, chứ không ngập ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Nhưng người đó không có được (không được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối.

(3) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu diệt sạch sẽ năm gông-cùm thấp hơn, một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này nữa (bậc Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới luật, người đó trả lời, chứ không ngập ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được (được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc- men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối. “Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa tốt.”

142 (10) Ngựa (3) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc và ba loại người giống ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Hãy lắng nghe … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc? Ở đây … [Tiếp tục như đoạn này kinh kế trên, chỉ thay “ngựa tốt” bằng “ngựa thuần chủng xuất sắc”] …

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống như ba loại ngựa thuần chúng xuất sắc? … (2) … [Mô tả giống đoạn này trong kinh kế trên, chỉ thay “ngựa tốt” bằng “ngựa thuần chủng xuất sắc”].

(3) “Và theo cách nào là một người thuần chủng xuất sắc có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, một Tỳ kheo ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới luật, người đó trả lời, chứ không ngập ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được (được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-men với chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa thuần chủng xuất sắc có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối. “Này các Tỳ

kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc.”

143 (11) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (1) 607 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu ở (tịnh xá, khu vườn) của những du sĩ, ở chỗ (được gọi là) chỗ kiếm ăn của bầy công. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: … “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo [tột cùng], đã dành được sự an-toàn rốt ráo thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi …), đã sống đời sống tâm linh rốt ráo, đã chứng đắc chung- cuộc rốt ráo. Ba đó là gì? (1) Mớ (đống, uẩn) giới-hạnh của bậc vô học nhân, (2) mớ thiền-định của bậc vô học nhân, và (3) mớ trí-tuệ của bậc vô học nhân.608 Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo.”

144 (12) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (2) (Như kinh kế trên) …

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo [tột cùng], đã dành được sự an-toàn rốt ráo thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi …), đã sống đời sống tâm linh rốt ráo, đã chứng đắc chung- cuộc rốt ráo. Ba đó là gì? (1) Thần thông biến hóa (biến hóa thông), (2) thần thông đọc-tâm của người khác (tha tâm thông), và (3) thần thông chỉ-dạy (giáo hóa thông). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo.”

145 (13) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (3) (Như kinh kế trên) …

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc rốt ráo [tột cùng], đã dành được sự an-toàn rốt ráo thoát khỏi sự trói-buộc (khỏi luân hồi …), đã sống đời sống tâm linh rốt ráo, đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo. Ba đó là gì? (1) Cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (2) sự-biết đúng đắn (chánh tri), và (3) sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải- thoát). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người … đã chứng đắc chung-cuộc rốt ráo.”

NHÓM 5. PHÚC LÀNH

146 (1) Bất Thiện “Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) bất thiện, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) bất thiện, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) bất thiện. Có ba phẩm chất này, một

người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Có được ba phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) thiện, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) thiện, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) thiện. Có ba phẩm chất này, một người được ký thác

trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

147 (2) Đáng Chê Trách [Như 3:146 kế trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “đáng chê trách” (tội lỗi) và “thiện lành” thành “không đáng chê trách” (phi tội lỗi).]

148 (3) Đáng Chê Trách [Như 3:146 kế trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không đúng đắn” (bất chính) và “thiện lành” thành “đúng đắn” (chân chính).]

149 (4) Không Trong Sạch [Như 3:146 kế trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không trong sạch” (bất tịnh) và “thiện lành” thành “trong sạch” (thanh tịnh).]

150 (5) Bị Hư Tổn (1) “Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất này, một người ngu, dở, xấu ác cứ làm bản thân mình bị hư hỏng và tổn thương (về tâm, về đức hạnh); người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi người trí hiền; người đó tạo nhiều thất-đức. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) bất thiện, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) bất thiện, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) bất thiện. Có ba phẩm chất này … người đó tạo nhiều thất đức. “Có được ba phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện duy trì thân mình

không bị hư hỏng và tổn thương; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi người trí hiền; người đó tạo nhiều phước-đức. Ba đó là gì? Hành-động của thân (thân nghiệp) thiện, hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp) thiện, và hành-động của tâm (tâm nghiệp) thiện. Có ba phẩm chất này … người đó tạo nhiều phước đức.”

151 (6) Bị Hư Tổn (2) [Như 3:150 kế trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “đáng chê trách” (tội lỗi) và “thiện lành” thành “không đáng chê trách” (phi tội lỗi).]

152 (7) Bị Hư Tổn (3) [Như 3:150 kế trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không đúng đắn” (bất chính) và “thiện lành” thành “đúng đắn” (chân chính).]

153 (8) Bị Hư Tổn (4) [Như 3:150 kế trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không trong sạch” (bất tịnh) và “thiện lành” thành “trong sạch” (thanh tịnh).]

154 (9) Kính Lễ “Này các Tỳ kheo, có ba loại sự kính lễ. Ba đó là gì? Kính lễ bằng thân (hành động), bằng lời-nói, và bằng tâm. Đây là ba loại sự kính lễ.”

155 (10) Buổi Sáng Tốt Lành “Này các Tỳ kheo, những chúng sinh nào có hành-vi bằng bởi, bởi lời-nói, và bởi tâm là tốt lành vào buổi sáng thì có được buổi sáng tốt lành. Những chúng sinh có hành-vi bằng bởi, bởi lời-nói, và bởi tâm là tốt lành vào buổi chiều thì có được buổi chiều tốt lành. Những chúng sinh có hành-vi bằng bởi, bởi lời-nói, và bởi tâm là tốt lành vào buổi tối thì có được buổi chiều tốt lành.”

Thực là thuận nhiên và phúc lành,
Một sớm-mai hạnh phúc và một sự thức-dậy hoan hỷ,
Một giây-phút quý giá và một giờ-phút chân phúc,
Sẽ đến với những ai biết cúng dường thức ăn,

Cho những bậc chân tu.
Có những hành-động và lời-nói chánh trực,
Những ý-nghĩ và khát-nguyện chánh trực:
Khi một người làm điều chánh trực,
Người đó đạt được ích-lợi chánh trực.
Những người hạnh phúc đó đã đạt được những ích-lợi đó,
Sẽ đi đến tăng trưởng về giáo lý của Phật.
Tôi cầu chúc anh chị và người thân quyến thuộc,
Được mạnh khỏe và hạnh phúc!
NHÓM 6.
NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP 609
156 (1) [Sự Thiết Lập Chánh Niệm] 610
“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu này. Ba đó là gì? Cách tu thô thiển, cách tu thiêu đốt, và cách tu trung đạo.611
(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách tu thô thiển? Ở đây, có người nắm giữ giáo thuyết và quan điểm như vầy: ‘Dục-lạc (khoái lạc giác quan) thì chẳng có tội lỗi gì’. Đây được gọi là “cách tu thô tục”.

(2) “Và cái gì là cách tu thiêu đốt? Ở đây,612 có những người cứ đi lõa thể, không theo những quy ước tập tục; họ liếm tay (cho sạch), không đến khi được yêu cầu, không dừng khi được yêu cầu; họ không nhận thức ăn được mang đến (cho họ), hay nhận thức ăn được làm để cho họ, hay nhận lời mời đến dùng bữa; họ không nhận thức ăn từ nồi, từ bát, được đưa qua cửa chính, được đưa qua cây gậy, được đưa qua cái chày, hoặc từ hai người ăn chung, từ phụ nữ có thai, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ

đang ở chung với đàn ông, từ chỗ thức ăn được thông báo để phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; họ không chấp nhận ăn cá hay thịt; họ không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men.

“Họ nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; họ nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng … họ nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Họ sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày … nhờ bảy chén bảy ngày; họ nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày … một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, họ thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định. “Họ là người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bọt nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Họ sống nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; họ sống nhờ ăn trái cây rụng. “Họ mặc bằng vải gai thô, hay vải gai thô lẫn lộn, bằng vải liệm người chết bỏ đi, bằng giẻ rách bỏ đi, bằng vỏ cây, bằng da linh dương, bằng những mảnh da linh dương, bằng vải bện từ cỏ kusa, bằng vải bện từ vỏ cây, từ vải bện từ dăm gỗ bào, bằng vải len làm từ tóc, làm từ lông đuôi súc vật, từ lông cánh cú vọ. “Họ là người nhổ sạch râu và tóc, thực hành khổ hạnh nhổ râu và tóc. Họ là người luôn đứng, không ngồi. Họ là người ngồi xổm liên tục, cố gắng giữ tư thế ngồi

xổm. Họ là người dùng nệm gai nhọn; họ lấy nệm gai nhọn làm giường của mình. Họ cách thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối. Đây được gọi là "cách tu thiêu đốt".

(3) "Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những

• 223

giáo pháp, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự phiền-buồn đối với thế giới. Đây được gọi là "cách tu trung-đạo". "Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy."

157 (2) 162 (7) [Bốn Chuyên-Cần Tu Đúng Đắn …] 613 [157] "Này các Tỳ kheo, có ba cách tu này. Ba đó là gì? Cách tu thô thiển, cách tu thiêu đốt, và cách tu trong đạo.

(1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách tu thô thiển? … [tiếp tục y hệt kinh 3:156 kế trên] … Đây được gọi là cách tu thô thiển.

(2) "Và cái gì là cách tu thiêu đốt? … [tiếp tục y hệt kinh 3:156 kế trên] … Đây được gọi là cách tu thiêu đốt.

(3) "Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và chuyên-cần tu. (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh … (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và chuyên-cần tu. (tứ chánh cần) "Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy."

[158] … [Từ kinh [158] đến [162]: đoạn (1) và (2) giống hệt như kinh 3:156 ở trên, và tiếp tục những đoạn (3) của các kinh lần lượt như sau:]

(3) "Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, (i) Một Tỳ kheo tu tập cơ- sở (tạo ra) thần thông [năng lực tâm linh] gồm có sự định-tâm có được nhờ sự mong-muốn và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần

224 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

hành); (ii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu; (iii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ [sự trong sạch của] tâm và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu; (iv) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự điều-tra tìm hiểu (trạch pháp) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu. (Tứ thần túc)

[159] …

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ) (Ngũ căn)

[160] …

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ) (Ngũ lực)

[161] …

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là chánh-niệm, chi giác-ngộ là sự phân-biệt các hiện-tượng (trạch pháp), chi giác-ngộ là sự nỗ-lực, chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ, chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng, chi giác-ngộ là sự định-tâm, chi giác-ngộ là sự buông-xả. (Thất giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả) (Thất giác chi)

[162] …

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập chánh- kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh- tấn, chánh-niệm, và chánh-định. (Bát chi thánh đạo, bát chánh đạo) “Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy.”

• 225

NHÓM 7. NHÓM “NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC

163 (1) 182 (20) 614 [163] “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? (1) Người sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, và (3) tán đồng việc sát-sinh. Người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.” [164] “Này các Tỳ kheo, người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? (1) Người kiêng cữ sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh, và (3) tán đồng sự kiêng cữ sát-sinh. Người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

[165] “ … (1) Người gian-cắp (trộm, cướp, gian, lận, lừa, giựt, tham nhũng, ăn hối lộ, manh múng …), (2) xúi dục người khác gian-cắp, và (3) tán đồng việc gian-cắp …

[166] “ … (1) Người kiêng cữ gian-cắp, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ gian-cắp, và (3) tán đồng sự kiêng cữ gian-cắp …

[167] “ … (1) Người có dính tà-dâm tà dục, (2) xúi dục người khác tà-dâm tà dục, và (3) tán đồng sự tà-dâm tà dục …

[168] “… (1) Người kiêng cữ tà-dâm tà dục, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ tà-dâm tà dục, và (3) tán đồng sự kiêng cữ tà-dâm tà dục …

[169] “ … (1) Người nói-dối nói láo, (2) xúi giục người khác nói-dối nói láo, và (3) tán đồng sự nói-dối nói láo …

[170] “ … (1) Người kiêng cữ nói-dối nói láo, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ nói-dối nói láo, và (3) tán đồng sự kiêng cữ nói-dối nói láo …

226 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

[171] “ … (1) Người nói lời gây chia-rẽ, (2) xúi giục người khác nói lời gây chia-rẽ, và (3) tán đồng sự nói lời gây chia-rẽ …

[172] “ … (1) Người kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ, và (3) tán đồng sự kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ …

[173] “ … (1) Người nói lời gắt-gỏng nạt nộ, (2) xúi giục người khác nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và (3) tán đồng sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ …

[174] “ … (1) Người kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và (3) tán đồng sự kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ …

[175] “ … (1) Người nói chuyện tầm-phào tán dóc, (2) xúi giục người khác nói chuyện tầm-phào tán dóc, và (3) tán đồng sự nói chuyện tầm- phào tán dóc …

[176] “ … (1) Người kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc, và (3) tán đồng sự kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc …

[177] “ … (1) Người đầy sự thèm-khát (tham), (2) xúi giục người khác thèm-khát, và (3) tán đồng sự thèm-khát …

[178] “ … (1) Người không thèm-khát, (2) khuyến khích người khác không nên thèm-khát, và (3) tán đồng sự không thèm-khát …

[179] “ … (1) Người đầy sự ác-ý (sân), (2) xúi giục người khác có sự ác-ý, và (3) tán đồng sự ác-ý …

[180] “ … (1) Người không có sự ác-ý, (2) khuyến khích người khác không nên có sự ác-ý, và (3) tán đồng sự không ác-ý …

[181] “ … (1) Người nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (2) xúi giục người khác theo cách-nhìn sai lạc, và (3) tán đồng cách-nhìn sai lạc. Người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.”

• 227

[182] “ … (1) Người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (2) khuyến khích người khác theo cách-nhìn đúng đắn, và (3) tán đồng cách- nhìn đúng đắn. Người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 8. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC615

183 (1) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, ba điều (ba pháp)616 cần được tu tập. Ba đó là gì? Sự định-tâm tính không (không định), sự định-tâm vô dấu hiệu (vô tướng định), và sự định-tâm không ước muốn (vô nguyện định).617 Để có sự trực-tiếp biết về tham, ba điều này cần được tu tập.”

184 (2) 352 (170) “Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham … sự phá-sạch tham … sự dẹp-bỏ tham … sự tiêu-diệt tham … sự biến-mất của tham … sự phai-biến của tham … sự chấm-dứt tham … sự buông-bỏ tham … sự từ-bỏ tham, ba điều (ba pháp) đó cần được tu tập. “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết … sự hoàn-toàn hiểu … sự phá-sạch … sự dẹp-bỏ … sự tiêu-diệt … sự biến-mất … sự phai-biến … sự chấm-dứt … sự buông-bỏ … sự từ-bỏ sân … si … sự tức-giận … sự hung-bạo … sự hỗn-xược … sự ganh-tỵ … sự ti-tiện … sự lừa-dối … sự mưu-mẹo … sự bướng-bỉnh … sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) … sự tự-ta (ngã mạn) … sự kiêu-ngạo … sự dính-mê (say, say mê) … sự lơ-tâm phóng dật, ba điều (ba pháp) cần được tu tập. Ba đó là gì? Sự định- tâm tính không (không định), sự định-tâm vô dấu hiệu (vô tướng định), và sự định-tâm không ước muốn (vô nguyện định). Để có sự trực-tiếp biết …

… sự từ-bỏ sân … si … sự lơ-tâm phóng dật, ba điều này cần được tu tập.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.”

HẾT QUYỂN 3

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH: AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử) Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS) Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy) Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề. SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavi- tarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) ∗ KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) ∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện) Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders’ Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman)

EV II = Elders’ Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)

GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi

học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ) Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn- Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số

trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

CHÚ THÍCH

339 [Câu cuối này đã được ghi khác nhau trong các phiên bản. Ce ghi là:

apadānasobhinī paññā; Be: apadānasobhanī paññā, và Ee: apadāne sobhati paññā. Mp chú giải: "Ý nghĩa là, người ngu và người trí mỗi người được biết thông qua hành-vi của họ" (bālā ca paṇḍitā ca attano attano cariten'eva pākaṭā hontī ti attho). (Có thể hiểu nghĩa là: trí-tuệ thể hiện kết quả của điều đó, hoặc trí-tuệ sẽ cho thấy điều đó bằng ba phẩm chất).] (339)

340 [Nguyên văn: Bālalakkhaṇāni bālanimittāni bālāpadānāni. Mp giải thích:

"Đó là những phương tiện để nhận biết (một người)."] (340)

341 [Phiên bản Ee thì bỏ luôn đoạn kết này trong các kinh từ 3:03–07.] (341)

342 [Mp chú giải: "Bất thuận, hay không hòa thuận, không thuận-theo" (ananulomike) có nghĩa là không thuận theo Giáo Pháp. (i) 'Hành-động bất thuận' thô thiển như: sự

sát-sanh, gian-cắp … hoặc 'hành-động bất thuận' vi tế hơn như: sự thờ cúng vái lạy bốn phương tám hướng, hay sự lễ cúng (thức ăn, nhang đèn …) cho những hồn ma, ngạ quỷ. (ii) 'Lời-nói bất thuận' thô thiển là như: sự nói-láo, nói dối … hoặc 'lời-nói bất thuận' vi tế hơn như: sự nói lắc léo, nói gài, nói mưu, nói thâm hiểm, nói kiểu đánh lạc hướng, ví dụ: một người không muốn cho hay giúp đỡ người khác thì nói gạt người khác là mình không có gì để cho để giúp. (iii) 'Tâm-ý bất thuận' thô thiển như: sự mong mỏi, sự khao khát, sự cầu cho có được (chứ không tự thân tu tập hay làm để có được) … hoặc 'tâm-ý bất thuận' vi tế hơn như: sự giảng giải một chủ-đề (đề-mục) thiền nào đó một cách không đúng. Ví dụ, riêng sự giảng giải sai bậy về chủ-đề thiền, Mp cũng minh họa bằng câu chuyện về một trưởng lão được ghi trong Vism 296, 12–16, Ppn 9.6, ông đã dạy một thanh niên thiền quán tâm-từ đối với vợ của anh ta. Kết quả là khi anh ta thiền, tâm anh ta bị chi phối bởi nhục-dục nên cứ tức tối đấm suốt đêm vào bức tường của căn phòng đang ngồi thiền. Tôi dịch chữ ananulomikesu dhammesu đúng theo cách dịch của Mp, nhưng riêng chữ dhammesu thì cũng có nghĩa là "những giáo lý" và cũng có thể đó là chính nghĩa nguyên gốc mà lời kinh muốn nói.] (342)

343 [Ở đây, nói về một Tỳ kheo, chỗ thứ (2): sự hiểu về bốn diệu đế là đánh

dấu sự chứng quả Nhập-lưu; còn chỗ thứ (3): sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) là đánh dấu sự chứng quả A-la-hán.] (343)

344 [Tất cả những công việc này được cho là những nghề thấp hèn chỉ được

làm bởi giai cấp hạ-tiện. Những caṇḍāla (chiên-đà-la, hạ tiện, bần nô) là cộng đồng bị kinh rẽ nhất. Phiên bản Ce đã bỏ đi chữ nesādakule vā, rõ ràng là do sự vô ý; chữ này Mp [của cả Ce và Be] đều giải nghĩa là "một gia đình thợ săn nai" (migaluddakānaṃ kule). (Đoạn mô tả về giai cấp thấp hèn này cũng có trong các kinh 4:85, 6:57.)

345 [Ce ghi là macalappatto; Ee: macalapatto; Be: acalappatto. Trong kinh

4:87, đoạn đầu, chúng ta thấy có chữ samaṇamacalo, về chữ này mời coi lại chú thích 778 ở đó. Ở đây Mp giải thích rằng: "Khi người con cả—người sẽ được phong vương nhưng chưa được phong vương—còn là một đứa bé thì chưa hình thành ý-nguyện sẽ được phong vương. Nhưng sau khi đã tới 16 tuổi và râu ria bắt đầu mọc, thái tử được gọi là "người đã đạt tới sự vững- chãi". Lúc này thái tử có khả năng trị vì bờ cõi lớn, do vậy [Phật] đã nói là 'người đã đạt tới sự vững-chãi [bất lay động, bất rung lắc]'."] (345)

346 [Mp giải nghĩa chữ dhamma ở đây có nghĩa là Giáo Pháp (Dhamma)

'Mười đường nghiệp thiện' (dasakusalakammapathadhammo). Cách giải nghĩa này là quá hẹp cho dù rõ ràng đúng là chữ "Dhamma" ở đây không có nghĩa là Giáo Pháp của Phật. Hơn nữa, nguyên lý phổ quát về tính-thiện và chân lý về đức-hạnh là không phụ thuộc vào tôn giáo nào, (đó là lẽ-thật trong thế gian). Dựa trên Giáo Pháp (hiển nhiên) như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe cung cấp sự bảo-vệ chân chánh (dhammika) cho tất cả mọi chúng-sinh trong cõi ông ta trị vì.] (346)

347 [Mp giải thích: “Vị vua thiết lập sự quay chuyển bánh xe chỉ bằng phương

tiện là Giáo Pháp là ‘Mười đường nghiệp thiện’.” Ở đây Ce và Be ghi động từ là vatteti, nhưng ở bên dưới khi nói về Đức Phật thì ghi là pavatteti; còn Ee thì ghi động từ pavatteti cho cả hai. Nếu chữ vatteti là chữ nguyên gốc, thì sự thay đổi về những động từ có thể có ý nói rằng: một vị vua quay chuyển bánh xe không phát khởi sự trị-vì chân chính đó mà chỉ nối tiếp kế thừa từ vua cha vua ông trước đó, trong khi đó Phật thì thiết lập và phát khởi sự

chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp chưa từng được biết trước đó.] (347)

348[Nguyên văn câu này: Kenaci manussabhūtena paccatthikena pāṇinā. Nghĩa đen theo chữ là: “bởi chúng sinh thù nghịch nào đã trở thành người”. Mp chú giải rằng: “Thường nghe nói rằng, những thiên thần có thể làm bất cứ điều gì họ muốn. Bởi vậy họ không nằm trong số này, mà chỉ đề cập ‘chúng sinh người’.” Sự chú giải này là trái ngược với Đức Phật, vì bánh xe Giáo Pháp (Mười Đường Thiện Nghiệp) cũng thuận theo Giáo Pháp của Phật, và do vậy cũng không thể bị quay ngược bởi bất cứ chúng sinh nào, kể cả những thiên thần và trời (như lời ở cuối bài kinh).

- (Vậy nghĩa ở đây có thể hiểu là gì? (i) Có thể lời kinh chỉ nói mộc mạc đơn giản theo kiểu ‘cái này không thể bị đảo ngược bởi người nào’ mà thôi; hoặc (ii) có thể lời kinh chỉ tất cả những chúng sinh (trời, thần, ma, quỷ hay những thế lực thù nghịch với vị vua quay chuyển bánh xe) đang ở trạng thái làm ‘người’ có thể đến cản phá sự chuyển dịch bánh xe của vị vua đó, thì những ‘người’ đều không thể cản phá được.).] (348)

349 [Ce và Ee ghi tên vua (và kinh) như vầy. Nhưng Be ghi tên vua này là

Sacetana.] (349)

350 [Cụm chữ này là abhisaṅkhārassa gati. Đây là một cách dùng bất thường

của chữ abhisaṅkhāra; thông thường trong những ngữ cảnh thuật ngữ hơn thì nó có nghĩa là hành-vi cố ý tạo ra nghiệp (kamma). Mp đã giải nghĩa nó là = payogassa gamanaṃ (sự chuyển động của (do, vì, do có) nỗ-lực).] (350)

351 [Mp diễn dịch: “‘Như thể nó được gắn cố định trên một cái trục’ có nghĩa

là: như thể một cái trục được xỏ qua (tâm) nó cho nên nó đứng yên.”] (351)

352 [Apaṇṇakapaṭipadaṃ: con đường (đường lối, cách thức, phương cách)

không thể bị sai lầm (chắc chắn đúng, không sai trật, không lộn đường, đúng đường). Mp đưa ra một dãy các chữ đồng nghĩa là: “con đường không lầm lỗi, con đường nhất định, con đường giải thoát, con đường nhân duyên, con đường cốt lõi, con đường tuyệt đẹp, con đường vô đối, con đường dẫn dắt, con đường đúng với Giáo Pháp” (aviraddhapaṭipadaṃ ekaṃsapaṭipadaṃ niyyānikapaṭipadaṃ kāraṇapaṭipadaṃ sārapaṭipadaṃ maṇḍapaṭipadaṃ apaccaṇīkapaṭipadaṃ anulomapaṭipadaṃ dhammānudhammapaṭipadaṃ).

- Chữ apaṇṇaka, trong một nghĩa tương tự, được thấy có ghi trong các kinh 4:71, 4:72, và 10:46. Nó cũng được ghi thành tên của kinh MN 60. Trong liên hệ với cụm chữ yoni c'assa āraddhā hoti āsavānaṃ khayāya, Mp chú giải rằng chữ yoni có thể có nghĩa là: một phần của các uẩn, là một nguyên nhân, hay đường niệu nữ (khandhakoṭṭhāsa, kāraṇa, passāvamagga). Ở đây thì nó nghĩa là một nguyên nhân.] (352)

353 [Trong kinh SN 35:239 (Quyển 4) cũng có nói ba sự tu-tập này là "đã đặt

xong nền-móng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm". (So sánh lời chỗ này của 02 kinh: kinh trong AN gần như giống kinh trong SN, chỉ khác là trong AN không có các ví dụ).] (353)

354 ["Những người thiện giỏi về các chủ-đề đại cương" (mātikādharā). Mp

chú giải là đồng nghĩa = "những người thiện giỏi hai chủ-đề đại cương" (dvemātikādharā), trong đó Mp-ṭ bổ sung nhận dạng đó là 02 chủ-đề (mātikā) về Tỳ kheo và Tỳ kheo ni [vì những điều-luật trong bộ Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ Kheo) là dành cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni], hoặc 02 chủ-đề đó là Luật Tạng (Vinaya) và Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma). Những mātikā là những danh-mục (chủ đề mẹ, chủ đề chính) của những nguyên-lý và sự thực-hành trình bày về Giáo Pháp (Dhamma) một cách có hệ thống. Chữ mātikādharā đã được nói 01 lần trong bộ kinh dài DN, 02 lần trong bộ kinh trung MN [trong cùng một kinh], 0 lần nào trong bộ kinh liên-kết SN, và 12 lần trong bộ kinh tăng chi AN—điều này cho thấy những bài kinh nói về "những người thiện giỏi về các chủ-đề đại cương" là tương đối có sau hoặc có thể chỉ được đưa vào sau này. Về tính chất và vai trò của những người thiện giỏi về những mātikā, mời đọc thêm học giả Warder 1980: trang 218–24.] (354)

355 [Để đọc những giảng giải chính thức về 03 loại người này, mời đọc các

kinh MN 70, mục 17–19. Cả 03 hạng người này đều là bậc học nhân (sekha) nằm giữa chặng Nhập-lưu đến thánh đạo A-la-hán. Nếu tính chung thuộc hạng học-nhân, 03 hạng người này không khác nhau về cấp bậc cao thấp hay mục tiêu cuối cùng, nhưng họ khác nhau về các căn chủ lực của họ. (i) Người thân chứng (kāyasakkhī) thể hiện ưu thế về thiền-định và chứng đắc những tầng giải-thoát vô sắc giới bình an. (ii) Người đạt được cách-nhìn (diṭṭhip- patta; chứng đắc chánh-kiến, chứng đắc tầm-nhìn) thể hiện ưu thế về trí-tuệ

và không chứng đắc những tầng giải thoát vô sắc giới. (iii) Người được giải- thoát nhờ niềm-tin (saddhāvimutta) thể hiện ưu thế về niềm-tin (tín) và không chứng đắc những tầng giải thoát vô sắc giới.

- Bởi vì 03 hạng người này có chứa bất cứ ai đứng ở bất cứ chặng/bậc nào từ Nhập-lưu cho đến thánh đạo A-la-hán, cho nên chúng ta không thể phán đoán được ai là siêu hơn hay kém hơn nếu chỉ dựa vào một cấp-độ (như căn ưu, căn trội) nào đó. Để làm được những sự xét đoán đó, chúng ta cần phải biết chỗ-đứng của mỗi họ đang ở chặng/bậc

nào trong 06 chặng/bậc đó [06 chặng/bậc là: Nhập-lưu, thánh đạo và thánh quả Nhất-lai, thánh đạo và thánh quả Bất-lai, và thánh đạo A-la-hán]. (Nhưng nếu mỗi họ đang đứng ở mỗi chặng/bậc khác nhau thì không thể so sánh được, như trong câu trả lời của Đức Phật ở bên dưới).

- Người thân-chứng, khi chứng quả A-la-hán, thì trở thành người "được giải- thoát về cả hai phương diện" (ubhatobhāgavimutta; tức là chứng cả sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ). Còn 02 người kia, khi chứng quả A-la-hán, trở thành người "được giải thoát nhờ trí-tuệ" (paññāvi- mutta). Về 02 loại A-la-hán này, mời coi thêm ở kinh MN 70, mục 15–16.] (355)

356 [Trong tiếng Pāli, mỗi người tham gia cuộc đàm đạo này đều lặp lại câu

mở đầu giới thiệu về 03 hạng người đó trước khi nói ra ý kiến của mình. Để tránh sự rườm rà làm khó đọc, tôi đã bỏ đi phần lặp lại này.] (356)

357 [Cả Be và Ee đều ghi câu này như vậy. Nhưng chỉ riêng Ce ghi khác như

vầy: "'một người đã (chứng đắc) đạt được chánh-kiến' là một bậc A-la-hán hoặc là một người đang tu tập để chứng A-la-hán" (svāssa arahā vā ara- hattāya paṭipanno). Nhưng, theo cách phân loại được ghi trong kinh MN 70 thì cả 03, 'người thân-chứng', 'người được giải-thoát nhờ niềm-tin', và 'người đã đã đạt được cách-nhìn', đều chưa loại bỏ hết những ô-nhiễm (āsa- va, lậu hoặc) của mình, do vậy họ chưa phải là A-la-hán.] (357)

358 [Okkamati niyāmaṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ: 'đạo lộ hay lộ trình

của sự chân chánh đã được định xong', hay 'lộ trình đã định' gồm có sự chân chánh. Đây là một thuật ngữ dùng để chỉ sự bước vào con đường thánh đạo siêu thế. Mp chú giải: "Đạo lộ (lộ trình) đã được định xong của [gồm

có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành" có nghĩa là: sự chân- chánh trong những phẩm-hạnh thiện lành nằm trong sự chứng nhập vào thánh đạo." Mặc dù chữ "sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành" nghe có vẻ dư thừa (vì đã thiện lành là chân chánh rồi), nhưng ý ở đây muốn chỉ sự hòa quyện và sức mạnh của những phẩm-chất thiện lành cần phải có để chứng nhập vào dòng thánh đạo. Để đọc thêm về thuật ngữ này trong bộ kinh AN, mời đọc thêm các kinh 5:151–53 và 6:86–88. Coi thêm dãy kinh SN 25:01–10 (Quyển 3), trong đó có nói rằng: bằng cách bước vào hay nhập vào 'đạo lộ đã được định xong của sự chân-chánh' (sammattaniyāma), người tu chứng nhập vào cõi thánh và trở thành một bậc tu căn-trí (dhammānusārī) hay một bậc tu căn-tín (saddhānusārī).] (358)

359 [Nguyên văn cả câu này là: Sabyābajjhaṃ kāyasaṅkhāraṃ abhisaṅkha-

roti, sabyābajjhaṃ vacīsaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti, sabyābajjhaṃ manosaṅkhāraṃ abhisaṅkharoti. Mp giải nghĩa chữ sabyābajjhaṃ (gây đau khổ) là = sadukkhaṃ (với sự khổ đau). Chữ "những hành-vi" hay "những hoạt động" đây chính là những hành-vi cố ý tạo ra nghiệp (kamma). (Thực ra trong các định nghĩa tiêu chuẩn cũng nhưng trong

những lời kinh, thì hành-vi cố ý hay hành-động cố ý chính là = nghiệp). Do vậy, theo nguyên văn lời kinh trong các kinh thì 03 thuật ngữ trong kinh này không hoàn toàn giống hệt như 03 thuật ngữ trong các kinh ở trên là hành-vi thân (= hành-động), hành-vi miệng (= lời-nói), và hành-vi tâm (= tâm-ý) (như cách dịch Việt), mà ở đây là đề cập tới (và ở dạng số nhiều) những hành-vi cố ý của thân (thân nghiệp), những hành-vi cố ý của miệng (khẩu nghiệp), và những hành-vi cố ý của tâm (ý nghiệp). (Ở đây người dịch mở ngoặc là (thân nghiệp), (khẩu nghiệp), và tâm nghiệp).] (359)

360 [Subhakiṇhā: cõi trời hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên), đây là cõi trời

tương ứng với cảnh giới tầng thiền định thứ ba. Coi thêm kinh 4:123.] (360)

361 [Mp chú giải rằng: "Những chúng sinh trong cõi thấp ở đây là chỉ những

hồn ma ngạ quỷ trong những cung điện (vemānikapetā). Lúc thì họ nếm trải sự sung sướng nơi cung điện (thay vì ở ngoài chốn hoang liêu lạnh lẽo), lúc thì họ nếm trải nghiệp quả [đau khổ]; họ nếm trải cả sướng và khổ."] (361)

362 ["Sự hiểu được bốn Diệu Đế" ở đây là chỉ sự chứng quả Nhập-lưu. Còn

bên dưới, "sự tiêu diệt ô-nhiễm" là chỉ sự chứng quả A-la-hán.] (362)

363 [Nguyên câu: Tattha tattha paññāya anuggahessāmi. Mp chú giải: "Người trợ giúp bằng trí-tuệ mớ (uẩn) giới-hạnh về một hay nhiều mặt bằng cách tránh những điều không phù hợp và không hữu ích đối với giới-hạnh và bằng cách tu dưỡng những điều phù hợp và hữu ích đối với giới-hạnh. Phương pháp tương tự cũng áp dụng cho mớ thiền-định và mớ trí-tuệ." Ở đây "mớ (uẩn) giới-hạnh" (sīlakkhandha) được nói tới theo cái nghĩa là sự ráp-nối hay sự kết-tụ những thành tố tạo nên phần giới-hạnh. Và cũng giống như vậy đối với mớ thiền-định và mớ trí-tuệ.] (263)

364 [Đây là một đoạn định nghĩa tiêu chuẩn về lời-nói gian dối thuộc "mười

đường nghiệp bất thiện", như cũng được ghi trong kinh 10:176, đoạn (4), thuộc phần nghiệp bất thiện. Còn "lời-nói như hoa", kế dưới, là định nghĩa tiêu chuẩn về lời-nói chân thật thuộc phần nghiệp thiện.] (364)

365 [Chữ dhanaṃ (của cải, tài sản) là đúng trong phiên bản Ce và Be. Ee ghi

dhammaṃ là rõ ràng sai.] (365)

366 [Mp giải thích hợp ngữ ahaṅkāramamaṅkāramānānusayā là "sự tạo nên

cái 'ta' là do những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự tạo nên cái 'của-ta' là do dục-vọng (tham muốn cho cái 'ta' của mình), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta. Đây là những ô-nhiễm liên quan tới 'bản thân mình' và 'người khác'." Mp giải thích chữ bahiddhā ca sabbanimittesu (tất cả những đối- tượng bên ngoài) chính là gồm: năm đối-tượng giác quan; những quan-điểm trường tồn (thường kiến) và khác; con người; và Giáo Pháp. Mp gọi trạng thái định-tâm (samādhi) này là loại định chứng quả A-la-hán (arahatta- phalasamāpatti).] (366)

367 [Đây chính là kinh Sn 1048. Chương “Pārāyana” (Đáo Bỉ Ngạn, Vượt

Qua Bờ Kia) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển Kinh Tập, thuộc Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ).] (367)

368 [Ee coi kinh này như phần tiếp nối của kinh trước,m và do vậy nó đã 02

kinh này thành 01 kinh. Tôi làm theo Ce và Be, tức phân thành 02 kinh như vầy. Như vậy từ chỗ này trở đi, số kinh của bản dịch này tăng hơn số kinh trong Ee một số.] (368)

369 [Đây chính là kinh Sn 1106–1107.] (369)

370 [Lời đoạn thi kệ là ám chỉ sự dẹp-bỏ 05 chướng-ngại, nhưng chỉ ghi tắt 04

chướng-ngại (thiếu chướng ngại nghi-ngờ).] (370)

371 [Mp coi chỗ này là thánh quả A-la-hán dựa trên cơ sở tầng thiền định thứ

tư (Tứ thiền), do được gợi ý bằng cụm chữ upekkhāsatisaṃsuddhaṃ (có sự buông-xả + sự chánh-niệm được thanh lọc tinh kiết), đó là định nghĩa theo công thức kinh điển về các yếu-tố của tầng thiền định thứ tư.] (371)

372 [Lời kinh được ghi khác nhau trong các phiên bản: Ce ghi là: diṭṭhe vā

dhamme, upapajje vā, apare vā pariyāye; Be ghi: diṭṭhe vā dhamme upapajja vā apare vā pariyāye; Ee ghi: diṭṭh’ eva dhamme upapajje vā apare vā pari- yāye. Mp nói rằng: “Điều này được nói để chỉ rằng nghiệp là [thuộc loại] được nếm trải trong kiếp này, hoặc được nếm trải trong kiếp sau, hoặc được nếm trải trong một thời kiếp sau nữa.”

Mp nói rằng: “Câu này được khẳng định để chỉ ra rằng nghiệp là [thuộc loại] có thể được nếm trải ngay trong kiếp này, hoặc sẽ được nếm trải sau khi tái sinh, hoặc được nếm trải trong kiếp sau nữa.”

- Để đọc thêm sự giảng giải của Vi Diệu Pháp về câu ‘03-điều’ (03 thời nghiệp quả) này, mời coi coi CMA 205. Một số học giả đã tranh luận từ những cách ghi khác nhau rằng câu này chỉ chứa 02 thời là: trong kiếp này hoặc sau khi tái sinh (tức chỉ tính thời thứ hai là ‘sau khi tái-sinh’ mà thôi). Tuy nhiên tôi đã dịch dựa theo cách hiểu của luận giảng Mp ở trên. Những luận giảng có thể áp đặt sự diễn dịch ‘02-thời’ dựa trên cơ sở là các bản tiền cổ chỉ nói về 02-cách (02 thời) mà nghiệp có thể chín muồi; nhưng là một người dịch tôi thấy có trách nhiệm đối với lời kinh ở đây đã được truyền thừa hơn là đối với những giả thuyết về những lời kinh cổ xưa hơn bản gốc này.

- Hơn nữa, sự nhìn nhận về 03-thời chín muồi của một nghiệp là không chỉ có trong trường phái Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda) mà cũng có trong những luận giải về hệ thống Vi Diệu Pháp của trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivāda Abhidharma). Những định nghĩa về 03 thời nghiệp quả trong các đại luận tiếng Phạn—ví dụ, trong Abhidharma Mahāvibhāṣā Śāstra (A-tì-đạt-ma Đại-tì-bà-sa luận) ở Đại Tạng (Taiso) T XXVII 592a22–593b8,

và trong Abhidharmakośa (A-tì-đạt-ma Câu-xá-luận) ở T XXIX 81c10–16— là chính xác giống như trong truyền thống Pāli, và điều này chắc hẳn đã là nguyên thủy trước khi có ly khai của các trường phái.] (372)

373 [Câu này phải được dịch một cách cẩn thận! Đối với một A-la-hán—

người đã loại bỏ tham, sân, si—thì những nghiệp trước đó, dù là nghiệp tốt hay xấu, vẫn có thể chín muồi trong kiếp cuối cùng. Nhưng do không còn tái sinh nữa, nên khi vị A-la-hán đó qua đời thì những nghiệp quá khứ cũng chết theo (vô hiệu). Cho nên câu này không có ý nói rằng 'những nghiệp quá khứ của một A-la-hán không thể chín muồi khi vị ấy đang sống', nhưng ý nói nghiệp cũ sẽ trở nên vô hiệu (không còn nữa) khi một A-la-hán qua đời; bởi vì không còn sự liên tục hiện-hữu nữa nên không có chỗ để những nghiệp quả có thể khởi sinh.

- Nhà sư Brahmāli có viết rằng: "Chắc hẳn có sự khác-biệt giữa sự vô-sân (alobha) và trạng thái khi 'tham đã biến mất' (lobhe vigata). Vô-sân chắc là chỉ cái động-cơ đằng sau một hành-động (nghiệp), còn trạng thái khi 'tham đã biến mất' là chỉ sự bứng-sạch tham—sự bứng-sạch tham chỉ có thể đạt được bởi bậc thánh Bất-lai hay thậm chí bởi bậc A-la-hán. Chỉ khi chúng ta nhìn dưới ánh sáng của sự khác-biệt này thì câu này mới rõ nghĩa."] (373)

374 [Chỗ này tôi đọc theo Ce và Be là: mohajañ cāpaviddasu; khác với Ee ghi

là mohajañ cāpi 'viddasu. Mp [cả Ce và Be] cũng đọc là mohajañ cāpav- iddasu, rồi giải quyết thành mohajañcāpi aviddasu. Nó diễn giải ý nghĩa như vầy: "Mọi nghiệp mà người phàm tục mù quáng vô minh tạo ra được sinh ra từ tham, sân, si—cho dù nghiệp đó được tác tạo ít hay nhiều—chính nó sẽ được nếm trải ngay tại đây (idh'eva taṃ vedaniyaṃ), có nghĩa là: chính nó sẽ được nếm trải bởi người ngu tại đây ngay trong hiện-hữu của người đó (idha sake attabhāveyeva); điều này nghĩa là nó chín muồi trong chính sự hiện-hữu (sự sống, kiếp sống) của người đó. Không có hiện trường nào khác [cho nó] (vatthuṃ aññaṃ na vijjati) nghĩa là: không có hiện trường nào khác cho nghiệp nó chín muồi; bởi vì nghiệp đã được làm bởi một người thì đâu thể chín muồi trong sự hiện-hữu (sự sống) của người khác cho được."] (374)

375 [Nguyên văn: Tasmā lobhaṃ ca dosaṃ ca, mohajaṃ cāpi viddasu. Ee ghi

dòng kệ cuối là mohañ cāpi 'viddasu, là đã bỏ mất một âm thiết. Lời kinh

thiếu đi một động từ và một vị ngữ (đối tượng) trực tiếp được bổ nghĩa bởi mohajaṃ. Mp đã đưa thêm lời giải thích này trong sự diễn giải của nó: "Vì vậy một người có trí không làm nghiệp đó được sinh ra từ tham, sân, si" (yo vidū . . . taṃ lobhajādibhedaṃ kammaṃ na karoti). Nên lưu ý rằng Mp coi chữ lobhaṃ và dosaṃ là những dạng được cắt gọn của chữ lobhajaṃ và dos- ajaṃ, và tôi đã dịch đúng theo như vậy. Đối với động từ, tôi thấy động từ ja- he của dòng kệ d (thứ tư) đã hàm ý mở rộng thành dòng kệ a và

b, như vậy nó làm vai trò 02 việc cùng lúc.] (375)

376 [Về ông (hoàng tử) Hatthaka ở xứ Āḷavī, mời coi lại kinh 1:251 và chú

thích.] (376)

377 [Nguyên văn cụm chữ này: Antaraṭṭhako himapātanasamayo. Mp giải

thích đó là: “Một thời tiết tám ngày tuyết rơi. Nó gồm bốn ngày cuối cùng của tháng Māgha và bốn ngày đầu của tháng Phagguṇa [khoảng khoảng giữa tháng 2 dương lịch.] (377)

378 [Những thi kệ này cũng được nói cho gia chủ Cấp Cô Độc trong kinh SN

10:08.] (378)

379 [Một phiên bản giống kinh này là kinh MN 130, nhưng kinh đó nói về 4

thiên sứ, bắt đầu bằng sự-sinh.] (379)

380 [Mp giải thích: “Người già, người bệnh, và xác chết được gọi là ‘03 vị

thiên sứ’ (devadūta) đưa tin, bởi vì những hình ảnh đó làm phát khởi một cảm-nhận về sự cấp-bách.] (380)

381 [Theo truyền thuyết Diêm Vương là thần chết và là quan tòa định tội và

hình phạt cho những người chết xuống địa ngục.] (381)

382 [Cụm chữ diễn tả sự đau đớn này Ce ghi là: dukkhā tibbā khaṭukā vedanā.

Be và Ee thì có thêm tính từ thứ tư là kharā.] (382)

- (Nhân tiện, toàn bộ những nhục hình kinh khủng từ (i)-(vii) cũng được ghi trong các kinh MN 29, mục 10-16; MN 130, mục 10-16.)

- (Và bài kệ ở cuối đoạn (vii) cũng có y hệt như bài kệ ở gần cuối kinh MN 129, mục 16 và MN 130, mục 16.)

Chú Thích • 245

383 [Tôi đọc theo Ee ghi câu này là: te khemappattā sukhitā. Ce ghi: te khop-

pattā sukhitā và Be ghi: te appamattā sukhino là cả hai đều ghi sai. (Nhân tiện, 08 dòng kệ cuối cũng có trong kinh 6:23).]

- (Nhân tiện: 08 dòng cuối của bài kệ này cũng có trong bài kệ của kinh 6:23. Nguyên bài kệ dài này cũng có ghi ở cuối kinh MN 130, mục 30.)

384 [Ngày thứ 8 của nửa-tháng là các ngày trăng ¼, tính cả lúc trăng đang đầy

len hay khuyết đi (tức ngày mồng 8 và ngày 16 âm lịch). Bốn Vị Vua Trời Lớn hay Tứ Đại Thiên Vương (catumahārājāno) là những vị vua của 04 cõi trời thấp nhất trong 06 cõi trời dục-giới, đó là các cõi trời gần nhất với cõi người. Chúng ta tìm thấy một trình tự đã được xếp hạng như vầy: (i) vào ngày thứ 8, những thượng thư (bộ trưởng) và

những thành viên (quan) triều chính (amaccā pārisajjā) sẽ đi thanh tra thế gian; (ii) vào ngày thứ 14 [ngày trước ngày rằm 15 (trăng tròn) = 14 âm lịch và ngày trước ngày mồng 1 (trăng mới) = ngày cuối tháng âm lịch], những người con trai (puttā) của họ sẽ đi thanh tra thế gian; và (iii) vào ngày thứ 15, là những ngày rằm 15 (trăng tròn) và những ngày mồng 1 (trăng mới), bốn đại thiên vương sẽ đích thân đi thanh tra thế gian (để coi có nhiều người cư xử hiếu thảo với cha mẹ … hay không).] (384)

385 [Mp chú giải như vầy: "Giữ giới bố-tát [uposatha] là họ tuân giữ những

giới bố-tát 08 lần mỗi tháng. Còn "tăng thêm các ngày giữ giới" (paṭijāgar- anti) là, trong một kỳ nửa-tháng, họ giữ thêm giới bố-tát bằng cách đón trước và theo sau (paccuggamanānugamana) 04 ngày lễ bố-tát. (1) (i) Đón trước ngày lễ bố-tát thứ 5, họ giữ (toàn bộ) giới bố-tát vào ngày thứ 4; và (ii) theo sau ngày lễ bố-tát thứ 5, tức vào ngày thứ 6, họ giữ giới bố-tát. (2) (i) Đón trước ngày lễ bố-tát thứ 8, họ giữ giới bố-tát vào ngày thứ 7; và (ii) theo sau ngày lễ bố-tát thứ 8, tức vào ngày thứ 9, họ giữ giới bố-tát. (3) (i) Đón trước ngày lễ bố-tát thứ 14, họ giữ giới bố-tát vào ngày thứ 13; và (ii) theo sau ngày lễ bố-tát thứ 15, tức vào ngày thứ 16, họ giữ giới bố-tát vào ngày bắt- đầu [của kỳ nửa-tháng kế tiếp]. "Làm những việc công đức" (puññāni ka- ronti) thì có nhiều cách: bằng cách quy y nương tựa Tam Bảo, thường trực tuân giữ những giới-luật, cúng dường hoa, lắng nghe Giáo Pháp, cúng dường đèn, xây sửa các chỗ-ở (cho các tăng, ni, hay những người khó khăn) … vân vân.

- Sau khi đã đi thanh tra khắp nơi, [những thượng thư và thành viên triều chính] ghi lại tên của những người làm công-đức trên một bảng vàng và trình báo cho bốn vị đại thiên vương."

- Về chủ đề những ngày lễ bố-tát trong bộ kinh AN này, mời đọc thêm các kinh 3:70 và 8:41, 8:42.] (385)

386 [Chỗ này tôi làm theo Be về cách phân chia giữa kinh 37 này và kinh 38

kế tiếp. Ce và Ee thì lấy câu này làm câu mở đầu của kinh 3:38 [= kinh 3:37 trong phiên bản của Ee] và đoạn thứ hai của họ bắt đầu từ câu"Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa …" (bhūtapubbaṃ bhikkhave)—gồm nhiều đoạn nhỏ bên dưới—như phần tiếp-nối của kinh này. Tuy nhiên, ở đây riêng Be thì lấy đoạn đầu tiên kể về vua trời Đế-thích làm đoạn tiếp-nối của kinh 3:37, và đoạn thứ hai để làm đoạn mở đầu cho kinh 3:38. Có phiên bản kinh này trong Hán Tạng là SĀ 1117 (T II 295c10–296a23) cũng làm giống Be về chỗ này, nhưng lại sát nhập tiếp nối cả 02 mệnh đề về vua Đế-thích và về vị Tỳ kheo được giải thoát.] (386)

387 ["Trong suốt những kỳ nửa-tháng đặc biệt" (pāṭihāriyapakkha). Mp nói

rằng họ đảm nhận (toàn bộ) giới bố-tát liên tục suốt 03 tháng An cư Mùa mưa (antovasse temāsaṃ); nếu mà họ không thực thi nổi như vậy, thì họ sẽ giữ (toàn bộ) giới bố-tát suốt nguyên tháng sau kỳ An cư Mùa mưa (kiết hạ) đó, giữa 02 ngày lễ Tự Tứ [Lễ Mời tụng giới], hoặc ít nhất trong suốt kỳ nửa- tháng sau ngày Lễ Mời thứ nhất. Lễ

“Tự Tứ” hay “Lễ Mời” (pavāraṇa) là dịp, vào cuối kỳ An cư Mùa mưa, khi đó những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni “mời” (pavāreti) những người đồng-đạo của mình tự khai báo những lỗi hay tội của mình (nếu có) trong thời gian An cư Mùa mưa. Luận giảng Spk I 307,9–16, khi luận giải về chữ “pāṭihāriyapakkha” trong kinh SN 10:05 (Quyển 1), đã chú giải thuật ngữ này theo một nghĩa rộng hơn. Mời coi lại chú thích số 573 trong kinh đó.] (387)

388 [Be coi câu này là câu bắt đầu của kinh 3:38. Điều kỳ lạ là Be lại đặt tên

cho kinh là “Kinh Thứ Hai về Tứ Đại Thiên Vương” cho dù bài kinh không đề cập gì về tứ đại thiên vương cả.] (388)

389 [Mp định nghĩa paduma là sen trắng (paṇḍarapadumaṃ) và puṇḍarīka là

sen đỏ (rattapadumaṃ). Tuy nhiên, SED chỉ định nghĩa puṇḍarīka là một

bông sen [đặc biệt là sen trắng] cho rằng chữ đó có nghĩa chung là “trắng”. Rất nhiều nguồn tôi tra cứu cũng định nghĩa puṇḍarīka là sen trắng.] (389)

390 [Kāsi là một trong 16 bang của Ấn Độ, có thủ phủ là Bārāṇasī (Ba-la-nại),

(Vùng Ba-la-nại là nơi Đức Phật nói bài thuyết giảng đầu tiên, kinh Chuyển Pháp Luân, cho nhóm những người bạn tu Kiều-trần-như).] (390)

391 [Có 3 mùa ở miền bắc Ấn Độ: mùa đông khoảng từ tháng 11 đến tháng 3,

mùa nóng từ tháng 3 đến tháng 7, và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 11. Mp nói rằng: cung điện mùa đông có tới 09 tầng, 09 tầng đó thấp để giữ nhiệt ấm; cung điện mùa hè có 05 tầng cao để lưu thông gió mát; và cung điện mùa mưa có 07 tầng cao vừa để giữ cho nhiệt độ trung bình.] (391)

392 [Nippurisehi. Mp nói không phải chỉ những nhạc công nhạc sĩ mà tất cả

mọi người làm ở mọi vị trí trong các cung điện đều là phụ nữ (itthiyo). Như vậy bốn tháng không gặp người đàn ông nào.] (392)

393 [Nguyên văn cụm chữ này: Attānaṃyeva atisitvā. Atisitvā là thể tuyệt đối

của chữ atisarati. Coi thêm DOP sv atisarati.] (393)

394 [Ee lấy câu này để làm câu bắt đầu của bài kinh mới, tức là kinh 3:39 theo

cách đánh số theo phiên bản của nó. Nhưng tôi làm theo Ce và Be, tức coi đoạn này chỉ là sự nối-tiếp của bài kinh hiện tại được dẫn dắt bằng chuyện Đức Phật nhớ lại đời sống được nuôi dưỡng tinh tế trong cung đình khi còn là thái tử. Trong Ce và Be, toàn bộ bài kinh này là kinh 3:39, cho nên đến ngay câu này thì 03 phiên bản đều trở lại có số (lượng) bài kinh giống nhau, đều là số 39.] (394)

395 [Dòng kệ thứ ba ghi tối nghĩa như vầy: yathā dhammā tathā santā. Tôi

dịch nó theo nghĩa chữ. Khi chú giải về dòng kệ thứ tư, Mp đã đưa thêm chữ parapuggalaṃ là một đối-tượng (vị ngữ) của động từ jigucchanti.] (395)

396 [Dòng kệ này Ce và Be ghi là: nekkhamme daṭṭhu khemataṃ. Ee thì ghi:

cập nekkhammaṃ daṭṭhu khemato là cách ghi nguyên gốc của nó nhưng nó có đề cập tới cách ghi biến tấu khác đi của Ce và Be trong phần ghi chú của nó. Mp [cả Ce và Be] đã dùng cách ghi của Ce và Be như mộ bổ đề mà nó giải nghĩa là = nibbāne khemabhāvaṃ disvā, nhưng sau đó nó lại nói cách ghi của

Ee là một biến tấu, giải nghĩa là = nibbānaṃ khemato disvā. Như vậy ở đây Ee đã chọn cách ghi biến thể này là cách ghi nguyên gốc của nó.] (396)

397 [Mp nói những dòng kệ này là chỉ sự nỗ-lực (tinh tấn) của Phật khi đang

ngồi dưới gốc Cây Bồ-đề (nơi Phật giác ngộ).] (397)

398 [Nguyên văn Pāli: attādhipateyyaṃ lokādhipateyyaṃ dhammādhipatey-

yaṃ. Mặc dù học giả Bucknell (2004) không liệt kê phiên bản Hán Tạng của kinh này, nhưng mới đây tôi tìm thấy một bản tương ứng được ghi trong *Śāriputrābhidharmaśāstra (Xá-lợi-phất A-tì-đạt-ma luận) ở Đại Tạng T XXVIII 679c22–680a27. Tuy phần lời kinh bằng văn xuôi thì đơn giản hơn phiên bản Pāli này, những cả 02 về căn bản đều chuyển tải cùng một ý nghĩa. Những đoạn kệ trong đó, ngoại trừ đoạn cuối, là tương ứng giống kinh Pāli này.] (398)

399 [Nguyên văn dòng kệ này: Na itibhavābhavahetu. Mp đã coi âm tiết dài là

nối kết 02 thời của bhava để biểu nghĩa sự lặp-lại, chứ không phải sự phủ- định, nên giải nghĩa câu đó như vầy: “Không phải vì điều này hay vì trạng trạng thái hiện-hữu tương lai phát đạt, [nên ước rằng]: ‘[Mong ta đắc được] một sự hiện-hữu như vầy [hay] một sự hiện-hữu như vậy’” (iti bhavo, iti bhavo ti evaṃ āyatiṃ na tassa tassa sampattibhavassa hetu).] (399)

400 [Nguyên văn dòng kệ này: Attā te purisa jānāti saccaṃ vā yadi vā musā.

Mp giải nghĩa là: “Chính ông biết, về mọi mỗi điều gì ông làm, do dù nó thuộc bản chất là này hay nọ. Vì lý do này, nên hiểu rằng, đối với người làm một điều xấu ác thì không có nơi nào trong thế gian có thể được gọi là ‘được che giấu’.” (nghĩa tương tự như, điều xấu ác mình đã làm cho dù người khác không biết nhưng lương tâm hay tâm mình nó biết).] (400)

401 [Câu tiếng Pāli chỗ này là mờ nghĩa, và Mp cũng không giúp ích gì để

giải quyết khó khăn này. Phiên bản Hán Tạng của kinh này [ở T 680a20–21, nhưng theo cách ghi vào thời triều Tống, triều Nguyên, triều Minh] có ghi là: , , ,
. Câu này như chuyển tải một luận điểm khác, tôi dịch nghĩa là: “Một người mà nói ‘Điều đó không phải giả’ là tốt hơn, vì như vậy thì người đó không làm hại chính mình. Nếu một tội là có và một người biết nó, không che giấu nó.”] (401)

402 [Đoạn cuối này trong bản Hán Tạng [ở 680a26–27] là khác hẳn, như vầy:

, , , . Tôi dịch là: “Sau khi đã giục bỏ và dẹp bỏ sáu căn cảm-nhận, người đó chấm dứt sự khổ và không nhận thêm sự hiện-hữu [khác]. Sau khi qua đời, người đó không quay lại, mãi mãi thoát khỏi sự sinh và tử.”] (402)

403 [Mp giải thích trải nghiệm ý-nghĩa (atthapaṭisaṃvedī) là “trải nghiệm sự giảng giải (luận giảng) ý-nghĩa đó bằng sự-biết” (aṭṭhakathaṃ ñāṇena paṭisaṃvedī) và “trải nghiệm Giáo Pháp” (dhammapaṭisaṃvedī) là “trải nghiệm Giáo Pháp của kinh điển” (pāḷidhammaṃ paṭisaṃvedī). Điều này rõ ràng là áp đặt một sự phân biệt mới cho những thuật ngữ cũ. Tuy nhiên, trong khi 02 chữ này thường được đi cặp với nhau, sự khác biệt rõ ràng giữa chữ attha và dhamma đã không được nói ra rạch ròi trong các bộ kinh Nikāya. Thực ra, bản thân mỗi chữ ở đây cũng lờ mờ (trong cặp chữ) và do vậy những sắc thái của chúng càng làm phức tạp thêm mối quan hệ giữa chúng. Attha biểu thị ý nghĩa, ích lợi, sự tốt đẹp, và mục tiêu; còn dhamma có thể biểu thị giáo lý, hệ thống tu tập, bản chất của mọi sự, và chân lý được nói đến bởi giáo lý. Như vậy sự tương phản giữa chữ dhamma và attha có thể được nhìn thấy là quan hệ giữa giáo lý đã được lập trình và ý nghĩa của nó, quan hệ giữa sự thực hành và mục tiêu của nó, và quan hệ giữa giáo lý và ích lợi mà nó mang lại.] (403)

404 [Mp đã giải thích cụm chữ santānaṃ brahmacārinaṃ là đề cập tới những người phụng dưỡng cha mẹ (idha pana mātāpitu-upaṭṭhākā adhippetā), nhưng tôi thấy lời kinh diễn đạt là đề cập tới những vị tăng sĩ, họ là những người-nhận sự phụng-sự (upaṭṭhānaṃ) hoặc là những người-nhận sự bố-thí (dānaṃ) đã được nói ở dòng kệ (pāda) a. Thêm nữa, Mp còn diễn dịch chữ santānaṃ chữ thuộc cách số nhiều của chữ sant (tốt thiện, đức hạnh). [Mp ghi: uttamaṭṭhena santānaṃ], nhưng chữ này ở đây có nghĩa là “bình-an”, từ chữ Phạn là śānta. Cụm chữ “santānaṃ brahmacārinaṃ” cũng có ghi trong kinh SN 1:10 (Quyển 1), trong đó luận giảng Spk đã giải nghĩa nó là: santakilesānaṃ paṇḍitānaṃ vā (những người có những ô-nhiễm được lắng lặn hoặc những người trí). Bản kinh tương đương trong Hán Tạng là SĀ 995 [ở T II 260c29] có ghi cụm chữ: , điều đó có nghĩa rằng trong sự truyền thừa này chữ thì santānaṃ đã được truyền tụng là giống chữ śāntānaṃ

tiếng Phạn.] (404)

405 [Nguyên văn: saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni, nghĩa gốc là “ba đặc tính có điều-kiện (hữu vi) của trạng thái có điều-kiện (hữu vi)”. Và bên dưới là asaṅkhatassa asaṅkhatalakkhaṇāni, nghĩa gốc là “ba đặc tính không còn điều-kiện (vô vi) của trạng thái không còn điều-kiện (vô vi)”. Tôi dịch những cụm chữ này theo cách để tránh đưa ra ấn tượng sai (cho người đọc) rằng bản thân những đặc tính là có điều-kiện hay không có điều-kiện. Thay vì vậy, chúng chỉ góp phần quyết định (định nghĩa) một trạng

thái như vậy là hữu vi hay vô vi, mà thôi.] (405)

406 [Tôi làm theo phiên bản Ee, ghi 02 mệnh đề nói về những đặc-tính của

trạng thái hữu vi và trạng thái vô vi như 02 phần của 01 kinh. Còn Ce và Be thì phân 02 mệnh đề thành 02 kinh khác nhau, và do vậy tới chỗ này họ tính thành 11 bài kinh trong NHÓM kinh này. Thi kệ uddāna có ghi về trạng thái "saṅkhataṃ" (hữu vi) nhưng không ghi trạng thái "asaṅkhataṃ" (vô vi), điều này đã ủng hộ cách của Ee. Tới chỗ này thì sự đánh số kinh của tôi là đúng theo Ee, nhưng tụt lại 1 số so với Be; [Ce thì không đánh tiếp số kinh mà bắt đầu NHÓM kinh mới bằng số "1". Điều thú vị là, bản kinh tương đương trong Hán Tạng EĀ 22.5 [Đại tạng T II 607c13– c23] chỉ đề cập đến những đặc tính của trạng thái có điều-kiện (hữu vi); không có mệnh đề hay phần kinh tương ứng đề cập những đặc tính của trạng thái không điều-kiện (vô vi).] (406)

407 [Chữ "bụi rậm cây lùm" là dịch theo chữ ghi trong Ce là gedhaṃ [PED sv

ghi gedha2], khắc với Be và Ee ghi là rodhaṃ (bờ sông, bờ nước, đập nước).] (407)

408 [Trong kinh SN 1:03 (Quyển 1), bài kệ này được nói bởi một thiên thần,

rồi thiên thần đó được Đức Phật "đính chính" lại bằng một bài kệ lần lượt nói về "người đi tìm sự bình-an" phải biết "dẹp bỏ miếng mồi của thế gian" (lokāmisaṃ pajahe santipekkho).] (408)

409 [Bài kệ này và bài kệ sau cũng có trong kinh SN 1:41 (Quyển 1).] (409)

410 [Sandiṭṭhiko dhammo] (410)

411 [Nguyên văn: kukkuṭasampātikā. Mp chú giải: "'Những con gà' bay đi

bay lại giữa chúng (các nơi đó)' (kukkuṭasampāto) nghĩa là những con gà bay từ những mái nhà của làng này qua những mái nhà của làng bên. Khi những khi làng nằm kề như vậy, nên họ nói rằng chúng 'gần kề đến nỗi những con gà có thể bay qua lại giữa chúng'. Cũng có cách ghi khác về những khu làng là kukkuṭasampādikā (gần kề đến nỗi những con gà có thể đi qua lại giữa chúng). Và những con gà có thể đi qua lại giữa chúng (kuk- kuṭasampādo) có nghĩa là những con gà có thể đi bằng chân từ làng này qua làng bên. Khi những khi làng nằm kề như vậy, nên họ nói rằng chúng 'gần kề đến nỗi những con gà có thể đi bộ qua lại giữa chúng.'"] (411)

412 [Tanuttaṃ paññāyati. Nghĩa gốc: "sự giảm bớt [của dân số loài người]

được nhìn thấy."] (412)

413 [Nguyên văn: Gāmāpi agāmā honti, nigamāpi anigamā honti, nagarāpi

anagarā honti, janapadāpi ajanapadā honti. Nghĩa gốc: "những làng mạc trở thành không làng, những phố thị thành không phố thị, những thành thị thành không thành thị, và những tỉnh lỵ thành không tỉnh lỵ."] (413)

414 [Mp luận giải như vầy: "Tham-dục trái pháp (adhamma-rāga): bản thân

tính tham-dục đã ngược với Giáo Pháp (adhamma) rồi, nhưng nó không phải là 'trái pháp, phi pháp, trái phép' nếu cái tham đó là tham của cải tiền bạc … của chính mình. Nó chỉ là 'trái pháp, phi pháp, trái phép' khi tham những của cải tiền bạc này nọ … của người khác. Sự tham-lam bất chính (visama- lobha): bản thân tính tham-lam đã không bao giờ là chân chánh cho được, nhưng ở đây tham-lam một thứ gì thuộc về mình thì được gọi là sự tham-lam đúng đắn. Sự tham-lam của cải của người khác thì được gọi là sự tham-lam bất chính, không chân chánh. Giáo Pháp sai lạc (micchā-dhamma, tà Pháp): là sự mê thích những thứ không phải là một cơ-sở." Mp-ṭ bổ sung: "Là sự mê đắm một số cơ-sở của tham-dục (rāgassa vatthuṭṭhānaṃ) chứ không phải những thứ được cho là tốt thiện bởi những tiêu chuẩn của thế gian." (sự chú giải chữ "tà Pháp" ở đây nghe hơi khó hiểu).] (414)

415 [Tôi đọc theo Be, Ee, và Mp [Ce và Be] nguyên văn: yakkhā vāḷe aman-

usse ossajjanti. Phiên bản Ce của bộ kinh AN này thì ghi chữ manusse thay vì chữ amanusse. Yakkha (dạ-xoa) là những loài quỷ dữ, nhiều lúc được mô

tả là giết người và nuốt trọng xác chết, nhưng chúng cũng có khả năng hướng thiện và thậm chí có thể giác ngộ Giáo Pháp. Mp chú giải: "'Những yakkha' là những yakkha cai trị (tức những yakkha chúa điều khiển những yakkha dã man khác). Chúng thả những yakkha hung bạo trên khắp đường đi của con người, và khi những con ác quỷ yakkha đó gặp cơ hội, chúng sẽ lấy mạng của con người" (yakkhā ti yakkhādhipatino. Vāḷe amanusse ossajjantī ti caṇḍayakkhe manussapathe vissajjenti, te laddhokāsā mahājanaṃ jīvitakkhayaṃ pāpenti). Mặc dù tôi hiểu theo Mp, nhưng tôi vẫn thắc mắc có còn bản gốc nào diễn dịch động từ ở thể thụ động và đặt tất cả những danh từ thực thể ở dạng số nhiều chỉ danh như: yakkhā vāḷā amanussā ossajjanti. Nghĩa chữ của câu này là "Những yakkha—là chúng sinh phi nhân, dã man— được thả ra.] (415)

416 - (Lời bịa đặt sai sự thật ở trên cũng được ghi trong kinh 8:12, đoạn Đức

Phật khuyên bảo tướng quân Siha khi vị tướng đang xin quy y Tam Bảo.)

- [Nguyên văn cả câu hỏi này là: Kacci te bhoto gotamassa vuttavādino ca bhavantaṃ gotamaṃ abhūtena abbhācikkhanti, dhammassa cānudhammaṃ byākaronti, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgac- chati. Cả 03 phiên bản đều ghi giống vậy, ngoại trừ vài chỗ biến tấu là chữ vādānuvādo đã ghi thay cho chữ vādānupāto. Tôi đã từng thảo luận về đoạn đoạn-mẫu câu hỏi này một cách chi tiết trong Bộ Kinh Liên-Kết (Tương ưng kinh bộ), kinh SN 12:24 (Quyển 2), chú thích số 72 của Spk ở cuối phần [i] (*), nhưng tôi tin rằng những luận giảng Pāli đã sai khi coi chữ vādānupāta [hoặc vādānuvāda] có nghĩa là "hệ quả của lời khẳng định của họ". Giờ thì tôi coi chữ này đơn giản là đồng nghĩa với cụm chữ "gārayhaṃ ṭhānaṃ". Để ủng hộ cho sự thay đổi này của tôi, mời coi thêm kinh AN 5:05, trong đó câu sahadhammikā vādānuvādā gārayhā ṭhānā āgacchanti và câu đối nghĩa của nó là sahadhammikā pāsaṃsā ṭhānā āgacchanti, đã ghi ra mà không tham chiếu với bất kỳ sự khẳng định nào trước nó.

- Những đoạn song hành trong bản Hán Tạng của kinh này đã ủng hộ cách dịch nghĩa này. Trong SĀ 95 [ở T II 26a11–14] có ghi [bằng tiếng Hán]: ,, (Là sao? Này Cồ-đàm, có
phải người nói điều này là nói một cách sự thật? Có phải trường hợp này người đó không diễn dịch

sai Cồ-đàm? Có phải người đó nói đúng theo điều đã được nói (bởi Cồ-đàm), đúng theo Giáo Pháp, phù hợp với Giáo Pháp, để cho những người khác không thể phê bình người đó về những điều của Giáo Pháp đó?"). Một đoạn song hành khác ở trong kinh [ở T II 493b19–21] cũng giống vậy, và không có ghi cụm chữ nào tương ứng với nghĩa là "hệ quả của một lời khẳng định".]

- (*) (Theo người dịch, quý vị có thể đọc phần chú giải khúc chiết này (về từ nguyên và ngữ nghĩa học) nhưng cũng không cần thiết phải đọc, bởi vì sau tất cả sự truy nguyên và suy luận ở đó, lời dịch của TKBĐ và tiếng Việt đã đơn giản rõ nghĩa đối với người đọc bình thường. Mục đích ở đây TKBĐ chỉ muốn nói là không có lời kinh nào tương ứng với nghĩa "hệ quả của lời khẳng định"). (416)

417 [Mp cho rằng "những bậc thánh" (sante) ở đây là chỉ những bậc tối

thượng (uttamapurise): những vị Phật, Phật Duyên Giác (paccekabuddha), và A-la-hán.] (417)

418 [Sappañña dhīrasammate. Mp giải nghĩa cụm chữ này như thể nó có

nghĩa là "được tôn trọng, được tôn vinh, bởi những người học hiểu" (paṇḍitehi sammate sambhāvite), nhưng tôi coi chữ dhīrasammate có nghĩa là "được tôn trọng, được tôn vinh là thánh hiền [hay trí hiền]".] (418)

419 [Đoạn kệ này cũng có trong tập kinh Pháp Cú, Dhp 423 a–d, ám chỉ ba

loại trí-biết (tam minh).] (419)

420 [Mp giải thích: đồ cúng tế: yañña: "một thứ được cho đi, đồ bố thí"

(deyyadhamma) [mặc dù nó đã được xếp vào loại vật phẩm cúng dường thứ tư]; đồ cúng giỗ: saddha (Phạn: śrāddha): "bữa cơm tưởng niệm người chết" (matakabhattaṃ); đồ dâng cúng: thālipāka: "bữa cơm cúng dường những bậc xuất chúng" (varapurisānaṃ dātabbayuttaṃ bhattaṃ), nhưng theo SED thì chữ sv sthālī, sthālīpāka có nghĩa rõ ràng là món gạo hay lúa mì nấu trong sữa, hay món cháo sữa được cúng dường một cách cung kính; và đồ bố thí, thứ được bố thí: deyyadhamma: "bất cứ thứ gì có thể được bố thí; phẩm vật bố thí, hiện vật cúng dường.] (420)

421 [Nguyên văn: anuttaraṃ brahmacariyogadhaṃ. Mp chú giải: "Niết-bàn

là 'đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh', là chỗ dựa tối thượng của đời sống tâm linh, đó là đạo dẫn tới quả A-la-hán" (arahattamaggasaṅkhātassa brahma-cariyassa

anuttaraṃ ogadhaṃ utta-mapatiṭṭhābhūtaṃ nibbānaṃ). Trong kinh MN 44, mục 29, chữ nibbānogadhaṃ được dùng chung với chữ nibbānaparāyanaṃ và nibbānapariyosānaṃ cho thấy 03 chữ là như đồng nghĩa với nhau. It–a I 112,11–12, thì giải thích chữ nibbānogadhagāmī (cũng giống trong kinh AN này) bằng lời chú giải là: nibbānasaṅkhātaṃ ogadhaṃ patiṭṭhaṃ pāraṃ gacchati (nó đi đến bờ bên kia, là chỗ dựa, là đỉnh cao gồm có Niết-bàn). Cách giải thích này cũng đồng nhất với những luận giảng khác, cũng ủng hộ cách tôi dịch chữ nibbānogadha là "đỉnh cao trong/là Niết-bàn", chứ không dịch là "sự nhập vào hay nhảy vào Niết-bàn" như những người dịch trước kia đã dịch. Tôi dịch chữ amatogadha trong Bộ Kinh Liên-Kết [các kinh SN 45:139, 46:184, 48:42, 48:44 … vân vân] là "với sự bất-tử là nền tảng của nó", cách dịch này là không được thỏa mãn cho lắm. Tôi biết ơn nhà sư Vanarata đã góp ý về chữ này.] (421)

422 [Mp: "Ông ta không muốn trả lời câu hỏi của thầy Ānanda, cho nên ông ta

cứ chuyển đề tài thành những lời ca ngợi như vậy."] (422)

423 [Nguyên văn 03 sự này là: Iddhipāṭihāriyaṃ ādesanāpāṭihāriyaṃ anusāsanīpāṭihāriyaṃ. 03 sự kỳ diệu này cũng được ghi trong dài DN 11, mục 3–8.] (423)

424 [Nguyên văn: nimittena ādisati. Mp giải thích đây chỉ là dạng biểu hiện

manh mối không liên quan trực tiếp, mà có lẽ là một cử chỉ hay một biểu hiện trên mặt một người—thời hiện đại gọi là "ngôn ngữ thân thể"—lộ ra cho một người giỏi quan sát có thể đoán được trạng thái tâm của một người đó.] (424)

425 [Nguyên văn: vitakkavipphārasaddaṃ sutvā. Mp chú giải rằng: "Sau khi

nghe được âm thanh của những người lẩm bẩm trong khi đang ngủ hay đang mê, [âm thanh] khởi sinh bởi sự khuếch tán của ý nghĩ." Tôi nghĩ rằng Mp đã lạc đề ở chỗ này. Bởi vì những ví dụ trong bài kinh là theo thứ tự từ thô tế đến vi tế, tức cái sau là vi tế hơn cái trước. Tôi nghĩ rằng ý kinh ở đây muốn chỉ một âm thanh vi tế được phát tán ra bởi ý nghĩ thay vì bằng lời nói.] (425)

426 [Chỗ này chắc hẳn đang chỉ trạng thái của tầng thiền định thứ hai hoặc cao

hơn (vì trạng thái là hết tầm hết tứ).] (426)

Chú Thích • 255

427 [Mp đã đưa ra các ví dụ như: "Hãy nghĩ những ý nghĩ vô-dục, đừng nghĩ

ý nghĩ tham-dục; chú tâm (tác ý) vào (sự thực) 'vô-thường, khổ, vô-ngã', đừng chú tâm (sự ảo) 'thường, lạc, ngã'; dẹp bỏ dục-lạc (khoái-lạc giác quan) và chứng nhập thánh đạo và thánh quả vượt khỏi thế gian (siêu thế)."] (427)

428 [Nguyên văn: āsajja upanīya vācā bhāsitā. Chữ āsajja thường có nghĩa là

"đã tấn công, đã công kích", nhưng nghe quá mạnh bạo ở trong ngữ cảnh này. Mp thì chỉ bê nguyên một câu để diễn nghĩa câu nói của Phật chứ không giải thích gì về mặt

ngữ nghĩa học, câu đó như vầy: "Lời của ông đã nói đã động vào những đức hạnh của ta và đã chọt vào trú xứ của những đức hạnh của ta" (mama guṇe ghaṭṭetvā mam'eva guṇānaṃ santikaṃ upanītā vācā bhāsitā). Do vậy tôi nghĩ rằng những lời nói của bà-la-môn chỉ là cách ông tìm hiểu để biết chắc về Phật, chứ ông ta không có ý xúc phạm Phật. Nên lời kinh chép lại chỗ này có lẽ không xác đáng hay phù hợp cho lắm.] (428)

429 ["Chủ thuyết của các giáo phái" là dịch chữ titthāyatanāni, nghĩa gốc là

"những cơ-sở của các giáo phái". Chữ tittha (Phạn: tīrtha), nghĩa gốc là một bãi cồn cạn của con sông, được dùng để chỉ những giáo thuyết tôn giáo, có lẽ theo cái nghĩa là những giáo lý cung cấp một 'bãi cạn' để vượt qua dòng chảy 'những ô-nhiễm' (lậu hoặc) và vượt tới bờ giải thoát bên kia [coi kinh MN 34, trong đó ẩn dụ này đã chi phối một bài thuyết giảng ngắn]. Mp chú giải rằng: những giáo phái (tittha) ngoại đạo có 62 quan-điểm này nọ (62 tà kiến) [coi thêm kinh dài DN 1, mục 1.29–3.29]; những giáo chủ của các giáo phái đó (titthakara) là những người thành lập những quan-điểm đó; và những đệ tử của các giáo phái đó (titthiya) là những người đồng tình với những quan-điểm đó. Những đạo sư lớn của giáo phái Jain (Kỳ-na giáo của những Ni-kiền-tử) thì được gọi trong tiếng Phạn là những tīrthaṅkara.] (429)

430 [Nguyên văn câu này: Parampi gantvā akiriyāya saṇṭhahanti. Mp chú

giải chữ paraṃ = paramparā (dòng, tong, hệ) với lời chú giải như vầy: "Ngay cả khi học đã quy y theo một trong 03 loại dòng, dòng các đạo sư, dòng những đức-tin, và dòng những sự hiện-hữu cá thể [của một người]" (ācariyaparamparā laddhiparamparā attabhāvaparamparā ti etesu yaṃkiñci paramparaṃ gantvā pi). Nhưng khó nhìn thấy lời chú giải này liên quan gì đến ngữ cảnh lời kinh. Vì chữ paraṃ cũng có thể có nghĩa là "trễ hơn, thêm nữa, sau nữa", nên có lẽ luận điểm được truyền tải ở đây những quan-điểm

này, nếu có kéo dài thêm nữa, cũng kết cuộc bằng sự không-làm-gì. Dựa trên cách hiểu này, tôi đã dịch cụm chữ parampi gantvā là "đưa đến kết luận củ họ". Chữ saṇṭhahanti thì theo nghĩa đen của nó là "dừng lại ở" hay "kết cuộc ở chỗ".] (430)

431 [03 chủ thuyết này lần lượt là: thuyết của đạo Jain (Ni-kiền-tử), thuyết

hữu thần, và thuyết phi nhân-duyên. Thuyết phi nhân-duyên trong những kinh khác được cho là của Makkhali Gosāla [coi kinh 1:319, 3:137].] (431)

432 [Mp: "Họ khăng khăng rằng một người trải nghiệm những cảm-giác gì chỉ

là do những nghiệp đã tạo ra trong quá khứ". Liên quan chỗ này, coi thêm kinh SN 36:21 (Quyển 4), trong đó Phật giải thích 08 nguyên nhân gây ra bệnh tật khổ đau, và chỉ có 01 nguyên nhân là do nghiệp quá khứ chín muồi thành nghiệp quả.] (432)

433 [Trong kinh MN 14.15–19 và MN 101, Đức Phật đã chất vấn những

người phái Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) bằng những luận điểm ngược lại với chủ thuyết của họ chỉ coi mọi cảm-giác đều do nghiệp quá khứ gây ra.] (433)

434 [Mp giải nghĩa là: "Tới chỗ này Phật đã chỉ ra những chủ thuyết của các

giáo phái khác, sau khi được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận bởi người có trí, thì chúng đều dẫn đến kết cuộc là sự không-làm-gì, và do vậy chỉ là sáo rỗng và không giúp giải thoát, không thực chất. Và giờ Phật chỉ ra Giáo Pháp mà Phật đã chỉ dạy là thực chất và mang tính giải thoát (sārabhāvañc'eva niyyānikabhāvañca)."] (434)

435 [Về sự phân tích chi tiết về sáu yếu-tố (sáu giới), mời đọc kinh MN 140,

mục 14–19.] (435)

436 [Mp đã chú giải chữ manopavicāra như vầy: "Sự soi-xét của tâm về 18

trường hợp, dùng 'cước' (bàn chân) của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) (vitakkavicārapādehi)." Chữ 'cước, bàn nhân' (pāda) được dùng ở đây bởi vì chữ vicāra (tứ, sự soi xét, ý nghĩ duy trì) có nghĩa là "sự đi quanh, sự du hành vòng quanh".] (436)

437 [Mp chú giải: "Tại sao Phật lại bắt đầu trình bày theo cách này? Là để cho

dễ hiểu. Vì Phật muốn giải thích về 12 điều-kiện nhân duyên, cho nên trước

tiên Phật chỉ ra cái vòng nhân duyên bằng'sự nhập-thai [sẽ thành phôi thai]' (gabbhassāvakkanti). Vì khi vòng nhân duyên đã được chỉ ra bằng'sự nhập- thai' thì cái kế tiếp nó (phần danh-sắc) sẽ dễ hiểu hơn. Sáu yếu-tố (sáu giới) của ai được coi là điều-kiện (duyên), là của mẹ hay của cha? Không phải của ai cả, mà đó là 'sự nhập-thai [sẽ thành phôi thai]' xảy ra do duyên là sáu yếu-tố của sự nhận lấy tái-sinh." Mp cũng trích lại các kinh MN 38, mục 26 [coi thêm MN 93.18].] (347)

438 [Đây có lẽ là trường hợp duy nhất trong Kinh Tạng mà Diệu Đế về Nguồn-Gốc Khổ và Sự Chấm-Dứt Khổ được giải thích theo cách bằng toàn bộ vòng 12 chi của 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (vòng duyên khởi).

- Trong kinh SN 12:43 (Quyển 2), sự khởi-sinh (samudaya) của khổ được giải thích theo cách bằng những mắc-xích từ thức cho tới dục-vọng (ái); còn sự phai-biến (atthaṅgama) của khổ thì được giải thích theo cách là sự chấm- dứt của những mắc-xích đó từ dục-vọng (ái) cho tới sự già-chết. Trong phiên bản Hán Tạng của kinh này là MĀ 13 [ở T I 435a24–436a10] thì Diệu Đế thứ hai và Diệu Đế thứ ba lại được giải thích bằng 'sự khởi-sinh tùy thuộc' nhưng giống theo khuôn-mẫu có ghi trong kinh SN 56:11 (Quyển 5) và trong một số kinh khác.] (438)

439 [Nguyên văn cả câu: Tīṇ'imāni bhikkhave amātāputtikāni bhayānī ti as-

sutavā puthujjano bhāsati. Nghĩa chữ là: "Có ba [điều] này người mà phàm phu không được chỉ dạy nói về như 'những hiểm họa không-mẹ-và-con'."] (439)

440 [Nguyên văn cả câu: Tīṇi samātāputtikāniyeva bhayāni amātāputtikāni

bhayānī ti assutavā puthujjano bhāsati. Nghĩa chữ là: “Có ba hiểm họa có mẹ-và-con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói về như ‘những hiểm họa không mẹ-và-con’.” Những hiểm họa rõ ràng là đại hỏa hoạn, đại lũ lụt, và bạo loạn giặc giã. Do những nạn này ban đầu đã làm chia cách mẹ và con, nên người ta có thể gọi chúng là “những hiểm họa làm chia lìa mẹ và con”. Nhưng do có thể cuối cùng mẹ và con tìm thấy nhau, nên người ta có thể gọi chúng là những hiểm họa khi mẹ và con gặp lại nhau.] (440)

441 [Mp chú giải: “Sau khi đã chỉ ra cách tạm thời (pariyāyato) và có thể xảy

ra trong đời mà những hiểm họa làm chia lìa mẹ và con, giờ Phật chỉ ra cách

không phải tạm thời (nippariyāyena) và luôn luôn xảy ra làm chia là mẹ và con.” (chẳng hạn sự già, bệnh, chết là sự chia lìa tất yếu, không phải tạm thời).] (441)

442 [Tên các loại giường, nệm, mền và những vật dụng tiện nghi, tôi dựa theo

cách dịch của tiến sĩ Horner trong bản dịch Luật Tạng Vin I 192,14–19 (1951, 4:256–57). Bà đã dựa vào những diễn dịch của mình ở Sp V 1086,1– 1087,12, vốn cũng tương thích với diễn dịch của Mp II 292–93.] (442)

443[Nguyên văn: Dibbaṃuccāsayanamahāsayanaṃ, brahmaṃuccāsayana-mahāsayanaṃ, ariyaṃ uccāsayanamahāsayanaṃ.] (443)

444 [Nguyên văn: So ce ahaṃ, brāhmaṇa, evaṃbhūto caṅkamāmi, dibbo me

eso tasmiṃ samaye caṅkamo hoti. Mp nói rằng: (i) sự đi tới đi lui là thuộc cõi trời là khi: sau khi đã chứng nhập trong 04 tầng thiền định, Phật đi tới đi lui (đi kinh hành, như đi thiền); và (ii) sự đi tới đi lui của Phật là thuộc cõi trời là khi: sau khi đã thoát ra khỏi 04 tầng thiền định đó, Phật đi tới đi lui. —Điều này dường như có nghĩa rằng ‘sự bước đi tới đi lui’ có thể xảy ra ngay cả khi cái tâm đang ở trong trạng thái tầng thiền định! Tuy nhiên, điều này đã mâu thuẫn với định-nghĩa công thức rằng tầng thiền định là một trạng thái chìm sâu không bị gián đoạn trong một đối-tượng thiền, trong đó những chuyển động theo ý chí như ‘đi lại’ thì không thể nào diễn ra được. Mp-ṭ giải thích trường hợp (i) của Mp [đi tới đi lui sau khi chứng nhập trong tầng thiền định] có nghĩa là Phật đi tới đi lui lập tức ngay sau khi thoát ra khỏi tầng thiền định; còn trường hợp (ii) [đi tới đi lui sau khi thoát khỏi tầng thiền định] có nghĩa là Phật đi tới đi lui (một lúc nào đó) sau khi đã thoát ra khỏi tầng thiền định vào một lúc nào đó trước đó. —Hai sự chú-giải này của Mp-ṭ cũng áp dụng tương ứng cho trường hợp “tiện nghi thiên thánh (brahma)” và “tiện nghi thánh thiện (arya)”.] (444)

445 [Mp giảng giải: “Chỗ này là chỉ tham đã được dẹp bỏ bằng thánh đạo A-

la-hán ngay tại hiện trường của sự đại giác-ngộ. Bằng phương tiện hồi quán lại, Phật đã đề cập tới sự chứng quả.”] (445)

446 [Mp giải thích rằng du sĩ này đã từng được những du sĩ cử đi giả dạng xin

thụ giới thành Tỳ kheo trong Tăng đoàn để học những 'bí quyết thành công' của Tăng đoàn [bởi họ nghĩ (Tăng đoàn hay Phật) có dùng bùa thuật gì đó để

thu hút nhiều đệ tử như vậy], và sau khi học xong sẽ quay về chỉ lại cho đoàn du sĩ. Sau khi thụ giới Tỳ kheo, du sĩ Sarabha đã kết luận rằng Giới Luật Tăng Đoàn [Pātimokkha] chính là chìa khóa thành công của Tăng đoàn. Sau khi học Pātimokkha, ông ấy đã quay về với những du sĩ và kể lại rằng ông đã học Giáo Pháp của những đệ tử của Phật. Phần bối cảnh câu chuyện giống hệt như câu chuyện trong kinh Susīma Sutta, SN 12:70 (Quyển 2), chỉ khác ở phần kết cục.] (446)

447 [Ngay chỗ này Ee có ghi thêm dòng chữ này: "mayā kho Sarabha paññāyati samaṇānaṃ Sakyaputtiyānaṃ dhammo" (Này Sarabha, Giáo Pháp của những sa-môn tu theo người con của dân tộc Thích-ca đã được nhìn thấy bởi ta). Be thì bỏ dòng chữ này trong ngoặc đơn, nhưng Ce thì không ghi dòng chữ này.] (447)

448 [Trong kinh MN 35, mục 13–14, 27–28, 32–35 có ghi rằng: "Nếu ai, khi

được Như Lai hỏi một câu hỏi có lý đến lần thứ ba mà vẫn không trả lời, thì đầu người đó bể tung thành bảy mảnh." Tuy nhiên, trong kinh này, du sĩ Sarabha không trả lời câu hỏi của Phật sau 03 lần được hỏi, nhưng đầu của ông ta vẫn nguyên vẹn và không có mối họa nào xảy ra với ông ta.] (448)

449 [Lưu ý, ở đây điều tuyên bố (1) chính là sự tự-tin (vesārajja) thứ nhất

trong 04 sự tự-tin của Như Lai, coi thêm kinh AN 4:08. Kế dưới, điều tuyên bố (2) là sự tự-tin thứ hai của Như Lai; còn điều tuyên bố (3) thì lại là sự tự- tin thứ tư của Như Lai. Sự tự-tin thứ ba của Như Lai không có ghi trong kinh này.] (449)

450 [(Dãy động từ cuối này) từ tiếng Pāli, không rõ 03 chữ luân phiên này là

gì trong câu này. Trong Ce chữ ngắt phẩy là vā chỉ xảy ra 02 lần trong câu này, cho thấy chỉ có 02 chữ luân phiên. Ee thì có 03 lần chữ vā, nhưng cụm chữ tuṇhībhūto vā maṅkubhūto vā đã chia 02 từ vốn thường thuộc về một chữ luân phiên duy nhất. Be thì chỉ có 01 lần vā, điều này càng làm câu hỏi về những chữ luân phiên này thêm mờ tối. Tôi đã chọn cách phân chia thành "người đó có thể trả lời một cách lảng tránh …" và "thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng" ngay cả khi chúng ta thấy trình tự chỗ này không có một chữ ngắt phẩy nào như: aññenaññaṃ paṭicarati, bahiddhā kathaṃ apanāmeti, kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti. Về mặt này, tôi đã

làm theo cách phân chia trong bản kinh song hành trong Hán Tạng, SĀ 970 [chỗ T II 250b21–23] không ghi ra 03 chữ luân phiên rời nhau:
(Người đó chuyển hướng sự thảo luận qua
một chủ đề bên ngoài, hoặc (), bị chi phối bởi sự tức giận và tự cao, sẽ vô lý thể hiện sự thù ghét và bất nhẫn, hoặc () sẽ im lặng chấp chứa sự xấu hổ, với đầu gục xuống, suy

ngẫm riêng tư.”] (450)

451 [Nguyên văn cả câu: Yassa kho pana te atthāya dhammo desito so na

niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyā ti. Mp coi cụm chữ “yassa at- thāya” có nghĩa là “mục đích mà vì nó” Giáo Pháp được chỉ dạy và nhận dạng đó chính là sự tiêu-diệt tham, sân, si; và diễn dịch chữ “Giáo Pháp” ở đây chính là ‘sự thiền-quán về sự ô-uế không hấp dẫn của thân’ …

- Động từ niyyāti có nghĩa là “đi-ra-ngoài” [tới sự hoàn toàn diệt-khổ]. Chữ takkarassa có lẽ là một sự hình thành từ sandhi: takkaro assa.

- Tôi có thể so chiếu cụm chữ này trong 02 những phiên bản Hán tạng: (1) EĀ 27.6 (T II 645c10–11) ghi là: (Không thể nào Giáo Pháp
đi-ra-ngoài này của những bậc thánh mà không đi-ra-ngoài tới sự hoàn toàn diệt-khổ). (2) EĀ 46.4 (T II 776c28–777a2) có ghi:
(Bằng Giáo Pháp này được chỉ dạy bởi ta
những thánh nhân đi-ra- ngoài một cách đúng đắn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Không thể nào có sa- môn nào (vân vân) có thể đến và nói rằng: ‘[Họ] đã không đạt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.’).] (451)

452 [Ở đây, phiên bản Háng tạng SĀ 970 [ở T II 250b28] chỉ đơn giản ghi là

“(Phật) đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi” () chứ không có sự rời khỏi một cách siêu thường nào.] (452)

453 [Nguyên văn: Vācāya sattitodakena sañjambharim akaṃsu. Be và Ee thì

ghi chữ sannitodakena thay cho chữ sattitodakena trong Ce. Bản Hán tạng [T II 250c8] chỗ này chỉ ghi đơn giản: “họ quở trách và phê phán thẳng vô mặt

ông ta” ().] (453)

454 [Nguyên văn cả câu này: Seyyathāpi, āvuso sarabha, ambakamaddari ‘phussakaravitaṃ ravissāmī’ ti ambakamaddariravitaṃyeva ravati. Be có ghi chữ ambukasañcārī thay cho chữ ambakamaddari và chữ purisaka thay cho chữ phussaka đã được ghi trong Ce và Ee. Tôi đã tự cho mình ít tự do để dịch thoáng những danh từ tối nghĩa về những loại chim này để đưa ra được nghĩa loài kinh muốn nói. Mp [của Ce] giải nghĩa chữ ambakamaddari là một con gà nhỏ (khuddakakukkuṭikā) và chữ phussaka là một con gà lớn (mahākukkuṭa). Phiên bản kinh này trong Hán tạng [ở T II 250c3] thì ghi khác, như vầy: “Giống như một phụ nữ cố nói giọng nam nhưng chỉ có thể nói giọng nữ” (). Cụm chữ Pāli puri- sakaravitaṃ có thể được
hiểu là ‘sự la lên của một người nam’ và chữ amba- ka là ‘một phụ nữ’, nhưng do không có một sự tương phản đơn giản và rõ rệt nào giữa chữ ambaka và purisa trong cùng phiên bản, nên tôi đã làm theo sự giải nghĩa của Mp.] (454)

455 [Phiên bản Be ghi tên kinh là Kesamutti; có nghĩa là: những người ở quận

thị Kesaputta; đó là những người họ tộc Kālāma sống ở quận thị đó. Cho nên bài kinh này nổi tiếng hơn với cái tên "Kālāma Sutta" (Kinh Những Người Kālāma). Be ghi tên là Kesamutti. Bài kinh này nổi tiếng với tên là "Kinh Những Người Kālāma" (Kālāma Sutta). —Một phiên bản tương đương trong Hán tạng là kinh MĀ 16 [ở T I 438b13–439c22]. Tôi sẽ ghi chú bên dưới những cách quan trọng mà nó khác với phiên bản Pāli.] (455)

456 [Luận giảng [Mp] giải thích rằng thị trấn này nằm bên bìa một khu rừng.

Nhiều nhóm du sĩ và ẩn sĩ thường dừng nghỉ qua đêm ở đây trước khi họ băng qua khu rừng. Trong lúc ở lại họ thường nói chuyện với những người Kālāma trong thị trấn, và do đó những người Kālāma được tiếp cận với nhiều loại chủ thuyết, giáo thuyết. Sự mâu thuẫn giữa những giáo thuyết và quan- điểm khác nhau đã gây ra nhiều sự nghi-ngờ và bối-rối cho họ.]

457 [Một loạt 10 nguồn hay cơ sở chưa đầy đủ để kết luận một điều gì là sự

thật có thể được phân thành 03 nhóm:

- (1) NHÓM 1: gồm 04 lý-do đầu tiên: là 04 sự giả định mặc nhiên dựa theo

sự lưu truyền, sự lan truyền, truyền thống. Gồm có (i) do "lời truyền miệng" (anussava): thường được hiểu ở đây bởi các giảng luận là Phật đang chỉ những kinh chú Vệ-đà đã được truyền miệng; (ii) do "điều đó đã trở thành truyền thống": như những giáo lý, giáo điều đã được truyền dạy của những sư thầy, những tông giáo, tôn môn kế truyền; (iii) do "tin đồn" (tin được lan truyền, điều được kể lại, chuyện được thuật lại; itikirā): là những tin đồn bao gồm cả những tin tức hay ý kiến trào lưu, hay những điều được đa số chấp thuận chung; và (iv) do "có ghi trong kinh sách" (hay trong các tập kinh, bộ kinh (piṭaka-sampadā)): đó là những lời kinh, những câu kinh, những điều được cho là "y kinh" thì không thể nào sai (nhưng thực ra những lời ghi trong kinh sách chưa chắc là sự thật, có thể là sai hoàn toàn, hoặc có thể chỉ là những điều do quy ước dùng để chỉ dạy, hoặc chỉ là sự thật tương đối; giống như Phật nói Giáo Pháp của Phật chỉ như một chiếc bè dùng để qua sống chứ chúng không hẳn là sự thật, chỉ giống như ngón tay chỉ mặt trăng chứ không phải là mặt trăng). Ở đây, theo các giảng luận, ý Phật cũng chỉ những điều được ghi trong những kinh sách cổ xưa khác hoặc sau này, vì lúc Phật còn sống thì những lời kinh Phật chỉ được truyền dạy bằng miệng chứ chưa được ghi thành những tập kinh hay bộ kinh.

- (2) NHÓM 2: gồm có 04 lý-do kế tiếp có được từ lý giải, suy lý, suy luận, đó là: (v) "do lý giải": bởi vì sự lý giải thì mỗi người hiểu lý lẽ và lý giải khác nhau, không phải ai cũng lý giải đúng theo sự thật; (vi) "do suy luận": sự suy luận cũng vậy, vì suy luận từ những lý do và nguyên nhân đúng giả khác nhau, hoặc suy luận chỉ dựa trên sự phỏng đoán, phán đoán này nọ, và không phải ai cũng suy luận đúng sự thật; (vii) "do tự thấy là hợp lý, hợp với lý thu- yết đã học": đây là cách phổ biến gán ghép áp đặt mọi sự đúng hay sai dựa theo khuôn mẫu lý thuyết, mà lý thuyết cũng chỉ là lý thuyết, không phải thấy

hợp với lý thuyết thì đó là sự thật, bởi vì không phải mọi lý thuyết đều đúng với sự thật; (viii) “do chấp nhận điều đó sau khi đã suy tư xem xét kỹ về nó”: sự chấp nhận này là kết quả sau khi đã xem xét suy tư kỹ càng về điều đó, nhưng cũng đâu có gì bảo đảm là đúng sự thật, vì mỗi người xem xét kỹ theo những cách sai đúng khác nhau, và những mức độ xem xét kỹ lưỡng của mỗi người cũng khác nhau; chưa kể sự xem xét dựa trên những cơ sở nào, hay rốt cuộc cũng chỉ dựa trên những 09 cơ sở kia. Chỗ này, theo luận giảng, ý muốn nói rằng những suy luận của con người đều dựa trên giả thuyết mà ra; đó là

sự khác nhau so với sự suy luận của Đức Phật: đó là dựa trên sự quán xét thực nghiệm và sự tự thân thấy-biết.

- (3) NHÓM 3: gồm 02 lý-do cuối cùng, đây là 02 loại sự dính líu yếu tố cá nhân người nói: một là (ix) “do vẻ bề ngoài hay tướng mạo của người nói có vẻ cao đạo, xuất sắc nên đáng tin” (bhabbarūpatā): là sự thu hút của người nói [có lẽ gồm cả tướng mạo, oai nghi, biểu hiện, giọng nói, cử chỉ, những tính chất bề ngoài của người đó]; và hai là do thẩm quyền của người nói: (x) “do đó là sư thầy của mình [tiếng Pāli garu là đồng nghĩa chữ guru của tiếng Phạn] nên điều ổng nói chắc chắc đúng sự thật”: cơ sở này không có gì chắc: không phải ‘điều gì do sư thầy, sư phụ, sư ông của chúng ta nói là phải đúng sự thật’; bởi vì trong thực tế không phải sư thầy nào cũng nói, giảng, dạy đúng theo sự thật; chưa kể bối cảnh lời kinh ở đây muốn chỉ những sư thầy khác nhau của những giáo phái khác nhau với những giáo lý khác nhau thường ghé lại ngôi làng này và thuyết giảng. (457)

- (Chú thích này do người dịch diễn dịch thêm bằng tiếng Việt để người đọc có thể nắm bắt ít nôm na ý nghĩa của 10 “cơ sở chưa chắc chắn để kết luận một điều là sự thật” mà Phật đã chỉ ra cho những người dân Kālāma. Ý nghĩa là Phật khuyên dạy mọi người không nên phụ thuộc vào sự hiểu biết cá nhân có được từ 10 cơ sở đó, vì sự thật cần phải được tự thân chứng ngộ hay tự thấy, tự biết. Và trước mắt Phật chỉ khuyên dạy rằng: chỉ cần biết điều gì thiện lành, được bậc trí hiền khen ngợi thì nên làm, và điều gì ngược lại thì không nên làm, thì sẽ dẫn đến phúc lợi dài lâu; không cần phải vất vả tìm hiểu để biết cho được ai nói là sự thật, ai nói là không sự thật trước khi thực hành.)

458 [Theo Đức Phật, tham, sân, si là ba gốc rễ bất thiện (akusalamūlāni), nó

nằm ẩn bên dưới những hành vi bất thiện thất đức và tất cả những trạng thái ô nhiễm của tâm; coi thêm kinh 3:69. Bởi vì mục tiêu của giáo lý của Phật là Niết-bàn, là sự tiêu-diệt tham, sân, si [kinh SN 38:10 (quyển 4)], Đức Phật đã tinh tế dẫn dắt những người Kālāma đồng tình theo giáo lý của Phật một cách đơn giản bằng cách kêu họ tự mình suy xét sự trải nghiệm của chính mình (hơn là tin ở những điều nghe từ bên ngoài); và Phật không cần phải bắt họ tin suông lời của Phật là đúng.] (458)

459 [Điều này chắc chắn chưa phải là hoàn toàn trực quan khách quan, ít nhất

là trong kiếp hiện tiền, bởi vì những trường hợp "điều xấu dữ xảy ra với người làm nghiệp tốt" vẫn đầy rẫy, không thể đếm hết.] (459)

460 [Nguyên văn: Idhāhaṃ ubhayen'eva visuddhaṃ attānaṃ samanupassāmi.

Nghĩa chính xác của chữ "về cả hai phương diện" vẫn chưa hoàn toàn rõ rệt đối với tôi. Mp diễn dịch đại ý là: "Vì tôi không làm điều xấu ác, và điều xấu ác cũng không được làm bởi người khác đối với tôi" (yañca pāpaṃ na ka- romi, yañca karotopi na karīyati)." Tuy nhiên, đối với tôi dường như ý của lời kinh đang nói về 02 loại sự thanh-lọc bản thân, đó là: (1) không làm những điều xấu ác, và (2) tu dưỡng tâm trong sạch bằng cách tu tập bốn trạng thái tâm vô lượng [từ, bi, hỷ, xả]. Nghĩa này cũng giống như nghĩa trong bản Hán tạng tương đương vậy. (Người dịch Việt thấy sự chú giải của Mp cũng có lý phần nào, tức là "Giả sử làm việc xấu không bị quả xấu, thì một người không làm việc xấu (i) cũng là tốt và (ii) cũng không bị người khác làm điều xấu ác với mình. Như vậy được tốt cả 02 phương diện).] (460)

461 [04 sự bảo-an trong phiên bản kinh này trong Hán tạng MĀ 16 [ở T I

439b8–26] là khác, như sau: (1) "Nếu có thế giới này và thế giới khác, nếu có những nghiệp quả của những nghiệp tốt và xấu, thì tôi tích được nghiệp kết nối (câu hữu) với chánh-kiến này; tôi xiển dương nó và có được nó. Khi thân tan rã, sau khi chết, tôi chắc chắn sẽ đi tới trạng thái tốt lành, thậm chí được tái sinh trong cõi trời. (2) Nếu không có thế giới này và thế giới khác, và không có những nghiệp quả của những nghiệp tốt và xấu, ngay cả trong kiếp này, thì tôi cũng không bị người khác chê trách về [hành vi của] mình, nhưng tôi sẽ được khen ngợi bởi người trí hiền. Tuy nhiên, những người có chánh tinh-tấn và chánh-kiến thì nói là có [thế giới này, thế giới khác, và những quả của nghiệp]. (3) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Vì tôi không làm điều gì xấu ác, thì sao sự khổ đau có thể khởi sinh trong tôi? (4) Nếu làm điều gì, chắc chắn tôi không làm điều xấu gì xấu ác. Tôi không phạm vào điều gì đáng sợ-hãi và điều gì không đáng sợ-hãi trong thế gian. Tôi chỉ luôn có tình thương và bi mẫn đối với toàn thế gian. Tâm tôi không có sự tranh đấu đối với những chúng sinh; điều đó là không sự ố-nhiễm, và hoan hỷ và hạnh phúc."] (461)

462 [Nguyên văn: Atthi idaṃ, atthi hīnaṃ, atthi paṇītaṃ, atthi imassa

saññāgatassa uttari nissaraṇaṃ. Câu này cũng có trong kinh MN 7.17, trong đó câu này cũng theo sau những câu nói về 04 tâm vô lượng. Mp giải nghĩa: "Có trạng thái này": là chỉ năm-uẩn, chỉ cái sự thật về khổ (diệu đế 1); "có trạng thái thấp kém (nhược)": là chỉ sự thật về nguồn-gốc khổ (diệu đế 2); "có trạng thái cao siêu hơn (ưu)": là chỉ sự thật về con-đường dẫn đến sự diệt khổ (diệu đế 4 về Bát thánh đạo); và; "một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính líu nhận-thức": là chỉ Niết-bàn, là = sự thật về sự diệt khổ (diệu đế 3).] (462)

463 [Nguyên văn: brahmabhūtena attanā viharati. Cách diễn tả trong đoạn

cuối này cũng có trong kinh 4:198, và trong kinh MN 51, mục 5. Dường như Đức Phật thường cố ý chọn dùng chung chữ (cùng thuật ngữ) với những từ ngữ của bộ Upanishad (Áo Nghĩa Thư của Vệ-đà) cho mục đích giảng giải giáo lý của mình. (Như những trạng thái thiên-thánh hay vô-lượng thì lấy chữ trời brahma (phạm thiên) để mô tả nó như thuộc cõi trời, bởi vì đó là cảnh giới cao siêu nhất, đáng mơ ước nhất (bởi đa số người dân) theo giáo lý của các tôn giáo đương thời của Ấn Độ lúc đó).] (463)

464 [Có 04 phương pháp đặt câu hỏi; coi thêm kinh 4:42. Mp: "(1) Một câu

hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc" (ekaṃsavyākaṇanīya pañha) là, ví dụ, "Có phải mắt là vô thường?", thì nên được trả lời một cách dứt dạc: "Đúng, mắt là vô thường". (2) Một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải (phân tích, phân biệt) (vibhajjavyākaraṇīya pañha) là, ví dụ, "Có phải sự vô thường là mắt?", thì nên được trả lời bằng sự phân giải: "Không chỉ là mắt, mà tai, mũi, lưỡi ... cũng đều là vô thường". (3) Một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại (paṭipucchāvyākaraṇīya pañha) là, ví dụ, "Có phải mắt có cùng bản chất như tai?", thì người nghe nên trả lời bằng câu hỏi lại: "Về phương diện nào mới được?" Nếu người hỏi nói: "Về phương diện nhìn thấy", thì nên trả lời: "Không đúng" (vì tai đâu có nhìn thấy). Nhưng nếu người hỏi nói: "Về phương diện vô thường", thì nên trả lời: "Đúng" (vì tất cả chúng đều là vô thường). (4) Một câu hỏi nên được bỏ qua (ṭhapanīya pañha) là, ví dụ, "Có phải linh hồn là một với thể xác?", thì nên được bỏ qua, không trả lời, chỉ cần nói "Điều này đã không được tuyên bố bởi Như Lai".

- Theo thiển ý của tôi, ví dụ tốt hơn về loại câu hỏi thứ hai ở trên là cách Đức Phật đã trả lời cho Subha trong kinh MN 99, mục 4; trả lời cho bà-la-môn

Ujjaya trong kinh AN 4:39; và cách trả lời của gia chủ Vajjiyamāhita cho những du sĩ trong kinh AN 10:94] (464)

465 [Ý nghĩa lời kinh nguyên gốc của những câu này hơi xa với sự rõ-rệt của

những lý-do. Do vậy tôi đã dựa vào chú giải của Mp; (chú giải rất dài gồm rất nhiều ví dụ hỏi đáp của riêng Mp; người dịch chỉ tóm lược câu chính, vì lời kinh cũng đã tự rõ nghĩa sau khi thầy TKBĐ đã dịch nghĩa): (a) "Người không đứng vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác (ṭhānāṭhāne na saṇṭhāti): Là không đứng vững trước điều gì là lý do và điều gì không là lý do ... [Nhưng theo tôi, thay vì vậy, điều này cũng có thể có nghĩa là người đó không đứng vững đối với điều thực sự và điều không thực sự, điều có thể và điều không có thể? Đây cũng lần lượt là các nghĩa của chữ ṭhāna và aṭṭhāna.] (b) "Người đó không đứng vững trong ý đồ của mình" (parikappe na saṇṭhāti): Điều này được thấy thể hiện trong cả khi hỏi câu hỏi và khi trả lời câu hỏi ... (c) "Người đó không đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết (aññātavāde na saṇṭhāti): Là có nghĩa như thiếu tự-tin hoặc ba-phải ... (d) "Người đó không đứng vững trong thủ tục (paṭipadāya na saṇṭhāti): (Câu này theo Mp chú giải là về vấn đề giới-luật). Ví dụ do không học hiểu những điều giới-luật (vattaṃ ajānitvā), người đó hỏi trong những tình huống mà câu hỏi không nên được

hỏi. Chẳng hạn: không nên hỏi câu hỏi khi đang đứng trong sân đền thờ (cetiyaṅgana); khi đang đi tới chỗ để đi khất thực; khi đang đi khất thực trong làng; khi đang ngồi trong hội trường; khi đang ngồi và đang lấy thức ăn để ăn bữa trưa; khi đang ngồi sau khi ăn; và khi đang đi tới chỗ để an trú ban ngày. Tuy nhiên, nếu một người đang ngồi trong những buổi khác trong ngày, nếu có người khác xin phép và đặt câu hỏi, thì người đó nên trả lời; nhưng người đó không nên trả lời nếu người hỏi không xin phép trước để hỏi. Đây chính là nghĩa của câu (d): 'Hỏi một câu hỏi mà chưa hiểu giới-luật, là người đó không đứng vững về mặt thủ tục.'"] (465)

466 [Nghĩa là, người đó như vạch lá tìm sâu, cứ moi tìm những lỗi nhỏ nhặt

của người khác làm đề tài để chê bai, chỉ trích (và không trực tiếp nói vào chủ đề và và ý nghĩa chính của cuộc nói chuyện).] (466)

467 [Mp diễn dịch: "Người đó trực tiếp biết một điều, đó là một Giáo Pháp

thiện lành, là thánh đạo. Người đó hoàn-toàn hiểu một điều, đó là diệu đế về

khổ. Người đó dẹp bỏ một điều, đó là tất cả mọi tâm tính bất thiện. Người đó chứng ngộ một điều, đó là thánh quả A-la-hán hay diệu đế về sự diệt-khổ. Bằng những phương tiện là trí-biết (minh) như vậy, người đó đạt tới sự giải- thoát, đó là sự giải-thoát bằng thánh quả A-la-hán."] (467)

468 [Nguyên văn câu này: Anariyaguṇam āsajja. Câu này là khó dịch. Theo

chữ in, có thể dịch là: "Sau khi đã tấn công những phẩm-chất thánh thiện". Nhưng chữ guṇa thường có nghĩa là những phẩm-chất đức hạnh. Mp đã đưa ra lời chú giải không mấy thuyết phục là: "Họ có sự nói chuyện dùng những phẩm chất bất thánh thiện để tấn công những phẩm chất." Tôi dịch dựa theo giả định rằng lời kinh gốc đúng ra là Anariyā guṇam āsajja (những người không thánh thiện tấn công những phẩm chất [tốt thiện]). Phiên bản kinh này trong Hán tạng MĀ 119 [ở T I 609a8–b29] thì gần như khớp với phiên bản Pāli về bài kệ; và dòng kệ ghi tương ứng [609b15] tương ứng với cách dịch của tôi là: (không thánh thiện, họ chửi chê những đức-hạnh [của lẫn nhau]).] (468)

469 [Nguyên văn câu này: Dhammaṭṭhapaṭisaṃyuttā yā ariyācaritā kathā. Mp

chú giải cụm chữ dhammaṭṭhapaṭisaṃyuttā như vầy: "Cuộc nói chuyện được thực hiện bởi người đã thiết lập trong Giáo Pháp, nhờ vậy nó được thiết lập trong Giáo Pháp; và [cuộc nói chuyện] được kết nối với Giáo Pháp, nên nó được thiết lập trong Giáo Pháp và kết nối với Giáo Pháp." Như vậy là Mp đã coi chữ dhammaṭṭha là chữ ghép từ hai chữ dhamme ṭhita. Tuy nhiên, tôi dịch với giải định rằng cụm chữ dhammaṭṭhapaṭisaṃyuttā có một chữ-ghép 02 từ chính-chính (dvanda) vốn nên được phân nghĩa thành dhammena ca aṭṭhena ca paṭisaṃyuttā. Trong sự chú giải về lời-nói đúng đắn (chánh ngữ), thường thấy ghi rằng người đức-hạnh (có giới-hạnh) là "atthavādī dhammavādī" (người nói điều có ích lợi [hoặc có ý nghĩa]), là người nói về

Giáo Pháp"; coi thêm kinh 3:69; 10:176, đoạn (7). Thật là bất thường— nhưng không phải ngoại lệ—để tìm thấy chữ aṭṭha thay chỗ chữ attha với nghĩa "ý nghĩa" hay "ích lợi"; thông thường thì thấy đuôi chữ ṭha được nhúng trong một chữ-ghép và theo sau bằng một quá khứ phân từ.

- Phiên bản Hán tạng của kinh này, tôi phát hiện chỉ sau khi đã dịch xong kinh này, cũng ủng hộ cách hiểu của tôi ở đây. Ở T I 609b19 chúng tôi đọc thấy câu:
(cuộc nói chuyện có Giáo Pháp và có ý

nghĩa: tất cả sự nói chuyện của những người thánh thiện là giống như vầy). Chữ , giống chữ Pāli attha, đều có cả 02 nghĩa là "tốt thiện" và "ý nghĩa", và chữ thì có thể có nghĩa là "có ích lợi" hay là "có ý nghĩa".] (469)

470 [Chỗ này tôi đọc theo Be là anunnatena manasā; khác với Ce và Ee ghi

là: anupādinnena manasā. Mp [cả Ce và Be] giải nghĩa là = anuddhatena cetasā, điều này cũng ủng hộ cách ghi là anunnatena manasā.] (470)

471 [Mp minh họa cách tham là "ít đáng trách hơn" bằng ví dụ như hôn nhân:

nó vốn cũng xuất phát từ tham-dục, nhưng được xã hội chấp nhận và do vậy được người ta coi là 'ít đáng trách hơn và nghiệp quả nhẹ hơn'. Nhưng do tham là dính với khoái-lạc, nên nó là khó loại bỏ, khó phai biến. Còn sân và si đều là "rất đáng trách" và có nghiệp quả nặng nề. Tuy nhiên, sân dính với sự phiền bực, sự khó chịu, và chúng sinh thì chỉ thích sự khoái-lạc nên họ tự nhiên họ có khuynh-hướng loại bỏ sự sân, cho nên nói nó phai biến nhanh hơn, (nó sẽ được loại bỏ nhanh hơn 02 độc tính kia). Còn si, những ý nghĩ ngu si, ngu mờ, vô minh, do chúng thường bắt rễ từ dục-vọng (ái), những quan-điểm này nọ (tà kiến), và sự tự-ta (ngã mạn) nên nó là khó loại bỏ.] (471)

472 [Nguyên văn: asatā dukkhaṃ upadahati. Mp [của Ce] giải thích: "Người

đó tạo ra khổ đau bằng sự giả dối, bằng thứ không có thật, sau khi nói về những khuyết điểm không có thực" (?) (abhūtena avijjamānena yaṃ kiñci tassa abhūtaṃ dosaṃ vatvā dukkhaṃ uppādeti). Lưu ý ở đây Mp coi chữ asatā là đồng nghĩa chữ abhūtena. Trong cả lời kinh và trong Mp, phiên bản Be đều ghi là uppādayati, còn Ce và Ee ghi là upadahati.] (472)

473 [Từ chỗ này và bên dưới, lời kinh đề cập tới 03 loại cây: cây sāla, cây

dhava, và cây phandana (?).] (473)

474 [Những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) là những tu sĩ theo đạo Jain (tức Kỳ-na

giáo), là những đệ của giáo chủ Đại Thiên (Mahāvīra), ông được biết là vị đạo sư của đạo Jain, được biết tới trong các bộ kinh với tên là Ni-kiền-tử Nātaputta (Nāthaputta, Ñātaputta). Ông là người cùng thời với Phật và nàm trong số 06 đạo sư đối nghịch với Phật [coi thêm kinh dài DN 2, mục 16–33]. Có thể hiểu những người theo đạo Phật và những người theo đạo Jain lúc đầu

phát triển trong cùng những vùng đất, và họ đều là những người khất thực, họ hầu như là cạnh tranh nhau để có được sự ủng hộ cúng dường từ cùng những cộng đồng người tại gia.] (474)

475 [Nguyên văn: Ye puratthimāya disāya pāṇā paraṃ yojanasataṃ tesu daṇḍaṃ nikkhipāhi. Mp giải nghĩa là: "Hãy đặt cây gậy xuống và không bạo động đối với những chúng sinh sống trong những vùng xa hơn 100 do-tuần" (tesu yojanasatato parabhāgesu ṭhitesu sattesu daṇḍaṃ nikkhipa, nikkhit- tadaṇḍo hohi). Một do-tuần là khoảng giữa 7-9 dặm (khoảng độ 11-15 km)] (475)

476 [Nguyên văn câu này là: Nāhaṃ kvacana, kassaci kiñcanatasmiṃ, na ca

mama kvacana, katthaci kiñcanatātthi. Các phiên bản Ce, Be, và Ee ghi câu công thức này với một số chữ khác nhau ít nhiều. Ở đây tôi đọc theo Ce và dựa theo kinh 4:185. Mục đích của công thức này, theo như ý bài kinh này, là để làm thấm nhuần tư tưởng phi-sở-hữu: một trong những giới-hạnh căn bản của đạo Jain. Phật cũng dạy công thức này—như đã được truyền dạy trong những cộng đồng người tu thiền quán—dùng nó như một phương tiện để loại bỏ "sự tạo nên cái-ta" (tự ngã) và "sự tạo nên cái của-ta" (ngã sở) (để nhấn mạnh cái 'ta' là giả lập và vô ngã, không có cái 'ta' thường hằng nào, và không có thứ gì thường hằng thuộc về của-ta). Coi thêm chú thích 896 ở kinh 4:185, ở đoạn (4), để biết thêm các chi tiết khác.] (476)

477 [Nguyên văn: Upakkiliṭṭhassa visākhe cittassa upakkamena pariyodapanā

hoti. Mp giải thích: "Tại sao Phật nói như vậy? Bởi vì sự trai giới bố-tát sẽ không có nhiều kết quả nếu người đó trai giới với một cái tâm bị ô nhiễm; nhưng sẽ có rất nhiều kết quả tốt nếu người đó trai giới với một cái tâm đã được thanh tẩy. Phật nói câu như vậy là để đưa vào những đề-mục thiền được dùng để thanh lọc cái tâm." Theo sau ngay đây là 05 trong 06 sự quán- tưởng (quán niệm, tưởng niệm) tiêu chuẩn (cha anussatiyo; coi kinh 6:10, vân vân ...) của Phật giáo. Vì lý do nào đó ở đây sự quán-tưởng thứ sáu, là quán-tưởng về sự bố-thí (cāgānussati), đã bị bỏ đi. Mới nhìn chúng ta có thể cho đó là lỗi do quá trình truyền thừa qua hàng ngàn năm. Nhưng, trong phiên bản tương ứng của Hán Tạng, MĀ 202 [Đại Tạng Kinh T I 770a16– 773a1] cũng thiếu luôn sự quán-tưởng này, điều đó cho thấy rằng sự bỏ đi đó—cho dù là vô tình hay cố ý—đã dẫn đắt tới việc phân ly giữa những

người theo trường phái Vibhajjavāda [Phân Biệt Thuyết Bộ: họ là thủy tổ của Trưởng Lão Bộ (Theravāda)] và những người theo trường phái Sarvāstivāda (Nhất Thiết Hữu Bộ). Thật thú vị là, trong kinh Hán Tạng MĀ 202 có ghi 08 giới được nói ra trước 05 sự quán-tưởng nói trên; trong khi đó trong phiên bản Pāli thì thứ tự ngược lại: 05 sự quán-tưởng lại được nói ra trước 08 giới. Nếu nói cho công tâm thì thứ tự trong bản Hán Tạng có vẻ phù hợp với những giáo lý Phật giáo hơn: tức coi giới-hạnh là phần cần có trước, là cơ sở để tu tập thiền.] (477)

478 [Mp giải thích: “Ở đây Đức Phật Toàn Giác là người được gọi là vị trời

Brahmā” (brahmā vuccati sammā sambuddho); (có lẽ do Trời Brahmā (Phạm Thiên) được cho là hình ảnh của đấng cao nhất theo tín ngưỡng của bà-la- môn và đại chúng vào thời Đức Phật (cũng giống tín ngưỡng dân gian xưa nay ở Việt Nam cũng coi “ông Trời” là đấng quyết định tất cả mọi sự trong thế gian vậy.)] (478)

479 [Sáu cõi này là sáu cõi trời dục-giới. Những thiên thần cao hơn là chỉ

những thiên thần thuộc những cõi trời sắc-giới và vô-sắc-giới.] (479)

480 [Từ chỗ này, Phật giảng giải về 08 giới-hạnh mà những Phật tử tại gia

tuân thủ trong những ngày bố-tát. 08 giới này (bát quan trai giới) cũng được ghi lại trong các kinh 8:41–45. Dễ thấy rằng, 08 giới này cũng gần giống như 10 giới sa-di; chỉ khác ở đây coi như ‘giới thứ bảy và thứ tám nhập thành một’ và ‘không có giới thứ mười của sa-di’ [kiêng cữ nhận vàng, bạc, tiền …].] (480)

481 [Nguyên văn: ekabhattika. Chữ này có thể dịch là “ăn trong một phần hay

một thời của ngày”. Mp giải thích là: “Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày.” (Y hệt chú thích 931 ở đoạn (iv) của kinh 4:37)] (481)

482 [Nguyên văn Pāli Ce: pahūtasattaratanānaṃ; Be: pahūtarattaratanānaṃ;

Ee: pahūtamahāsattaratanānaṃ. Mp (của Ce và Be) thì ghi là pahūtarat- taratanānaṃ, nhưng Mp của Ee lại ghi –satta- (thay vì –ratta-). Mp giải

thích nghĩa là: “Có được nhiều thứ phì nhiêu quý báu gồm cả ratta; nghĩa là chứa đầy những thứ thuộc bảy báu; nhiều đến nỗi có thể ước theo tỷ lệ là: nếu diện tích của cõi Diêm-phù-nề [Jambudīpa] (chỉ lục địa bán đảo Ấn Độ) bằng diện tích mặt cái trống bheri, thì số lượng bảy báu sẽ bằng thiết diện vòng thắt lưng của một người.” Như vậy là có sự mơ-hồ về cách dùng đuôi chữ–satta- hay –ratta-. Mp-ṭ thì nói chữ ratta nghĩa là: thứ quý, chất quý báu (rattasaddo ratanapariyāyo), nhưng lại nói rằng: đúng theo kinh điển gốc thì ghi là pahūtasattaratanānaṃ. Tôi dịch chỗ này theo cách ghi cuối này.] (482)

483 [Hầu hết những lân bang này đều nằm trong lục địa bán đảo Ấn Độ, chỉ

riêng nước Gandhāra và Kamboja là nằm ở vùng tây bắc phía trên, tức tương ứng với những phần của nước Pakistan và Afghanistan ngày nay.] (483)

484 [Bắt đầu chỗ này là 06 đoạn nói về 06 cõi trời dục-giới theo quan điểm về

vũ trụ (của Phật giáo).] (484)

485 [Chỗ này đọc theo Be và Ee là nabhe pabhāsanti, khác với Ce ghi là

nabhe pabhāsenti (thắp sáng trên những bầu trời)] (485)

486 [Theo sự chú giải của Mp, tôi hiểu chữ bhaddakaṃ ở đây chỉ là từ phẩm

định của chữ veḷuriyaṃ, chứ không phải là một loại đá quý.] (486)

487 [Mp: "vàng sừng bò" (siṅgīsuvaṇṇa) là vàng có màu giống màu của sừng

bò (gosiṅgasadisa). "Vàng núi" (kañcana) là vàng được tìm thấy ở vùng núi. "Vàng thiên nhiên" (jātarūpa) là vàng màu ánh kim, màu vàng ròng, màu biểu tượng của vị Phật. Chữ haṭaka có nghĩa gốc là 'vàng được tha đi bởi loài kiến'.] (487)

488 [Chữ cuối là: candappabhā. Mp chú giải đây là: "Một từ chỉ danh được

dùng với một nghĩa thuộc cách, có nghĩa là '(so) với sự chiếu sáng của mặt trăng' (candappabhāya)."] (488)

489 [Tôi dịch câu này theo dạng câu hỏi, mặc dù trong kinh gốc câu này

không có phân từ nghi vấn.] (489)

490 [Những người Ājīvaka là người theo giáo phái của ông Makkhali Gosāla,

chỉ dạy thuyết định mệnh nghiệm ngặt và nhấn mạnh những sự hành-xác cực

đoan.] (490)

491 [Ở đây và bên dưới chữ sugatā (bậc phúc lành, thiện thệ) được dùng ở

dạng số nhiều. Như vậy trong ngữ cảnh này chữ này nó có một nghĩa rộng hơn nghĩa thông thường dùng để chỉ Đức Phật.] (491)

492 [Nguyên văn: Attho ca vutto, attā ca anupanīto. Chỗ này có sự chơi chữ

giữa chữ attho (ý nghĩa) và chữ attā (cái ta, bản ngã).] (492)

493 [Phiên bản Ee bị thiếu câu hỏi này.] (493)

494 [Mp giải nghĩa như vầy: "Sau khi đã giảng giải về giới, định, tuệ của

người học nhân (sekha), thầy Ānanda giảng giải về giới, định, tuệ của bậc vô học nhân (asekha) bằng thánh quả A-la-hán như vầy: 'Sự-biết (trí biết) của thánh quả (quả trí) của bậc vô học nhân khởi sinh sau sự-biết của định và tuệ. Sự định-tâm của thánh quả trong một bậc vô học nhân khởi sinh sau sự-biết (trí) của sự minh-sát (tuệ) của bậc học nhân.'" (tức người học nhân tu thiền tuệ (minh sát) cho đến khi đạt được sự-biết (trí) của minh sát tuệ đó, rồi sau đó mới khởi sinh sự định-tâm của bậc vô học nhân, sau khi người học nhân đã chứng thánh quả thành bậc vô học nhân).] (494)

495 [Những người Licchavi là họ tộc nắm quyền chủ chốt của nước cộng hòa

Vajji (Bạt-kỳ) thời đó (là nền cộng hòa đầu tiên trên thế giới!), là nước có thủ đô là Vesālī (Tỳ-xá-ly, hay Vệ-sá-ly).] (495)

496 [Về cách Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố mình là một bậc toàn tri toàn kiến

như vậy, coi thêm kinh MN 76.21– 22.] (496)

497 [Nguyên văn: So purāṇānaṃ kammānaṃ tapasā byantībhāvaṃ paññāpeti

navānaṃ kammānaṃ akaraṇā setughātaṃ. Mp giải nghĩa là: "Ông ta tuyên bố sự tiêu-diệt nghiệp cũ bằng cách hành xác khổ hạnh (āyūhitakammānaṃ) và sự không tích lũy nghiệp mới trong hiện tại. "Sự phá bỏ cây cầu" hay "sự cắt cầu" (setughātaṃ) là sự phá bỏ yếu-tố và sự phá bỏ điều-kiện (duyên) tạo ra nó (padaghātaṃ paccayaghātaṃ, phá duyên)." Ở đây coi như có nghĩa là sự tiêu diệt những sự tích lũy nghiệp mới và những điều-kiện (duyên) của chúng. SED cho rằng chữ setu ở đây có nghĩa như sự trói-buộc, gông-cùm: nghe cũng hữu lý chỗ này.] (497)

498 [Nguyên văn: Evam etissā sanditṭhikāya nijjarāya visuddhiyā samatikka-

mo hoti. Sự phai-mòn (phai dần, phai biến; nijjarā) của nghiệp cũ thông qua cách hành xác khổ hạnh là quan niệm căn bản của đạo Jain (Kỳ-na giáo) của những người Ni-kiền-tử.] (498)

499 [Nguyên văn: So navañca kammaṃ na karoti, purāṇañca kammaṃ phussa

phussa vyantīkaroti. Mp giải nghĩa: "Người đó không tích lũy nghiệp mới. Còn 'nghiệp cũ' là nghiệp được tích lũy trong quá khứ. Sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần, người đó làm nó biến mất. Điều này có nghĩa là sau khi đã tiếp xúc nhiều lần với sự tiếp-xúc do nghiệp quả của nó, người đó tiêu diệt nghiệp đó.] (499)

500 [Mp nhận dạng 03 giai đoạn phai-mòn (phai dần, phai biến) chính là 04 sự

chứng đắc thánh quả. (i) Sự mô tả "một Tỳ kheo là có giới-hạnh" là sự phai- mòn" thứ nhất, theo Mp, là chỉ những thánh đạo và thánh quả thấp [Nhập-lưu và Nhất-lai]—vì những vị đệ tử ở những giai đoạn này được cho là đã hoàn thiện về mặt giới-hạnh (giới). (ii) Sự phai-mòn thứ hai là sự mô tả một Tỳ kheo đã chứng đắc được 04 tầng thiền định sắc giới, là chỉ thánh đạo và thánh quả thứ ba [Bất-lai], được mô tả là người đã hoàn thiện về sự định-tâm (định). Và (iii) sự phai-mòn thứ ba là sự mô tả một Tỳ kheo đã đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm, là chỉ thánh quả A-la-hán, đó là bậc A-la-hán đã hoàn thiện về mặt trí-tuệ (tuệ). Mp cũng có đề cập một cách diễn dịch khác, cho rằng tất cả 03 loại sự thanh-lọc nhờ sự phai-mòn chỉ là những mô tả về thánh quả A-la- hán, dựa trên cơ sở quy chiếu là giới-hạnh, thiền-định, và trí tuệ của bậc A- la-hán. Để đọc thêm về mối liên quan giữa 03 phần tu-tập (giới, định, tuệ) và 04 thánh-quả, mời đọc thêm kinh 3:86.] (500)

501 [Nguyên văn: abbhanumodasi. Nghĩa gốc: vui mừng theo, đồng tình, hoan

hỷ theo.] (501)

502 [Chữ gốc: aveccappasāda. Mp giỉ nghĩa đó là: "Niềm-tin bất lay chuyển

khởi sinh bằng sự sau khi đã trải nghiệm, đã biết những giới-hạnh của họ.” Lời chú giải này biểu thị niềm-tin có được bởi một bậc thánh, một người đã đạt tới mức tối thiểu là thánh quả Nhập-lưu.] (502)

503 [Bhava: sự hiện-hữu. Đây chỉ sự hiện hữu (sự có mặt và sống) ở một trong

ba cõi (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới). Niết-bàn được gọi là sự chấm-dứt

hiện-hữu (bhavanirodha), tức chấm dứt sự hiện hữu cá thể, tức không còn tái sinh trong các cõi hiện hữu nữa. (Đó là mục tiêu rốt ráo của đạo Phật!).] (503)

504 [Nguyên văn câu cuối này: Āyatiṃ punabbhavābhinibbatti hoti. Mp nói

rằng, thức trong vai trò là hạt giống (bīja, chủng tử) ở đây là loại thức chủ động theo nghiệp (abhisaṅkhāraviññāṇaṃ), đồng khởi sinh với nghiệp. Còn câu nói dục-vọng là hơi ẩm (sneha) là một cách chơi chữ. Chữ sneha, trong tiếng Pāli, có thể vừa có nghĩa là hơi ẩm, vừa có nghĩa là sự luyến ái (tình cảm); theo cái nghĩa luyến ái thì chữ sneha có lúc được dùng như đồng nghĩa = dục-vọng (ái). Tiến trình tái-sinh ở đây cũng được mô tả một cách tương tự như trong kinh SN 5:09 (Quyển 1), SN 12:64 (Quyển 2), SN 22:53, SN 22:54 (Quyển 3). Còn “cõi thấp xấu” (hīnā dhātu, nhược giới) chính là cõi dục-giới. Tương tự, tiếp tục bên dưới, “cõi ở giữa” hay cõi nằm giữa, cõi trung gian (majjhimā dhātu, trung giới) là cõi sắc-giới, và “cõi cao thượng” (paṇītā dhātu, ưu giới) là cõi vô-sắc-giới. Con-đường của Đức Phật (đạo Phật) là vượt thoát khỏi sự tái-sinh trong tất cả những cõi đó, (tức không còn tái sinh nữa, đạt tới trạng thái vô sinh, Niết-bàn).] (504)

505 [Nguyên văn: cetanā patiṭṭhitā patthanā patiṭṭhitā. Mp giải thích đó là:

“Sự cố-ý (tư) do nghiệp và khát-vọng (nguyện) do nghiệp”.] (505)

506 [(A) Nguyên văn cả câu này: Sīlabbataṃ jīvitaṃ brahmacariyaṃ upaṭṭhānasāraṃ. Theo thứ tự này, không rõ chữ upaṭṭhānasāra (i) là một phần thực-hành song hành với 03 phần thực-hành ghi trước nó, hay (ii) nó chỉ là chữ bổ nghĩa cho mỗi phần thực-hành đó. Mp thì luận giải theo nghĩa (ii), đó là, coi nó như có nghĩa là “sự thiết-lập” của 03 phần thực-hành đó (giới- hạnh, sự trì-giới, lối-sống thanh bần), lấy chúng làm cốt-lõi hay thiết-yếu của đời-sống tâm linh: Upaṭṭhānena sāraṃ ‘idaṃ varaṃ idaṃ niṭṭhā’ ti evaṃ upaṭṭhitan (Thiết lập chúng là thiết-yếu, sau khi đã thiết lập [với sự cam kết] rằng chúng là siêu xuất, là mục tiêu).

- (B) Thứ tự những phần này cũng giống trong kinh Ud 6:08, 71,29–32. Ud-a 351,9–17, [cho phép cả 02 cách diễn dịch: là một chữ bổ nghĩa hay là một phần thực-hành của tu sĩ, 02 cách đều được] có lẽ là “sự thực-hiện” một số phần thực-hành của tu sĩ. Nói chung lại, 03 [hay 04] thuật ngữ (trong kinh Ud

đó) đều thể hiện cực đoan hành-xác khổ hạnh mà nhiều sự thực-hành cụ thể được mô tả đầy trong đoạn (2) của kinh 3:156, trong đó chúng được gọi là “cách tu thiêu đốt”. Cực đoan ngược lại là cực đoan thụ hưởng dục-lạc, là quan điểm cho rằng không có

nguy-hại gì trong những khoái-lạc giác-quan, quan điểm này dẫn tới cách thực hành chạy theo dục-lạc như đã được tả trong đoạn (1) của kinh 3:156, trong đó nó đươc gọi là "cách tu thô tục". Còn "cách tu trung-đạo" của Phật, được tả trong đoạn (2) của kinh 3:156, là tránh bỏ cả 02 cực đoan nói trên.] (506) — (Không rõ tại sao chú thích này lại đưa thêm phần luận giải (B)!)

507 [Phiên bản Ce và Ee đều ghi là devatāpi'ssa amanussā. Be thì không có

chữ amanussā (chúng sinh phi nhân: không phải những thiên thần cũng không thuộc dạng hồn ma ngạ quỷ)] (507)

508 [Tên của một loại cây bụi người ta lấy thân nó nghiền thành bột hương

thơm.] (508)

509 [Thi kệ này cũng có trong kinh Pháp Cú Dhp 54.] (509)

510 [Coi thêm kinh SN 6:14 (Quyển 1). "Truyền giọng nói của mình" là dịch

nghĩa chữ sarena viññāpesi, nghĩa gốc đúng hơn là "giao tiếp bằng giọng nói của mình".] (510)

511 [Nguyên văn câu này: Sāvako so Ānanda appameyyā tathāgatā. Mp diễn

dịch: "Đức Phật nói như vậy là ý rằng: 'Này Ānanda, tại sao thầy nói điều này? Vị ấy là một đệ tử được thiết lập trong trí-biết phần nào (chưa phải là toàn-trí). Nhưng những Như Lai thì, sau khi đã hoàn thành 10 sự toàn-thiện (ba-la-mật) và đã chứng đắc sự toàn-trí, là không thể đo lường được, là vô lượng. Trú xứ, tầm vóc, và năng lực của một đệ tử là một chuyện, còn tầm vóc của những vị Phật là khác nhiều. Giống như đem so sánh thì giống như một chút đất trong móng tay so với đất của địa cầu vậy.'"] (511)

512 [Cūḷanikā lokadhātu: (tạm dịch) hệ mười ngàn thế giới nhỏ, tiểu thiên hà.

Mp: "Đây (được ví như?) là trú xứ (lãnh địa) của một đệ tử (hàng thinh văn)" (ayaṃ sāvakassa visayo).] (512)

513 [Đây là bốn châu lục, thuộc bốn phương cõi: đông, tây, nam, bắc.] (513)

514 [Nguyên văn câu này: Dvisahassī majjhimā lokadhātu. Chỗ này cần thiết

phải dùng cách lời diễn đạt như vậy chứ không chỉ dùng cụm chữ "hệ một ngàn thế giới trung". (i) Bởi vì hệ thế giới trung này không phải lớn gấp hai hệ một ngàn thế giới nhỏ, mà lớn hơn một ngàn lần, tức bằng hệ mười ngàn thế giới. (ii) Tương tự bên dưới, một hệ một ngàn thế giới lớn (tisahassī mahāsahassī lokadhātu) không phải lớn hơn gấp ba hệ một ngàn thế giới nhỏ, mà nó lớn hơn một ngàn lần hệ một ngàn thế giới trung, nói cách khác bằng tam thừa hệ một ngàn thế giới.] (514)

515 [Có lẽ đoạn kinh này đã đánh dấu một bước quan trọng dẫn tới đỉnh-cao

của sự sùng kính Đức Phật? Giọng kinh này có mùi vị giống như những phần mở đầu của các tập kinh (trước tác) của Đại Thừa, như Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharmapuṇḍarīka) và Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Pañcavīsatiprajñāpāra- mitā), hơn là mùi vị của kinh bộ Nikāya tiếng Pāli.] (515)

516 [Mp nhận dạng: "Đây là trưởng lão Lāḷudāyī [một người hay quậy rối bốc

đồng trong Tăng Đoàn]. Nghe nói rằng trước kia ông đã từng bực tức khi trưởng lão Ānanda được cử làm thị giả của Phật. Do vậy, giờ ông ta có cơ hội để trả đũa, nên ngay sau lời tuyên thuyết như tiếng gầm sư tử của Phật, ông ta liền cố chọt phá niềm-tin của trưởng lão Ānanda, như kiểu muốn dập tắt một ngọn nến đang cháy, hay đấm vào mõ một con bò đang đi lạc, hay ụp đổ một cái bát đựng đầy thức ăn.] (516)

517 [Mp diễn dịch câu này: "Đức Phật nói câu này (với thầy Udāyī) giống như

một người nhân-từ muốn nói đi nói lại cho người kia đang đứng bấp bênh sắp té ngay mép vực sâu. (Chỉ đường khẩn cấp): 'Hãy đi hướng này, bước qua hướng này'.] (517)

518 [Ee coi kinh này là một phần tiếp theo của kinh kế trên, nhưng Ce và Be

thì tách ra thành một kinh riêng. Do vậy, từ kinh này trở đi, sự đánh số kinh của tôi sẽ thiếu một số so với Be và hơn một số so với Ee.] (518)

519 [Nguyên văn Ce: ahampamhā, ahampamhā; Ee: hầu như giống nhau, chỉ

giải quyết chữ sandhi: aham pi amhā, aham pi amhā. Be: aham pi dammo aham pi dammo, cách ghi này dường như là sự cố gắng làm rõ nghĩa cho sự tối nghĩa của lời kinh nguyên gốc. Bản dịch tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) lặp lại lời tiếng Pāli và đưa vào trong ngoặc là [mama de gavayem, mama de ga-

vayem] (Tôi cũng là một con bò, tôi cũng là một con bò). DOP liên hệ chữ amhā2 với chữ Phạn hambhā (sự hạ thấp của một con bò; một con bò). Coi thêm SED, sv hambhā (sự hạ thấp hay sự kêu la của súc vật).] (519)

520 [Mp giải thích: "Trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận minh) khởi sinh

trước (khayasmiṃ paṭhamaṃ ñāṇam): đây là trí-biết thứ nhất của thánh đạo khởi sinh, được gọi là trí-biết về sự tiêu-diệt (diệt trí) bởi vì đó là sự-biết đi kèm thánh đạo, được gọi là sự tiêu-diệt bởi vì nó tiêu diệt những ô-nhiễm. Lập tức theo sau là trí-biết cuối cùng (tato aññāanantarā): ngay sau trí-biết của thánh đạo thứ tư (thánh đạo A-la-hán) khởi sinh, lập tức thánh quả A-la- hán khởi sinh."] (520)

521 [Mp giải thích: "Trí-biết khởi sinh (ñāṇaṃ ve hoti): đây là một loại trí-

biết hồi nhớ lại" (paccavekkhaṇañāṇa; quán chiếu lại sau khi giác ngộ); coi thêm Vism 676, Ppn 22.19–21.] (521)

522 [Nguyên văn: Khuddānukhuddakāni sikkhāpadāni. Theo như kinh DN 16,

mục 6.3, không lâu trước khi qua đời, Phật đã cho phép những Tỳ kheo, nếu họ muốn, họ có thể bãi bỏ những điều luật nhẹ và nhỏ này. Tuy nhiên, theo như Luật Tạng của kỳ Kết Tập Kinh Điển lần thứ nhất, những Tỳ kheo không biết chắc những điều giới-luật nào là nhẹ và nhỏ nhặt, cho nên họ đã đồng quyết định giữ nguyên tất cả [coi Vin II 287,29–288,35]. Mp, khi luận giảng về bài kinh AN này, đã nói rằng: "Những vị thầy chuyên sâu về Đại Tăng Chi Kinh Bộ này có nói rằng: 'Ngoài bốn loại điều luật về những tội pārājika [những tội bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn] thì tất cả những tội còn lại đều là tội nhẹ và tội nhỏ'." (ime pana aṅguttaramahānikāyavaḷañjanaka-ācariyā 'cattāri pārāji-kāni ṭhapetvā sesāni sabbānipi khuddānukhuddakāni').] (522)

523 [Nguyên văn câu này: Na hi m'ettha, bhikkhave, abhabbatā vuttā. Mp

diễn dịch nghĩa như vầy: "Này các Tỳ kheo, ta không nói rằng một thánh nhân không thể rớt vào một tội như vậy và không thể được khôi phục" (bhik- khave na hi mayā ettha evarūpaṃ āpattiṃ āpajjane ca vuṭṭhāne ca ariyapug- galassa abhabbatā kathitā)] (523)

524 [Nguyên văn: Tāni ādibrahmacariyikāni brahmacariyasāruppāni. Mp giải thích rằng: "Những giới luật tu hành đó là nền tảng đối với đời sống tâm linh: ở đây là 04 điều giới luật tu hành chính là nền tảng cho đời sống tâm

linh của thánh đạo. Tương thích với đời sống tâm linh: những giới-luật này là tương thích với, là phù hợp cho đời sống tâm linh của bốn thánh đạo" (ādibrahmacariyikānī ti maggabrahmacariyassa ādibhūtāni cattāri mahā- sīlasikkhāpadāni; brahmacaryasāruppānī ti tāni yeva catumaggabrahma- cariyassa sāruppāni anucchavikāni).] (524)

525 [Ở đây, (a) là hạng đầu tiên và chậm tiến nhất trong 03 hạng của chặng

thánh Nhập-lưu. Hai hạng còn lại (b) và (c) được nói ngay sau câu này. Tên tiếng Pāli của ba hạng này lần lượt là: sattakkhattuparama, kolaṃkola, và ekabījī. (Và tiếp theo (d) là bậc thánh Nhất-lai).] (525)

526 [Ở đây chỉ ra 05 hạng của bậc thánh Bất-lai, được trình bày từ hạng chậm

tiến nhất cho đến hạng tinh anh nhất. Để coi thảo luận đầy đủ hơn về chỗ này, mời coi thêm kinh 7:55.] (526)

527 [Nguyên văn: Taṃ vā pana anabhisambhavaṃ appaṭivijjhaṃ. Mp giải

nghĩa là: "Nếu người đó không đạt tới và thâm nhập thánh quả A-la-hán đó" (taṃ arahattaṃ apāpuṇanto appaṭivijjhanto).] (527)

528 [Mp, sau khi chú giải về đoạn kệ này và đoạn kệ trước, đã nói rằng:

"Trước sao, sau vậy": là trước đây người đó tu ba phần tu tập (giới, định, tuệ) thì sau cũng tu tập ba phần tu tập đó; "Sau sao, trước vậy" cũng nghĩa tương tự và đảo lại thứ tự. "Dưới sao, trên vậy" nghĩa là: người tu nhìn thấy phần dưới thân là ô-uế (không hấp

dẫn), nhìn lên phần trên thân cũng thấy như vậy; “Trên sao, dưới vậy” là tương tự đảo lại. “Ngày sao, đêm vậy”: tu ba phần tu tập cả ban ngày và ban đêm; “Đêm sao, ngày vậy” là tương tự đảo lại. “Sau khi đã vượt trên tất cả mọi phương” là bằng cách dùng đối-tượng (thiền); “với sự định-tâm vô lượng” là với loại định-tâm của thánh đạo A-la-hán.”] (528)

529 [Tôi đọc theo Be và Ee ghi là: dhīraṃ paṭipadantaguṃ. Ce ghi chữ đầu là:

vīraṃ. Mp giải nghĩa: “Một người trí được phú cho trí-tuệ; một người là người có trí về vấn đề các uẩn (năm uẩn), có trí về vấn đề sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ), đã đi đến sự kết thúc sự tu-tập” (khandhadhīra āyat- anadhīravasena dhīraṃ dhitisampannaṃ paṭipattiyā antaṃ gataṃ).] (529)

530 [Mp: “Đây là sự giải-thoát của tâm của một bậc A-la-hán, xảy ra bằng sự

chấm-dứt thức cuối cùng. Nó giống như sự thổi tắt hoàn toàn một ngọn đèn. Nó (ngọn lửa) đã đi về đâu là không thể thấy được; chỉ là sự đi đến một trạng thái không thể nhận thấy được (apaṇṇattikabhāvūpagamano yeva hoti).”] (530)

531 [Nguyên văn: adhisallikhatev’āyaṃ samaṇo. Mp không giúp gì giải nghĩa

chữ adhisallikhati, chỉ giải thích câu này bằng câu “ativiya sallikkhitaṃ katvā saṇhaṃ saṇham katheti”. DOP thì diễn dịch là: “quá mức chu đáo, quá mức cẩn thận”. Chữ này cũng có ghi trong một ngữ cảnh tương tự trong kinh MN I 449,12–13.] (531)

532 [Bài kinh không lộ rõ “ba” vấn đề là gì, nhưng tôi cho rằng đó là nói về

(phân biệt) 03 loại Tỳ kheo thâm niên, trung niên, và thiếu niên (nên bài kinh mới được kết tập trong Quyển “Ba” này).] (532)

533 [Bản in giấy của Ce không có phần ‘thi kệ tóm tắt cuối chương’ (uddāna)

cho chương này, vì vậy tôi đã dùng phần thi kệ trong bản điện tử của Ce để lấy ra những tên kinh.] (533)

534 [Nguyên văn: accāyikāni. Tôi dịch theo sự giải nghĩa trong Mp-ṭ là: sīghaṃ pavattabbāni (được chăm sóc nhanh).] (534)

535 [Mp chú giải: “Sự tách-ly đối với y-phục (cīvarapaviveka): là tách ly khỏi

những ô-nhiễm (như tham thích, ham muốn) đối với y-phục hay lễ-phục; (như thích tốt, chê xấu; thích mặc cà sa mới, đẹp, được cắt may đường hoàng, được ủi láng bóng; để tôn tạo oai nghi …). Và sự chú giải tưng tự đối với thức-ăn, chỗ-ở.] (535)

536 [Mp: Chỗ này chỉ sự loại bỏ (tà-kiến) bằng thánh đạo Nhập-lưu.] (536)

537 [Ee đã nhầm khi gắn kinh này thành đoạn sau của kinh kế trên. Tôi làm

theo Ce và Be, tức coi kinh này là một kinh riêng.] (537)

538 [Mp giải thích con mắt Giáo Pháp hay pháp nhãn (dhammacakkhu) là

chiếu theo khái niệm thời-khắc chứng đạo được trải nghiệm bằng “con mắt của thánh đạo Nhập-lưu là mắt ‘nhìn thấu’ Giáo Pháp Bốn Diệu Đế”.] (538)

539 [Lời diễn đạt này thường để chỉ sự chứng đắc thánh quả Bất-lai. Tuy

nhiên, Mp nhận dạng người đệ tử này là loại “Bất-lai thiền định” (jhānānāgāmī; tức: Bất-lai nhờ chứng đắc tầng thiền định): đó là, một người Nhập-lưu hay Nhất-lai cũng chứng đắc những tầng thiền định sắc-giới (jhānā). Mặc dù loại người tu như vậy vẫn chưa loại bỏ được 02 gông-cùm tham và sân (sự ác-ý), nhưng nhờ có chứng đắc tầng thiền định nên người đó hướng tới được sự tái sinh trong cõi trời sắc-giới và từ đó sẽ chứng Niết-bàn luôn từ cõi đó, chứ không còn tái sinh xuống lại cõi dục-giới nào nữa.] (539)

540 [Kinh này coi như gộp lại các phần của hai kinh 2:43 và 2:44.] (540)

541 [Tôi dịch chữ potthako chỗ này dựa theo luận giải của Mp là: vākamaya-

vatthaṃ.] (541)

542 [Lời kinh dùng chữ majjhimo, nghĩa gốc là “có tuổi trung niên”; (có lẽ

theo nghĩa không còn mới (trẻ) cũng chưa bị quá cũ (già): ý chỉ thời gian còn đang được mặc).] (542)

543 [Trong kinh này có hai phần: mỗi phần (I) nói về loại Tỳ kheo thất đức và

(II) loại Tỳ kheo đức hạnh. Trong mỗi phần lại phân thành 3 loại Tỳ kheo theo hạng tuổi: (1) tân niên, (2) trung niên, (3) thâm niên. Rồi trong mỗi hạng tuổi lại nói về 3 điều là: (i) bản thân người đó, (ii) ảnh hưởng của người đó đối với những người quan hệ với người đó, và (iii) công đức mà thí chủ đạt được khi cúng dường cho loại người đó—tất cả đều là 3: 3 loại người, 3 loại tuổi, và 3 loại công đức (khi cúng dường cho 3 loại người đó).] (543)

544 [Theo phiên bản Ee thì đến câu này là hết bài kinh, và đoạn sau là qua bài

kinh mới (kinh số 98 theo Ee). Nhưng tôi làm theo Ce và Be, tức coi đoạn kế tiếp dưới đây nói về “vải làm từ lụa Kāsi” là đoạn tiếp theo của bài kinh này. Vì vậy, từ giờ sự đánh số kinh của tôi chỉ còn nhiều hơn số của Ee một số. (Chẳng hạn, số của bài kinh “Hột Muối” kế tiếp của tôi là 100, của Ee là 99).] (544)

545 [Nguyên văn câu cuối này: Tassa taṃ vacanaṃ ādheyyaṃ gacchati gandhakaraṇḍake va naṃ kāsikavatthaṃ nikkhipanti. Câu cuối này có trong phiên bản Ee, để trong ngoặc, nhưng trong Ce và Be thì không có. Tuy nhiên, theo Pp 34,37–35,1, khi diễn tả về loại người như lụa kāsi này là “tayo kāsi- kavatthūpamā puggalā” thì có câu này, [nhưng không có chữ nikkhipanti).

Tôi lấy câu này từ Ee để đưa vào kinh này, vì rõ ràng ví dụ này (vải làm từ lụa Kāsi nên lưu giữ trong hộp có hương thơm: là loại có giá trị) là hợp lý để đối lại với câu cuối ở đoạn trên nói về sự "trục xuất một Tỳ kheo thất-đức" giống như tấm vải làm từ vỏ cây thô ráp, khó chịu, ít giá trị nên quăng ra đống rác: loại không có giá trị gì.] (545)

546 [Lập trường đầu tiên, bị bác bỏ bởi Đức Phật, nguyên văn Pāli là: "Yo,

bhikkhave, evaṃ vadeyya, 'yathā yathā 'yaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā taṃ paṭisaṃvediyatī' ti, evaṃ santaṃ, bhikkhave, brahmacari-yavāso na hoti, okāso na paññāyati sammā dukkhassa antakiriyāya." Và lập trường thứ hai, được xác nhận bởi Đức Phật, nguyên văn Pāli là: Yo ca kho, bhik- khave, evaṃ vadeyya, 'yathā yathā vedanīyaṃ ayaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā 'ssa vipākaṃ paṭisaṃvediyatī' ti, evaṃ santaṃ, bhikkhave, brah- macariyavāso hoti, okāso paññāyati sammā dukkhassa antakiriyāya.

- Ở đây, sự khác nhau chính xác của 02 lập trường là gì không tự thể hiện rõ trong lời kinh. Mp chỉ ra bằng giải thích lập trường thứ nhất như vầy: "Một cách y hệt chính xác như vậy" nghĩa là: nếu có người nói 'Người ta nếm trải nghiệp quả y hệt như cách đã tạo ra nó', thì, do không có cách gì ngăn chặn nghiệp quả sau khi tạo nghiệp, người đó chắc chắn nếm trải mọi nghiệp mình đã tạo ra. "Nếu đúng là như vậy thì không thể có sự sống đời sống tâm linh"; nghĩa là: nghiệp được nếm trải khi tái sinh, nó đã được 'định đoạt' trước khi người đó đi tu theo đạo Phật, nên có đi tu hay không tu thì nghiệp quả cũng vẫn xảy ra; (và do vậy có tu cũng không chuyển hóa được nghiệp nào, tu hành cũng vô ích.). "Và không thấy cơ hội nào để làm được sự hoàn toàn diệt-khổ" nghĩa là: trong trường hợp đó, (liên tục) có sự tích lũy nghiệp và sự nếm trải nghiệp quả bởi người tạo nghiệp, như vậy đâu thấy có cơ hội nào để chấm dứt sự khổ của vòng luân-hồi.

- Cái lý mà luận giảng Mp đang muốn nói ở đây, dường như, là: nếu một người phải nếm trải kết quả của mọi nghiệp mình đã tạo ra thuộc loại sẽ được nếm trải sau khi tái sinh kiếp sau và kết quả của mọi nghiệp mình đã tạo ra thuộc loại sẽ được nếm trải trong những kiếp sau nữa, thì có lẽ người đó phải tiếp tục tái sinh kiếp sau và tiếp tục tái sinh những kiếp sau nữa, để nếm trải những nghiệp quả đó. Nếu đúng là như vậy, thì do những nghiệp đó trước sau sẽ chín muồi, thì người đó phải tiếp tục ở mãi trong vòng luân-hồi để nếm

trải những nghiệp quả đó; (và như vậy là không có chuyện đi tu là có khả năng chấm dứt sự tái sinh!)

- Nhưng cách diễn dịch trên cũng không có bằng chứng xác đáng nào từ lời kinh, mà đó chỉ là cách diễn dịch theo ý của luận giảng mà thôi. Thay vì vậy, dường như cái nghĩa lời kinh muốn nói là một người không nhất thiết phải nếm trải nghiệp quả một cách chính xác theo cách mà người đó đã tạo nghiệp đó (như, ví dụ, nếu một người giết người thì không nhất thiết phải bị giết lại). Từ đó suy ra rằng, cái lý ở đây là, khi nghiệp thiện và bất thiện của một người chín muồi, thì nghiệp quả phải được nếm trải một

cách tương ứng là sướng và khổ, cho dù cái định lượng hay mức độ sướng và khổ không nhất thiết phải chính xác tương xứng với mức độ nặng nhẹ của những nghiệp đó, (như, ví dụ, một người giết người không nhất thiết phải bị giết lại, nhưng nghiệp quả người đó phải nếm trải là khổ đau, như sợ hãi, ăn năn, khổ tâm, khùng điên … vì nghiệp giết người mình đã gây ra).] (546)

547 [Mp giải thích chỗ này theo thuật ngữ của thuyết trong Vi Diệu Pháp (Ab-

hidhamma), rằng nghiệp được tạo ra bởi những tâm tác-hành hay tâm đổng- lực (javana-citta), gồm bảy đổng lực (javana): là những sự kiện chủ động theo 'nghiệp thuộc tâm' trong tiến trình nhận biết. Javana đầu là loại được nếm trải ngay trong kiếp này (diṭṭhadhammavedanīya); nếu nó không có cơ hội chín muồi trong kiếp này, nó sẽ tiêu mất luôn (ahosi). Javana thứ bảy được nếm trải trong kiếp sau, sau khi tái sinh (upapajjavedanīya), và nếu nó không có cơ hội chín muồi trong kiếp sau, nó sẽ tiêu mất luôn. Còn năm ja- vana giữa được trải nghiệp trong những thời gian nào đó sau kiếp sau (apa- rapariyāyavedanīya), nghĩa là chúng có thể chín muồi bất cứ lúc nào sau kiếp sau … khi người tạo nghiệp còn tái sinh trong vòng luân-hồi. Do thuyết này phát sinh khá lâu sau thời kết tập đầu tiên các kinh bộ Nikāya, nên nó có lẽ không phải truyền đạt ý và nghĩa của đoạn kinh này. Như tôi đã giải thích trong chú thích 546 kế trên, lời kinh dường như chỉ đơn giản nói rằng: khi một người tạo nghiệp ác, người đó sẽ nếm trải quả báo là đau khổ nhiều hay ít; không nhất thiết "hàm lượng và mức độ" đau khổ phải là tương xứng với mức độ (ác) của nghiệp. Ngược lại, người tạo nghiệp thiện sẽ nếm trải nghiệp báo là sự vui sướng. Nhờ có sự không tương xứng giữa nghiệp và quả, sự không nhất thiết phải là 'ăn ngang miếng trả ngang miếng', cho nên mới 'có cửa' hay 'có cơ hội' để một người có thể tu tập con đường đạo: để có

thể có cơ hội vượt qua hoặc làm giảm bớt mức độ quả báo của những nghiệp quá ác quá nặng và để có thể có cơ hội đạt tới sự chấm-dứt khổ trong vòng luân-hồi. Cách diễn dịch này có vẻ cũng phù hợp luôn với ví dụ nổi tiếng trong bài kinh này.

- Phiên bản Hán tạng của kinh này, MĀ 11 [ở T I 433a12–434a11], thì không có sự phân biệt rõ ràng giữa hai lập trường trái ngược này. Tôi đọc thấy nghi như vầy: "Đức Phật đã nói với các Tỳ kheo: (i) '[Nếu ai nói:] "Một người nhận lãnh quả của nghiệp theo cách nó đã được làm bởi mình"—trong trường hợp này, một người không thực hành đời sống tâm linh và không khả năng diệt khổ. (ii) Nếu ai nói: "Một người nhận lãnh quả của nghiệp theo cách nó đã được làm bởi mình"— trong trường hợp này, một người thực hành đời sống tâm linh và có khả năng diệt khổ.'" Cả 02 vế đầu của (i) và (ii) đều giống nhau, những 02 vế sau của chúng là khác nhau. Đây có 02 khả năng: (a) có lẽ là lỗi sai sót khi truyền thừa, (b) hoặc luận điểm của nó là: trong 02 người có cùng quan-điểm như vậy, một người không tu hành và do vậy không thể làm được sự diệt-khổ; người kia thì tu hành và làm được sự diệt- khổ.] (547)

548 [Nguyên văn: paritto appātumo. Paritto appātumo. Mp chú giải: "Người

đó bị giới hạn bởi do sự giới hạn của những đức-hạnh của người đó (parit- taguṇo). Cái 'ta' hay ngã của người đó (ātumā) là thân người đó (attabhāvo); cho dù thân người đó có to lớn, người đó có 'tính-cách ti tiện' bởi vì sự giới hạn của những đức-hạnh của người đó." Ātuma(n) là một dạng thay thế của chữ atta(n) [Phạn: ātman]. Mp nhận dạng nó là đồng nghĩa chữ attabhāva. Phiên bản Hán tạng [ở T I 433a28] ghi chỗ này là "tuổi thọ của người đó rất ngắn (hạn chế)" ().] (548)

549 [Lời kinh gốc: appadukkhavihārī, không hợp với ngữ cảnh chỗ này cho

lắm. Mp chú giải [một cách không mấy thuyết phục về 02 câu cuối tả về loại người này] như vầy: "Người đó sống trong sự khổ đau vì nghiệp xấu nhỏ của người đó" (appakenapi pāpena dukkhavihārī). Tôi chỉnh lại lời kinh gốc chỗ này đơn giản hơn là dukkhavihārī. Có thể là tiếp ngữ appa đã được đưa vào do lỗi truyền tụng dựa theo chữ appamāṇavihārī, như sẽ được giải thích trong chú thích kế tiếp.] (549)

550 [Nguyên văn câu này: Aparitto mahattā [phiên bản Be dùng chữ: mahat-

to]. Mp (của Ce) giải thích: "Người đó là vô hạn lượng bởi vì giới-hạnh người đó là không hạn chế; cho dù thân người đó có nhỏ bé, người đó vẫn có 'tính-cách lớn' nhờ sự lớn lao của những đức-hạnh của người đó" (guṇama- hantatāya mahattā). Mp gom hết mấy điều này để hàm chỉ người đang được tả là một A-la-hán, nhưng điều này là trái với thuyết của Vi Diệu Pháp (Abhi- dhamma) đã định nghĩa một A-la-hán thì không còn tạo nghiệp gì nữa. Lại nữa, phiên bản Hán tạng giải thích ghi chỗ này [ở T I 433b11] là "tuổi thọ của người đó rất dài (vô hạn)" ().] (550)

551 [Nghĩa là không còn nghiệp dư (phần nghiệp còn lại) nào được nếm trải

trong những kiếp sau.] (551)

552 [Be bị thiếu chữ udakamallake chỗ này.] (522)

553 [Kahāpaṇa: đồng tiền chính dùng ở miền bắc Ấn Độ thời Phật.] (553)

554 [Ce ghi chỗ này chữ kathaṃrūpo và bên dưới là chữ evarūpo, nên sửa lại

theo cách ghi của Be và Ee là kathaṃrūpaṃ và evarūpaṃ. Những chữ này là có tương quan với phân từ hiện tại đối cách ādiyamānaṃ xảy ra ở giữa mỗi câu; chúng không bổ nghĩa người buôn cừu hay người hàng thịt, mà bổ nghĩa cho người đã trộm con cừu. Đáng tò mò là, trong phần đối chiếu về nguòi giàu có, Ce lại ghi các chữ đúng là kathaṃrūpaṃ và evarūpaṃ, giống như Be và Ee.] (554)

555 [Ở đây tôi làm theo Ce ghi là: dhamati sandhamati niddhamati. Taṃ hoti

jātarūpaṃ dhantaṃ sandhantaṃ niddhantaṃ, anihitaṃ anikkhittakasāvaṃ. Be cũng ghi giống vậy cho tới chữ niddhantaṃ, nhưng sau đó nó bỏ chữ ani- hitaṃ và ghi chữ aniddhantakasāvaṃ trong khi Ce ghi là anikkhittakasāvaṃ. Ee thì cho phép ghi chữ thay thế trong ngoặc như vầy: dhamati sandhamati [na] niddhamati. Taṃ hoti jātarūpaṃ dhantaṃ sandhantaṃ aniddhantaṃ, anihitaṃ aninnītakasāvaṃ. Một phiên

bản cổ hơn của Tích Lan có đề cập trong một ghi chú về phiên bản Ce cũng ghi chữ aninnītakasāvaṃ.] (555)

556 [Tôi đọc theo Ce và Be là ñātivitakko, khác với Ee là jātivitakko: những ý

nghĩ về giai cấp [xã hội].] (556)

Chú Thích • 285

557 [Nguyên văn: anavaññattipaṭisaṃyutto vitakko. Nghĩa đen là: "ý nghĩ liên

quan tới sự muốn mình không bị khinh thường". Còn thấy trong luận giảng tương đương của Hán tạng [SĀ 1246, ở T II 341c12–13] thì dịch là "ý nghĩ về sự tái sinh ở cõi trời" ().] (557)

558 [Những ý nghĩ liên quan Giáo Pháp: Dhammavitakkā. Mp giải thích đây

là những ý nghĩ liên quan tới 10 sự sa sút của sự minh-sát (dasa vipassa-n'upakkilesavitakkā), nhưng dường như ở đây lời kinh chỉ đơn giản nói về sự suy xét hay quán chiếu về giáo lý hay về chủ đề thiền mà thôi.] (558)

559 [Cụm chữ này được ghi khác nhau là nappaṭipassaddhaladdho và nap-

paṭipassaddhiladdho. Và sự sai khác này thậm chí cũng có trong cùng một kinh. Ee thì nhất quán, chỉ ghi cụm chữ là nappaṭippassaddhaladdho trong câu phủ định và paṭippassaddhaladdho trong câu khẳng định đối lập. Tuy nhiên, Be thì ghi cụm chữ nappaṭippassaddhaladdho trong câu phủ định và paṭippassaddhiladdho trong câu khẳng định. Để làm vấn đề càng thêm khó hiểu, Mp (của Be) còn đảo 02 dạng câu, ghi cụm chữ nappaṭippassaddhilad- dho trong bổ đề của chú giải về câu phủ định, nhưng lại ghi cụm chữ paṭip- passaddhaladdho trong bổ đề của chú giải về câu khẳng định. Mp (của Be), khi chú giải về kinh này đã giải nghĩa cụm chữ nappaṭippassaddhiladdho là = không đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (na kilesapaṭippassaddhiyā laddho) và cụm chữ paṭippassaddhaladdho là = đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (kilesapaṭippas- saddhiyā laddho). Ce ghi 02 cụm chữ này là na paṭippassaddhiladdho và paṭippassaddhiladdho trong kinh, nhưng Mp (của Ce) thì ghi là na paṭippas- saddhaladdho và paṭippassaddhaladdho trong 02 bổ đề khẳng định và phủ định tương ứng. Thêm nữa, trong kinh 5:27 [trong đó chỉ có phần câu khẳng định, không có phần câu phủ định], Ce và Be ghi cụm chữ paṭippas- saddhaladdho, khác với Ee ghi là paṭippassaddhiladdho. Mp (của Ce) ở chỗ này thì ghi cụm chữ paṭippassaddhiladdho trong bổ đề, khác với Mp (của Be) thì ghi là paṭippassaddhaladdho. Mp nói rằng cụm chữ paṭippas- saddhaṃ và paṭippassaddhi là một về nghĩa (idaṃ atthato ekaṃ), đề nghị có 02 cách hiểu là: (i) "Nó đạt được bằng sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô- nhiễm, hoặc (ii) nó đã đạt tới sự làm tĩnh-lặng hoàn toàn những ô-nhiễm (kilesapaṭippassaddhiyā laddhattā kilesapaṭippassaddhibhā-vaṃ vā lad- dhattā), và do vậy cụm chữ ghi đúng là paṭippassaddhiladdho."] (559)

286 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

560 [Ce và Ee ghi là sasaṅkhāraniggayhavāritavato; chỗ đuôi chữ –vato Be

ghi là –gato. Tôi dịch chữ sasaṅkhāra là "mạnh, bạo" [nghĩa gốc là "với sự cố-gắng"]; chữ niggayha là "sau khi đã trấn áp"; vārita là "bị thống trị"; và [theo Ce) –vato là "đã được kiểm soát". Một cách dịch dựa trên biến tấu của Be có thể là: "nhưng được đạt tới sau khi [những ô-nhiễm] được khống chế ở trong bằng cách mạnh bạo trấn-áp [chúng]."] (560)

561 [Ce và Ee ghi câu này là: na sasaṅkhāraniggayhavāritavato; Be ghi với

đuôi chữ là –gato. Phiên bản Hán tạng là SĀ 1246 [ở T II 341c21–22] thì ghi đại ý là: "Tỳ kheo đó đạt được sự định-tâm vốn không được duy trì bằng sự cố-gắng; người đó đạt được sự bình-an và siêu-phàm, là trạng thái hạnh phúc tịch lặng, trong đó tất cả những ô-nhiễm đều bị tiêu diệt" ( ). (561)

562 [Nguyên văn cả câu cuối là: Yassa yassa ca abhiññā sacchikaraṇīyassa

dhammassa cittaṃ abhininnāmeti abhiññā sacchikiriyāya tatra tatreva sakkhibhabbataṃ pāpuṇāti sati sati āyatane. Mp chú giải "cơ-sở thích hợp" là "những nhân quá khứ và tầng thiền định đắc được trong hiện tại, và những thứ khác, đều là cơ-sở cho những trí-biết trực tiếp" (pubbahetusaṅkhāte ceva idāni ca paṭiladdhabbe abhiññāpādakajjhānā-dibhede ca sati sati kāraṇe). Cách diễn đạt này cũng có trong Vism 371,26–33, Ppn 11.122, và được luận giảng trong Vism-mhṭ (VRI ed. I 429). Vism 376,28– 378,2, Ppn 12.14–19, giải thích cơ-sở (thích hợp) cho trí-biết trực tiếp chính là cái tâm đạt-định vốn đã chứng đắc 08 phẩm chất, đó là: nó (1) được thanh lọc, (2) được thanh tẩy, (3) không còn dính nhiễm, (4) hết những ô-nhiễm (lậu hoặc), (5) dễ uốn nắn, (6) dễ sử dụng, (7) vững chắc, và (8) đã đạt tới sự bất lay động. Nói cách khác, nói rằng "sự đạt-định" có thể được coi là phẩm chất đầu tiên, và "sự vững-chắc" và "sự đạt tới sự bất lay động" cùng với nhau cấu thành phẩm chất thứ tám.] (562)

563 [Bắt đầu từ (1)-(6) là "đoạn kinh mẫu" nói về sáu loại trí-biết trực tiếp

(abhiññā; và (1)-06 cũng được nói đến trong kinh 5:23). 05 loại trí-biết đầu cũng đã được luận giải trong Vism, Chương 12 và 13.] (563)

564 [Chỗ này tôi dịch theo Ce và Be, nói về cái tâm giải thoát trước cái tâm

không được giải thoát; Ee thì đặt thứ tự ngược lại.] (564)

565 [Ee coi kinh này như phần tiếp tục của kinh trước; nhưng Ce và Be thì

tách thành kinh riêng như vầy, rõ ràng đây là cách đúng. Như vậy, sang kinh kế tiếp thì sự đánh số kinh của tôi lại nhiều hơn Ee 02 số.] (565)

566 [Nguyên văn: tīṇi nimittāni. Mp giải thích đó là "ba nguyên nhân" (tīṇi

kāraṇāni). Ba dấu-hiệu (nimitta) được ghi ra là: samādhinimitta, pagga- hanimitta, và upekkhānimitta.] (566)

567 [Trong Bộ Kinh Liên Kết (SN) thì mẫu lời kinh '03-sự' này và mẫu đoạn

kinh tiếp theo cũng được dùng y hệt để nói về bốn yếu-tố lớn (tứ đại) [SN 14:31–33], nói về các uẩn (năm uẩn) [SN 22:26–28], và nói về sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) [SN 35:13–18].] (567)

568 [Ee coi kinh này là sự nối tiếp của kinh kế trên, nhưng tôi làm theo Ce và

Be, tức coi nó là một kinh riêng như vầy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lúc này nhiều hơn Ee là 3 số.] (568)

569 [Lại nữa, Ee coi kinh này là sự nối tiếp của kinh kế trên, nhưng tôi làm

theo Ce và Be, tức coi nó là một kinh riêng như vầy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lúc này nhiều hơn Ee là 4 số.] (569)

570 [Nguyên văn câu kế câu cuối về sự ca hát và sự nhảy múa: Setughāto gīte,

setughāto nacce. Mp giải thích là: "Hãy phá bỏ cái cây cầu tạo điều-kiện (duyên) cho sự ca hát. Người đó thể hiện: 'Dẹp bỏ sự ca hát và nguyên-nhân của sự ca hát'. Cách giải thích tương tự đối với sự nhảy múa." Về chữ set- ughāto, coi thêm chú thích 497 ở đoạn thứ hai của kinh 3:74 ở trên về 'sự phá bỏ điều-kiện' (phá duyên). Nguyên văn câu cuối là: Alaṃ vo dhamma- ppamoditānaṃ sataṃ sitaṃ sitamattāya. Mp giải thích là: "Khi có lý do để cười [vì hân hoan, vui mừng với Giáo Pháp] thì đúng đắn là chỉ nên cười nhẹ vừa đủ lộ đường giữa hai hàng răng (tức đầu răng) để thể hiện mình vui lòng (chứ không mở miệng để lộ cả hai hàm răng hay gốc răng).] (570)

571 [Tôi dùng chữ "việc-làm" (điều mình làm, sự làm, công việc, hành vi) là

dịch chữ kammanta và chữ "hành-động" (nghiệp) là dịch chữ kamma. Trong ngữ cảnh này có lẽ 02 chữ không thực sự khác nhau về nghĩa, lời kinh cũng

hoán đổi 02 chữ với nhau như chúng là đồng nghĩa với nhau. Chữ "bị ô nhiễm" là dịch chữ avassuta, là quá khứ phân từ của chữ avassavati, liên quan với động từ savati (chảy), liên quan đến danh từ āsava (ô-nhiễm, lậu hoặc: là những thứ ô nhiễm chảy ra và chảy vào cái tâm …).] (571)

572 [Ở đây tôi dùng một từ trong khi trong tiếng Pāli dùng 02 từ để chỉ cái

chết, đó là maraṇaṃ và kālakiriyā.] (572)

573 [Mp giải thích câu này nghĩa là: "Nghiệp này dẫn đến/đưa đến sự khởi

sinh—tức là sự tích lũy—của những nghiệp khác đưa đến luân-hồi sinh tử.] (573)

574 [Ee coi câu này là kết thúc kinh này, và câu tiếp theo là bắt đầu một kinh

mới. Ce và Be, theo như thi kệ uddāna, coi tất cả chỉ là một kinh như vầy, gồm hai phần đối nhau: nguyên nhân bất thiện và nguyên nhân thiện.] (574)

575 [Mp giải thích câu này nghĩa là: "Nghiệp này dẫn tới sự khởi sinh những

nghiệp khác đưa đến sự chấm-dứt vòng luân-hồi sinh tử.] (575)

576 [Lại nữa, Ee coi câu này là kết thúc kinh này, và câu tiếp theo là bắt đầu

một kinh mới [kinh số 110]. Tôi làm theo Ce và Be, tức tính như 01 kinh gồm có 02 phần (I) và (II) như vầy. Do vậy sự đánh số kinh của tôi, từ kinh kế tiếp trở đi, sẽ còn vượt quá Ee 2 số.] (576)

577 [Ở đây—và trong những đoạn song hành bên dưới—tôi đọc theo Ce ghi

là: … tadabhinivajjeti. Tadabhinivajjetvā cetasā abhivirājetvā. Be ghi là: tadabhinivatteti. Tadabhinivattetvā cetasā abhinivijjhitvā. Ee ghi: tadabhinivaddheti and tadabhinivaddhetvā, là không thể đúng. Tuy nhiên, ngay bên dưới Ee giống theo Ce đều ghi là: abhivirājetvā; khác với Be.] (577)

578 [Nguyên văn câu cuối này: paññāya ativijjha passati. Mp diễn dịch: "Người đó nhìn thấy sau khi đã thâm nhập nó bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với sự minh-sát."] (578)

579 [Nguyên văn câu này: So kāmesu pātavyataṃ āpajjati [Be có thêm chữ

tāya trước kāmesu, có thể đại diện cho tāya diṭṭhiyā]. Mp: "Sự thụ hưởng: là

[cái quan-điểm rằng] chúng (những đối-tượng dục lạc) nên được uống, nên được thụ hưởng; [người đó nghĩ rằng chúng] nên được thụ hưởng với một cái tâm không gì do dự, giống kiểu như nước sẽ được uống bởi người đang khát vậy" (pivitabbataṃ paribhuñjitabbataṃ nirāsaṅkena cittena pipāsitassa pānīyapivanasadisaṃ paribhuñjitabbataṃ). Ps II 371,22–24, khi chú giải về cụm chữ pātabyataṃ āpajjanti trong kinh MN 44 (?) [MN I 305,21], có ghi: "Người đó rớt vào [cái quan-điểm rằng] một người nên uống cạn những đối- tượng nhục dục với ô-nhiễm nhục-dục (dục lậu), rằng chúng nên được thụ hưởng cho đúng với sự khoái-lạc của mình" (te vatthukāmesu kilesakāmena pātabyataṃ pivitabbataṃ, yathāruci paribhuñjitabbataṃ āpajjantī ti attho). Chữ pātabba (= pātavya) xảy ra như một phân từ tùy chọn của pivati (uống), như trong Vin II 208,11. Trong kinh MN 45.2, đã gán quan-điểm này cho "những tu sĩ và bà-la-môn" là "những người giao du với những nữ du sĩ có tóc búi trên đỉnh đầu".] (579)

580 [Theo Vi Diệu Pháp của Trưởng Lão Bộ (Theravāda) thì: khi qua đời từ

cõi vô-sắc giới, một người phàm phu có thể được tái sinh lại ngay trong cảnh vô-sắc giới đó, hoặc trong một cảnh giới vô-sắc giới cao hơn, hoặc trong cõi dục-giới với thức tái sinh có 'ba gốc-rễ' như vậy. Điều này có nghĩa loại người đó sẽ được tái sinh thành 'người thông minh' hoặc thành một 'thiên thần'. Sự tái sinh vào những cảnh giới thấp xấu hơn có thể xảy ra trong những lần tái sinh sau nữa, chứ không phải lập tức từ cảnh vô-sắc giới rớt thẳng xuống những cảnh thấp xấu đó. Coi thêm CMA 226–27.] (580)

581 [Chỗ này tôi đọc theo Ce và Ee ghi là: yadidaṃ gatiyā upapattiyā sati.

Be đã bỏ chữ sati ở đây [và trong 02 đoạn kế tiếp] nhưng đưa vào lại trong những đoạn song hành trong kinh 4:123 và 4:125. Mp, khi luận giảng về kinh AN 4:123, đã giải thích (về những vị đệ tử trong cõi trời sắc-giới) rằng: "Về sự tái-sinh và nơi-đến trong tương

lai, người đệ tử thánh thiện là bậc học nhân không bị rớt xuống những cảnh giới thấp xấu mà chứng luôn Niết- bàn cuối cùng khi đang hiện-hữu trong cõi sắc-giới đó [hay] trong cõi cao hơn." Cách giải thích này cũng áp dụng tương tự cho những vị đệ tử trong cõi trời vô-sắc-giới.

- Mp-ṭ, khi chú giải về kinh AN 4:123, đã soi rọi ánh sáng cho câu hỏi 'Theo cách nào những vị thánh đệ tử có thể được tái sinh trong cõi trời vô-sắc giới?'

290 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 3

như vầy: "Khi Phật nói về tuổi thọ của loài người và những thiên thần, Phật đã không đưa ra những con số cụ thể về tuổi thọ của chúng sinh trong 04 cảnh giới đày đọa và tuổi thọ của những địa-thần ở dưới trái đất. Vì sao không? Vì trong địa ngục, chỉ có nghiệp mới quyết định [tuổi thọ]; ai bị đọa trong địa ngục phải chịu đày đọa cho đến khi nào hết nghiệp ác. Nguyên lý này cũng áp dụng tương tự cho những cõi đày đọa khác (súc sinh, ngạ quỷ). Nghiệp cũng quyết định tuổi thọ của những địa-thần. Có số được tái sinh thành địa-thần ở trái đất trong một tuần, có số trong hai tuần, có số trong cả một đại kiếp.

- "Trong loài người, có số người tại gia đã thành bậc Nhập-lưu và chứng thánh quả Nhất-lai, thánh quả Bất-lai, hay thậm chí A-la-hán (A-la-hán thì rất hiếm thay, theo người dịch nhớ!). Trong số đó, những người là bậc Nhập-lưu ... có thể sống hết kiếp người, nhưng bậc A-la-hán thì có thể hoặc (i) chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (vào lúc chết) hoặc (ii) xuất gia [gia nhập Tăng đoàn] trước khi chết. Tại sao? Vì thánh quả A-la-hán là trạng thái đức-hạnh nhất mà đời sống tại gia là thấp tục. Không thể nào phù hợp nếu nói những bậc A-la-hán có thể duy trì trạng thái đức-hạnh nhất trong hoàn cảnh tại gia thấp tục, cho nên họ sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng [ngay lúc chết] hoặc nếu còn sống thì họ phải xuất gia thì mới chứng Niết-bàn.

- Nhưng khi những địa-thần chứng A-la-hán thì họ vẫn tiếp tục sống hết kiếp của họ trên trái đất; những bậc Nhập-lưu và bậc Nhất-lai thuộc số 06 loại thiên thần thuộc cõi dục-giới thì vẫn sống hết tuổi thọ của mình ở trong cảnh giới đó. Đối với bậc Bất-lai, điều phù hợp là họ sẽ tái sinh trong cõi trời sắc- giới, và những bậc A-la-hán thì chứng Niết-bàn cuối cùng. Tại sao? Bởi vì không còn cơ hội nào để họ thoái lui. Trong những cõi trời sắc giới và vô-sắc giới, tất cả đều hưởng trọn hết tuổi thọ ở đó. Những bậc Nhập-lưu và Nhất-lai trong cõi sắc-giới thì không quay lại thế gian này mà họ sẽ chứng luôn Niết- bàn từ cõi đó. Những người đó được gọi là "những bậc Bất-lai nhờ thiền-định".

- "Nhưng cái gì quyết định [tái sinh] đối với những người đã chứng đắc 08 tầng thiền định? Đó là, tầng thiền định nào họ thiện thạo trong đó, thì họ được tái sinh vào cảnh giới tương ứng với tầng thiền định đó. Nếu họ thành thạo tất cả 8 tầng thiền định, thì điều gì quyết định [sự tái sinh] của họ? Đó

Chú Thích • 291

là, ai chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] thì họ chắc chắn được tái sinh trong cảnh giới phi tưởng phi phi tưởng. Đối với những thánh đệ tử được tái sinh trong 09 cõi trời Brahma (Phạm-thiên), thì sau khi hết tuổi thọ ở đó họ có thể được tái sinh lại ngay trong cõi trời của mình hoặc trong cõi trời cao hơn, chứ không còn bị tái sinh trong những cõi trời thấp hơn đó. Những thánh đệ tử trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) và trong 04 cõi vô-sắc giới thì có thể tái sinh lại ngay trong cõi của mình hoặc trong cõi cao hơn cõi đó. Một bậc Bất-lai được tái sinh trong cảnh giới của tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) thì tu tiếp để thanh lọc trong 09 cõi trời Brahma và chứng Niết-bàn cuối cùng khi đang an trú ở đỉnh-cao (thanh lọc). Còn 03 cõi trời được gọi là "những trạng thái hiện-hữu tốt nhất" (thuộc 05 cõi Tịnh cư thiên) là: cõi trời đại phước quả (vehapphala, Quảng quả thiên), cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên), và phi tưởng phi phi tưởng xứ thì họ không còn tái sinh cao hơn hay thấp hơn, mà chứng luôn Niết-bàn cuối cùng từ cõi đang hiện-hữu."] (581)

582 [Hột súc sắc (apaṇṇako maṇi). Mp-ṭ nói đó là một loại súc sắc đặc biệt có

06 mặt cắt, giống như hột xoàng 6 mặt vậy, được dùng bởi những người chuyên chơi trò súc sắc (evaṃ chahi talehi samannāgato pāsakakīḷāpasu- tānaṃ maṇisadiso pāsakaviseso).] (582)

583 [Định nghĩa về sự trong-sạch (thanh tịnh) của tâm chỗ này là được sao

chép từ chi phần "quán niệm về năm chướng-ngại" (thuộc phần quán niệm những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong bài kinh nổi tiếng là Kinh Các Nền-Tảng Chánh-Niệm (Satipaṭṭhāna Sutta; tức: DN 22.13 và MN 10.36.] (583)

584 [Lại nữa, chỗ này tôi dựa theo đoạn thi kệ tóm lại của Ce [bản điện tử] để

đặt tên nhóm, (thay vì tên nhóm là "Kusinārā" như các bản dịch khác).] (584)

585 [Mp chú giải rằng: "Trong 20 năm đầu sau khi Giác Ngộ, Như Lai thường

trú trong những cộng đồng những thiên thần (deva-kulesuyeva): có lúc ở đền thờ Cāpāla, có lúc ở đền thờ Sārandada, có lúc ở đền thờ Bahuputta, và có lúc ở đền thờ Gotamaka. Do lúc này đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī nên đức Thế Tôn đã an trú ở cõi những vị (địa?) thần ở Gotamaka." Mp giải thích

kinh này giống như một phần nối-tiếp của kinh trung Mūlapariyāya Sutta (MN 1). Bối cảnh câu chuyện, như đã được kể trong Ps I 56–59, và được dịch trong quyển Bodhi 2006: 82–86, là liên quan đến một nhóm bà-la-môn đã thụ giới Tỳ kheo dưới Đức Phật và họ đã nhanh chóng nắm bắt những giáo lý của Phật. Họ tự mãn với những gì đã nhanh chóng học được nên không còn muốn đi nghe ai thuyết giảng Giáo Pháp nữa. Đức Phật đã nói kinh Mūlapariyāya Sutta để cắt đứt sự tự-cao của họ. Họ đã trở nên khiêm tốn và hối lỗi với Đức Phật. Rồi lúc sau đó Phật mới nói tiếp kinh Gotamaka Sutta này để hướng dẫn họ tới thánh quả A-la-hán. (Mời đọc kinh MN 1 để thấy sự

nối-tiếp này).] (585)

586 [Mp-ṭ chú giải như vầy: (i) “Thông qua trí-biết trực tiếp (abhiññāya),

nghĩa là: Phật chỉ dạy Giáo Pháp say khi đã trực-tiếp biết, đúng theo hiện-thực, Giáo Pháp được chỉ dạy, được phân biệt theo cách diễn đạt bởi sự thiện-lành … vân vân và theo cách cách diễn đạt bởi năm uẩn … vân vân; sau khi đã trực-tiếp biết phương-pháp chỉ dạy cho những người cần được chỉ dẫn cho đúng theo với những thiên-hướng, những khuynh- hướng, những đặc-tính, và những tính-khí của họ. (ii) Với/có cơ-sở (sanidānaṃ), nghĩa là: với/có những điều-kiện (sappaccayaṃ), có/với những nền-tảng (sakāraṇaṃ), sau khi đã đưa ra một lý-do (hetu), nó có thể là khuynh-hướng hay căn-cơ của những người cần được chỉ dẫn đó, một nghi-vấn hay một sự-cố đặc biệt. (iii) Có tính chất giải độc hay mang tính giải độc (sappāṭihāriyaṃ): chất giải độc là cách giải-trị (paṭiharaṇa) đối với tham, sân, si … Giáo Pháp được đi kèm bởi những cách giải-trị như vậy thì được gọi là ‘mang tính giải-độc’. Bởi vì Vị Thầy chỉ dạy Giáo Pháp chỉ theo cách để loại bỏ (paṭisedhanavasen’eva) tham, sân, si …

- Cụm chữ “sappāṭihāriya” là nan giải và khó dịch. Trong những kinh khác, chữ pāṭihārya được dùng theo nghĩa là sự kỳ diệu hay điều thần diệu, ví dụ như trong kinh 3:60, trước đoạn (1) và chú thích 423, nói về 03 sự kỳ diệu là: sự kỳ diệu của thần-thông, sự kỳ diệu của sự đọc-tâm, và sự kỳ diệu của sự chỉ-giáo. PED, sv pāṭihārya, thì coi cụm chữ sappāṭihāriya là xuất phát từ cách dùng này, và đã đề nghị nghĩa, theo những ngữ cảnh liên quan đến Giáo Pháp, là “kỳ diệu, siêu thường, siêu phàm”. Tuy nhiên tôi thấy khó mà đồng ý với một nghĩa như vậy trong bối cảnh chỗ này. Động từ paṭi- harati có nghĩa là “đánh lại” và động từ tác nhân paṭihāreti có nghĩa là

“đẩy lùi, tránh né”. Tôi tin rằng nghĩa này thì liên quan cả cách dùng ở đây và liên quan tới những sự kỳ-diệu nói trên. Một sự kỳ-diệu “đánh lại” những tiền đề khái niệm cố định của cái tâm và mở cho nó thấy thực tại của điều kỳ diệu đó. Nhưng Giáo Pháp thì đánh theo cách khác. Giáo Pháp “đánh lại” những cách-nhìn bị sai lệch điên đảo và những ô-nhiễm (lậu hoặc), và do vậy nó là mang tính đối-trị hay giải-độc. Sự diễn dịch này cũng được ủng hộ bởi kinh 8:70, ở đó Đức Phật đã nói rằng những đệ tử Tỳ kheo của Phật “có thể bác bỏ một cách thấu suốt những giáo thuyết của những người khác (tà giáo, ngoại giáo) và chỉ dạy sappāṭihāriya Dhamma [Giáo Pháp mang tính giải độc]” (uppannaṃ parappavādaṃ sa- hadhammena suniggahitaṃ niggahetvā sappāṭihāriyaṃ dhammaṃ desessanti). Ở đây là chỉ cái đặc tính ‘sappāṭihāriya’ (mang tính giải độc) của Giáo Pháp chứ không phải chỉ những sự kỳ-diệu, tức chỉ cái năng lực của nó để đối-trị những giáo thuyết đối nghịch. Do vậy, dịch theo nghĩa “mang tính giải-độc” hoặc “mang tính đối-trị” là dịch tốt được nghĩa ở đây.] (586)

- (Nhân tiện: trong kinh SN 51:10 (Quyển 5) thì chữ sappāṭihāriya TKBD dịch là “hiệu nghiệm, có hiệu quả nhưng mong đợi”. Mời coi chú thích 252 trong kinh đó.)

587 [Người cùng tu [đồng đạo cùng sống đời sống tâm linh [phạm hạnh] là

dịch chữ purāṇasabrahmacārī. Mp nói rằng trước kia Phật và ông ta đã từng sống tu với nhau ở chỗ vị thầy Ālāra Kālāma. Ālāra Kālāma là một trong 02 vị thầy về thiền-định mà Phật đã đến học tu vào thời sau khi xuất gia và trước khi giác-ngộ. Về chuyện này, mời coi thêm kinh MN 26, mục 15.] (587)

588 [Rõ ràng thiên thần này trước đây là gia chủ Hatthaka của xứ Āḷavī [coi

thêm kinh 1:251], mặc dù vậy Mp đã không nhận ra đây là vị gia chủ đó.] (588)

589 [Mp giải nghĩa cụm chữ "dhammā … pavattino" là "lời của Phật mà tiên

đã học" (pubbe uggahitabuddhavacanaṃ).] (589)

590 [Mp giải thích: "Có những giáo lý bị quên mất bởi vì trong kiếp trước đã

lơ tâm và không ôn tập chúng.] (590)

591 [Cõi trời Aviha (Vô phiền thiên) là một trong 05 cõi trong-sạch hay Tịnh

cư thiên (suddhāvāsa) mà những bậc Bất-lai tái sinh lên đó.] (591)

592 [Nguyên văn: goyogapilakkhasmiṃ. Mp giải thích: "Gần nơi có cây đa đề

đã mọc lên, người ta cột trâu bò ở đó để bán." PED giải thích chữ pilakkha là giống cây vả (có lá giợn sóng, giống như cây sung, khác cây đa hay cây bồ- đề).] (592)

593 [Nguyên văn: rittassādaṃ bāhirassādaṃ. Mp diễn dịch rằng: "Bất mãn: là

thiếu sự-sướng (lạc) của các tầng thiền định. [Tìm kiếm] sự thỏa-thích ở bên ngoài: là tìm kiếm sự thỏa-thích trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc).] (593)

594 [Nguyên văn câu này: Mā kho tvaṃ attānaṃ kaṭuviyam akāsi. Mp giải

nghĩa chữ kaṭuviyaṃ đơn giản là: ucchiṭṭhaṃ (thức ăn thừa bỏ), mà không chú giải gì thêm. DOP định nghĩa chữ này là "[thứ mà] bị thừa bỏ; [thứ] bị ô-nhiễm, không sạch".] (594)

595 [Be ghi là: āmagandhena; Ce và Ee ghi là: āmagandhe. Mời coi thêm

Kinh Āmagandha (tức Sn 239–252). Mp giải nghĩa rằng: "Mùi hôi-thối ở đây là gồm có sự sân giận."] (595)

596 [Saṃvegamāpādi: cảm-nhận về sự cấp-bách. Mp giải nghĩa là: "Người đó

vừa trở thành bậc Nhập-lưu". Nhiều kinh đã dùng những định nghĩa công thức (hay những yếu tố Nhập-lưu) để chỉ sự chứng quả Nhập-lưu, nhưng đâu thấy công-thức nào được nói như trong đoạn kinh này (cho nên đó chỉ là cách diễn dịch của Mp mà thôi).] (596)

597 [Ce đã ghi dòng kệ (pāda) b là: aladdhā samamattano; Be ghi là: aladdhā

samathamattano; Ee ghi là: sammamattano. Tôi ưu tiên cách ghi của Ce. Tất cả 03 phiên bản đều ghi động từ ở dòng kệ c là pareti, mà Mp giải nghĩa = gacchati.] (597)

598 [Nguyên văn câu này: Nāsayitvāna makkhikā. Thể tuyệt đối là từ động từ

nāseti (tiêu diệt, hủy diệt).] (598)

599 [Câu này được kết tập từ đâu tôi không rõ. Có lẽ nghĩa của nó là những

người phụ nữ thời đó tốt nhất nên được giữ ở trong nhà hơn là được cho phép tự đi ra đường ở những nơi công cộng. Bản tương đương Hán tạng [EĀ 22.4 (ở T II 607b26–607c11) ghi giống hệt bản Pāli, mặc dù nó lại có thêm phần thi kệ ở cuối kinh lặp lại nội dung bài kinh.] (599)

600 [Hai loại hội chúng đầu có nói trong kinh 2:47. Còn loại thứ (3), "hội

chúng được huấn luyện theo những giới hạn" [Ce ghi là: yāvatāvavinītā parisā; Be: yāvatāvinītā parisā; Ee yāvatajjhāvinītā parisā], thì Mp giải thích nó có nghĩa là: "Được dạy theo cách tùy theo khả năng của hội chúng đó, nghĩa là được huấn luyện sau khi người ta đã biết được khả năng của nó" (pamāṇavasena vinītā, pamāṇaṃ ñatvā vinītaparisā ti attho). Đây có lẽ là lời diễn tả có một không hai trong toàn bộ Kinh Tạng! Mp cũng nhận ra một cách đọc chữ yāvatajjhā, giải thích nghĩa nó là "một hội chúng được huấn luyện sau khi người ta biết được khuynh-hướng (căn cơ) của nó" (yāva ajjhāsayā ti attho, ajjhāsayaṃ ñatvā vinītaparisā ti vuttaṃ hoti).] (600)

601 [Nguyên văn câu thuật ngữ này: Ṭhitā sā dhātu dhammaṭṭhitatā dhammaniyāmatā. Mp không giúp gì ngoài việc chỉ đưa ra một chữ giải nghĩa dựa trên sự nhận dạng một dhamma = một thứ mang bản chất tự nhiên (sabhāva), nó ghi là: Dhammaṭṭhitatā ti sabhāvaṭṭhitatā. Dhammaniyāmatā ti sabhāvaniyāmatā.] (601)

602 [Mp giải thích chữ vô-thường (anicca) ở đây nghĩa là "không tồn tại

ngay sau khi có mặt" (hutvā abhāvaṭṭhena), (tức vừa khởi sinh, có mặt là biến đổi liền); và tiếp theo 02 đoạn sau: khổ (dukkha) ở đây nghĩa là sự áp bức, khổ cực (sampīḷanaṭṭhena dukkhā); và vô-ngã (anattā) ở đây nghĩa là không thể điều-khiển nó được (avasavattanaṭṭhena).

- Về mẫu lời kinh "Một bậc Như Lai đã tỉnh thức … làm sáng tỏ nó": trong kinh SN 12:20 mẫu lời kinh này cũng được áp dụng đối với công thức '12 nhân duyên khởi-sinh tùy thuộc'.] (602)

603 [Câu này Ce ghi là: kesakambalo tesaṃ pāvārānaṃ patikiṭṭho; khác với

Be và Ee ghi là kesakambalo tesaṃ paṭikiṭṭho. PED định nghĩa chữ pāvāra kà "áo choàng, áo khoát, áo măng-tô".] (603)

604 [Coi kinh 1:319 về một sự phê bình khác về Makkhali Gosāla. Ví dụ cái

bẫy cũng được lặp tại vào cuối kinh này.] (604)

605 [Ee coi kinh này là phần nối tiếp của kinh kế trên; tôi làm theo Ce và Be,

tức coi 02 phần là 02 kinh riêng như vầy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lại tiếp tục vượt quá Ee là 3 số.] (605)

606 [Ce và Ee ghi câu này là: tayo ca assasadasse … tayo ca purisasadasse.

Nghĩa theo chữ là: "Ba loại ngựa tốt trong số loài ngựa và ba loại ngựa tốt trong số loài người."] (606)

607 [Ee trong I 291–92 kết hợp kinh này và 02 kinh tiếp theo thành 01 kinh số

3:140 theo cách đánh số của nó. Còn Ce và Be thì chia thành 03 kinh khác nhau như vầy. Coi thêm kinh 11:10: kinh này chính là sự sát nhập tất cả thành 03 kinh này thành 01 kinh (tổng cộng có 3x3 = 9 yếu tố), rồi sau đó bổ sung thêm 02 yếu tố nữa cho thành tổng cộng 11 yếu tố.

- Như vậy, từ kinh 3:146 này trở đi, sự đánh số kinh của tôi sẽ vượt quá Ee là 5 số.] (607)

608 [Bậc vô-học nhân, không còn tu học (asekha) là A-la-hán.] (608)

609 [Ee không đánh số NHÓM này là một nhóm có số riêng, mà chỉ đặt tên là

nhóm "Acelaka-vagga" (Nhóm "Những Tu Sĩ Lõa Thể"). Ce thì đánh số NHÓM này là nhóm thứ 6 của phần "NĂM MƯƠI KINH THỨ BA" này, và đặt tên nhóm là "Paṭipadā-vagga" (Nhóm "Những Cách Thức Tu-Tập" hay "Pháp Hành"); bản dịch này làm theo Ce như vậy. Còn Be cũng đánh số là nhóm thứ 6 [tức là NHÓM thứ 16 trong tổng số NHÓM của Quyển "Ba" này], và đặt tên nhóm là "Acelaka-vagga" (Nhóm "Những Tu Sĩ Lõa Thể").] (609)

610 [Tôi đặt tên kinh này dựa theo phần thi kệ tóm tắt cuối chương (uddāna)

của Be. Còn Ce và Be đều không đặt tên cho những kinh trong NHÓM này (chỉ ghi số kinh mà thôi); Ce và Ee cũng không có phần thi kệ uddāna.] (610)

611 [Cách (tu tập, thực hành) thô thiển (āgāḷhā paṭipadā) là tương ứng với cực

đoan chạy theo khoái-lạc giác-quan (dục lạc); cách thiêu đốt (nijjhāmā paṭipadā) là tương ứng với sự hành xác khổ hạnh. Đó là hai cách tu cực đoan mà Phật đã bác bỏ trong bài thuyết giảng đầu tiên [SN 56:11, kinh Chuyển

Chú Thích • 297

Pháp Luân].] (611)

612 [Từ chỗ này liệt kê danh sách những kiểu tu khổ hạnh hành xác; chúng

cũng được ghi trong các kinh dài DN 8, mục 14; và kinh vừa MN 12, mục 45, và kinh AN 4:198, đoạn (1).] (612)

613 [Ee dồn tất cả các kinh này thành 1 kinh, đặt là kinh số 152. Tôi làm theo

Ce và Be, tức coi mỗi phần làn lượt là một kinh riêng như vầy dưới đây.] (613)

614 [Ee nối mỗi cặp kinh "dẫn xuống địa ngục" và "dẫn lên cõi trời" thành 01

kinh chung, và do vậy tính thành 10 kinh [tức kinh 153-162, theo cách tính của nó]. Tôi làm theo Ce và Be, tức giữ các kinh "dẫn xuống địa ngục" và "dẫn lên cõi trời" thành từng kinh riêng, và do vậy tính thành 20 kinh lần lượt như vầy bên dưới [tức kinh 163182].] (614)

615 [Be dồn hết các kinh thành 1 kinh [tức thành kinh số 184 theo cách tính

của Be], và Ee thì dồn các kinh thành 1 kinh [tức kinh số 163 theo cách tính của Ee]. Tôi thì làm theo Ce, tức tính các kinh thành 170 kinh riêng [tức các kinh 183352.] (615)

616 ["Ba điều": ba thứ, ba sự, hay ba pháp: chỗ này tôi đọc đơn giản theo Be

và Ee là tayo dhammā, thay vì đọc theo Ce là ime tayo dhammā.] (616)

617 [Nguyên văn 03 thuật ngữ này là: suññato samādhi, animitto samādhi,

appaṇihito samādhi. Mp chỉ nói là: "Ba chữ đó là phương tiện dùng để giải thích sự minh-sát" (tīhipi samādhīhi vipasssanā va kathitā)". 03 thuật ngữ này cũng được đề cập nguyên cụm như vậy trong kinh dài DN 33, 1.10 (51), và cũng không được giảng luận gì; nhưng trong Sv III 1003–4 thì có chú giải: "Sự giải thích gồm có ba cách: theo cách về sự đạt-đến (āgamanato), theo cách về phẩm-chất (saguṇato), và theo cách về đối-tượng (ārammaṇato).

- (1) Theo cách sự đạt-đến: (i) khi một Tỳ kheo diễn dịch theo cách vô-ngã, nhìn thấy theo cách vô-ngã, và đắc thánh đạo nhờ [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về sự] vô-ngã; thì đối với người đó, sự minh-sát (tuệ) được gọi là 'sự trống-không' (tính không). Vì sao? Bởi vì không-có [vắng-mặt] những

ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho cái sự [ý tưởng] tự-ngã hay sự không phải tính-không. Sự định-tâm của thánh đạo (maggasamādhi), được đạt tới nhờ sự minh-sát, được gọi là sự trống-không (tính không); và sự định-tâm của thánh quả (phalasamādhi), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là sự trống-không. (ii) Tỳ kheo khác diễn dịch theo cách vô-thường, nhìn thấy theo cách vô-thường, và đắc thánh đạo [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về sự] vô-thường; đối với người đó, sự minh-sát được gọi là 'vô dấu hiệu'. Vì sao? Bởi vì sự không-có [vắng mặt] những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho những dấu-hiệu (hình tướng). Sự định-tâm của thánh đạo (maggasamādhi), được đạt tới nhờ sự minh-sát, được gọi là vô dấu-hiệu (vô tướng); và sự định-tâm của thánh quả (phalasamādhi), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là vô dấu-hiệu. (iii) Tỳ kheo khác diễn dịch theo cách sự khổ, nhìn thấy theo cách sự khổ, và đắc thánh đạo nhờ [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về] sự khổ; thì đối với người đó, sự minh-sát được gọi là 'vô sở cầu' (vô nguyện). Vì sao? Bởi vì sự không-có [vắng mặt] những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho những mong-cầu (sở nguyện). Sự định-tâm của thánh đạo (maggasamādhi), được đạt tới nhờ sự minh-sát, được gọi là vô sở cầu (vô nguyện); và sự định-tâm của thánh quả (phalasamādhi), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là vô sở cầu.

- (2) Theo cách phẩm-chất: Sự định-tâm của thánh đạo là trống-không bởi vì (phẩm chất của) nó không-có [trống vắng] tham, sân, si; nó là vô dấu- hiệu bởi vì những dấu-hiệu của tham, sân, si là không-có [trống vắng]; và nó là vô sở cầu bởi vì những mong-cầu do tham, sân, si là không-có [trống vắng].

- (3) Theo cách đối-tượng: Niết-bàn là trống-không bởi vì nó không-có [trống vắng] tham, sân, si; nó là vô dấu-hiệu và vô sở cầu bởi vì nó không- có những dấu-hiệu của tham, sân, si và không-có những mong-cầu do tham, sân, si".

- Vism 657,13–259,10 [Ppn 21.66–73] thì thảo luận "03 cửa ngõ đi tới sự giải-thoát" (vimut-timukha) cũng theo 03 tên gọi (= 02 loại sự định-tâm) như vậy.] (617)

++++

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.